

# CHUYÊN ĐỀ: MỞ ĐẦU SINH HỌC ĐẠI CƯƠNG VỀ GIỚI THỰC VẬT

## I. Nội dung chuyên đề

### 1. Mô tả chuyên đề

#### Sinh học 6

- + **Bài 1:** Đặc điểm của cơ thể sống
- + **Bài 2:** Nhiệm vụ của Sinh học
- + **Bài 3:** Đặc điểm chung của thực vật
- + **Bài 4:** Có phải tất cả thực vật đều có hoa

### 2. Mạch kiến thức của chuyên đề

- Đây là chuyên đề đầu tiên trong chương trình sinh học 6, giúp học sinh có cái nhìn khái quát về môn sinh học cũng như về nội dung kiến thức sẽ học trong chương trình Sinh học 6. Cụ thể học sinh sẽ được cung cấp kiến thức đại cương cơ bản nhất về giới thực vật ( đặc điểm chung của thực vật, cấu tạo của thực vật nói chung,...)

### 3. Thời lượng của chuyên đề

Tổng số tiết	Tuần thực hiện	Tiết theo KHDH	Tiết theo chủ đề	Nội dung của từng hoạt động
3	1,2	1	1	<b>Hoạt động 1:</b> Nhận dạng vật sống và vật không sống
				<b>Hoạt động 2:</b> Tìm hiểu đặc điểm của cơ thể sống
		2	2	<b>Hoạt động 3.</b> Tìm hiểu sinh vật trong tự nhiên
				<b>Hoạt động 4.</b> Tìm hiểu nhiệm vụ của sinh học
		3	3	<b>Hoạt động5.</b> Tìm hiểu sự đa dạng phong phú của thực vật
				<b>Hoạt động6.</b> Tìm hiểu đặc điểm chung của thực vật
		4	4	<b>Hoạt động7.</b> Tìm hiểu về thực vật có hoa và thực vật không có hoa
				<b>Hoạt động8.</b> Tìm hiểu về cây lâu năm và cây một năm

## II. Tổ chức hoạt động dạy học

### Bài 1: ĐẶC ĐIỂM CỦA CƠ THỂ SỐNG

#### I. MỤC TIÊU:

##### 1. Kiến thức:

- Nêu được ví dụ phân biệt vật sống và vật không sống.
- Nêu được những đặc điểm chủ yếu của cơ thể sống
- Biết cách lập bảng so sánh đặc điểm của các đối tượng để xếp loại và rút ra nhận xét.

##### 2. Năng lực

Phát triển các năng lực chung và năng lực chuyên biệt

Năng lực chung	Năng lực chuyên biệt
- Năng lực phát hiện vấn đề - Năng lực giao tiếp - Năng lực hợp tác - Năng lực tự học - Năng lực sử dụng CNTT và TT	- Năng lực kiến thức sinh học - Năng lực thực nghiệm - Năng lực nghiên cứu khoa học

##### 3. Về phẩm chất

Giúp học sinh rèn luyện bản thân phát triển các phẩm chất tốt đẹp: yêu nước, nhân ái, chăm chỉ, trung thực, trách nhiệm.

## II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

#### 1. Giáo viên:

- Giáo án, SGK, Tranh vẽ như SGK, tiêu bản mẫu vật, tranh ảnh.

#### 2. Học sinh

- Vở ghi, SGK, Nêu và giải quyết vấn đề kết hợp hình vẽ và làm việc với SGK.

## III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

#### 1. Ổn định lớp:

#### 2. Kiểm tra bài cũ:

#### 3. Bài mới:

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh	Nội dung
<b>HOẠT ĐỘNG 1: Xác định vấn đề/Nhiệm vụ học tập/Mở đầu</b>		
<b>a. Mục tiêu:</b> HS biết được các nội dung cơ bản của bài học cần đạt được, tạo tâm thế cho học sinh đi vào tìm hiểu bài mới.		
<b>b. Nội dung:</b> Giáo viên giới thiệu thông tin liên quan đến bài học.		
<b>c. Sản phẩm:</b> Học sinh lắng nghe định hướng nội dung học tập.		
<b>d. Tổ chức thực hiện:</b> Giáo viên tổ chức, học sinh thực hiện, lắng nghe phát triển năng lực quan sát, năng lực giao tiếp.		
Cho hs quan sát video về thế giới quanh ta. GV Hàng ngày chúng ta tiếp xúc với các loại đồ vật, cây cối, con vật khác nhau. Đó là thế giới vật chất quanh ta, chúng bao gồm các		

vật không sống và các vật sống (hay sinh vật): Bài học hôm nay ta sẽ nghiên cứu vấn đề này.

## HOẠT ĐỘNG 2: Hình thành kiến thức

### a) Mục tiêu:

- HS nêu được những đặc điểm chủ yếu của cơ thể sống
- Lập bảng so sánh đặc điểm của các đối tượng để xếp loại.

**b) Nội dung:** HS căn cứ trên các kiến thức đã biết, làm việc với sách giáo khoa, hoạt động cá nhân, nhóm hoàn thành yêu cầu học tập.

**c) Sản phẩm:** Trình bày được kiến thức theo yêu cầu của GV.

**d) Tổ chức thực hiện:** Hoạt động cá nhân, hoạt động nhóm, dạy học nêu và giải quyết vấn đề; phương pháp thuyết trình; sử dụng đồ dung trực quan

<ul style="list-style-type: none"> <li>- GV cho HS kể tên một số cây, con, đồ vật ở xung quanh rồi chọn một cây, con, đồ vật đại diện để quan sát.</li> <li>- GV yêu cầu HS trao đổi nhóm -&gt; trả lời CH:</li> <li>1. Con gà, cây đậu cần điều kiện gì để sống</li> <li>2. Hòn đá có cần những điều kiện giống như con gà và cây đậu để tồn tại không?</li> <li>3. Sau một thời gian chăm sóc, đối tượng nào tăng kích thước và đối tượng nào không tăng kích thước?</li> <li>- GV chữa bài bằng cách gọi trả lời.</li> <li>- GV cho HS tìm thêm một số ví dụ về vật sống và vật không sống.</li> <li>- GV yêu cầu HS rút ra kết luận.</li> <li>- GV tổng kết – rút ra kiến thức.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- HS tìm những sinh vật gần với đời sống như: cây nhãn, cây vải, cây đậu..., con gà, con lợn..., cái bàn, ghế...</li> <li>1. Cần các chất cần thiết để sống: nước uống, thức ăn, thải chất thải...</li> <li>2. Không cần.</li> <li>3. HS thảo luận -&gt; trả lời đạt yêu cầu: thấy được con gà và cây đậu được chăm sóc lớn lên, còn Hòn đá không thay đổi.</li> <li>- Đại diện nhóm trình bày ý kiến của nhóm → nhóm khác bổ sung → chọn ý kiến đúng.</li> <li>- HS nêu 1 vài ví dụ khác.</li> <li>- HS nghe và ghi bài.</li> </ul>	<p><b>1. Nhận dạng vật sống và vật không sống:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Vật sống: Lấy thức ăn, nước uống, lớn lên, sinh sản.</li> <li>- Vật không sống: không lấy thức ăn, không lớn lên.</li> </ul>
<ul style="list-style-type: none"> <li>- GV treo bảng phụ trang 6 lên bảng → GV hướng dẫn điền bảng.</li> <li>Lưu ý: trước khi điền vào 2 cột “Lấy chất cần thiết” và “Loại bỏ</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- HS quan sát bảng phụ, lắng nghe GV hướng dẫn.</li> <li>- HS xác định các chất cần thiết, các chất thải</li> <li>- HS hoàn thành bảng tr.6</li> </ul>	<p><b>2. Đặc điểm của cơ thể sống:</b></p> <p>Đặc điểm của cơ thể sống là:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Trao đổi chất với môi trường (lấy các</li> </ul>

<p>các chất thải”, GV cho HS xác định các chất cần thiết và các chất thải.</p> <p>- GV yêu cầu HS hoạt động độc lập → hoàn thành bảng phụ.</p> <p>- GV chữa bài bằng cách gọi HS trả lời → GV nhận xét.</p> <p>- GV yêu cầu HS phân tích tiếp các ví dụ khác.</p> <p>- GV hỏi: Qua bảng so sánh, hãy cho biết đặc điểm của cơ thể sống?</p> <p>- GV nhận xét - kết luận.</p>	<p>SGK.</p> <p>- HS ghi kết quả của mình vào bảng của GV → HS khác theo dõi, nhận xét → bổ sung.</p> <p>- HS ghi tiếp các ví dụ khác vào bảng.</p> <p>- HS rút ra kết luận: Có sự trao đổi chất, lớn lên, sinh sản.</p> <p>- HS nghe – ghi bài.</p>	<p>chất cần thiết và loại bỏ các chất thải ra ngoài).</p> <p>- Lớn lên và sinh sản.</p>
--	---	---

### BẢNG BÀI TẬP

Ví dụ	Lớn lên	Sinh sản	Di chuyển	Lấy các chất cần thiết	Loại bỏ các chất thải	Xếp loại	
						Vật sống	Vật không sống
Hòn đá	-	-	-	-	-		+
Con gà	+	+	+	+	+	+	-
Cây đậu	+	+	-	+	+	+	-
Cái bàn	-	-	-	-	-	-	+

### HOẠT ĐỘNG 3: Hoạt động luyện tập (10')

**a. Mục tiêu:** Củng cố, luyện tập kiến thức vừa học.

**b. Nội dung:** Dạy học trên lớp, hoạt động nhóm, hoạt động cá nhân.

**c. Sản phẩm:** Bài làm của học sinh, kỹ năng giải quyết nhiệm vụ học tập.

**d. Tổ chức thực hiện:** Tổ chức theo phương pháp: đặt và giải quyết vấn đề, học sinh hợp tác, vận dụng kiến thức hoàn thành nhiệm vụ.

#### GV giao nhiệm vụ cho học sinh làm bài tập trắc nghiệm:

**Câu 1.** Vật nào dưới đây là vật sống ?

A. Cây chúc      B. Cây chổi      C. Cây kéo      D. Cây vàng

**Câu 2.** Vật sống khác vật không sống ở đặc điểm nào dưới đây ?

A. Có khả năng hao hụt trọng lượng      B. Có khả năng thay đổi kích thước  
C. Có khả năng sinh sản      D. Tất cả các phương án đưa ra

**Câu 3.** Vật nào dưới đây có khả năng lớn lên ?

A. Con mèo      B. Cục sắt      C. Viên sỏi      D. Con đò

**Câu 4.** Sự tồn tại của vật nào dưới đây không cần đến sự có mặt của không khí ?

A. Con ong      B. Con sóc      C. Con thoi      D. Con thỏ

**Câu 5.** Hiện tượng nào dưới đây phản ánh sự sống ?

A. Cá trương phình và trôi dạt vào bờ biển  
B. Chồi non vươn lên khỏi mặt đất  
C. Quả bóng tăng dần kích thước khi được thổi  
D. Chiếc bàn bị mục ruỗng

**Câu 6.** Để sinh trưởng và phát triển bình thường, cây xanh cần đến điều kiện nào sau đây ?

A. Nước và muối khoáng      B. Khí ôxi

C. Ánh sáng

D. Tất cả các phương án đưa ra

**Câu 7.** Trong các đặc điểm sau, có bao nhiêu đặc điểm có ở mọi vật sống ?

1. Sinh sản

2. Di chuyển

3. Lớn lên

4. Lấy các chất cần thiết

5. Loại bỏ các chất thải

A. 4

B. 3

C. 2

D. 5

**Câu 8.** Nếu đặt vật vào môi trường đất ẩm, dinh dưỡng dồi dào và nhiệt độ phù hợp thì vật nào dưới đây có thể lớn lên ?

A. Cây bút

B. Con dao

C. Cây bưởi

D. Con diều

**Câu 9.** Điều kiện tồn tại của vật nào dưới đây có nhiều sai khác so với những vật còn lại ?

A. Cây nhãn

B. Cây na

C. Cây cau

D. Cây kim

**Câu 10.** Vật sống có thể trở thành vật không sống nếu sinh trưởng trong điều kiện nào dưới đây ?

A. Thiếu dinh dưỡng

B. Thiếu khí cacbôníc

C. Thừa khí ôxi

D. Vừa đủ ánh sáng

#### HOẠT ĐỘNG 4: Hoạt động vận dụng (8')

**a. Mục tiêu:** Vận dụng các kiến thức vừa học quyết các vấn đề học tập và thực tiễn.

**b. Nội dung:** Dạy học trên lớp, hoạt động nhóm, hoạt động cá nhân.

**c. Sản phẩm:** HS vận dụng các kiến thức vào giải quyết các nhiệm vụ đặt ra.

**d. Tổ chức thực hiện:** GV sử dụng phương pháp vấn đáp tìm tòi, tổ chức cho học sinh tìm tòi, mở rộng các kiến thức liên quan.

GV chia lớp thành nhiều nhóm và giao các nhiệm vụ: thảo luận trả lời các câu hỏi sau và ghi chép lại câu trả lời vào vở bài tập:

Con gà, cây đậu cần những điều kiện gì để sống?

Hòn đá ( hay viên gạch, cái bàn...) có cần những điều kiện giống như con gà, cây đậu để tồn tại hay không ?

Sau một thời gian con gà con, cây đậu non có lớn lên không ?

Trong một thời gian đó hòn đá có tăng kích thước không?

- HS trả lời.

Tìm hiểu các về vật sống và về vật không sống quanh em

#### 4. Hướng dẫn về nhà:

- Học bài – Đọc và soạn trước bài mới.

- Kẻ bảng phần 1a vào vở bài tập.

## **Bài 2: NHIỆM VỤ CỦA SINH HỌC**

### **A/ MỤC TIÊU:**

#### **1. Kiến thức:**

- Nêu được một số ví dụ để thấy sự đa dạng của sinh vật cùng với các mặt lợi, hại của chúng.
- Biết được 4 nhóm sinh vật chính: động vật, thực vật, vi khuẩn, nấm.
- Hiểu được nhiệm vụ của sinh học và thực vật học.

#### **2. Năng lực**

Phát triển các năng lực chung và năng lực chuyên biệt

<b>Năng lực chung</b>	<b>Năng lực chuyên biệt</b>
- Năng lực phát hiện vấn đề - Năng lực giao tiếp - Năng lực hợp tác - Năng lực tự học - Năng lực sử dụng CNTT và TT	- Năng lực kiến thức sinh học - Năng lực thực nghiệm - Năng lực nghiên cứu khoa học

#### **3. Về phẩm chất**

Giúp học sinh rèn luyện bản thân phát triển các phẩm chất tốt đẹp: yêu nước, nhân ái, chăm chỉ, trung thực, trách nhiệm.

## **II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

#### **1. Giáo viên:**

- Giáo án, SGK, Tranh vẽ như SGK, tiêu bản mẫu vật, tranh ảnh.

#### **2. Học sinh**

- Vở ghi, SGK, Nêu và giải quyết vấn đề kết hợp hình vẽ và làm việc với SGK.

## **III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

#### **1. Ổn định lớp:**

#### **2. Kiểm tra bài cũ:**

- Giữa vật sống và vật không sống có những đặc điểm gì khác nhau?
- Đặc điểm chung của cơ thể sống là gì?

#### **3. Bài mới :**

<b>Hoạt động của giáo viên</b>	<b>Hoạt động của học sinh</b>	<b>Nội dung</b>
<b>HOẠT ĐỘNG 1: Xác định vấn đề/Nhiệm vụ học tập/Mở đầu</b>		
<b>a. Mục tiêu:</b> HS biết được các nội dung cơ bản của bài học cần đạt được, tạo tâm thế cho học sinh đi vào tìm hiểu bài mới.		
<b>b. Nội dung:</b> Giáo viên giới thiệu thông tin liên quan đến bài học.		
<b>c. Sản phẩm:</b> Học sinh lắng nghe định hướng nội dung học tập.		
<b>d. Tổ chức thực hiện:</b> Giáo viên tổ chức, học sinh thực hiện, lắng nghe phát triển năng lực quan sát, năng lực giao tiếp.		
Sinh học là khoa học nghiên cứu về thế giới sinh vật trong tự nhiên. Có nhiều loại sinh		

vật khác nhau: Động vật, thực vật, vi khuẩn, nấm... bài học hôm nay ta sẽ tìm hiểu về nhiệm vụ của sinh học.

## HOẠT ĐỘNG 2: Hình thành kiến thức

### a) Mục tiêu:

- HS nêu được một số ví dụ để thấy sự đa dạng của sinh vật cùng với các mặt lợi, hại của chúng.
- Biết được 4 nhóm sinh vật chính: động vật, thực vật, vi khuẩn, nấm.
- Nêu được nhiệm vụ của sinh học và thực vật học.

**b) Nội dung:** HS căn cứ trên các kiến thức đã biết, làm việc với sách giáo khoa, hoạt động cá nhân, nhóm hoàn thành yêu cầu học tập.

**c) Sản phẩm:** Trình bày được kiến thức theo yêu cầu của GV.

**d) Tổ chức thực hiện:** Hoạt động cá nhân, hoạt động nhóm, dạy học nêu và giải quyết vấn đề; phương pháp thuyết trình; sử dụng đồ dung trực quan

<ul style="list-style-type: none"> <li>- GV yêu cầu HS làm BT mục ▼ tr.7 SGK.</li> <li>- Qua bảng thống kê, em có nhận xét gì về thế giới sinh vật? (Gợi ý: Nhận xét về nơi sống, kích thước? Vai trò đối với con người?...)</li> <li>- Sự phong phú về môi trường sống, kích thước, khả năng di chuyển của sinh vật nói lên điều gì?</li> <li>- Hãy quan sát lại bảng thống kê có thể chia thế giới sinh vật thành mấy nhóm?</li> <li>- HS có thể khó xếp nấm vào nhóm nào, GV cho HS nghiên cứu thông tin □ tr.8 SGK kết hợp với quan sát hình 2.1 (tr.8 SGK).</li> <li>- GV hỏi:</li> </ul> <p>1. Thông tin đó cho em biết điều gì ?</p> <p>2. Khi phân chia sinh vật thành 4 nhóm, người ta dựa vào những đặc điểm nào?</p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- HS hoàn thành bảng thống kê tr.7 SGK (ghi tiếp một số cây, con khác).</li> <li>- Nhận xét theo cột dọc, và HS khác bổ sung phần nhận xét.</li> <li>- Trao đổi trong nhóm để rút ra kết luận: <i>Thế giới sinh vật đa dạng</i> (Thể hiện ở các mặt trên).</li> <li>- HS xếp loại riêng những ví dụ thuộc động vật hay thực vật.</li> <li>- HS nghiên cứu độc lập nội dung trong thông tin.</li> <li>- HS trả lời đạt:</li> </ul> <p>1. Sinh vật trong tự nhiên được chia thành 4 nhóm lớn: vi khuẩn, nấm, thực vật, động vật.</p> <p>2. Dựa vào hình dạng, cấu tạo, hoạt động sống,....</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Động vật: di chuyển.</li> <li>+ Thực vật: có màu xanh.</li> <li>+ Nấm: không có màu xanh</li> </ul>	<p><b>1. Sinh vật trong tự nhiên:</b> <b>a/Sự đa dạng của thế giới sinh vật:</b></p> <p>Sinh vật trong tự nhiên rất đa dạng, và phong phú</p> <p><b>b. Các nhóm sinh vật trong tự nhiên :</b> Chia thành 4 nhóm:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Vi khuẩn</li> <li>+ Nấm</li> <li>+ Thực vật</li> <li>+ Động vật</li> </ul>
---	--	--

	(lá). + Vi sinh vật: vô cùng nhỏ bé - HS khác nhắc lại kết luận này để cả lớp cùng ghi nhớ.	
- GV yêu cầu HS đọc mục □ tr.8 SGK. - GV hỏi: <i>Nhiệm vụ của sinh học là gì?</i>  - GV gọi 1→3 HS trả lời.  - GV cho một HS đọc to nội dung <b>Nhiệm vụ của thực vật học</b> cho cả lớp nghe.	- HS đọc thông tin 1→2 lần, tóm tắt nội dung chính để trả lời câu hỏi đặt: <i>Nhiệm vụ của sinh học là nghiên cứu các đặc điểm cấu tạo và hoạt động sống, các điều kiện sống của sinh vật cũng như các mối quan hệ giữa các sinh vật với nhau và với môi trường, tìm cách sử dụng hợp lí chúng, phục vụ đời sống con người.</i> - HS nghe rồi bổ sung hay nhắc lại phần trả lời của bạn. - HS nhắc lại nội dung vừa nghe→ghi nhớ.	<b>2. Nhiệm vụ của sinh học:</b> - Nhiệm vụ của sinh học là: nghiên cứu các đặc điểm cấu tạo và hoạt động sống, các điều kiện sống của sinh vật cũng như các mối quan hệ giữa các sinh vật với nhau và với môi trường, tìm cách sử dụng hợp lí chúng, phục vụ đời sống con người. - Nhiệm vụ của thực vật học ( SGK tr.8)
<b>HOẠT ĐỘNG 3: Hoạt động luyện tập (10')</b>		
<p><b>a. Mục tiêu:</b> Củng cố, luyện tập kiến thức vừa học.</p> <p><b>b. Nội dung:</b> Dạy học trên lớp, hoạt động nhóm, hoạt động cá nhân.</p> <p><b>c. Sản phẩm:</b> Bài làm của học sinh, kĩ năng giải quyết nhiệm vụ học tập.</p> <p><b>d. Tổ chức thực hiện:</b> Tổ chức theo phương pháp: đặt và giải quyết vấn đề, học sinh hợp tác, vận dụng kiến thức hoàn thành nhiệm vụ.</p>		
<b>GV giao nhiệm vụ cho học sinh làm bài tập trắc nghiệm:</b>		
<p><b>Câu 1.</b> Sinh vật nào dưới đây không có khả năng di chuyển ? A. Cây chuối      B. Con cá      C. Con thằn lằn      D. Con báo</p> <p><b>Câu 2.</b> Sinh học không có nhiệm vụ nào dưới đây ? A. Nghiên cứu về mối quan hệ giữa các loài với nhau và với môi trường sống B. Nghiên cứu về đặc điểm cấu tạo và hoạt động sống của sinh vật C. Nghiên cứu về điều kiện sống của sinh vật D. Nghiên cứu về sự di chuyển của các hành tinh của hệ Mặt Trời.</p> <p><b>Câu 3.</b> Sinh vật nào dưới đây là vật chủ trung gian truyền bệnh sốt xuất huyết cho con người ? A. Ruồi nhà      B. Muỗi vằn      C. Ong mật      D. Chuột chũi</p> <p><b>Câu 4.</b> Lá của loại cây nào dưới đây được sử dụng làm thức ăn cho con người ? A. Lá ngón      B. Lá trúc đào      C. Lá gai      D. Lá xà cừ</p> <p><b>Câu 5.</b> Nhóm nào dưới đây gồm những loài động vật có ích đối với con người ? A. Cóc, thạch sùng, mèo, ngan, cú mèo.      B. Ruồi nhà, vịt, lợn, sóc, báo.</p>		



C. Ong, ve sầu, muỗi, rắn, bọ ngựa. D. Châu chấu, chuột, bò, ngỗng, nai.

**Câu 6.** Sinh vật nào dưới đây được xếp vào nhóm thực vật ?

A. Con bọ cạp B. Con hươu C. Cây con khỉ D. Con chồn

**Câu 7.** Theo phân loại học, “cây” nào dưới đây không được xếp cùng nhóm với những cây còn lại ?

A. Cây nấm B. Cây táo C. Cây roi D. Cây gấc

**Câu 8.** Sinh vật nào dưới đây vừa không phải là thực vật, vừa không phải là động vật ?

A. Cây xương rồng B. Vi khuẩn lam

C. Con thiêu thân D. Con tò vò

**Câu 9.** Cặp nào dưới đây gồm hai loài thực vật có môi trường sống tương tự nhau ?

A. Rau dền nước và rau mác B. Rong đuôi chó và rau sam

C. Bèo tây và hoa đá D. Bèo cái và lúa nương

**Câu 10.** Chương trình Sinh học ở cấp Trung học cơ sở không tìm hiểu về vấn đề lớn nào sau đây ?

A. Thực vật B. Di truyền và biến dị

C. Địa lý sinh vật D. Cơ thể người và vệ sinh

#### **HOẠT ĐỘNG 4: Hoạt động vận dụng (8')**

**a. Mục tiêu:** Vận dụng các kiến thức vừa học quyết các vấn đề học tập và thực tiễn.

**b. Nội dung:** Dạy học trên lớp, hoạt động nhóm, hoạt động cá nhân.

**c. Sản phẩm:** HS vận dụng các kiến thức vào giải quyết các nhiệm vụ đặt ra.

**d. Tổ chức thực hiện:** GV sử dụng phương pháp vấn đáp tìm tòi, tổ chức cho học sinh tìm tòi, mở rộng các kiến thức liên quan.

GV chia lớp thành nhiều nhóm và giao các nhiệm vụ: thảo luận trả lời các câu hỏi sau và ghi chép lại câu trả lời vào vở bài tập

- Kể tên một số sinh vật sống trên cạn, dưới nước và ở cơ thể người?

Gv tổ chức trò chơi cho hs: Ai nhanh hơn (Hãy nêu tên các sinh vật có ích và các sinh vật có hại cho người)

Sưu tầm tranh ảnh về 1 số loài thực vật em biết.

#### **4. Hướng dẫn về nhà:**

- Học bài và trả lời các câu hỏi còn lại trong SGK;

- Chuẩn bị bài 3 và bài 4. Kẻ bảng phần 2 bài 3 và bảng phần 1 bài 4 vào vở bài tập,

### Bài 3: ĐẶC ĐIỂM CHUNG CỦA THỰC VẬT

#### A/ MỤC TIÊU:

##### 1. Kiến thức:

- HS Hiểu được đặc điểm chung của thực vật.
- Tìm hiểu sự đa dạng phong phú của thực vật.
- Biết quan sát, so sánh để phân biệt được cây có hoa và cây không có hoa dựa vào đặc điểm của cơ quan sinh sản.
- Phân biệt được cây 1 năm và cây lâu năm.

##### 2. Năng lực

Phát triển các năng lực chung và năng lực chuyên biệt

Năng lực chung	Năng lực chuyên biệt
<ul style="list-style-type: none"><li>- Năng lực phát hiện vấn đề</li><li>- Năng lực giao tiếp</li><li>- Năng lực hợp tác</li><li>- Năng lực tự học</li><li>- Năng lực sử dụng CNTT và TT</li></ul>	<ul style="list-style-type: none"><li>- Năng lực kiến thức sinh học</li><li>- Năng lực thực nghiệm</li><li>- Năng lực nghiên cứu khoa học</li></ul>

##### 3. Về phẩm chất

Giúp học sinh rèn luyện bản thân phát triển các phẩm chất tốt đẹp: yêu nước, nhân ái, chăm chỉ, trung thực, trách nhiệm.

### II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

#### 1. Giáo viên:

- Giáo án, SGK, Tranh vẽ như SGK, tiêu bản mẫu vật, tranh ảnh.

#### 2. Học sinh

- Vở ghi, SGK, Nêu và giải quyết vấn đề kết hợp hình vẽ và làm việc với SGK.

### III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

#### 1. Ổn định lớp:

#### 2. Kiểm tra bài cũ:

- Nhiệm vụ của sinh học là gì?
- Nhiệm vụ của Thực vật học là gì?

#### 3. Bài mới :

##### HOẠT ĐỘNG 1: Xác định vấn đề/Nhiệm vụ học tập/Mở đầu

**a. Mục tiêu:** HS biết được các nội dung cơ bản của bài học cần đạt được, tạo tâm thế cho học sinh đi vào tìm hiểu bài mới.

**b. Nội dung:** Giáo viên giới thiệu thông tin liên quan đến bài học.

**c. Sản phẩm:** Học sinh lắng nghe định hướng nội dung học tập.

**d. Tổ chức thực hiện:** Giáo viên tổ chức, học sinh thực hiện, lắng nghe phát triển năng lực quan sát, năng lực giao tiếp.

Thực vật rất đa dạng và phong phú. Vậy đặc điểm chung của thực vật là gì? Có phải tất cả các loài thực vật đều có hoa hay không? Bài học hôm nay ta sẽ nghiên cứu về vấn đề này.

## HOẠT ĐỘNG 2: Hình thành kiến thức

### a) Mục tiêu:

- HS nêu được đặc điểm chung của thực vật.
- Nhận biết sự đa dạng phong phú của thực vật.
- Phân biệt được cây có hoa và cây không có hoa dựa vào đặc điểm của cơ quan sinh sản.
- Phân biệt được cây 1 năm và cây lâu năm.

**b) Nội dung:** HS căn cứ trên các kiến thức đã biết, làm việc với sách giáo khoa, hoạt động cá nhân, nhóm hoàn thành yêu cầu học tập.

**c) Sản phẩm:** Trình bày được kiến thức theo yêu cầu của GV.

**d) Tổ chức thực hiện:** Hoạt động cá nhân, hoạt động nhóm, dạy học nêu và giải quyết vấn đề; phương pháp thuyết trình; sử dụng đồ dung trực quan

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh	Nội dung
<p>- GV yêu cầu cá nhân HS quan sát tranh. Hướng dẫn HS chú ý: + Nơi sống của thực vật + Tên thực vật</p> <p>- GV yêu cầu HS thảo luận câu hỏi ở tr.11 SGK.(GV dẫn dắt HS thảo luận )</p> <p>- GV gọi đại diện cho nhóm trình bày, rồi các nhóm khác bổ sung.</p> <p>- GV nhận xét, tiểu kết: + <i>Thực vật sống khắp nơi trên Trái đất, có mặt ở tất cả các miền khí hậu từ hàn đới đến ôn đới và phong</i></p>	<p>- HS quan sát hình 3.1→3.4 SGK tr.10 và các tranh ảnh mang theo.</p> <p>- HS thảo luận trong nhóm đưa ý kiến thống nhất của nhóm.</p> <p>- Đại diện nhóm trả lời. * Thực vật sống hầu hết khắp mọi nơi trên Trái Đất. * Đồng bằng: Lúa, ngô , khoai + Đồi núi: Lim, thông, trắc + ao hồ: bèo, sen, lục bình + sa mạc: Sương rồng, cỏ lạc đà * Thực vật nhiều ở miền đồng bằng, trung du...; ít ở miền Hàn đới hay Sa mạc. * Cây sống trên mặt nước rễ ngắn, thân xốp.</p> <p>- HS lắng nghe phần trình bày của bạn→Bổ sung (nếu cần).</p>	<p><b>I. Đặt điểm chung của thực vật:</b> <b>1. Sự đa dạng và phong phú của thực vật:</b></p> <p>Thực vật sống ở mọi nơi trên Trái Đất. Chúng rất đa dạng và thích nghi</p>

<p><i>phú nhất là vùng nhiệt đới, các dạng địa hình từ đồi núi, trung du đến đồng bằng và ngay cả sa mạc khô cằn cũng có thực vật.</i></p> <p>+ <i>Thực vật sống trong nước, trên mặt nước, trên mặt đất.</i></p> <p>+ <i>Thực vật sống ở mọi nơi trên Trái Đất, có rất nhiều dạng khác nhau, thích nghi với môi trường sống.</i></p> <p>- GV cho HS ghi bài.</p> <p>- GV gọi HS đọc thông tin về số lượng loài thực vật trên Trái Đất và ở Việt Nam.</p>	<p>- HS ghi bài vào vở.</p> <p>- HS đọc thêm thông tin về số lượng loài thực vật trên Trái Đất và ở Việt Nam.</p>	<p>với môi trường sống.</p> <p>Như:</p> <p>+ ở các miền khí hậu: <i>Hàn đới</i> (rêu); <i>ôn đới</i>(lúa mì, táo, lê); <i>nhiệt đới</i>(lúa, ngô, café)</p> <p>+Các dạng địa hình: <i>đồi núi</i> (thông, lim);<i>trung du</i>(chè, sim); <i>đồng bằng</i>(lúa, ngô); <i>sa mạc</i>(X.rồng)</p> <p>+ Các môi trường sống: <i>nước, trên mặt đất.</i></p>
<p>- GV yêu cầu HS làm bài tập mục ▼ tr.11 SGK.</p> <p>- GV treo bảng phụ phần 2 và yêu cầu HS lên đánh dấu</p> <p>– HS khác nhận xét bài làm.</p> <p>- GV đưa ra một số hiện tượng yêu cầu HS nhận xét về sự hoạt động của sinh vật:</p> <p>+ <i>Con chó khi đánh nó ... vừa chạy vừa sủa; đánh vào cây cây vẫn đứng im ...</i></p> <p>+ <i>Cây trồng vào chậu đặt ở cửa sổ, một thời gian ngọn cong về chỗ sáng.</i></p> <p>→ Từ đó rút ra đặc điểm chung của thực vật.</p> <p>- GV nhận xét, cho HS ghi bài.</p>	<p>- HS kẻ bảng ▼ tr.11 SGK vào vở, hoàn thành các nội dung.</p> <p>- HS lên viết trên bảng của GV.</p> <p>- HS khác nhận xét.</p> <p>- HS nhận xét:</p> <p>+ Động vật có di chuyển còn thực vật không di chuyển và có tính hướng sáng.</p> <p>+ Thực vật phản ứng chậm với kích thích của môi trường</p> <p>- Từ bảng và các hiện tượng trên rút ra đặc điểm chung của thực vật</p> <p>- HS ghi bài vào vở.</p>	<p><b>2. Đặc điểm chung của thực vật.</b></p> <p>+ Thực vật có khả năng tự tạo ra chất dinh dưỡng, lớn lên, sinh sản.</p> <p>+ Không có khả năng di chuyển.</p> <p>+ Phản ứng chậm với kích thích từ bên ngoài.</p>

Stt	Tên cây	Có k.n tự tạo ra chất d. dưỡng	Lớn lên	Sinh sản	Di chuyển
1	Cây Lúa	+	+	+	-
2	Cây Ngô	+	+	+	-
3	Cây Mít	+	+	+	-
4	Cây Sen	+	+	+	-
5	Cây Xương rồng	+	+	+	-



Hình 3.3: Ảnh chụp cây lá rộng trên núi, lá rộng lại

### HOẠT ĐỘNG 3: Hoạt động luyện tập (10')

**a. Mục tiêu:** Củng cố, luyện tập kiến thức vừa học.

**b. Nội dung:** Dạy học trên lớp, hoạt động nhóm, hoạt động cá nhân.

**c. Sản phẩm:** Bài làm của học sinh, kỹ năng giải quyết nhiệm vụ học tập.

**d. Tổ chức thực hiện:** Tổ chức theo phương pháp: đặt và giải quyết vấn đề, học sinh hợp tác, vận dụng kiến thức hoàn thành nhiệm vụ.

#### GV giao nhiệm vụ cho học sinh làm bài tập trắc nghiệm:

**Câu 1.** Chọn số liệu thích hợp để điền vào chỗ trống trong câu sau : Thực vật trên Trái Đất hiện có khoảng trên ... loài.

A. 300 000      B. 1 000 000      C. 800 000      D. 300 000

**Câu 2.** Cây nào dưới đây thường mọc hoang ở vùng trung du ?

A. Cây sim      B. Cây quế      C. Cây xương rồng      D. Cây lá lốt

**Câu 3.** Nơi nào dưới đây có hệ thực vật phong phú nhất ?

A. Rừng lá kim phương Bắc      B. Rừng lá rộng ôn đới  
C. Rừng mưa nhiệt đới      D. Rừng ngập mặn ven biển

**Câu 4.** Những cây sống trôi nổi trên mặt nước thường có đặc điểm nào dưới đây ?

A. Xuất hiện bọt xốp màu trắng      B. Tua cuốn phát triển mạnh  
C. Lá tiêu giảm      D. Rễ phát triển theo chiều sâu

**Câu 5.** Đâu không phải là một trong những đặc điểm chung của thực vật ?

A. Tự tổng hợp được chất hữu cơ  
B. Chỉ sống ở môi trường trên cạn  
C. Phần lớn không có khả năng di chuyển  
D. Phản ứng chậm với các kích thích bên ngoài

**Câu 6.** Khi chạm tay vào lá cây nào dưới đây, chúng sẽ từ từ khép lại ?

A. Cây vừng      B. Cây hồ tiêu      C. Cây khoai tây      D. Cây xấu hổ

**Câu 7.** Nhóm nào dưới đây gồm những cây thích nghi với môi trường khô nóng ở sa mạc ?

A. Sen, đậu ván, cà rốt.      B. Rau muối, cà chua, dưa chuột.  
C. Xương rồng, lê gai, cỏ lạc đà.      D. Mâm xôi, cà phê, đào.

**Câu 8.** Cho các đặc điểm sau :

1. Lớn lên 2. Sinh sản 3. Di chuyển 4. Tự tổng hợp chất hữu cơ

5. Phản ứng nhanh với các kích thích bên ngoài

Có bao nhiêu đặc điểm có ở mọi loài thực vật ?

A. 3 B. 2 C. 4 D. 1

**Câu 9.** Cây nào dưới đây là cây gỗ sống lâu năm ?

A. Xà cừ B. Mướp đắng C. Dừa gang D. Lạc

**Câu 10.** Thực vật ở nước ta rất phong phú, vậy vì sao chúng ta còn cần phải trồng thêm cây và bảo vệ chúng ?

A. Vì thực vật là nguồn thức ăn của nhiều động vật, góp phần tạo ra sự cân bằng sinh thái trong sinh giới.

B. Vì thực vật mang lại bóng râm, giúp điều hoà không khí thông qua việc làm mát và hấp thụ khí cacbonic, thải khí ôxi.

C. Vì thực vật cung cấp nguồn lương thực, thực phẩm và nguyên vật liệu cho hoạt động sống của con người.

D. Tất cả các phương án đưa ra.

#### HOẠT ĐỘNG 4: Hoạt động vận dụng (8')

**a. Mục tiêu:** Vận dụng các kiến thức vừa học quyết các vấn đề học tập và thực tiễn.

**b. Nội dung:** Dạy học trên lớp, hoạt động nhóm, hoạt động cá nhân.

**c. Sản phẩm:** HS vận dụng các kiến thức vào giải quyết các nhiệm vụ đặt ra.

**d. Tổ chức thực hiện:** GV sử dụng phương pháp vấn đáp tìm tòi, tổ chức cho học sinh tìm tòi, mở rộng các kiến thức liên quan.

GV chia lớp thành nhiều nhóm và giao các nhiệm vụ: thảo luận trả lời các câu hỏi sau và ghi chép lại câu trả lời vào vở bài tập

- Thực vật của nước ta rất phong phú, nhưng vì sao chúng ta còn cần phải trồng thêm cây và bảo vệ chúng?

**Trả lời:**

- Vì hàng năm xảy ra các đợt lũ lụt, hạn hán, cháy rừng,... khiến cho lượng thực vật bị suy giảm nhiều

- Vì dân số ngày một tăng nên nhu cầu sử dụng thực vật trong đời sống ngày một tăng, nhiều loại thực vật bị khai thác quá mức có nguy cơ tuyệt chủng

- Ô nhiễm môi trường tăng cao nên càng phải trồng cây để chúng điều hòa không khí.

→ Cây xanh cũng đc ví như lá phổi xanh của chúng ta , và nếu ko có cây xanh sẽ ko còn khí oxi để thở con người sẽ ko thể sống đc .Vì vậy chúng ta cần phải trồng thêm nhiều cây xanh hơn và chung tay bảo vệ chúng

Tìm hiểu sự đa dạng của thực vật xung quanh nơi em ở

#### 4. Hướng dẫn về nhà:

□ Xem mục “ Em có biết ” trang 12.

□ Hoàn thành bài tập vào tập,

□ Các nhóm chuẩn bị: cây có hoa (nhỏ, có mang hoa): đậu, lúa, cải, ...; cây không có hoa: rau bợ, bông bong, ráng, ...

## Bài 4: CÓ PHẢI TẤT CẢ THỰC VẬT ĐỀU CÓ HOA?

### I/ MỤC TIÊU

#### 1. Kiến thức:

- Biết quan sát, so sánh để phân biệt được cây có hoa và cây không có hoa dựa vào đặc điểm của cơ quan sinh sản.
- Phân biệt được cây 1 năm và cây lâu năm.

#### 2. Năng lực

Phát triển các năng lực chung và năng lực chuyên biệt

Năng lực chung	Năng lực chuyên biệt
<ul style="list-style-type: none"><li>- Năng lực phát hiện vấn đề</li><li>- Năng lực giao tiếp</li><li>- Năng lực hợp tác</li><li>- Năng lực tự học</li><li>- Năng lực sử dụng CNTT và TT</li></ul>	<ul style="list-style-type: none"><li>- Năng lực kiến thức sinh học</li><li>- Năng lực thực nghiệm</li><li>- Năng lực nghiên cứu khoa học</li></ul>

#### 3. Về phẩm chất

Giúp học sinh rèn luyện bản thân phát triển các phẩm chất tốt đẹp: yêu nước, nhân ái, chăm chỉ, trung thực, trách nhiệm.

### II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

#### 1. Giáo viên:

- Giáo án, SGK, Tranh vẽ như SGK, tiêu bản mẫu vật, tranh ảnh.

#### 2. Học sinh

- Vở ghi, SGK, Nêu và giải quyết vấn đề kết hợp hình vẽ và làm việc với SGK.

### III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

#### 1. Ổn định lớp

#### 2. Kiểm tra bài cũ

Đặc điểm chung của thực vật là gì?

**Yêu cầu:** Thực vật có khả năng chế tạo chất dinh dưỡng, không có khả năng di chuyển.

#### 3. Bài mới :

#### **HOẠT ĐỘNG 1: Xác định vấn đề/Nhiệm vụ học tập/Mở đầu**

**a. Mục tiêu:** HS biết được các nội dung cơ bản của bài học cần đạt được, tạo tâm thế cho học sinh đi vào tìm hiểu bài mới.

**b. Nội dung:** Giáo viên giới thiệu thông tin liên quan đến bài học.

**c. Sản phẩm:** Học sinh lắng nghe định hướng nội dung học tập.

**d. Tổ chức thực hiện:** Giáo viên tổ chức, học sinh thực hiện, lắng nghe phát triển năng lực quan sát, năng lực giao tiếp.

- Quan sát mẫu vật: Cây dương xỉ, cây rau bợ, cây đậu.

Thực vật có một số đặc điểm chung, nhưng nếu quan sát kĩ các em nhận ra sự khác nhau giữa chúng. Vậy chúng khác nhau như thế nào? Để biết được hôm nay chúng ta tìm hiểu

vấn đề này.

## HOẠT ĐỘNG 2: Hình thành kiến thức


### a) Mục tiêu:

- Hs phân biệt được cây có hoa và cây không có hoa dựa vào đặc điểm của cơ quan sinh sản.
- Phân biệt được cây 1 năm và cây lâu năm.

**b) Nội dung:** HS căn cứ trên các kiến thức đã biết, làm việc với sách giáo khoa, hoạt động cá nhân, nhóm hoàn thành yêu cầu học tập.

**c) Sản phẩm:** Trình bày được kiến thức theo yêu cầu của GV.

**d) Tổ chức thực hiện:** Hoạt động cá nhân, hoạt động nhóm, dạy học nêu và giải quyết vấn đề; phương pháp thuyết trình; sử dụng đồ dung trực quan

Hoạt động của giáo viên	Hđ của học sinh	Nội dung
<p>-Yêu cầu học sinh đọc kỹ thông tin mục tam giác, ghi nhớ</p> <p>-Treo Tranh vẽ phóng to hình 4.1 hướng dẫn học sinh quan sát , T.Báo: những cây có đặc điểm tương tự như cây cải cũng gồm những bộ phận tương tự.</p> <p>-Treo Bảng phụ ghi nội dung bài tập: hãy dùng các cụm từ thích hợp sau để điền vào những chỗ trống:cơ quan sinh dưỡng, cơ quan sinh sản, nuôi dưỡng, duy trì và phát triển nòi giống. Yêu cầu <b>học sinh thảo luận toàn lớp</b> trong 5’:</p> <p>+ Rễ, thân, lá là: ... có chức năng chủ yếu là...</p> <p>+ Hoa, quả, hạt là ... có chức năng chủ yếu là ...</p> <p>-Yêu cầu học sinh đại diện pbiểu, nhóm khác bổ sung.</p> <p>-Yêu cầu học sinh đem các vật mẫu đã chuẩn bị ra quan sát</p> <p>- Cho hs <b>thảo luận nhóm</b> trong 5’ hoàn thành bảng trang 13 và sắp xếp chúng thành 2 nhóm cây có hoa và cây không có hoa ?</p> <p>-Treo Tranh vẽ phóng to hình 4.2 và bảng phụ yêu đại diện phát biểu.</p> <p>-Bổ sung hoàn chỉnh nội dung</p>	<p>- Cá nhân đọc thông tin, quan sát tranh hình 4.1, ghi nhớ.</p> <p>-Trao đổi trên toàn lớp để hoàn thành bài tập gv yêu cầu.</p> <p>-Đại diện pbiểu, nhóm khác bổ sung.</p> <p>-Thảo luận nhóm hoàn thành bảng trang 13 và sắp xếp chúng thành 2 nhóm thực vật có hoa và không có hoa.</p> <p>-Đại diện pbiểu, nhóm khác bổ sung.</p>	<p><b>I. Thực vật có hoa và thực vật không có hoa:</b></p> <p>1. <u>Các loại cơ quan của vật có hoa:</u> có 2 loại cơ quan:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Cơ quan sinh dưỡng gồm: rễ, thân, lá có chức năng chính là nuôi dưỡng cây.</li> <li>-Cơ quan sinh sản gồm: hoa, quả, hạt có chức năng sinh sản, duy trì và phát triển nòi giống.</li> </ul> <div style="text-align: center;">  <p>Hình 4.1 Các cơ quan của cây cải</p> </div> <p>2. <u>Phân biệt cây có hoa và cây không có hoa:</u> thực vật chia thành 2 nhóm:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Thực vật có hoa có cơ quan sinh sản là: hoa, quả hạt. Ví dụ: cây cải, cây đậu, ...</li> <li>-Thực vật không có hoa: có cơ quan sinh sản không phải là hoa. Ví dụ: rêu, cây ráng, bông bong,</li> </ul>



		...
<p>-Yêu cầu h.sinh trao đổi nhóm trả lời 2 câu hỏi đầu trang 15: + Kể tên những cây có vòng đời kết thúc sau vài tháng ? + Kể tên những cây sống lâu năm ? (ra hoa tạo quả nhiều lần trong đời) -Bổ sung hoàn chỉnh nội dung.</p>	<p>-Trao đổi nhóm, đại diện pbiểu, nhóm khác bổ sung: + Cây có vòng đời trong 1 năm như cải, đậu, ... + Cây sống lâu năm như xoài, ổi, nhãn, ...</p>	<p><b>II. Cây một năm và cây lâu năm:</b> -Cây 1 năm: chỉ ra hoa tạo quả 1 lần trong đời sống vd: đậu, cải, ... -Cây lâu năm: ra hoa tạo quả nhiều lần trong đời vd: xoài, mít, nhãn, ...</p>

### HOẠT ĐỘNG 3: Hoạt động luyện tập (10')

**a. Mục tiêu:** Củng cố, luyện tập kiến thức vừa học.

**b. Nội dung:** Dạy học trên lớp, hoạt động nhóm, hoạt động cá nhân.

**c. Sản phẩm:** Bài làm của học sinh, kỹ năng giải quyết nhiệm vụ học tập.

**d. Tổ chức thực hiện:** Tổ chức theo phương pháp: đặt và giải quyết vấn đề, học sinh hợp tác, vận dụng kiến thức hoàn thành nhiệm vụ.

#### GV giao nhiệm vụ cho học sinh làm bài tập trắc nghiệm:

**Câu 1.** Cây nào dưới đây không được xếp vào nhóm thực vật có hoa ?

A. Cây dương xỉ    B. Cây bèo tây    C. Cây chuối    D. Cây lúa

**Câu 2.** Cây nào dưới đây có hạt nhưng không có quả ?

A. Cây chuối    B. Cây ngô    C. Cây thông    D. Cây mía

**Câu 3.** Nhóm các cơ quan sinh sản của thực vật không bao gồm thành phần nào dưới đây ?

A. Hạt    B. Hoa    C. Quả    D. Rễ

**Câu 4.** Cho các cây sau :

1. Na    2. Cúc    3. Cam    4. Rau bợ    5. Khoai tây

Có bao nhiêu cây được xếp vào nhóm thực vật không có hoa ?

A. 1    B. 2    C. 3    D. 4

**Câu 5.** Hạt là cơ quan sinh sản được tìm thấy ở loài thực vật nào dưới đây ?

A. Rêu    B. Thìa là    C. Dương xỉ    D. Rau bợ

**Câu 6.** Cây nào dưới đây có vòng đời kết thúc trong vòng một năm ?

A. Cây cau    B. Cây mít    C. Cây ngô    D. Cây ổi

**Câu 7.** Cơ quan nào dưới đây chỉ có ở thực vật có hoa ?

A. Quả    B. Hạt    C. Rễ    D. Thân

**Câu 8.** Các cây lương thực thường là

A. cây lâu năm.    B. cây một năm.  
C. thực vật hạt trần.    D. thực vật không có hoa.

**Câu 9.** Các cây : lúa, ngô, đậu, lạc từ khi nảy mầm đến khi chết đi chỉ kéo dài trong

A. 1 - 3 năm.    B. 1 - 2 tháng.    C. 6 - 12 tháng.    D. 3 - 6 tháng.

**Câu 10.** Nhóm nào dưới đây gồm những thực vật không có hoa ?

A. Rêu, mã đề, mồng tơi, rau ngót.    B. Lá lốt, kinh giới, húng quế, diếp cá.  
C. Mía, tre, dương xỉ, địa tiền.    D. Hoàng đàn, thông, rau bợ, dương xỉ.

#### **HOẠT ĐỘNG 4: Hoạt động vận dụng (8')**

**a. Mục tiêu:** Vận dụng các kiến thức vừa học quyết các vấn đề học tập và thực tiễn.

**b. Nội dung:** Dạy học trên lớp, hoạt động nhóm, hoạt động cá nhân.

**c. Sản phẩm:** HS vận dụng các kiến thức vào giải quyết các nhiệm vụ đặt ra.

**d. Tổ chức thực hiện:** GV sử dụng phương pháp vấn đáp tìm tòi, tổ chức cho học sinh tìm tòi, mở rộng các kiến thức liên quan.

GV chia lớp thành nhiều nhóm

( mỗi nhóm gồm các HS trong 1 bàn) và giao các nhiệm vụ: thảo luận trả lời các câu hỏi sau và ghi chép lại câu trả lời vào vở bài tập

- Cho vài ví dụ về cây cỏ vòng đời kết thúc trong vòng 1 năm

Cho vài ví dụ về cây sống lâu năm, thường ra hoa kết quả nhiều lần trong đời

Kể tên một vài cây có hoa và cây không có hoa?

Kể tên 5 cây trồng làm lương thực, theo em những cây lương thực thường là cây một năm hay cây lâu năm?

Sưu tầm và tìm hiểu về các loại cây có liên quan tới bài học

#### **4. Hướng dẫn về nhà:**

- Học bài, trả lời CH
- Đọc phần Em có biết?
- Tìm cây rêu tương.
- Xem trước bài mới

## **CHUYÊN ĐỀ: TẾ BÀO THỰC VẬT**

### **I. Nội dung chuyên đề**

#### **1. Mô tả chuyên đề**

## Sinh học 6

+ **Bài 5:** Thực hành: Kính lúp, kính hiển vi và cách sử dụng

+ **Bài 6:** Thực hành: Quan sát tế bào thực vật

+ **Bài 7:** Cấu tạo tế bào thực vật

+ **Bài 8:** Sự lớn lên và phân chia của tế bào

### 2. Mạch kiến thức của chuyên đề

- Chuyên đề Tế bào thực vật có nội dung chủ yếu là nghiên cứu về đặc điểm cấu tạo của tế bào thực vật, học sinh còn được quan sát trực tiếp các tế bào thực vật dưới kính hiển vi cũng như tìm hiểu về sự lớn lên và phân chia của tế bào từ đó hiểu được sự lớn lên của thực vật.

### 3. Thời lượng của chuyên đề

Tổng số tiết	Tuần thực hiện	Tiết theo KHDH	Tiết theo chủ đề	Nội dung của từng hoạt động
4	2,3,4	4	1	<b>Hoạt động 1:</b> Tìm hiểu kính lúp và cách sử dụng
				<b>Hoạt động 2:</b> Tìm hiểu kính hiển vi và cách sử dụng
		5	2	<b>Hoạt động 3:</b> Thực hành quan sát tế bào thực vật
		6	3	<b>Hoạt động 4.</b> Tìm hiểu hình dạng và kích thước tế bào
				<b>Hoạt động 5.</b> Tìm hiểu cấu tạo tế bào
				<b>Hoạt động 6.</b> Tìm hiểu khái niệm mô thực vật
		7	4	<b>Hoạt động 7.</b> Tìm hiểu sự lớn lên của tế bào
				<b>Hoạt động 8.</b> Tìm hiểu sự phân chia của tế bào

## II. Tổ chức hoạt động dạy học

### Bài 5: KÍNH LÚP, KÍNH HIỂN VI VÀ CÁCH SỬ DỤNG

#### A/ MỤC TIÊU:

##### 1. Kiến thức:

Nhận biết được các bộ phận của kính lúp, kính hiển vi.

##### 2. Năng lực

Phát triển các năng lực chung và năng lực chuyên biệt

Năng lực chung	Năng lực chuyên biệt
<ul style="list-style-type: none"> <li>- Năng lực phát hiện vấn đề</li> <li>- Năng lực giao tiếp</li> <li>- Năng lực hợp tác</li> <li>- Năng lực tự học</li> <li>- Năng lực số đông CNTT và TT</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Năng lực kiến thức sinh học</li> <li>- Năng lực thực nghiệm</li> <li>- Năng lực nghiên cứu khoa học</li> </ul>

### 3. Về phẩm chất

Giúp học sinh rèn luyện bản thân phát triển các phẩm chất tốt đẹp: yêu nước, nhân ái, chăm chỉ, trung thực, trách nhiệm.

## II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

### 1. Giáo viên:

- Giáo án, SGK, Tranh vẽ như SGK, tiêu bản mẫu vật, tranh ảnh.

### 2. Học sinh

- Vở ghi, SGK, Nêu và giải quyết vấn đề kết hợp hình vẽ và làm việc với SGK.

## III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

### 1. Ổn định lớp:

### 2. Kiểm tra bài cũ:

- Đặc điểm chung của giới thực vật là gì?
- Phân biệt cây có hoa và không có hoa, cây 1 năm và cây lâu năm?

### 3. Bài mới :

Như các em đã biết, bằng mắt thường ta có thể nhìn thấy rất nhiều vật, nhưng có những vật vô cùng nhỏ bé mà mắt thường ta không thể nhìn thấy được như là các loài vi khuẩn, tế bào. Vậy bài học hôm nay sẽ cung cấp cho ta cách để nhìn thấy những vật bé nhỏ đó.


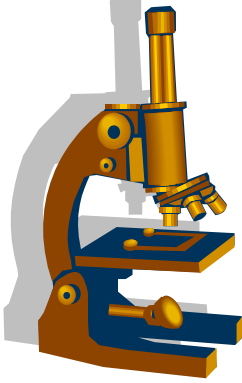
Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh	Nội dung
<b>HOẠT ĐỘNG 1: Xác định vấn đề/Nhiệm vụ học tập/Mở đầu</b>		
<p><b>a. Mục tiêu:</b> HS biết được các nội dung cơ bản của bài học cần đạt được, tạo tâm thế cho học sinh đi vào tìm hiểu bài mới.</p> <p><b>b. Nội dung:</b> Giáo viên giới thiệu thông tin liên quan đến bài học.</p> <p><b>c. Sản phẩm:</b> Học sinh lắng nghe định hướng nội dung học tập.</p> <p><b>d. Tổ chức thực hiện:</b> Giáo viên tổ chức, học sinh thực hiện, lắng nghe phát triển năng lực quan sát, năng lực giao tiếp.</p>		
<p>Cho Hs quan sát kính lúp, kính hiển vi Muốn có hình ảnh phóng to hơn vật thật ta phải dùng kính lúp hay kính hiển vi. Vậy kính lúp và kính hiển vi là gì? Cấu tạo như thế nào?</p>		
<b>HOẠT ĐỘNG 2: Hình thành kiến thức</b>		
<p><b>a) Mục tiêu:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Hs nêu được các bộ phận cấu tạo của kính lúp, kính hiển vi.</li> <li>- Biết cách sử dụng kính lúp, kính hiển vi.</li> </ul> <p><b>b) Nội dung:</b> HS căn cứ trên các kiến thức đã biết, làm việc với sách giáo khoa, hoạt</p>		

động cá nhân, nhóm hoàn thành yêu cầu học tập.

**c) Sản phẩm:** Trình bày được kiến thức theo yêu cầu của GV.

**d) Tổ chức thực hiện:** Hoạt động cá nhân, hoạt động nhóm, dạy học nêu và giải quyết vấn đề; phương pháp thuyết trình; sử dụng đồ dung trực quan

**Phát triển bài:**

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh	Nội dung
<p>—</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- GV yêu cầu HS đọc mục <input type="checkbox"/> SGK tr.17, và trả lời câu hỏi:</li> <li>- Kính lúp có cấu tạo như thế nào?</li> <li>- GV cho HS xác định từng bộ phận kính lúp.</li> <li>- GV nhận xét, cho HS ghi bài.</li> <li>- GV yêu cầu HS nghiên cứu thông tin -&gt; nêu cách sử dụng kính lúp?</li> <li>(Nếu trường có điều kiện có đủ kính lúp, GV hướng dẫn HS sử dụng kính lúp quan sát mẫu vật)</li> <li>- GV kiểm tra tư thế của HS khi sử dụng kính.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- HS nghiên cứu thông tin - &gt; trả lời đạt:</li> <li style="padding-left: 20px;">Kính lúp gồm 2 phần:</li> <li style="padding-left: 40px;">+ Tay cầm bằng kim loại hoặc bằng nhựa.</li> <li style="padding-left: 40px;">+ Tấm kính trong, dày, 2 mặt lồi có khung bằng kim loại hay bằng nhựa.</li> <li>- HS thực hiện</li> <li>- HS ghi bài.</li> <li>- HS trả lời: Tay trái cầm kính, để mặt kính sát mẫu vật...</li> <li>- HS quan sát cây rêu tường bằng kính lúp.</li> <li>- HS sửa tư thế cho đúng.</li> </ul>	<p><b>1. Kính lúp và cách sử dụng:</b></p>  <ul style="list-style-type: none"> <li>- Kính lúp gồm 2 phần:</li> <li style="padding-left: 20px;">+ Tay cầm bằng kim loại hoặc bằng nhựa.</li> <li style="padding-left: 20px;">+ Tấm kính trong, dày, 2 mặt lồi, có khung bằng kim loại hoặc bằng nhựa.</li> <li>- Cách sử dụng: Tay trái cầm kính, để mặt kính sát mẫu vật cần quan sát, mắt nhìn vào kính và di chuyển kính lúp đến khi nhìn rõ vật nhất.</li> </ul>
<ul style="list-style-type: none"> <li>- GV yêu cầu HS nghiên cứu mục <input type="checkbox"/> SGK tr.18.</li> <li>- Nêu cấu tạo kính hiển vi?</li> <li>- Gọi tên, nêu chức năng của từng bộ phận kính hiển vi.</li> <li>- GV hỏi: Bộ phận nào của kính là quan trọng nhất? Vì sao?</li> <li>- GV gọi HS lên xác định lại</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- HS HS nghiên cứu mục <input type="checkbox"/> SGK tr.18, nêu cấu tạo kính hiển vi:</li> <li style="padding-left: 20px;">Gồm 3 phần chính:</li> <li style="padding-left: 40px;">+ Chân kính</li> <li style="padding-left: 40px;">+ Thân kính</li> <li style="padding-left: 40px;">+ Bàn kính</li> <li>- HS trả lời đạt: Thấu kính là quan trọng nhất vì có ống kính để phóng to được các vật.</li> <li>- HS thực hiện.</li> </ul>	<p><b>2. Kính hiển vi và cách sử dụng</b></p>  <ul style="list-style-type: none"> <li>- Kính hiển vi gồm 3 phần:</li> <li style="padding-left: 20px;">+ Chân kính</li> </ul>

<p>từng bộ phận của kính trên kính thật.</p> <p>- GV yêu cầu HS trình bày các bước sử dụng kính.</p> <p>- GV nhận xét, cho HS ghi bài. (Nếu có điều kiện, GV hướng dẫn HS cách quan sát mẫu vật bằng kính hiển vi).</p>	<p>- HS nghiên cứu thông tin, trình bày cách sử dụng.</p> <p>- HS ghi bài.</p>	<p>+ Thân kính + Bàn kính</p> <p>- Cách sử dụng: + Bước 1: Điều chỉnh ánh sáng bằng gương phản chiếu ánh sáng. + Bước 2: Đặt và cố định tiêu bản trên bàn kính. + Bước 3: Sử dụng hệ thống ốc điều chỉnh để quan sát rõ mẫu vật.</p>
---	--	--

### HOẠT ĐỘNG 3: Hoạt động luyện tập (10')

**a. Mục tiêu:** Củng cố, luyện tập kiến thức vừa học.

**b. Nội dung:** Dạy học trên lớp, hoạt động nhóm, hoạt động cá nhân.

**c. Sản phẩm:** Bài làm của học sinh, kỹ năng giải quyết nhiệm vụ học tập.

**d. Tổ chức thực hiện:** Tổ chức theo phương pháp: đặt và giải quyết vấn đề, học sinh hợp tác, vận dụng kiến thức hoàn thành nhiệm vụ.

#### GV giao nhiệm vụ cho học sinh làm bài tập trắc nghiệm:

**Câu 1.** Kính lúp có khả năng phóng to ảnh của vật bao nhiêu lần ?

A. 3 - 20 lần      B. 25 - 50 lần      C. 100 - 200 lần      D. 2 - 3 lần

**Câu 2.** Kính hiển vi điện tử có khả năng phóng to ảnh của vật từ

A. 5 000 - 8 000 lần.      B. 40 - 3 000 lần.

C. 10 000 - 40 000 lần.      D. 100 - 500 lần.

**Câu 3.** Em hãy sắp xếp các thao tác sau theo trình tự từ sớm đến muộn trong kỹ thuật quan sát vật mẫu bằng kính hiển vi:

1. Mắt nhìn vào thị kính, tay từ từ vặn ốc to ngược chiều kim đồng hồ cho đến khi nhìn thấy vật cần quan sát.

2. Điều chỉnh ánh sáng bằng gương phản chiếu.

3. Điều chỉnh ốc nhỏ để nhìn vật mẫu rõ nhất.

4. Mắt nhìn vật kính từ một phía của kính hiển vi, tay vặn ốc to theo chiều kim đồng hồ cho đến khi vật kính gần sát lá kính của tiêu bản.

5. Đặt tiêu bản lên bàn kính sau cho vật mẫu nằm ở đúng vị trí trung tâm, sau đó dùng kẹp giữ tiêu bản.

A. 2 - 5 - 4 - 1 - 3

B. 2 - 4 - 5 - 1 - 3

C. 2 - 1 - 4 - 5 - 3

D. 2 - 4 - 1 - 5 - 3

**Câu 4.** Trong cấu tạo của kính hiển vi, bộ phận nào nằm ở trên cùng ?

A. Vật kính

B. Gương phản chiếu ánh sáng

C. Bàn kính

D. Thị kính

**Câu 5.** Khi quan sát vật mẫu, tiêu bản được đặt lên bộ phận nào của kính hiển vi ?

A. Vật kính

B. Thị kính

C. Bàn kính

D. Chân kính

**Câu 6.** Kính hiển vi bao gồm 3 bộ phận chính, đó là

A. chân kính, ống kính và bàn kính.

B. thị kính, gương phản chiếu ánh sáng và vật kính.

C. thị kính, đĩa quay và vật kính.

D. chân kính, thị kính và bàn kính.

**Câu 7.** Chọn từ thích hợp để điền vào chỗ trống trong câu sau : Trong cấu tạo của kính hiển vi, ... là bộ phận để mắt nhìn vào khi quan sát vật mẫu.

A. Vật kính            B. Chân kính            C. Bàn kính            D. Thị kính

**Câu 8.** Trong việc sử dụng và bảo quản kính hiển vi, chúng ta cần lưu ý điều gì ?

A. Khi di chuyển kính thì phải dùng cả 2 tay : một tay đỡ chân kính, một tay cầm chắc thân kính

B. Sau khi dùng cần lấy khăn bông lau bàn kính, chân kính, thân kính

C. Sau khi dùng thì cần lấy giấy thấm lau thị kính, vật kính

D. Tất cả các phương án đưa ra

**Câu 9.** Kính lúp có đặc điểm nào sau đây ?

A. Được cấu tạo bởi tay cầm và tấm kính trong có hai mặt lồi.

B. Được cấu tạo bởi tay cầm và tấm kính trong có hai lõm.

C. Được cấu tạo bởi giá đỡ và tấm kính trong có hai mặt lõm.

D. Được cấu tạo bởi giá đỡ và tấm kính trong có một mặt lồi, một mặt lõm.

**Câu 10.** Kính lúp không được dùng để quan sát vật mẫu nào sau đây ?

A. Virut                    B. Cánh hoa                    C. Quả dâu tây                    D. Lá bàng

#### **HOẠT ĐỘNG 4: Hoạt động vận dụng (8')**

**a. Mục tiêu:** Vận dụng các kiến thức vừa học quyết các vấn đề học tập và thực tiễn.

**b. Nội dung:** Dạy học trên lớp, hoạt động nhóm, hoạt động cá nhân.

**c. Sản phẩm:** HS vận dụng các kiến thức vào giải quyết các nhiệm vụ đặt ra.

**d. Tổ chức thực hiện:** GV sử dụng phương pháp vấn đáp tìm tòi, tổ chức cho học sinh tìm tòi, mở rộng các kiến thức liên quan.

GV chia lớp thành nhiều nhóm

( mỗi nhóm gồm các HS trong 1 bàn) và giao các nhiệm vụ: thảo luận trả lời các câu hỏi sau và ghi chép lại câu trả lời vào vở bài tập

- Chỉ trên kính các bộ phận của kính hiển vi, và nêu chức năng của chúng?

- Vận dụng quan sát trong thực tế

Vẽ sơ đồ tư duy

#### **4. Hướng dẫn về nhà:**

- Học kỹ phần kính hiển vi để chuẩn bị bài sau làm thí nghiệm.

- Đọc mục Em có biết?

- Chuẩn bị bài mới.

- Dặn lớp mang 1 vài củ hành tây và quả cà chua chín để làm thí nghiệm.

## **Bài 6: THỰC HÀNH: QUAN SÁT TẾ BÀO THỰC VẬT**

### **A/ MỤC TIÊU:**

#### **1. Kiến thức:**

- Tự làm được một tiêu bản tế bào thực vật (tế bào vảy hành hoặc tế bào thịt quả cà chua chín).

#### **2. Năng lực**

Phát triển các năng lực chung và năng lực chuyên biệt

Năng lực chung	Năng lực chuyên biệt
- Năng lực phát hiện vấn đề - Năng lực giao tiếp - Năng lực hợp tác - Năng lực tự học - Năng lực số đông CNTT và TT	- Năng lực kiến thức sinh học - Năng lực thực nghiệm - Năng lực nghiên cứu khoa học

#### **3. Về phẩm chất**

Giúp học sinh rèn luyện bản thân phát triển các phẩm chất tốt đẹp: yêu nước, nhân ái, chăm chỉ, trung thực, trách nhiệm.

## **II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

#### **1. Giáo viên:**

- Giáo án, SGK, Tranh vẽ như SGK, tiêu bản mẫu vật, tranh ảnh.

#### **2. Học sinh**

- Vở ghi, SGK, Nêu và giải quyết vấn đề kết hợp hình vẽ và làm việc với SGK.

## **III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

#### **1. Ổn định lớp:**

#### **2. Kiểm tra bài cũ:**

- Nêu cấu tạo kính hiển vi? Và cách sử dụng?

#### **3. Bài mới :**

#### **HOẠT ĐỘNG 1: Xác định vấn đề/Nhiệm vụ học tập/Mở đầu (5')**

**a. Mục tiêu:** HS biết được các nội dung cơ bản của bài học cần đạt được, tạo tâm thế cho học sinh đi vào tìm hiểu bài mới.

**b. Nội dung:** Giáo viên giới thiệu thông tin liên quan đến bài học.

**c. Sản phẩm:** Học sinh lắng nghe định hướng nội dung học tập.

**d. Tổ chức thực hiện:** Giáo viên tổ chức, học sinh thực hiện, lắng nghe phát triển năng lực quan sát, năng lực giao tiếp.

- GV kiểm tra:

+ Phần chuẩn bị của HS theo nhóm đã phân công.

+ Các bước sử dụng kính hiển vi (bằng cách gọi 1 → 2 HS trình bày).

- GV yêu cầu:

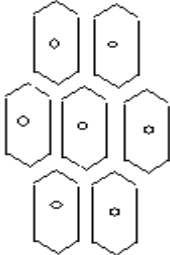
+ Làm được tiêu bản tế bào cà chua hoặc vảy hành.




- + Vẽ lại hình khi quan sát được.
  - + Các nhóm không nói to, không được đi lại lộn xộn.
- GV phát dụng cụ:  
Giáo viên chia lớp ra 4 nhóm: (8 – 10 HS ) mỗi nhóm một bộ gồm kính hiển vi, một khay đựng dụng cụ như kim mũi mác, kim mũi nhọn, dao, lọ nước ống nhỏ nước, giấy thấm, lam kính...
- GV phân công: Một số nhóm làm tiêu bản tế bào vảy hành, một số nhóm làm tiêu bản tế bào thịt cà chua

### HOẠT ĐỘNG 2: Hình thành kiến thức

- a) Mục tiêu:** Tự làm được một tiêu bản tế bào thực vật (tế bào vảy hành hoặc tế bào thịt quả cà chua chín).
- b) Nội dung:** HS căn cứ trên các kiến thức đã biết, làm việc với sách giáo khoa, hoạt động cá nhân, nhóm hoàn thành yêu cầu học tập.
- c) Sản phẩm:** Trình bày được kiến thức theo yêu cầu của GV.
- d) Tổ chức thực hiện:** Hoạt động cá nhân, hoạt động nhóm, dạy học nêu và giải quyết vấn đề; phương pháp thuyết trình; sử dụng đồ dung trực quan

Hoạt động của giáo viên	Hđ của học sinh	Nội dung
<ul style="list-style-type: none"> <li>- Phân dụng cụ cho các nhóm.</li> <li>- Yêu cầu học sinh đọc kỹ các bước tiến hành và thực hiện quan sát tiêu bản.</li> <li>- Quan sát sự thực hiện của các nhóm,</li> <li>- Lưu ý:               <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Lấy biểu bì vảy hành phải thật mỏng mới quan sát được dưới kính hiển vi.</li> <li>+ Thịt quả cá chua lấy thật ít.</li> </ul> </li> <li>- Hướng dẫn các nhóm quan sát và yêu cầu hs vẽ hình quan sát được.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nhóm tiến hành thí nghiệm được phân công.</li> <li>- Nhóm trưởng đọc các bước tiến hành, các hs khác nghe và thực hiện theo hướng dẫn trên bảng phụ.</li> <li>- Nghe gv thông báo những lưu ý khi thực hiện thí nghiệm.</li> <li>- Nhóm thực hiện vẽ hình quan sát được.</li> </ul>	<p><b>I. Quan sát tế bào biểu bì vảy hành dưới kính hiển vi:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Bóc củ hành ra khỏi củ .</li> <li>- Lấy 1 mẫu tế bào biểu bì vảy hành thật mỏng đặt lên lam kính,</li> <li>- Nhỏ lên vật mẫu 1 giọt nước cất và đậy lamén thật nhẹ .</li> <li>- Đặt lên bàn kính quan sát.</li> <li>- <u>Vẽ hình quan sát được.</u></li> </ul> <p><b>II. Quan sát tế bào thịt quả cà chua chín:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Cắt đôi quả cà chua chín,</li> <li>- Dùng kim mũi mác lấy ít thịt quả để lên lam kính.</li> <li>- Nhỏ 1 giọt nước lên vật mẫu và đậy lamén lại thật nhẹ.</li> <li>- Để lên bàn kính quan sát .</li> <li>- <u>Vẽ hình quan sát được.</u></li> </ul>
<ul style="list-style-type: none"> <li>- Hướng dẫn học sinh vẽ các hình quan sát được dưới kính hiển vi. Xác định các thành phần trong tế bào.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Quan sát , xác định những thành phần trong tế bào biểu bì vảy hành và tế bào thịt quả</li> </ul>	<div style="text-align: center;">  <p><u>Tế bào biểu bì vảy hành</u></p> </div>

	cà chua.	 <p><u>Tế bào thịt quả cà chua.</u></p>
--	----------	--

#### 4. Hướng dẫn về nhà:

- Trả lời câu hỏi 1,2 (tr.27 SGK).
- Soạn bài tiếp theo, vẽ hình 7.4 vào vở học.
- Sưu tầm tranh ảnh về hình dạng các tế bào thực vật.

## Bài 7: CẤU TẠO TẾ BÀO THỰC VẬT

### A/ MỤC TIÊU

#### 1. Kiến thức:

- Hiểu được các cơ quan của thực vật đều được cấu tạo bằng tế bào.
- Nêu được những thành phần cấu tạo chủ yếu của tế bào.
- Nêu được khái niệm về mô.

#### 2. Năng lực

Phát triển các năng lực chung và năng lực chuyên biệt

Năng lực chung	Năng lực chuyên biệt
<ul style="list-style-type: none"> <li>- Năng lực phát hiện vấn đề</li> <li>- Năng lực giao tiếp</li> <li>- Năng lực hợp tác</li> <li>- Năng lực tự học</li> <li>- Năng lực sử dụng CNTT và TT</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Năng lực kiến thức sinh học</li> <li>- Năng lực thực nghiệm</li> <li>- Năng lực nghiên cứu khoa học</li> </ul>

#### 3. Về phẩm chất

Giúp học sinh rèn luyện bản thân phát triển các phẩm chất tốt đẹp: yêu nước, nhân ái, chăm chỉ, trung thực, trách nhiệm.

## II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

#### 1. Giáo viên:

- Giáo án, SGK, Tranh vẽ như SGK, tiêu bản mẫu vật, tranh ảnh.

#### 2. Học sinh

- Vở ghi, SGK, Nêu và giải quyết vấn đề kết hợp hình vẽ và làm việc với SGK.

## III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

#### 1. Ổn định lớp:

## 2. Kiểm tra bài cũ:

## 3. Bài mới :

### HOẠT ĐỘNG 1: Xác định vấn đề/Nhiệm vụ học tập/Mở đầu (5')

**a. Mục tiêu:** HS biết được các nội dung cơ bản của bài học cần đạt được, tạo tâm thế cho học sinh đi vào tìm hiểu bài mới.

**b. Nội dung:** Giáo viên giới thiệu thông tin liên quan đến bài học.

**c. Sản phẩm:** Học sinh lắng nghe định hướng nội dung học tập.

**d. Tổ chức thực hiện:** Giáo viên tổ chức, học sinh thực hiện, lắng nghe phát triển năng lực quan sát, năng lực giao tiếp.

Ta đã quan sát những tế bào biểu bì vẩy hành, đó là những khoang hình đa giác, xếp sát nhau. Vậy có phải tất cả các thực vật, các cơ quan của thực vật đều có cấu tạo tế bào giống như vẩy hành hay không?

### HOẠT ĐỘNG 2: Hình thành kiến thức



#### a) Mục tiêu:

- HS hiểu được các cơ quan của thực vật đều được cấu tạo bằng tế bào.
- Biết thành phần cấu tạo chủ yếu của tế bào.
- Nêu được khái niệm về mô.

**b) Nội dung:** HS căn cứ trên các kiến thức đã biết, làm việc với sách giáo khoa, hoạt động cá nhân, nhóm hoàn thành yêu cầu học tập.

**c) Sản phẩm:** Trình bày được kiến thức theo yêu cầu của GV.

**d) Tổ chức thực hiện:** Hoạt động cá nhân, hoạt động nhóm, dạy học nêu và giải quyết vấn đề; phương pháp thuyết trình; sử dụng đồ dung trực quan

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh	Nội dung
<p>- GV yêu cầu HS quan sát hình 7.1, 7.2, 7.3 SGK tr.23, nghiên cứu thông tin để trả lời câu hỏi:</p> <ol style="list-style-type: none"><li>1. Tìm điểm giống nhau cơ bản trong cấu tạo rễ, thân, lá?</li><li>2. Hãy nhận xét hình dạng của tế bào?</li></ol> <p>- GV lưu ý: có thể HS nói là có nhiều ô nhỏ. GV chỉnh mỗi ô nhỏ đó là 1 tế bào.</p> <p>- <b>GV kết luận:</b> Các cơ quan của thực vật như là rễ, thân, lá, hoa, quả đều có cấu tạo bởi các tế bào. Các tế bào có nhiều hình dạng khác nhau: hình</p>	<p>- HS quan sát hình, nghiên cứu thông tin, cá nhân trả lời câu hỏi đặt:</p> <ol style="list-style-type: none"><li>1. Đó là cấu tạo bằng nhiều tế bào.</li><li>2. Tế bào có nhiều hình dạng khác nhau: đa giác, trứng, sợi dài...</li></ol> <p>- HS lắng nghe.</p>	<p><b>1. Hình dạng và kích thước của tế bào:</b></p>  <p><small>Hình 7.2. Lát cắt ngang một phần thân cây</small></p> 

<p>nhiều cạnh như tế bào biểu bì của vảy hành, hình trứng như tế bào thịt quả cà chua, hình sợi dài như tế bào vỏ cây, .....Ngày trong cùng 1 cơ quan, có nhiều loại tế bào khác nhau. Ví dụ thân cây có tế bào biểu bì, thịt vỏ, mạch rây, mạch gỗ, ruột.</p> <p>- GV yêu cầu HS đọc thông tin SGK, rút ra nhận xét về kích thước tế bào.</p> <p>- GV nhận xét ý kiến của HS, rút ra kết luận, cung cấp thêm thông tin: Kích thước của các loại tế bào thực vật rất nhỏ như tế bào mô phân sinh, tế bào biểu bì vảy hành, mà mắt không nhìn thấy được. Nhưng cũng có những tế bào khá lớn như tế bào thịt quả cà chua, tép bưởi, sợi gai mà mắt ta nhìn thấy được. Có nhiều loại tế bào như tế bào mô phân sinh, tế bào thịt quả cà chua có chiều dài và chiều rộng khác nhau, nhưng cũng có những loại tế bào có chiều dài gấp nhiều lần chiều rộng như tép bưởi, sợi gai.</p> <p>- GV nhận xét, cho HS ghi bài.</p>	<p>- Nhận xét: TB có kích thước khác nhau tùy theo loài cây và cơ quan.</p> <p>- HS đọc thông tin-&gt; trình bày ý kiến, HS khác nhận xét bổ sung</p> <p>- HS lắng nghe.</p> <p>- HS ghi bài vào vở.</p>	<p>- Các cơ quan của thực vật như rễ, thân, lá, hoa, quả đều được cấu tạo bởi các tế bào.</p> <p>- Các tế bào có hình dạng và kích thước khác nhau: TB nhiều cạnh như vảy hành, hình trứng như quả cà chua ...</p>
<p>- GV yêu cầu HS nghiên cứu đọc lập nội dung tr.24 SGK, quan sát hình 7.4 SGK tr.24.</p> <p>- GV treo tranh câm: Sơ đồ cấu tạo tế bào thực vật -&gt; gọi HS lên chỉ các bộ phận của tế bào trên tranh.</p> <p>- Gọi HS nhận xét.</p> <p>- GV nhận xét.</p> <p>- <b>GV kết luận:</b> Tuy hình dạng, kích thước tế bào khác nhau</p>	<p>- HS đọc thông tin □ tr.24 SGK. Kết hợp quan sát hình 7.4 SGK tr. 24.</p> <p>- HS lên bảng chỉ tranh và nêu chức năng từng bộ phận:</p> <p>+ Vách TB</p> <p>+ Màng sinh chất</p> <p>+ Chất TB</p> <p>+ Nhân ...</p> <p>- HS khác nhận xét.</p> <p>- HS nghe!</p>	<p><b>2. Cấu tạo tế bào:</b></p> <p>Tế bào gồm:</p> <p>+ Vách tế bào.</p>

<p>nhưng chúng đều có các thành phần chính là vách tế bào, màng sinh chất, chất tế bào, nhân, ngoài ra còn có không bào chứa dịch tế bào.</p> <p>- GV mở rộng: <b>Lục lạp trong chất tế bào có chứa diệp lục làm cho hầu hết cây có màu xanh và góp phần vào quá trình quang hợp.</b></p> <p>- GV cho HS ghi bài</p>	<p>- HS ghi bài vào vở</p>	<p>+ Màng sinh chất. + Chất tế bào. + Nhân. + Ngoài ra còn có không bào chứa dịch tế bào.</p>
--	----------------------------	---

<p>- GV yêu cầu HS quan sát hình 7.5 SGK tr.25 trả lời câu hỏi:</p> <p>1. Nhận xét cấu tạo hình dạng các tế bào của cùng một loại mô, của các loại mô khác nhau?</p> <p>. Rút ra định nghĩa mô.</p> <p>- GV nhận xét, cho HS ghi bài. - GV bổ sung thêm: Chức năng của các tế bào trong một mô, nhất là mô phân sinh làm cho các cơ quan của thực vật lớn lên.</p>	<p>- HS quan sát hình 7.5 SGK tr.25 trả lời câu hỏi:</p> <p>1. Các tế bào trong cùng loại mô có cấu tạo giống nhau, của từng mô khác nhau thì có cấu tạo khác nhau. 2. Mô gồm một nhóm tế bào có hình dạng cấu tạo giống nhau, cùng thực hiện một chức năng.</p> <p>- HS ghi bài vào vở</p>	<p><b>3. Mô</b></p> <p>Mô gồm một nhóm tế bào có hình dạng cấu tạo giống nhau, cùng thực hiện một chức năng.</p>
--	---	--

**HOẠT ĐỘNG 3: Hoạt động luyện tập (10')**

**a. Mục tiêu:** Củng cố, luyện tập kiến thức vừa học.

**b. Nội dung:** Dạy học trên lớp, hoạt động nhóm, hoạt động cá nhân.

**c. Sản phẩm:** Bài làm của học sinh, kỹ năng giải quyết nhiệm vụ học tập.

**d. Tổ chức thực hiện:** Tổ chức theo phương pháp: đặt và giải quyết vấn đề, học sinh hợp tác, vận dụng kiến thức hoàn thành nhiệm vụ.

**GV giao nhiệm vụ cho học sinh làm bài tập trắc nghiệm:**

**Câu 1.** Trong các loại tế bào dưới đây, tế bào nào dài nhất ?

A. Tế bào mô phân sinh ngọn                      B. Tế bào sợi gai  
C. Tế bào thịt quả cà chua                          D. Tế bào tép bưởi

**Câu 2.** Trong cấu tạo của tế bào thực vật, bào quan nào thường có kích thước rất lớn, nằm ở trung tâm tế bào và đóng vai trò quan trọng trong việc duy trì áp suất thẩm thấu ?

A. Nhân                      B. Không bào                      C. Ti thể                      D. Lục lạp

**Câu 3.** Ở tế bào thực vật, bộ phận nào là ranh giới trung gian giữa vách tế bào và chất tế bào ?

A. Không bào                      B. Nhân                      C. Màng sinh chất                      D. Lục lạp

**Câu 4.** Dịch tế bào nằm ở bộ phận nào của tế bào thực vật ?

A. Không bào      B. Nhân      C. Màng sinh chất      D. Lục lạp

**Câu 5.** Ở tế bào thực vật, bộ phận nào có chức năng điều khiển mọi hoạt động sống của tế bào ?

A. Chất tế bào      B. Vách tế bào      C. Nhân      D. Màng sinh chất

**Câu 6.** Trong các bộ phận sau, có bao nhiêu bộ phận có ở cả tế bào thực vật và tế bào động vật ?

1. Chất tế bào      2. Màng sinh chất      3. Vách tế bào      4. Nhân

A. 3      B. 2      C. 1      D. 4

**Câu 7.** Lục lạp hàm chứa trong bộ phận nào của tế bào thực vật ?

A. Chất tế bào      B. Vách tế bào      C. Nhân      D. Màng sinh chất

**Câu 8.** Các tế bào vậy hành thường có hình lục giác, thành phần nào của chúng đã quyết định điều đó ?

A. Không bào      B. Nhân      C. Vách tế bào      D. Màng sinh chất

**Câu 9.** Chọn từ thích hợp để điền vào chỗ trống trong câu sau : ... là nhóm tế bào có hình dạng, cấu tạo giống nhau và cùng nhau đảm nhiệm một chức năng nhất định.

A. Bào quan      B. Mô      C. Hệ cơ quan      D. Cơ thể

**Câu 10.** Ai là người đầu tiên phát hiện ra sự tồn tại của tế bào ?

A. Antonie Leeuwenhoek      B. Gregor Mendel

C. Charles Darwin      D. Robert Hook

#### Đáp án

1. B	2. B	3. C	4. A	5. C
6. A	7. A	8. C	9. B	10. D

#### HOẠT ĐỘNG 4: Hoạt động vận dụng (8')

**a. Mục tiêu:** Vận dụng các kiến thức vừa học quyết các vấn đề học tập và thực tiễn.

**b. Nội dung:** Dạy học trên lớp, hoạt động nhóm, hoạt động cá nhân.

**c. Sản phẩm:** HS vận dụng các kiến thức vào giải quyết các nhiệm vụ đặt ra.

**d. Tổ chức thực hiện:** GV sử dụng phương pháp vấn đáp tìm tòi, tổ chức cho học sinh tìm tòi, mở rộng các kiến thức liên quan.

GV chia lớp thành nhiều nhóm

( mỗi nhóm gồm các HS trong 1 bàn) và giao các nhiệm vụ: thảo luận trả lời các câu hỏi sau và ghi chép lại câu trả lời vào vở bài tập

- Tế bào thực vật có kích thước và hình dạng như thế nào?

- Tế bào thực vật gồm những thành phần chủ yếu nào?

Vẽ lại tế bào trên khổ giấy A4

#### 4. Hướng dẫn về nhà:

- Học bài và trả lời câu hỏi còn lại.

- Đọc phần Em có biết ?

- Ôn lại khái niệm trao đổi chất ở cây xanh (học ở Tiểu học)

- Soạn bài tiếp theo, vẽ hình 8.2 vào vở học.

## **Bài 8: SỰ LỚN LÊN VÀ PHÂN CHIA TẾ BÀO**

### **A/ MỤC TIÊU:**

#### **1. Kiến thức:**

- Biết được tế bào lớn lên như thế nào? Tế bào phân chia như thế nào?
- Hiểu được ý nghĩa của sự lớn lên và phân chia tế bào; ở thực vật chỉ có những tế bào mô phân sinh mới có khả năng phân chia.

#### **2. Năng lực**

Phát triển các năng lực chung và năng lực chuyên biệt

<b>Năng lực chung</b>	<b>Năng lực chuyên biệt</b>
<ul style="list-style-type: none"><li>- Năng lực phát hiện vấn đề</li><li>- Năng lực giao tiếp</li><li>- Năng lực hợp tác</li><li>- Năng lực tự học</li><li>- Năng lực sử dụng CNTT và TT</li></ul>	<ul style="list-style-type: none"><li>- Năng lực kiến thức sinh học</li><li>- Năng lực thực nghiệm</li><li>- Năng lực nghiên cứu khoa học</li></ul>

#### **3. Về phẩm chất**

Giúp học sinh rèn luyện bản thân phát triển các phẩm chất tốt đẹp: yêu nước, nhân ái, chăm chỉ, trung thực, trách nhiệm.

## **II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

#### **1. Giáo viên:**

- Giáo án, SGK, Tranh vẽ như SGK, tiêu bản mẫu vật, tranh ảnh.

#### **2. Học sinh**

- Vở ghi, SGK, Nêu và giải quyết vấn đề kết hợp hình vẽ và làm việc với SGK.

## **III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

#### **1. Ổn định lớp:**

#### **2. Kiểm tra bài cũ:**

- Tế bào thực vật có cấu tạo như thế nào?
- Mô là gì? Kể tên một số loại mô thực vật.

#### **3. Bài mới:**

#### **HOẠT ĐỘNG 1: Xác định vấn đề/Nhiệm vụ học tập/Mở đầu (5')**

**a. Mục tiêu:** HS biết được các nội dung cơ bản của bài học cần đạt được, tạo tâm thế cho học sinh đi vào tìm hiểu bài mới.

**b. Nội dung:** Giáo viên giới thiệu thông tin liên quan đến bài học.

**c. Sản phẩm:** Học sinh lắng nghe định hướng nội dung học tập.

**d. Tổ chức thực hiện:** Giáo viên tổ chức, học sinh thực hiện, lắng nghe phát triển năng lực quan sát, năng lực giao tiếp.

Cơ thể thực vật lớn lên do sự tăng số lượng tế bào qua quá trình phân chia và tăng kích thước của từng tế bào vậy bài học hôm nay ta sẽ tìm hiểu để biết rõ quá trình này.

## HOẠT ĐỘNG 2: Hình thành kiến thức

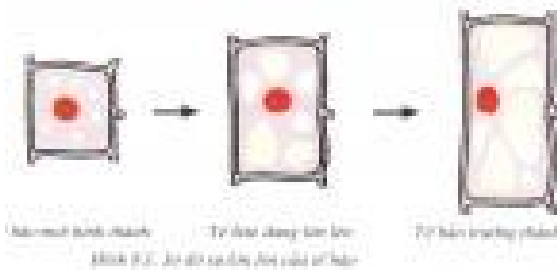
**a) Mục tiêu:**

- HS hiểu được tế bào lớn lên như thế nào? Tế bào phân chia như thế nào?
- Nêu ý nghĩa của sự lớn lên và phân chia tế bào; ở thực vật chỉ có những tế bào mô phân sinh mới có khả năng phân chia.

**b) Nội dung:** HS căn cứ trên các kiến thức đã biết, làm việc với sách giáo khoa, hoạt động cá nhân, nhóm hoàn thành yêu cầu học tập.

**c) Sản phẩm:** Trình bày được kiến thức theo yêu cầu của GV.

**d) Tổ chức thực hiện:** Hoạt động cá nhân, hoạt động nhóm, dạy học nêu và giải quyết vấn đề; phương pháp thuyết trình; sử dụng đồ dung trực quan

<p>GV yêu cầu HS quan sát hình 8.1 SGK tr 27, nghiên cứu thông tin mục □, trao đổi nhóm, trả lời câu hỏi:</p> <p>1. Tế bào lớn lên như thế nào?</p> <p>2. Nhờ đâu mà tế bào lớn lên?</p> <p>- GV gợi ý:</p> <p>+ Tế bào trưởng thành là tế bào không lớn thêm được nữa và có khả năng sinh sản.</p> <p>+ Trên hình 8.1 khi tế bào lớn, phát hiện bộ phận nào tăng kích thước nhiều lên.</p> <p>+ Màu vàng chỉ không bào.</p> <p>- GV nhận xét, bổ sung, rút ra kết luận.</p>	<p>- HS đọc thông tin, quan sát hình 8.1 SGK tr.27 , trao đổi thảo luận → ghi lại ý kiến sau khi đã thống nhất ra giấy -&gt; đại diện 1→2 HS nhóm trình bày → nhóm khác bổ sung cho hoàn chỉnh phần trả lời.</p> <p>1. Tế bào non có kích thước nhỏ, sau đó to dần lên đến một kích thước nhất định ở tế bào trưởng thành. Vách tế bào, màng nguyên sinh chất, chất tế bào lớn lên. Không bào của tế bào non nhỏ, nhiều, của tế bào trưởng thành lớn, chứa đầy dịch tế bào.</p> <p>2. Nhờ quá trình trao đổi chất tế bào lớn dần lên.</p> <p>- HS ghi bài</p>	<p><b>1. Sự lớn lên của tế bào:</b></p> <div style="text-align: center;">  <p style="font-size: small; text-align: center;">Hình 8.1. Sự lớn lên của tế bào thực vật</p> </div> <p>Tế bào non có kích thước nhỏ, lớn dần thành tế bào trưởng thành nhờ quá trình trao đổi chất.</p>
--	---	--



<p>- GV yêu cầu HS đọc to thông tin mục □, quan sát hình 8.2.</p> <p>- GV viết sơ đồ trình bày mối quan hệ giữa sự lớn lên và phân chia của TB:</p> <p>Tế bào <math>\xrightarrow{\text{Sinh trưởng}}</math> non TB</p> <p>trưởng <math>\xleftarrow{\text{Phân chia}}</math> Tế bào non mới.</p> <p>- GV yêu cầu thảo luận nhóm theo 3 CH ở mục ▼.</p> <p>1. Tế bào phân chia như thế nào?</p> <p>2. Các tế bào ở bộ phận nào có khả năng phân chia?</p> <p>3. Các tế bào của thực vật như rễ, thân, lá lớn lên bằng cách nào?</p> <p>- GV nhận xét, cho HS ghi bài</p> <p>- GV đưa ra câu hỏi: Sự lớn lên và phân chia của tế bào có ý nghĩa gì đối với thực vật?</p>	<p>- HS đọc thông tin mục □ SGK tr.28 kết hợp quan sát hình vẽ 8.2 SGK tr.28</p> <p>- HS theo dõi sơ đồ trên bảng và phần trình bày của GV.</p> <p>- HS thảo luận ghi vào giấy, đại diện trả lời đạt:</p> <p>1. Như SGK tr.28</p> <p>2. Tế bào ở mô phân sinh có khả năng phân chia.</p> <p>3. Sự lớn lên của các cơ quan của thực vật là do 2 quá trình phân chia tế bào và sự lớn lên của tế bào:</p> <p>+ Tế bào ở mô phân sinh của rễ, thân, lá phân chia -&gt; tế bào non</p> <p>+ Tế bào non lớn lên -&gt; tế bào trưởng thành.</p> <p>- HS sửa chữa, ghi bài vào vở</p> <p>- HS phải nêu được: Sự lớn lên và phân chia của tế bào giúp thực vật lớn lên (sinh trưởng và phát triển).</p>	<p><b>2: Sự phân chia của tế bào:</b></p> <p>- Tế bào được sinh ra và lớn lên đến một kích thước nhất định sẽ phân chia thành 2 tế bào con, đó là sự phân bào.</p> <p><b>Quá trình phân bào:</b> đầu tiên hình thành 2 nhân, sau đó chất tế bào phân chia, vách tế bào hình thành ngăn đôi tế bào cũ thành 2 tế bào con.</p> <p>- Các tế bào ở mô phân sinh có khả năng phân chia.</p> <p>- Tế bào phân chia và lớn lên giúp cây sinh trưởng và phát triển.</p>
<p align="center"><b>HOẠT ĐỘNG 3: Hoạt động luyện tập (10')</b></p> <p><b>a. Mục tiêu:</b> Củng cố, luyện tập kiến thức vừa học.</p> <p><b>b. Nội dung:</b> Dạy học trên lớp, hoạt động nhóm, hoạt động cá nhân.</p> <p><b>c. Sản phẩm:</b> Bài làm của học sinh, kỹ năng giải quyết nhiệm vụ học tập.</p>		

**d. Tổ chức thực hiện:** Tổ chức theo phương pháp: đặt và giải quyết vấn đề, học sinh hợp tác, vận dụng kiến thức hoàn thành nhiệm vụ.

**GV giao nhiệm vụ cho học sinh làm bài tập trắc nghiệm:**

**Câu 1.** Ở những bộ phận sinh dưỡng, sau khi phân chia thì từ một tế bào mẹ sẽ tạo ra bao nhiêu tế bào con ?

- A. 2                      B. 1                      C. 4                      D. 8

**Câu 2.** Cơ thể thực vật lớn lên chủ yếu tố nào dưới đây ?

1. Sự hấp thụ và ứ đọng nước trong dịch tế bào theo thời gian.
2. Sự gia tăng số lượng tế bào qua quá trình phân chia.
3. Sự tăng kích thước của từng tế bào do trao đổi chất.

- A. 1, 2, 3                  B. 2, 3                  C. 1, 3                  D. 1, 2

**Câu 3.** Sự lớn lên và phân chia của tế bào có ý nghĩa gì đối với đời sống thực vật ?

- A. Tất cả các phương án đưa ra
- B. Giúp cây ức chế được các sâu bệnh gây hại
- C. Giúp cây thích nghi tuyệt đối với điều kiện môi trường
- D. Giúp cây sinh trưởng và phát triển

**Câu 4.** Hiện tượng nào dưới đây không phản ánh sự lớn lên và phân chia của tế bào thực vật ?

- A. Sự gia tăng diện tích bề mặt của một chiếc lá
- B. Sự xẹp, phồng của các tế bào khí khổng
- C. Sự tăng dần kích thước của một củ khoai lang
- D. Sự vươn cao của thân cây tre

**Câu 5.** Ở cơ thể thực vật, loại mô nào bao gồm những tế bào chưa phân hóa và có khả năng phân chia mạnh mẽ ?

- A. Mô phân sinh    B. Mô bì                  C. Mô dẫn                  D. Mô tiết

**Câu 6.** Cho các diễn biến sau :

1. Hình thành vách ngăn giữa các tế bào con
2. Phân chia chất tế bào
3. Phân chia nhân

Sự phân chia tế bào thực vật diễn ra theo trình tự sớm muộn như thế nào ?

- A. 3 - 1 - 2                  B. 2 - 3 - 1                  C. 1 - 2 - 3                  D. 3 - 2 - 1

**Câu 7.** Sự lớn lên của tế bào thực vật có liên quan mật thiết đến quá trình nào dưới đây ?

- A. Tất cả các phương án đưa ra
- B. Trao đổi chất
- C. Sinh sản
- D. Cảm ứng

**Câu 8.** Một tế bào lá tiến hành phân chia liên tiếp 4 lần. Hỏi sau quá trình này, số tế bào con được tạo thành là bao nhiêu ?

- A. 32 tế bào                  B. 4 tế bào                  C. 8 tế bào                  D. 16 tế bào

**Câu 9.** Thành phần nào dưới đây tham gia vào quá trình phân bào ở thực vật ?

- A. Tất cả các phương án đưa ra
- B. Chất tế bào
- C. Vách tế bào
- D. Nhân

**Câu 10.** Phát biểu nào dưới đây về quá trình lớn lên và phân chia của tế bào thực vật là đúng ?

- A. Khi tế bào lớn lên đến một kích thước nhất định thì sẽ xảy ra quá trình phân chia.
- B. Sau mỗi lần phân chia, từ một tế bào mẹ sẽ tạo ra 3 tế bào con giống hệt mình.
- C. Sự phân tách chất tế bào là giai đoạn đầu tiên trong quá trình phân chia.

D. Phân chia tế bào không phải là nhân tố giúp thực vật sinh trưởng và phát triển.

#### Đáp án

1. A	2. B	3. D	4. B	5. A
6. D	7. B	8. D	9. A	10. A

#### HOẠT ĐỘNG 4: Hoạt động vận dụng (8')

**a. Mục tiêu:** Vận dụng các kiến thức vừa học quyết các vấn đề học tập và thực tiễn.

**b. Nội dung:** Dạy học trên lớp, hoạt động nhóm, hoạt động cá nhân.

**c. Sản phẩm:** HS vận dụng các kiến thức vào giải quyết các nhiệm vụ đặt ra.

**d. Tổ chức thực hiện:** GV sử dụng phương pháp vấn đáp tìm tòi, tổ chức cho học sinh tìm tòi, mở rộng các kiến thức liên quan.

#### 1. Chuyển giao nhiệm vụ học tập

GV chia lớp thành nhiều nhóm

(mỗi nhóm gồm các HS trong 1 bàn) và giao các nhiệm vụ: thảo luận trả lời các câu hỏi sau và ghi chép lại câu trả lời vào vở bài tập

- Tế bào ở bộ phận nào của cây có khả năng phân chia? Quá trình phân bào diễn ra như thế nào?

- Sự lớn lên và phân chia của tế bào có ý nghĩa gì đối với thực vật?

#### 2. Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận

- HS trả lời.

- HS nộp vở bài tập.

- HS tự ghi nhớ nội dung trả lời đã hoàn thiện.

#### 4. Hướng dẫn về nhà:

- Học bài; Đọc phần Em có biết ?

- Chuẩn bị rễ cây đậu, nhãn, lúa.....Vẽ hình 9.3 vào vở.

### CHUYÊN ĐỀ: RỄ

#### I. Nội dung chuyên đề

##### 1. Mô tả chuyên đề

##### Sinh học 6

+ **Bài 9:** Các loại rễ, các miền của rễ

+ **Bài 10:** Cấu tạo miền hút của rễ

+ **Bài 11:** Sự hút nước và muối khoáng của rễ cây (2 tiết)

+ **Bài 12:** Thực hành : Biến dạng của rễ

##### 2. Mạch kiến thức của chuyên đề

- Bắt đầu từ chuyên đề này, học sinh đi tìm hiểu các cơ quan của cơ thể thực vật (cơ quan sinh dưỡng và cơ quan sinh sản). Đầu tiên là chuyên đề Rễ sau đó đến

chuyên đề Thân, lá,... Cụ thể trong chuyên đề Rễ học sinh lần lượt nghiên cứu cấu tạo, chức năng của rễ và các loại biến dạng của rễ.

### 3. Thời lượng của chuyên đề

Tổng số tiết	Tuần thực hiện	Tiết theo KHDH	Tiết theo chủ đề	Nội dung của từng hoạt động
5	4,5,6	8	1	<b>Hoạt động 1:</b> Tìm hiểu các loại rễ.
				<b>Hoạt động 2:</b> Tìm hiểu các miền của rễ.
		9	2	<b>Hoạt động 3:</b> Tìm hiểu cấu tạo miền hút của rễ.
				<b>Hoạt động 4:</b> Tìm hiểu chức năng miền hút của rễ.
		10	3	<b>Hoạt động 5.</b> Tìm hiểu nhu cầu nước của cây.
				<b>Hoạt động 6.</b> Tìm hiểu nhu cầu muối khoáng của cây.
				<b>Hoạt động 7.</b> Tìm hiểu sự hút nước và muối khoáng của cây.
				<b>Hoạt động 8.</b> Tìm hiểu những điều kiện bên ngoài ảnh hưởng đến sự hút nước và muối khoáng của cây.
		11	4	<b>Hoạt động 9.</b> Tìm hiểu các loại biến dạng của rễ.
				<b>Hoạt động 10.</b> Tìm hiểu đặc điểm và chức năng các loại biến dạng rễ
12	5			

## II. Tổ chức hoạt động dạy học

### Bài 9: CÁC LOẠI RỄ, CÁC MIỀN CỦA RỄ

#### I/ MỤC TIÊU

##### 1. Kiến thức:

- Nhận biết và phân biệt được hai loại rễ chính: rễ cọc và rễ chùm.
- Phân biệt được cấu tạo và chức năng các miền của rễ.

##### 2. Năng lực

Phát triển các năng lực chung và năng lực chuyên biệt

Năng lực chung	Năng lực chuyên biệt
----------------	----------------------

<ul style="list-style-type: none"> <li>- Năng lực phát hiện vấn đề</li> <li>- Năng lực giao tiếp</li> <li>- Năng lực hợp tác</li> <li>- Năng lực tự học</li> <li>- Năng lực sử dụng CNTT và TT</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Năng lực kiến thức sinh học</li> <li>- Năng lực thực nghiệm</li> <li>- Năng lực nghiên cứu khoa học</li> </ul>
---	---

### 3. Về phẩm chất

Giúp học sinh rèn luyện bản thân phát triển các phẩm chất tốt đẹp: yêu nước, nhân ái, chăm chỉ, trung thực, trách nhiệm.

## II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

### 1. Giáo viên:

- Giáo án, SGK, Tranh vẽ như SGK, tiêu bản mẫu vật, tranh ảnh.

### 2. Học sinh

- Vở ghi, SGK, Nêu và giải quyết vấn đề kết hợp hình vẽ và làm việc với SGK.

## III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

### 1. Ổn định lớp: Nắm sĩ số học sinh

### 2. Kiểm tra bài cũ

- Tế bào ở những bộ phận nào của cây có khả năng phân chia? Quá trình phân bào diễn ra như thế nào?

- Sự lớn lên và sự phân chia tế bào có ý nghĩa gì đối với thực vật?

### 3. Bài mới :

#### HOẠT ĐỘNG 1: Xác định vấn đề/Nhiệm vụ học tập/Mở đầu (5')

**a. Mục tiêu:** HS biết được các nội dung cơ bản của bài học cần đạt được, tạo tâm thế cho học sinh đi vào tìm hiểu bài mới.

**b. Nội dung:** Giáo viên giới thiệu thông tin liên quan đến bài học.

**c. Sản phẩm:** Học sinh lắng nghe định hướng nội dung học tập.

**d. Tổ chức thực hiện:** Giáo viên tổ chức, học sinh thực hiện, lắng nghe phát triển năng lực quan sát, năng lực giao tiếp.

Rễ giữ cho cây được mọc trên đất, Rễ hút nước và muối khoáng hòa tan. Không phải tất cả các loại cây đều có cùng một loại rễ. Bài học hôm nay ta sẽ tìm hiểu

#### HOẠT ĐỘNG 2: Hình thành kiến thức

##### a) Mục tiêu:

- Nhận biết và phân biệt được hai loại rễ chính: rễ cọc và rễ chùm.
- Phân biệt được cấu tạo và chức năng các miền của rễ.

**b) Nội dung:** HS căn cứ trên các kiến thức đã biết, làm việc với sách giáo khoa, hoạt động cá nhân, nhóm hoàn thành yêu cầu học tập.

**c) Sản phẩm:** Trình bày được kiến thức theo yêu cầu của GV.

**d) Tổ chức thực hiện:** Hoạt động cá nhân, hoạt động nhóm, dạy học nêu và giải quyết vấn đề; phương pháp thuyết trình; sử dụng đồ dung trực quan

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS	Nội dung
<ul style="list-style-type: none"> <li>- GV yêu cầu nhóm HS đặt mẫu vật lên bàn.</li> <li>- GV yêu cầu nhóm HS chia rễ cây thành 2 nhóm, hoàn thành bài tập mục ▼ SGK tr.29 trong phiếu.</li> <li>- GV lưu ý giúp đỡ nhóm HS nhận biết tên cây, giải đáp thắc mắc cho từng nhóm.</li> <li>- GV hướng dẫn ghi phiếu học tập (chưa sửa bài tập).</li> <li>- GV tiếp tục yêu cầu HS làm bài tập 2. Đồng thời GV treo tranh câm hình 9.1 tr.29 SGK để HS quan sát.</li> <li>- GV chữa bài tập 2-&gt; chọn một nhóm hoàn chỉnh nhất để nhắc lại cho cả lớp cùng nghe.</li> <li>- GV cho các nhóm đối chiếu các đặc điểm của rễ với tên cây trong nhóm A, B của bài tập 1 đã phù hợp chưa, nếu chưa thì chuyển các cây của nhóm cho đúng.</li> <li>- GV gợi ý bài tập 3 dựa vào đặc điểm có thể gọi tên rễ. (Nếu HS gọi nhóm A là rễ thẳng thì GV có thể chỉnh lại là rễ cọc).</li> <li>- GV hỏi: <i>Đặc điểm của rễ cọc và rễ chùm?</i></li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- HS đặt tất cả cây có rễ của nhóm lên bàn.</li> <li>- Kiểm tra quan sát thật kỹ nhìn những rễ giống nhau đặt vào 1 nhóm -&gt; trao đổi → thống nhất tên cây của từng nhóm → ghi phiếu học tập ở bài tập 1.</li> <li>Bài tập ▼: HS quan sát kỹ rễ của các cây ở nhóm A chú ý kích thước của rễ, cách mọc trong đất, hết hợp với tranh (có một rễ to, nhiều rễ nhỏ) ⇒ ghi lại vào phiếu, tương tự như thế với rễ cây nhóm B.</li> <li>- HS đại diện của 1 → 2 nhóm trình bày → nhóm khác nghe và nhận xét bổ sung.</li> <li>- HS làm bài tập 2. Đại diện nhóm trình bày ý kiến của nhóm.</li> <li>- HS đối chiếu với kết quả đúng để sửa chữa nếu cần.</li> <li>- HS làm bài tập 3 → từng nhóm trình bày, nhóm khác nhận xét → thống nhất tên của rễ cây ở 2 nhóm là Rễ cọc và Rễ chùm.</li> <li>- HS nhìn vào phiếu đã chữa của nhóm đọc to cho cả lớp cùng nghe.</li> <li>- HS trả lời đạt: + Rễ cọc: có một rễ cái to</li> </ul>	<p><b>1. Các loại rễ</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Có 2 loại rễ chính:</li> <li>+ Rễ cọc: có một rễ cái to khỏe, đâm sâu xuống đất và nhiều rễ con mọc xiên, từ rễ con mọc nhiều rễ bé hơn nữa.</li> <li>+ Rễ chùm: gồm nhiều rễ to dài gần bằng nhau, mọc tỏa ra từ gốc thân thành một chùm.</li> </ul> <div style="text-align: center;"> <p>The diagram illustrates two types of root systems. On the left, labeled 'A', is a taproot system (rễ cọc) with a single, thick, vertical primary root and several smaller, fibrous roots branching out horizontally. On the right, labeled 'B', is a fibrous root system (rễ chùm) with many roots of similar thickness and length, spreading out from the base of the stem in a fan-like pattern.</p> </div>

<p>- GV nhận xét, cho HS ghi bài.</p> <p>- GV cho HS xem mẫu vật rễ cọc, rễ chùm -&gt; hoàn thành bài tập SGK tr 30.</p> <p>- GV có thể cho điểm nhóm nào học tốt hay nhóm trung bình có tiến bộ để khuyến khích.</p>	<p>khỏe, đâm thẳng, nhiều rễ con mọc xiên, từ rễ con mọc nhiều rễ nhỏ hơn.</p> <p>+ Rễ chùm: gồm nhiều rễ to dài gần bằng nhau, mọc tỏa từ gốc thân thành chùm.</p> <p>- HS ghi bài vào vở</p> <p>- HS hoạt động cá nhân: Quan sát rễ cây của GV kết hợp với hình 9.2 tr.30 SGK → hoàn thành 2 câu hỏi ở dưới hình.</p>	
---	---	--

**PHIẾU HỌC TẬP**

	<b>Nhóm</b>	<b>A</b>	<b>B</b>
1	Tên cây:	- Cây rau cải, cây mít, cây đậu.	- Cây hành, cỏ dại, ngô.
2	Đặc điểm chung của rễ:	- Có một rễ cái to khỏe đâm thẳng, nhiều rễ con mọc xiên, từ rễ con mọc nhiều rễ nhỏ hơn.	- Gồm nhiều rễ to dài gần bằng nhau, mọc tỏa từ gốc thân thành chùm.
3	Đặt tên rễ:	- Rễ cọc	- Rễ chùm.

<p>- GV cho HS tự nghiên cứu tr.30 SGK.</p> <p>- GV treo tranh câm các miền của rễ -&gt; gọi HS lên bảng điền vào tranh các miền của rễ.</p> <p>- GV hỏi:</p> <p>1. Rễ có mấy miền? Kể tên?</p> <p>2. Chức năng chính của các miền của rễ?</p> <p>- GV nhận xét -&gt; cho HS ghi bài.</p>	<p>- HS đọc nội dung trong khung, quan sát tranh và chú thích → ghi nhớ</p> <p>- 1 HS lên bảng → xác định được các miền -&gt; HS khác theo dõi → nhận xét, sửa lỗi (nếu có).</p> <p>- HS trả lời câu hỏi đặt:</p> <p>Rễ có 4 miền:</p> <p>+ Miền trưởng thành: dẫn truyền.</p> <p>+ Miền hút: hấp thụ nước và muối khoáng.</p> <p>+ Miền sinh trưởng: làm cho rễ dài ra.</p> <p>+ Miền chóp rễ: che chở cho đầu rễ.</p> <p>- HS ghi bài vào vở.</p>	<p><b>2: Các miền của rễ</b></p> <p>Rễ có 4 miền chính</p> <p>+ Miền trưởng thành: có các mạch dẫn dẫn truyền.</p> <p>+ Miền hút: có các lông hút hấp thụ nước và muối khoáng.</p> <p>+ Miền sinh trưởng: có các tế bào phân chia làm cho rễ dài ra.</p> <p>+ Miền chóp rễ: che chở cho đầu rễ.</p>
---	---	---

**HOẠT ĐỘNG 3: Hoạt động luyện tập (10')**

**a. Mục tiêu:** Củng cố, luyện tập kiến thức vừa học.

**b. Nội dung:** Dạy học trên lớp, hoạt động nhóm, hoạt động cá nhân.

**c. Sản phẩm:** Bài làm của học sinh, kỹ năng giải quyết nhiệm vụ học tập.

**d. Tổ chức thực hiện:** Tổ chức theo phương pháp: đặt và giải quyết vấn đề, học sinh hợp tác, vận dụng kiến thức hoàn thành nhiệm vụ.

**GV giao nhiệm vụ cho học sinh làm bài tập trắc nghiệm:**

**Câu 1.** Rễ cọc có đặc điểm nào sau đây ?

A. Bao gồm nhiều rễ cái lớn, từ rễ cái mọc ra nhiều rễ con đâm ngược lên trên mặt đất.

B. Bao gồm một rễ cái lớn, từ rễ cái mọc ra nhiều rễ con đâm xiên xuống mặt đất.

C. Bao gồm nhiều rễ con dài gần bằng nhau, mọc tỏa ra từ gốc thân tạo thành chùm.

D. Bao gồm nhiều rễ con mọc nối tiếp nhau tạo thành chuỗi.

**Câu 2.** Rễ thực vật được phân chia làm mấy loại chính ?

A. 2 loại                      B. 3 loại                      C. 4 loại                      D. 5 loại

**Câu 3.** Cây nào dưới đây có rễ cọc ?

A. Rau dền                      B. Hành hoa                      C. Lúa                      D. Chuối

**Câu 4.** Trong số các cây dưới đây, có bao nhiêu cây có rễ chùm ?

1. Bưởi                      2. Diếp cá                      3. Dừa                      4. Ngô                      5. Bắp lằng

A. 3                      B. 1                      C. 2                      D. 4

**Câu 5.** Nhóm nào dưới đây gồm hai loài thực vật có cùng dạng rễ ?

A. Tỏi và rau ngót                      B. Bèo tấm và tre

C. Mít và riềng                      D. Mía và chanh

**Câu 6.** Cây nào dưới đây có cấu tạo cấu tạo rễ có nhiều sai khác với những cây còn lại ?

A. Bèo cái                      B. Bèo Nhật Bản                      C. Bèo tấm                      D. Đậu xanh

**Câu 7.** Người ta phân chia phần rễ cây mọc trong đất thành mấy miền chính ?

A. 3 miền                      B. 4 miền                      C. 2 miền                      D. 5 miền

**Câu 8.** Cây nào dưới đây có rễ phụ ?

A. Tất cả các phương án đưa ra                      B. Si

C. Trầu không                      D. Ngô

**Câu 9.** Theo chiều từ rễ lên thân, các miền của rễ được sắp xếp theo trình tự như thế nào ?

A. Miền chóp rễ, miền sinh trưởng, miền hút, miền trưởng thành.

B. Miền sinh trưởng, miền chóp rễ, miền hút, miền trưởng thành.

C. Miền chóp rễ, miền hút, miền sinh trưởng, miền trưởng thành.

D. Miền hút, miền chóp rễ, miền trưởng thành, miền sinh trưởng.

**Câu 10.** Trong cấu tạo của rễ, miền trưởng thành đảm nhiệm chức năng gì ?

A. Hấp thụ nước và muối khoáng                      B. Che chở cho đầu rễ

C. Dẫn truyền                      D. Làm cho rễ dài ra

#### Đáp án

1. B	2. A	3. A	4. C	5. B
6. D	7. B	8. A	9. A	10. C

#### HOẠT ĐỘNG 4: Hoạt động vận dụng (8')

**a. Mục tiêu:** Vận dụng các kiến thức vừa học quyết các vấn đề học tập và thực tiễn.

**b. Nội dung:** Dạy học trên lớp, hoạt động nhóm, hoạt động cá nhân.

**c. Sản phẩm:** HS vận dụng các kiến thức vào giải quyết các nhiệm vụ đặt ra.

**d. Tổ chức thực hiện:** GV sử dụng phương pháp vấn đáp tìm tòi, tổ chức cho học sinh tìm tòi, mở rộng các kiến thức liên quan.

GV chia lớp thành nhiều nhóm

( mỗi nhóm gồm các HS trong 1 bàn) và giao các nhiệm vụ: thảo luận trả lời các câu hỏi sau và ghi chép lại câu trả lời vào vở bài tập

- Giới thiệu “Em có biết”
- Rễ gồm mấy miền? Chức năng của miền?



+ Yêu cầu HS kẻ bảng ,tìm ít nhất 10 cây điền vào bảng phân loại rễ cọc ,rễ chùm.  
 +Các em có thể tìm những cây trong vườn nhà ,vườn trường , trên đường đi học hoặc ngoài cánh đồng.

**4. Hướng dẫn về nhà:**

- Học bài.
- Đọc phần Em có biết ?
- Soạn bài tiếp theo.

**Bài 10: CẤU TẠO MIỀN HÚT CỦA RỄ**

**I/ MỤC TIÊU**

**1. Kiến thức:**

- Hiểu được cấu tạo và chức năng các bộ phận miền hút của rễ.
- Bằng quan sát nhận xét thấy được đặc điểm cấu tạo của các bộ phận phù hợp với chức năng của chúng.
- Biết sử dụng kiến thức đã học giải thích một số hiện tượng thực tế có liên quan đến rễ cây.

**2. Năng lực**

Phát triển các năng lực chung và năng lực chuyên biệt

Năng lực chung	Năng lực chuyên biệt
<ul style="list-style-type: none"> <li>- Năng lực phát hiện vấn đề</li> <li>- Năng lực giao tiếp</li> <li>- Năng lực hợp tác</li> <li>- Năng lực tự học</li> <li>- Năng lực sử dụng CNTT và TT</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Năng lực kiến thức sinh học</li> <li>- Năng lực thực nghiệm</li> <li>- Năng lực nghiên cứu khoa học</li> </ul>

**3. Về phẩm chất**

Giúp học sinh rèn luyện bản thân phát triển các phẩm chất tốt đẹp: yêu nước, nhân ái, chăm chỉ, trung thực, trách nhiệm.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Giáo viên:**

- Giáo án, SGK, Tranh vẽ như SGK, tiêu bản mẫu vật, tranh ảnh.

## 2. Học sinh

- Vở ghi, SGK, Nêu và giải quyết vấn đề kết hợp hình vẽ và làm việc với SGK.

## III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

1. **Ổn định lớp:** Năm sĩ số học sinh

2. **Kiểm tra bài cũ**

- Rễ gồm mấy miền? Chức năng mỗi miền?

3. **Bài mới :**

**Hoạt động:** *Tìm hiểu cấu tạo miền hút của rễ*

### HOẠT ĐỘNG 1: Xác định vấn đề/Nhiệm vụ học tập/Mở đầu (5')

**a. Mục tiêu:** HS biết được các nội dung cơ bản của bài học cần đạt được, tạo tâm thế cho học sinh đi vào tìm hiểu bài mới.

**b. Nội dung:** Giáo viên giới thiệu thông tin liên quan đến bài học.

**c. Sản phẩm:** Học sinh lắng nghe định hướng nội dung học tập.

**d. Tổ chức thực hiện:** Giáo viên tổ chức, học sinh thực hiện, lắng nghe phát triển năng lực quan sát, năng lực giao tiếp.

Các miền của rễ cây đều rất quan trọng, nhưng vì sao miền hút lại là phần quan trọng nhất của rễ, cấu tạo của nó như thế nào? bài học hôm nay ta sẽ tìm hiểu vấn đề này.

### HOẠT ĐỘNG 2: Hình thành kiến thức

**a) Mục tiêu:**

- HS nêu được cấu tạo và chức năng các bộ phận miền hút của rễ.
- Nắm được đặc điểm cấu tạo của các bộ phận phù hợp với chức năng của chúng.
- HS giải thích được một số hiện tượng thực tế có liên quan đến rễ cây.

**b) Nội dung:** HS căn cứ trên các kiến thức đã biết, làm việc với sách giáo khoa, hoạt động cá nhân, nhóm hoàn thành yêu cầu học tập.

**c) Sản phẩm:** Trình bày được kiến thức theo yêu cầu của GV.

**d) Tổ chức thực hiện:** Hoạt động cá nhân, hoạt động nhóm, dạy học nêu và giải quyết vấn đề; phương pháp thuyết trình; sử dụng đồ dung trực quan

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS	Nội dung
<p>- GV treo tranh phóng to hình 10.1 và 10.2 SGK giới thiệu:</p> <p>+ Lát cắt ngang qua miền hút và tế bào lông hút.</p> <p>+ Miền hút gồm 2 phần: vỏ và trụ giữa (chỉ giới hạn các phần trên tranh).</p> <p>- GV kiểm tra bằng cách gọi HS nhắc lại.</p>	<p>- HS theo dõi tranh trên bảng ghi nhớ được 2 phần của miền hút: vỏ và trụ giữa.</p> <p>- HS xem chú thích của hình 10.1 tr.32 SGK → ghi ra giấy các bộ phận của phần vỏ và trụ giữa.</p> <p>-1 → 2 HS nhắc lại cấu tạo của</p>	<p><b>*Cấu tạo miền hút của rễ</b></p> <p>- Miền hút của rễ gồm 2 phần: vỏ và trụ giữa. (HS vẽ sơ đồ như bài dạy) + Vỏ gồm biểu bì có nhiều lông hút. Lông hút là do TB biểu bì kéo. Phía trong lông hút là TB thịt vỏ. + Trụ giữa: gồm các mạch gỗ và mạch rây.</p>

<p>- GV ghi sơ đồ lên bảng → cho HS điền tiếp các bộ phận.</p> <p>- GV cho HS nghiên cứu SGK tr.32.</p> <p>- GV yêu cầu HS quan sát lại hình 10.2 trên bảng, trao đổi và trả lời câu hỏi:</p> <p>1. Vì sao mỗi lông hút là một tế bào?</p> <p>- GV nhận xét và cho điểm HS trả lời đúng.</p> <p>- GV cho HS ghi bài</p>	<p>phần vỏ và trụ giữa. HS khác nhận xét, bổ sung.</p> <p>- HS lên bảng điền nốt vào sơ đồ của GV → HS khác bổ sung.</p> <pre> Miền hút ├── Vỏ │   ├── Biểu bì │   └── Thịt vỏ └── Trụ giữa     ├── Mạch rây     └── Mạch gỗ </pre> <p>- HS đọc nội dung ở cột 2 của bảng “Cấu tạo và chức năng của miền hút”. Ghi nhớ nội dung chi tiết cấu tạo của biểu bì, thịt vỏ, mạch rây, mạch gỗ, ruột.</p> <p>- 1 HS đọc lại nội dung trên để cả lớp cùng nghe.</p> <p>- HS chú ý cấu tạo của lông hút có vách tế bào, màng tế bào... để trả lời lông hút là tế bào</p> <p>- HS ghi bài vào vở</p>	
<p>- GV cho HS nghiên cứu SGK tr.32, bảng “Cấu tạo và chức năng của miền hút”, quan sát hình 7.4.</p> <p>- Cho HS thảo luận theo 3 vấn đề:</p> <p>1. Cấu tạo miền hút phù hợp với chức năng thể hiện như thế nào?</p> <p>2. Lông hút có tồn tại mãi không?</p> <p>3. Tìm sự giống nhau và khác nhau giữa tế bào thực vật với tế bào lông hút?</p>	<p>- HS đọc cột 3 trong bảng kết hợp với hình vẽ 10.1 và cột 2 → ghi nhớ nội dung.</p> <p>- Thảo luận đưa ra được ý kiến:</p> <p>1. Phù hợp cấu tạo chức năng: <i>Biểu bì: Các tế bào xếp sát nhau → Bảo vệ...</i></p> <p>2. Lông hút không tồn tại mãi, già sẽ rụng.</p> <p>3. Tế bào lông hút không có diệp lục, có không bào lớn, lông hút mọc dài ra đến đâu thì nhân di chuyển đến đó nên vị trí nhân luôn nằm gần đầu lông hút.</p>	<p><b>2. Tìm hiểu chức năng của miền hút</b></p> <p>- Chức năng:</p> <p>+ Vỏ: Bảo vệ các bộ phận trong rễ, hút nước và muối khoáng hoà tan, chuyển các chất từ lông hút vào trụ giữa.</p> <p>+ Trụ giữa: Chuyển chất hữu cơ đi nuôi cây, chuyển nước và muối khoáng từ rễ lên thân, là chứa chất dự trữ.</p>

<p>- <b>GV gợi ý:</b> Tế bào lông hút có không bào lớn, kéo dài để tìm nguồn thức ăn.</p> <p>- GV nhận xét phần trả lời của nhóm → cho điểm nhóm nào trả lời đúng.</p> <p>- GV đưa ra câu hỏi: Trên thực tế bộ rễ thường ăn sâu, lan rộng, nhiều rễ con, hãy giải thích?</p> <p>- GV cho HS ghi bài</p>	<p>- Đại diện của 1 → 2 nhóm trình bày, nhóm khác nhận xét → bổ sung.</p> <p>- HS dựa vào cấu tạo miền hút, chức năng của lông hút trả lời</p>	
---	--	--

### **HOẠT ĐỘNG 3: Hoạt động luyện tập (10')**

**a. Mục tiêu:** Củng cố, luyện tập kiến thức vừa học.

**b. Nội dung:** Dạy học trên lớp, hoạt động nhóm, hoạt động cá nhân.

**c. Sản phẩm:** Bài làm của học sinh, kỹ năng giải quyết nhiệm vụ học tập.

**d. Tổ chức thực hiện:** Tổ chức theo phương pháp: đặt và giải quyết vấn đề, học sinh hợp tác, vận dụng kiến thức hoàn thành nhiệm vụ.

#### **GV giao nhiệm vụ cho học sinh làm bài tập trắc nghiệm:**

**Câu 1.** Vì sao nói miền hút là phần quan trọng nhất của rễ ?

A. Vì bộ phận này có khả năng tái sinh rất cao, giúp rễ nhanh chóng phục hồi sau khi bị tổn thương.

B. Vì bộ phận này là nơi duy nhất ở rễ chứa mạch rây và mạch gỗ.

C. Vì bộ phận này có chứa nhiều chất dinh dưỡng, giúp cung cấp nguồn năng lượng cho hoạt động của rễ.

D. Vì bộ phận này chứa các lông hút có vai trò hút nước và muối khoáng hòa tan - chức năng quan trọng nhất của rễ thực vật.

**Câu 2.** Lông hút ở rễ là một bộ phận của

A. tế bào thịt vỏ.    B. tế bào biểu bì.    C. tế bào kèm.    D. quản bào.

**Câu 3.** Thành phần nào dưới đây không được tìm thấy ở tế bào lông hút ở rễ ?

A. Nhân            B. Vách tế bào    C. Không bào    D. Lục lạp

**Câu 4.** Khi nói về sự sắp xếp mạch rây và mạch gỗ tại miền hút của rễ, phát biểu nào dưới đây là đúng ?

A. Mạch rây bao bên ngoài, mạch gỗ nằm ở phía trong

B. Mạch rây xếp một phía, mạch gỗ xếp ở phía đối diện

C. Mạch rây và mạch gỗ xếp xen kẽ nhau

D. Mạch gỗ bao bên ngoài, mạch rây nằm ở phía trong

**Câu 5.** Trong cấu tạo miền hút của rễ, bộ phận nào là nơi chứa chất dự trữ ?

A. Ruột            B. Bó mạch        C. Biểu bì        D. Thịt vỏ

**Câu 6.** Các tế bào biểu bì ở miền hút của rễ được sắp xếp thành mấy lớp ?

A. 2 lớp            B. 1 lớp            C. 3 lớp            D. 4 lớp

**Câu 7.** Ở miền hút của rễ, phần trụ giữa bao gồm những thành phần nào ?

A. Biểu bì và ruột                            B. Thịt vỏ và bó mạch

C. Ruột và bó mạch                        D. Mạch rây và mạch gỗ

**Câu 8.** Trong cấu tạo miền hút của rễ, bộ phận nào bao gồm nhiều lớp tế bào có độ lớn khác nhau và có chức năng chuyển các chất từ lông hút vào trụ giữa ?

A. Ruột                      B. Bó mạch                      C. Biểu bì                      D. Thịt vỏ  
**Câu 9.** Thành phần nào dưới đây của miền hút ở rễ bao gồm những tế bào có vách mỏng ?

1. Mạch gỗ                      2. Mạch rây                      3. Ruột  
 A. 2, 3                      B. 1, 2                      C. 1, 3                      D. 1, 2, 3

**Câu 10.** Nếu cắt bỏ lông hút thì ngay lập tức, rễ cây sẽ mất đi khả năng nào dưới đây ?

- A. Hút nước và muối khoáng                      B. Vận chuyển các chất lên thân  
 C. Tăng trưởng về chiều dài                      D. Hô hấp

**Đáp án**

1. D	2. B	3. D	4. C	5. A
6. B	7. C	8. D	9. A	10. A

**HOẠT ĐỘNG 4: Hoạt động vận dụng (8')**

**a. Mục tiêu:** Vận dụng các kiến thức vừa học quyết các vấn đề học tập và thực tiễn.

**b. Nội dung:** Dạy học trên lớp, hoạt động nhóm, hoạt động cá nhân.

**c. Sản phẩm:** HS vận dụng các kiến thức vào giải quyết các nhiệm vụ đặt ra.

**d. Tổ chức thực hiện:** GV sử dụng phương pháp vấn đáp tìm tòi, tổ chức cho học sinh tìm tòi, mở rộng các kiến thức liên quan.

GV chia lớp thành nhiều nhóm

( mỗi nhóm gồm các HS trong 1 bàn) và giao các nhiệm vụ: thảo luận trả lời các câu hỏi sau và ghi chép lại câu trả lời vào vở bài tập

- - Chỉ trên hình vẽ các bộ phận của miền hút và chức năng ?
- Có phải tất cả các rễ cây đều có miền hút không ? vì sao?

Sưu tầm rễ của một số loại cây quanh em

**4. Hướng dẫn về nhà:**

- Học bài và trả lời câu hỏi còn lại SGK.
- Đọc phần Em có biết ?
- Soạn bài tiếp theo.

**Bài 11: SỰ HÚT NƯỚC VÀ MUỐI KHOÁNG CỦA RỄ**

**I/ MỤC TIÊU**

**1. Kiến thức:**

- Biết quan sát nghiên cứu kết quả thí nghiệm để tự xác định được vai trò của nước và một số loại muối khoáng chính đối với cây.
- Xác định được con đường rễ cây hút nước và muối khoáng hòa tan.
- Hiểu được nhu cầu nước và muối khoáng của cây phụ thuộc vào những điều kiện nào?

- Tập thiết kế thí nghiệm đơn giản nhằm chứng minh cho mục đích nghiên cứu của SGK đề ra.

## 2. Năng lực

Phát triển các năng lực chung và năng lực chuyên biệt

Năng lực chung	Năng lực chuyên biệt
<ul style="list-style-type: none"> <li>- Năng lực phát hiện vấn đề</li> <li>- Năng lực giao tiếp</li> <li>- Năng lực hợp tác</li> <li>- Năng lực tự học</li> <li>- Năng lực sử dụng CNTT và TT</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Năng lực kiến thức sinh học</li> <li>- Năng lực thực nghiệm</li> <li>- Năng lực nghiên cứu khoa học</li> </ul>

## 3. Về phẩm chất

Giúp học sinh rèn luyện bản thân phát triển các phẩm chất tốt đẹp: yêu nước, nhân ái, chăm chỉ, trung thực, trách nhiệm.

## II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

### 1. Giáo viên:

- Giáo án, SGK, Tranh vẽ như SGK, tiêu bản mẫu vật, tranh ảnh.

### 2. Học sinh

- Vở ghi, SGK, Nêu và giải quyết vấn đề kết hợp hình vẽ và làm việc với SGK.

## III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

### 1. Ổn định lớp: Nắm sĩ số học sinh

### 2. Kiểm tra bài cũ

Vì sao miền hút là phần quan trọng nhất của rễ? Có phải tất cả các rễ cây đều có miền hút không? Vì sao?

### 3. Bài mới :

#### HOẠT ĐỘNG 1: Xác định vấn đề/Nhiệm vụ học tập/Mở đầu (5')

**a. Mục tiêu:** HS biết được các nội dung cơ bản của bài học cần đạt được, tạo tâm thế cho học sinh đi vào tìm hiểu bài mới.

**b. Nội dung:** Giáo viên giới thiệu thông tin liên quan đến bài học.

**c. Sản phẩm:** Học sinh lắng nghe định hướng nội dung học tập.

**d. Tổ chức thực hiện:** Giáo viên tổ chức, học sinh thực hiện, lắng nghe phát triển năng lực quan sát, năng lực giao tiếp.

Rễ không chỉ giúp cây bám chặt vào đất mà còn giúp cây hút nước và muối khoáng hoà tan từ đất, Vậy rễ cây thực hiện nhiệm vụ đó như thế nào?

#### HOẠT ĐỘNG 2: Hình thành kiến thức

##### a) Mục tiêu:

- HS quan sát nghiên cứu kết quả thí nghiệm để tự xác định được vai trò của nước và một số loại muối khoáng chính đối với cây.

- Xác định được con đường rễ cây hút nước và muối khoáng hòa tan.

**b) Nội dung:** HS căn cứ trên các kiến thức đã biết, làm việc với sách giáo khoa, hoạt

động cá nhân, nhóm hoàn thành yêu cầu học tập.

**c) Sản phẩm:** Trình bày được kiến thức theo yêu cầu của GV.

**d) Tổ chức thực hiện:** Hoạt động cá nhân, hoạt động nhóm, dạy học nêu và giải quyết vấn đề; phương pháp thuyết trình; sử dụng đồ dung trực quan

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS	Nội dung
<p>+ <b>Thí nghiệm 1</b></p> <p>- GV hướng dẫn HS nghiên cứu SGK.</p> <p>- Thảo luận theo 2 câu hỏi mục ▼ thứ nhất:</p> <p>1. Bạn Minh làm thí nghiệm trên nhằm mục đích gì?</p> <p>2. Hãy dự đoán kết quả thí nghiệm và giải thích.</p> <p>- Sau khi HS đã trình bày kết quả → GV thông báo kết quả đúng để cả lớp nghe và bổ sung kết quả của nhóm nếu cần.</p> <p>+ <b>Thí nghiệm 2</b></p> <p>- GV cho các nhóm báo cáo kết quả thí nghiệm cân rau quả ở nhà.</p> <p>- GV cho HS nghiên cứu SGK, thảo luận theo 2 câu hỏi mục ▼ thứ hai:</p> <p>1. Dựa vào kết quả thí nghiệm 1 và 2, em có nhận xét gì về nhu cầu nước của cây?</p> <p>2. Hãy kể tên những cây cần nhiều nước và những cây cần ít nước.</p> <p>- GV lưu ý khi HS kể tên cây cần nhiều nước và ít nước tránh nhầm cây ở nước cần nhiều nước, cây ở cạn cần ít nước.</p>	<p>(HS hoạt động nhóm)</p> <p>- Từng cá nhân trong nhóm đọc thí nghiệm SGK chú ý tới: điều kiện thí nghiệm, tiến hành thí nghiệm.</p> <p>- Thảo luận nhóm → thống nhất ý kiến → ghi lại nội dung cần đạt được, đại diện của 1 → 2 nhóm trình bày kết quả → nhóm khác bổ sung.</p> <p>1. Để chứng minh là cây cần nước như thế nào.</p> <p>2. Dự đoán cây chậu B sẽ héo dần vì thiếu nước.</p> <p>- Các nhóm báo cáo → đưa ra nhận xét chung về khối lượng rau quả sau khi phơi khô là bị giảm.</p> <p>- HS đọc mục □ tr.35 SGK → thảo luận → Đưa ra ý kiến thống nhất</p> <p>- HS trình bày ý kiến → nhóm khác nhận xét và bổ sung.</p> <p>1. Nước cần cho cây, từng loại cây, từng giai đoạn cây cần lượng nước khác nhau.</p> <p>2. HS trả lời theo hiểu biết của mình</p> <p>- HS trả lời theo hiểu biết của mình.</p> <p>- HS rút ra kết luận</p> <p>- HS ghi bài.</p>	<p><b>I. Cây cần nước và các loại muối khoáng:</b></p> <p>1. <u>Nhu cầu nước của cây:</u></p> <p>a) <u>Thí nghiệm:</u></p> <p>- Trồng cải vào 2 chậu đất A, B, tưới nước như nhau.</p> <p>- Những ngày sau chỉ tưới nước ở chậu A, còn chậu B thì không.</p> <p>- Kết quả: chậu B cây chết.</p> <p>b) <u>Kết luận:</u></p> <p>- Tất cả các cây đều cần nước.</p> <p>- Nhu cầu nước phụ thuộc: loại cây, giai đoạn sống, các bộ phận khác nhau của cây.</p>

<p>- GV hỏi: Vì sao cung cấp đủ nước, đúng lúc, cây sẽ sinh trưởng tốt, cho năng suất cao?</p> <p>- Yêu cầu HS rút ra kết luận.</p> <p>- GV nhận xét, cho HS ghi bài.</p>		
<p><b>+ Thí nghiệm 3</b></p> <p>- GV cho HS đọc TN3 SGK tr.35, hỏi:</p> <p>1. Theo em, bạn Tuấn làm thí nghiệm trên để làm gì?</p> <p>2. Dựa vào thí nghiệm trên, em hãy thiết kế 1 thí nghiệm về tác dụng của muối lân và muối kali đối với cây trồng.</p> <p>- GV hướng dẫn HS thiết kế thí nghiệm theo nhóm. Thí nghiệm gồm các bước:</p> <p>+ Mục đích thí nghiệm;</p> <p>+ Đối tượng thí nghiệm;</p> <p>+ Tiến hành: Điều kiện và kết quả.</p> <p>- GV nhận xét bổ sung cho các nhóm vì đây là thí nghiệm đầu tiên các em tập thiết kế.</p> <p>- GV cho HS đọc SGK trả lời câu hỏi mục ▼.</p> <p>1. Em hiểu như thế nào là vai trò của muối khoáng đối với cây?</p> <p>2. Qua kết quả thí nghiệm cùng với bảng số liệu trên giúp em khẳng định điều gì?</p> <p>3. Hãy lấy ví dụ chứng minh nhu cầu muối khoáng của các loại cây, các giai đoạn khác nhau trong chu kì sống của cây không giống nhau.</p> <p>- GV nhận xét → cho điểm HS có câu trả lời đúng.</p>	<p>- HS đọc SGK kết hợp quan sát hình 11.1 và bảng số liệu ở SGK tr.36 → trả lời câu hỏi sau thí nghiệm 3.</p> <p>1. Xem nhu cầu muối đạm của cây.</p> <p>2. HS trong nhóm sẽ thiết kế thí nghiệm của mình theo hướng dẫn của GV.</p> <p>- 1→2 nhóm trình bày thí nghiệm.</p> <p>- HS đọc mục □ SGK tr.36 trả lời câu hỏi ghi vào vở.</p> <p>1. Muối khoáng giúp cây sinh trưởng và phát triển bình thường</p> <p>2. Nhu cầu muối khoáng của các loại cây, các giai đoạn khác nhau trong chu kì sống của cây không giống nhau.</p> <p>3. HS lấy ví dụ</p> <p>- Một vài HS đọc câu trả lời.</p>	<p><b>2. Nhu cầu muối khoáng của cây:</b></p> <p>-Cây cần nhiều loại muối khoáng.</p> <p>-Cây cần nhiều những loại muối khoáng là: đạm, lân, kali. Nhu cầu các muối trên không giống nhau: ở các giai đoạn sống, loại cây khác nhau.</p> <p>-Rễ cây chỉ hấp thụ được muối khoáng hòa tan trong nước.</p>



<p>- GV cho HS nghiên cứu SGK -&gt; làm bài tập mục ▼ SGK  Đáp án: <b>Lông hút, vỏ, mạch gỗ; lông hút</b></p> <p>- GV nhận xét.  - GV treo tranh lên bảng và chỉ lại con đường hút nước và muối khoáng của rễ.  - GV cho HS nghiên cứu SGK trả lời câu hỏi:  1. Bộ phận nào của rễ chủ yếu làm nhiệm vụ hút nước và muối khoáng hòa tan?  2. Tại sao sự hút nước và muối khoáng của rễ không thể tách rời nhau?  - GV nhận xét, cho HS ghi bài.</p>	<p>- HS nghiên cứu SGK tr.37 -&gt; hoàn thành bài tập mục ▼</p> <p>- HS tự sửa bài  - HS lắng nghe.</p> <p>- HS nghiên cứu SGK trả lời đạt:  1. Lông hút chủ yếu làm nhiệm vụ hút nước và muối khoáng hòa tan  2. Vì rễ cây chỉ hút được muối khoáng hòa tan trong nước  - HS ghi bài vào vở.</p>	<p><b>II. Sự hút nước và muối khoáng của rễ:</b>  1. <u>Rễ cây hút nước và muối khoáng như thế nào ?</u>  - Rễ cây hút nước và muối khoáng hòa tan nhờ lông hút.  - Nước và muối khoáng hòa tan trong đất được lông hút hấp thụ chuyển qua vỏ tới mạch gỗ đi đến các bộ phận của cây.</p>
<p>- GV thông báo những điều kiện ảnh hưởng tới sự hút nước và muối khoáng của cây.  - GV gọi HS đọc thông tin tr.38  - GV hỏi:  1. Đất trồng ảnh hưởng tới sự hút nước và muối khoáng của cây như thế nào? Cho ví dụ. Em hãy cho biết, địa phương em đất trồng thuộc loại nào?  2. Cày, xới, cuốc đất có lợi gì?  3. Thời tiết, khí hậu ảnh hưởng thế nào đến sự hút nước và muối khoáng của cây?  4. Tại sao mùa đông, cây ở vùng ôn đới thường rụng lá?  - GV nhận xét, cho HS ghi bài.</p>	<p>- HS lắng nghe  - 2 HS đọc to thông tin</p> <p>1. Dựa vào nội dung thông tin SGK tr.38  2. Làm đất tơi, xốp, giúp rễ con và lông hút lách vào đất dễ dàng, đất giữ được nước và không khí ; tạo điều kiện cho vi khuẩn cố định đạm hoạt động.  3. Dựa thông tin SGK tr.38  4. Nhiệt độ xuống thấp, nước đóng băng làm cho rễ cây không hút được nước và muối khoáng, không có chất dinh dưỡng nuôi cây, lá cây rụng.  - HS ghi bài.</p>	<p>2. <u>Những điều kiện bên ngoài ảnh hưởng đến sự hút nước và muối khoáng của cây:</u>  - Các yếu tố bên ngoài như: thời tiết, khí hậu, các loại đất khác nhau, ... đều ảnh hưởng đến sự hút nước và muối khoáng.  - Cần cung cấp đủ nước và muối khoáng để cây sinh trưởng và phát triển tốt.</p>

### HOẠT ĐỘNG 3: Hoạt động luyện tập (10')

**a. Mục tiêu:** Củng cố, luyện tập kiến thức vừa học.

**b. Nội dung:** Dạy học trên lớp, hoạt động nhóm, hoạt động cá nhân.

**c. Sản phẩm:** Bài làm của học sinh, kỹ năng giải quyết nhiệm vụ học tập.

**d. Tổ chức thực hiện:** Tổ chức theo phương pháp: đặt và giải quyết vấn đề, học sinh hợp tác, vận dụng kiến thức hoàn thành nhiệm vụ.

#### GV giao nhiệm vụ cho học sinh làm bài tập trắc nghiệm:

**Câu 1.** Cây trồng nào dưới đây cần nhiều phân đạm hơn những cây còn lại ?

A. Củ đậu                      B. Khoai lang                      C. Cà rốt                      D. Rau ngót

**Câu 2.** Những loại cây trồng lấy quả, hạt cần nhiều

A. muối đạm và muối lân.                      B. muối đạm và muối kali.  
C. muối lân và muối kali.                      D. muối đạm, muối lân và muối kali.

**Câu 3.** Thực vật cần nhiều nước và muối khoáng ở giai đoạn nào dưới đây ?

A. Hạt đang nảy mầm                      B. Ra hoa  
C. Tạo quả, hình thành củ                      D. Tất cả các phương án đưa ra

**Câu 4.** Chọn các từ/cụm từ thích hợp để điền vào chỗ trống trong câu sau : Nước và muối khoáng hòa tan trong đất được ...(1)... hấp thụ, sau đó được chuyển qua phần ...(2)... tới ...(3)....

A. (1) : lông hút ; (2) : mạch rây ; (3) : mạch gỗ  
B. (1) : lông hút ; (2) : thịt vỏ ; (3) : mạch gỗ  
C. (1) : miền chóp rễ ; (2) : thịt vỏ ; (3) : mạch rây  
D. (1) : lông hút ; (2) : thịt vỏ ; (3) : mạch rây

**Câu 5.** Loại đất nào dưới đây thích hợp để trồng cây công nghiệp ?

A. Đất pha cát                      B. Đất đá ong                      C. Đất đỏ bazan                      D. Đất phù sa

**Câu 6.** Để cho năng suất cao, chúng ta nên trồng các cây hoa màu ở loại đất nào ?

A. Đất đỏ bazan                      B. Đất phù sa                      C. Đất pha cát                      D. Đất đá ong

**Câu 7.** Vì sao khi bị ngập nước lâu ngày, rễ cây sẽ mất đi khả năng hút nước và muối khoáng ?

A. Vì khi đó rễ ở trạng thái trương nước, khiến cho quá trình hút nước ở rễ bị cản trở.  
B. Vì khi đó cây bị thiếu ôxi nên hô hấp ở rễ bị ngừng trệ, điều này khiến cho tế bào rễ nói chung và tế bào lông hút nói riêng bị hủy hoại, mất đi khả năng hút nước và muối khoáng.  
C. Vì khi đó lượng nước và muối khoáng dồi dào nên chúng tự thẩm thấu qua toàn bộ bề mặt rễ, đồng thời lông hút sẽ bị tiêu biến do không còn giữ chức năng hút nước và muối khoáng.  
D. Tất cả các phương án đưa ra.

**Câu 8.** Khả năng hút nước của rễ cây trồng phụ thuộc vào yếu tố nào sau đây ?

A. Đặc điểm sinh học của từng loại cây trồng  
B. Tất cả các phương án đưa ra  
C. Giá thể sinh trưởng (các loại đất trồng, dung dịch dinh dưỡng khác nhau)  
D. Điều kiện khí hậu, thời tiết

**Câu 9.** Trong các thực vật sau đây, thực vật nào có rễ dài nhất ?

A. Dừa nước                      B. Rau má                      C. Cỏ lạc đà                      D. Xương rồng

**Câu 10.** Nhóm nào dưới đây gồm những tác nhân khiến cho nhu cầu nước của cây gia tăng ?

- A. Trời lặng gió, nền nhiệt thấp, độ ẩm cao
- B. Trời nhiều gió, nền nhiệt cao, độ ẩm cao
- C. Trời lặng gió, nền nhiệt thấp, độ ẩm thấp
- D. Trời nhiều gió, nền nhiệt cao, độ ẩm thấp

**Đáp án**

1. D	2. A	3. D	4. B	5. C
6. B	7. B	8. B	9. C	10. D

**HOẠT ĐỘNG 4: Hoạt động vận dụng (8')**

- a. Mục tiêu:** Vận dụng các kiến thức vừa học quyết các vấn đề học tập và thực tiễn.
- b. Nội dung:** Dạy học trên lớp, hoạt động nhóm, hoạt động cá nhân.
- c. Sản phẩm:** HS vận dụng các kiến thức vào giải quyết các nhiệm vụ đặt ra.
- d. Tổ chức thực hiện:** GV sử dụng phương pháp vấn đáp tìm tòi, tổ chức cho học sinh tìm tòi, mở rộng các kiến thức liên quan.

GV chia lớp thành nhiều nhóm

(mỗi nhóm gồm các HS trong 1 bàn) và giao các nhiệm vụ: thảo luận trả lời các câu hỏi sau và ghi chép lại câu trả lời vào vở bài tập

- - Chỉ vào tranh con đường hấp thụ nước và muối khoáng hoà tan.?
- Vì sao rễ cây ăn sâu lan rộng, số lượng rễ con nhiều?

em hãy thiết kế thí nghiệm, để giải thích tác dụng muối lân, muối kali đối với cây?

**4. Hướng dẫn về nhà:**

- Học bài và trả lời câu hỏi cuối sách; Đọc phần Em có biết ?
- Soạn bài tiếp theo; Chuẩn bị cành trầu không, vụn niên thanh, củ cà rốt, củ cải, ....
- Kẻ bảng bài tập SGK vào vở bài tập.

**Bài 12: BIẾN DẠNG CỦA RỄ**

**I/ MỤC TIÊU**

**1. Kiến thức:**

- Phân biệt được 4 loại rễ biến dạng: rễ móc, rễ củ, rễ thở, giác mút. Hiểu được đặc điểm của từng loại rễ biến dạng phù hợp với chức năng của chúng
- Nhận dạng được một số loại rễ biến dạng đơn giản thường gặp

- Giải thích được vì sao phải thu hoạch các cây có rễ củ trước khi ra hoa.

## 2. Năng lực

Phát triển các năng lực chung và năng lực chuyên biệt

Năng lực chung	Năng lực chuyên biệt
<ul style="list-style-type: none"> <li>- Năng lực phát hiện vấn đề</li> <li>- Năng lực giao tiếp</li> <li>- Năng lực hợp tác</li> <li>- Năng lực tự học</li> <li>- Năng lực sử dụng CNTT và TT</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Năng lực kiến thức sinh học</li> <li>- Năng lực thực nghiệm</li> <li>- Năng lực nghiên cứu khoa học</li> </ul>

## 3. Về phẩm chất

Giúp học sinh rèn luyện bản thân phát triển các phẩm chất tốt đẹp: yêu nước, nhân ái, chăm chỉ, trung thực, trách nhiệm.

## II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

### 1. Giáo viên:

- Giáo án, SGK, Tranh vẽ như SGK, tiêu bản mẫu vật, tranh ảnh.

### 2. Học sinh

- Vở ghi, SGK, Nêu và giải quyết vấn đề kết hợp hình vẽ và làm việc với SGK.

## III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

### 1. Ổn định lớp: Năm sĩ số học sinh

### 2. Kiểm tra bài cũ:

- Hãy cho biết nhu cầu nước và muối khoáng của cây?
- Bộ phận nào của rễ có chức năng chủ yếu hấp thụ nước và muối khoáng? Trình bày con đường hút nước và muối khoáng hòa tan của cây.
- Cày, cuốc, xới đất khi trồng, chăm sóc cây có lợi ích gì?

### 3. Bài mới :

#### HOẠT ĐỘNG 1: Xác định vấn đề/Nhiệm vụ học tập/Mở đầu (5')

**a. Mục tiêu:** HS biết được các nội dung cơ bản của bài học cần đạt được, tạo tâm thế cho học sinh đi vào tìm hiểu bài mới.

**b. Nội dung:** Giáo viên giới thiệu thông tin liên quan đến bài học.

**c. Sản phẩm:** Học sinh lắng nghe định hướng nội dung học tập.

**d. Tổ chức thực hiện:** Giáo viên tổ chức, học sinh thực hiện, lắng nghe phát triển năng lực quan sát, năng lực giao tiếp.

Trong thực tế, rễ không chỉ có chức năng hút nước, muối khoáng mà ở 1 số cây rễ còn có những chức năng khác nữa, nên hình dạng và cấu tạo của rễ cũng thay đổi. Vậy có những loại rễ biến dạng nào, chúng có chức năng gì?

#### HOẠT ĐỘNG 2: Hình thành kiến thức

##### a) Mục tiêu:

- HS nêu được có 4 loại rễ biến dạng: rễ móc, rễ củ, rễ thở, giác mút. Hiểu được đặc điểm của từng loại rễ biến dạng phù hợp với chức năng của chúng
- Nhận dạng được một số loại rễ biến dạng đơn giản thường gặp

- Giải thích được vì sao phải thu hoạch các cây có rễ củ trước khi ra hoa.
- b) Nội dung:** HS căn cứ trên các kiến thức đã biết, làm việc với sách giáo khoa, hoạt động cá nhân, nhóm hoàn thành yêu cầu học tập.
- c) Sản phẩm:** Trình bày được kiến thức theo yêu cầu của GV.
- d) Tổ chức thực hiện:** Hoạt động cá nhân, hoạt động nhóm, dạy học nêu và giải quyết vấn đề; phương pháp thuyết trình; sử dụng đồ dung trực quan

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS	Nội dung
<ul style="list-style-type: none"> <li>- GV kiểm tra sự chuẩn bị của nhóm.</li> <li>- GV yêu cầu nhóm HS phân chia rễ thành từng nhóm.</li> <li>- GV gợi ý: Rễ dưới mặt đất: rễ củ, rễ thở; rễ trên thân cây, cành cây: rễ móc; rễ trên cây chủ: giác mút.</li> <li>- GV gọi đại diện nhóm lên trình bày kết quả thảo luận.</li> <li>- GV không nhận xét -&gt; HS sẽ tự sửa ở hoạt động 2.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Các nhóm để mẫu vật lên bàn cho GV kiểm tra.</li> <li>- Nhóm HS dựa vào hình thái màu sắc và cách mọc để phân chia rễ thành từng nhóm.</li> <li>+ Rễ củ</li> <li>+ Rễ móc</li> <li>+ Rễ thở</li> <li>+ Rễ giác mút</li> <li>- Đại diện nhóm trình bày, nhóm khác bổ sung.</li> </ul>	<p><b><u>1:</u> Một số loại rễ biến dạng</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- rễ biến dạng được chia làm 4 loại:</li> <li>+ Rễ củ: Cà rốt, sắn</li> <li>+ Rễ móc: Trầu không.</li> <li>+ Rễ thở: Bụt mọc, bần.</li> <li>+ Rễ giác mút: Tâm gửi</li> </ul>
<ul style="list-style-type: none"> <li>- Yêu cầu HS hoàn thành bảng tr.40</li> <li>- GV treo bảng phụ lên bảng - &gt; gọi HS lên hoàn thành bảng</li> <li>- GV nhận xét.</li> <li>- GV tiếp tục yêu cầu HS làm mục ▼ SGK tr.41, hỏi:</li> <li>1. Có mấy loại rễ biến dạng?</li> <li>2. Chức năng của từng loại rễ biến dạng đối với cây?</li> <li>- GV có thể cho từng cặp HS đặt và trả lời câu hỏi để kiểm tra nhau.</li> <li>- GV nhận xét, cho HS ghi bài.</li> <li>- GV hỏi: Tại sao phải thu hoạch các cây có rễ củ trước khi chúng ra hoa?</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- HS hoàn thành bảng</li> <li>- HS lên bảng -&gt; hoàn thành bảng, HS khác nhận xét.</li> <li>- HS hoàn thành bài tập.</li> <li>- HS căn cứ vào bảng SGK tr.40 trả lời câu hỏi.</li> <li>+ 4 loại rễ biến dạng.</li> <li>+ Chức năng: dự trữ, leo, lấy oxi, lấy thức ăn.</li> <li>- HS ghi bài vào vở</li> <li>- HS trả lời đặt: phải thu hoạch các cây có rễ củ trước khi chúng ra hoa vì chất dự trữ của các củ dùng để cung cấp chất dinh dưỡng cho cây khi ra hoa, kết quả. Sau khi ra hoa, chất dinh dưỡng trong rễ củ bị giảm đi rất nhiều hoặc không còn nữa, làm</li> </ul>	<p><b><u>2:</u> Đặc điểm cấu tạo và chức năng của rễ biến (bảng)</b></p>

- GV: Kết Luận.	cho rễ củ xộp, teo nhỏ lại, chất lượng và khối lượng củ đều giảm. - HS: nghe và ghi bài
-----------------	--

**Bảng học tập.**

Tên rễ biến dạng	Tên cây	Đặc điểm của rễ biến dạng	Chức năng đối với cây
<b>Rễ củ</b>	Cải củ, cà rốt...	Rễ phình to	Chứa chất dự trữ cho cây khi ra hoa, tạo quả
<b>Rễ móc</b>	Trầu không, hồ tiêu, vạn niên thanh	Rễ phụ mọc từ thân, cành trên mặt đất, móc vào trụ bám	Giúp cây leo lên
<b>Rễ thở</b>	Bụt mọc, mả, bần, đước, sù, vẹt, ...	Sống trong điều kiện thiếu không khí. Rễ mọc ngược lên trên mặt đất	Lấy oxi cung cấp cho các phần rễ dưới đất.
<b>Giác mút</b>	Tơ hồng, tầm gửi ...	Rễ biến thành giác mút đâm vào thân hoặc cành của cây khác.	Lấy thức ăn từ cây chủ.

**HOẠT ĐỘNG 3: Hoạt động luyện tập (10')**

**a. Mục tiêu:** Củng cố, luyện tập kiến thức vừa học.

**b. Nội dung:** Dạy học trên lớp, hoạt động nhóm, hoạt động cá nhân.

**c. Sản phẩm:** Bài làm của học sinh, kỹ năng giải quyết nhiệm vụ học tập.

**d. Tổ chức thực hiện:** Tổ chức theo phương pháp: đặt và giải quyết vấn đề, học sinh hợp tác, vận dụng kiến thức hoàn thành nhiệm vụ.

**GV giao nhiệm vụ cho học sinh làm bài tập trắc nghiệm:**

**Câu 1.** Cây nào dưới đây không có rễ thở ?

A. Bần                      B. Bụt mọc                      C. Si                      D. Mả

**Câu 2.** Rễ móc được tìm thấy ở loại cây nào dưới đây ?

A. Tất cả các phương án đưa ra                      B. Vạn niên thanh  
C. Trầu không                      D. Hồ tiêu

**Câu 3.** Cây nào dưới đây không có rễ củ ?

A. Khoai lang                      B. Khoai tây                      C. Cà rốt                      D. Củ đậu

**Câu 4.** Nhóm nào dưới đây gồm những cây có rễ giác mút ?

A. Tầm gửi, tơ hồng                      B. Mồng tơi, kinh giới  
C. Trầu không, mã đề                      D. Mía, dong ta

**Câu 5.** Cây nào dưới đây có loại rễ biến dạng tương tự như rễ biến dạng của cây cải củ ?

A. Gừng                      B. Chuối                      C. Sắn                      D. Bưởi

**Câu 6.** Trong các cây dưới đây, có bao nhiêu cây không có rễ biến dạng ?

1. Lúa                      2. Sù                      3. Vạn niên thanh                      4. Dương xỉ

5. Su hào                      6. Khoai lang

A. 5                      B. 3                      C. 2                      D. 4

**Câu 7.** Đối với cây lấy rễ củ, người ta nên thu hoạch khi nào ?

A. Sau khi cây ra hoa, tạo quả                      B. Sau khi cây ra hoa, trước khi cây tạo quả

- C. Trước khi cây ra hoa, tạo quả      D. Khi quả đã già
- Câu 8.** Loại rễ biến dạng nào có vai trò giúp cây bám vào giá thể để leo lên cao ?  
 A. Giác mút      B. Rễ củ      C. Rễ thở      D. Rễ móc
- Câu 9.** Loại củ nào dưới đây không phải là biến dạng của rễ ?  
 A. Củ đậu      B. Củ khoai lang      C. Củ lạc      D. Củ cà rốt
- Câu 10.** Trong các loại rễ biến dạng, loại nào có ý nghĩa đối với đời sống con người nhất ?  
 A. Rễ củ      B. Rễ móc      C. Giác mút      D. Rễ thở

**Đáp án**

1. C	2. A	3.	4. A	5. C
6. B	7. C	8. D	9. C	10. A

**HOẠT ĐỘNG 4: Hoạt động vận dụng (8')**

- a. Mục tiêu:** Vận dụng các kiến thức vừa học quyết các vấn đề học tập và thực tiễn.
- b. Nội dung:** Dạy học trên lớp, hoạt động nhóm, hoạt động cá nhân.
- c. Sản phẩm:** HS vận dụng các kiến thức vào giải quyết các nhiệm vụ đặt ra.
- d. Tổ chức thực hiện:** GV sử dụng phương pháp vấn đáp tìm tòi, tổ chức cho học sinh tìm tòi, mở rộng các kiến thức liên quan.

GV chia lớp thành nhiều nhóm và giao các nhiệm vụ: thảo luận trả lời các câu hỏi sau và ghi chép lại câu trả lời vào vở bài tập

- Có mấy loại rễ biến dạng, chức năng của chúng là gì?
- Tại sao phải thu hoạch các cây có rễ củ trước khi chúng ra hoa?

Sưu tầm 4 loại biến dạng của rễ

**4. Hướng dẫn về nhà:**

- Học bài và trả lời hoàn chỉnh câu hỏi, làm bài tập cuối sách.
- Mỗi nhóm sưu tầm 4 loại biến dạng của rễ sau: Rễ củ, rễ móc,, rễ thở, rễ giác mút để tiết sau thực hành quan sát- các nhóm quan sát và rút ra nhận xét ở nhà để lên báo cáo.
- Học bài chuẩn bị tiết sau kiểm tra 15 phút.

## Bài 12. THỰC HÀNH - QUAN SÁT BIẾN DẠNG CỦA RỄ

### I/ MỤC TIÊU

#### 1. Kiến thức:

- Quan sát phân biệt được các loại biến dạng của rễ, đặc điểm các loại biến dạng của rễ.
- Cũng cố kiến thức đã học ở bài trước.

#### 2. Năng lực

Phát triển các năng lực chung và năng lực chuyên biệt

Năng lực chung	Năng lực chuyên biệt
<ul style="list-style-type: none"><li>- Năng lực phát hiện vấn đề</li><li>- Năng lực giao tiếp</li><li>- Năng lực hợp tác</li><li>- Năng lực tự học</li><li>- Năng lực sử dụng CNTT và TT</li></ul>	<ul style="list-style-type: none"><li>- Năng lực kiến thức sinh học</li><li>- Năng lực thực nghiệm</li><li>- Năng lực nghiên cứu khoa học</li></ul>

#### 3. Về phẩm chất

Giúp học sinh rèn luyện bản thân phát triển các phẩm chất tốt đẹp: yêu nước, nhân ái, chăm chỉ, trung thực, trách nhiệm.

### II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

#### 1. Giáo viên:

- Giáo án, SGK, Tranh vẽ như SGK, tiêu bản mẫu vật, tranh ảnh.

#### 2. Học sinh

- Vở ghi, SGK, Nêu và giải quyết vấn đề kết hợp hình vẽ và làm việc với SGK.

### III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

#### 1. Ổn định lớp: Năm sĩ số học sinh

#### 2. Kiểm tra bài cũ: Thực hiện kiểm tra 15 phút

#### 3. Bài mới : THỰC HÀNH - QUAN SÁT BIẾN DẠNG CỦA RỄ

Giới thiệu bài: Bài học hôm nay ta sẽ thực hành quan sát các loại biến dạng của rễ để ta có thể phân biệt được chúng và hiểu rõ chức năng từng loại rễ biến dạng đó.

Phát triển bài:

#### Yêu cầu của bài thực hành:

- GV kiểm tra:
  - + Phần chuẩn bị của HS theo nhóm đã phân công.
- GV yêu cầu:
  - + Phân biệt được các loại biến dạng của rễ.
  - + Biết được chức năng của chúng.
  - + Các nhóm không nói to, không được đi lại lộn xộn, ghi chép các ý kiến trong nhóm để báo cáo.
- GV phát dụng cụ: Mỗi nhóm 1 kính lúp quan sát.
- GV phân công: Mỗi nhóm làm độc lập, ghi chép rõ ràng.



Hoạt động của GV	Hoạt động của HS	Nội dung
<ul style="list-style-type: none"> <li>- Gv yêu cầu các nhóm báo cáo sự chuẩn bị và đồng thời gv quan sát.</li> <li>- Yêu cầu HS nhắc lại có mấy loại biến dạng của rễ.</li> <li>- Yêu cầu học sinh chia các mẫu vật đã chuẩn bị thành 4 nhóm mà HS vừa trả lời.</li> <li>- Hỏi: Các nhóm hãy cho biết đặc điểm của các loại rễ đó.</li>   <li>- GV: Gọi nhóm khác bổ xung.</li> <li>- GV: Nhận xét – kết luận.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- HS báo cáo, đặt mẫu vật lên để gv kiểm tra.</li> <li>- Trả lời: Có 4 loại.</li> <li>- HS chia các rễ biến dạng thành 4 nhóm.</li> <li>- Các nhóm thảo luận trả lời: <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Rễ củ: Phình to, chứa chất dự trữ cho cây khi ra hoa, tạo quả.</li> <li>+ Rễ móc: Rễ mọc từ thân, cành giúp cây leo lên</li> <li>+ Rễ thở: Rễ mọc ngược lên, lấy oxi cung cấp cho các phần rễ dưới đất (hô hấp)</li> <li>+ Rễ giác mút: ký sinh vào cây khác. Lấy thức ăn từ cây chủ.</li> </ul> </li> <li>- Nhóm bổ xung: Đúng</li> <li>- HS: Nghe giảng</li> </ul>	<p><b>1. Quan sát một số biến dạng của rễ.</b></p>
<ul style="list-style-type: none"> <li>- Yêu cầu HS nêu từng loại biến dạng của rễ có những cây gì?</li>   <li>- GV: Nhận xét</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Trả lời: <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Rễ củ: Cà rốt, khoai</li> <li>+ R. Móc: Trầu không, hồ tiêu</li> <li>+ R.thở: Bần, mắm, bụt mọc</li> <li>+ R.Giác mút: Tâm gửi, tơ hồng</li> </ul> </li> <li>- Nghe</li> </ul>	<p><b>2. Nhận biết biến dạng của rễ.</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Rễ củ: Cà rốt, sắn</li> <li>+ Rễ móc: Trầu không.</li> <li>+ Rễ thở: Bụt mọc, bần.</li> <li>+ Rễ giác mút: Tâm gửi</li> </ul>

#### 4. KIỂM TRA ĐÁNH GIÁ:

- HS tự nhận xét trong nhóm công việc quan sát mẫu vật.
- GV đánh giá chung buổi thực hành (về ý thức, kết quả).
- Phần cuối: Vệ sinh lớp học.

#### 5. DẶN DÒ:

- Soạn bài tiếp theo, vẽ hình 7.4 vào vở học.

- Chuẩn bị một số loại cành của cây: dâm bụt, rau má, rau đay, cỏ màn trâu, ngọn mồng tơi...

- Kê bảng trang 45 vào vở bài tập.

## CHUYÊN ĐỀ 4: THÂN

### I. Nội dung chuyên đề

#### 1. Mô tả chuyên đề

##### Sinh học 6

- + Bài 13. Cấu tạo ngoài của thân
- + Bài 14. Thân dài ra do đâu?
- + Bài 15. Cấu tạo trong của thân non
- + Bài 16. Thân to ra do đâu?
- + Bài 17. Vận chuyển các chất trong thân
- + Bài 18. Biến dạng của thân

#### 2. Mạch kiến thức của chuyên đề

**Chuyên đề 4. Thân** là chuyên đề tiếp theo tìm hiểu về cơ quan sinh dưỡng ở thực vật, gồm 6 tiết, đi tìm hiểu các nội dung về cấu tạo trong, cấu tạo ngoài của thân, tìm hiểu lí do thân dài ra, thân to ra do đâu, sự vận chuyển các chất trong thân và biến dạng của thân.

#### 3. Thời lượng của chuyên đề

Tổng số tiết	Tuần thực hiện	Tiết theo KHDH	Tiết theo chủ đề	Nội dung của từng hoạt động
6	7,8,9	13	1	<b>Hoạt động 1:</b> Tìm hiểu cấu tạo ngoài của thân
				<b>Hoạt động 2:</b> Tìm hiểu các loại thân
		14	2	<b>Hoạt động 3:</b> Tìm hiểu sự dài ra của thân
				<b>Hoạt động 4:</b> Giải thích những hiện tượng thực tế
		15	3	<b>Hoạt động 5:</b> Tìm hiểu cấu tạo trong của thân non
		16	4	<b>Hoạt động 6:</b> Tìm hiểu tầng phát sinh
				<b>Hoạt động 7:</b> Tìm hiểu dác và dòng
		17	5	<b>Hoạt động 8:</b> Tìm hiểu sự vận chuyển nước và muối khoáng hòa tan của thân
				<b>Hoạt động 9:</b> Tìm hiểu sự vận chuyển chất hữu cơ trong thân
		18	6	<b>Hoạt động 10:</b> Tìm hiểu một số loại biến dạng của thân
				<b>Hoạt động 11:</b> Tìm hiểu đặc điểm, chức năng của một số loại biến dạng

## II. Tổ chức dạy học chuyên đề

### Bài 13: CẤU TẠO NGOÀI CỦA THÂN

#### I/ MỤC TIÊU

##### 1. Kiến thức:

- Hiểu được các bộ phận ngoài của thân gồm: thân chính, cành, chồi ngọn và chồi nách.
- Phân biệt được hai loại chồi chồi nách và chồi ngọn.
- Nhận biết và phân biệt được các loại thân: thân đứng, thân leo, thân bò

##### 2. Năng lực

Phát triển các năng lực chung và năng lực chuyên biệt

Năng lực chung	Năng lực chuyên biệt
<ul style="list-style-type: none"><li>- Năng lực phát hiện vấn đề</li><li>- Năng lực giao tiếp</li><li>- Năng lực hợp tác</li><li>- Năng lực tự học</li><li>- Năng lực sử dụng CNTT và TT</li></ul>	<ul style="list-style-type: none"><li>- Năng lực kiến thức sinh học</li><li>- Năng lực thực nghiệm</li><li>- Năng lực nghiên cứu khoa học</li></ul>

##### 3. Về phẩm chất

Giúp học sinh rèn luyện bản thân phát triển các phẩm chất tốt đẹp: yêu nước, nhân ái, chăm chỉ, trung thực, trách nhiệm.

## II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

##### 1. Giáo viên:

- Giáo án, SGK, Tranh vẽ như SGK, tiêu bản mẫu vật, tranh ảnh.

##### 2. Học sinh

- Vở ghi, SGK, Nêu và giải quyết vấn đề kết hợp hình vẽ và làm việc với SGK.

## III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

##### 1. Ổn định lớp: Năm sĩ số học sinh

##### 2. Kiểm tra bài cũ:

- Kể tên những loại rễ biến dạng và chức năng của chúng.

##### 3. Bài mới :

#### HOẠT ĐỘNG 1: Xác định vấn đề/Nhiệm vụ học tập/Mở đầu (5')

**a. Mục tiêu:** HS biết được các nội dung cơ bản của bài học cần đạt được, tạo tâm thế cho học sinh đi vào tìm hiểu bài mới.

**b. Nội dung:** Giáo viên giới thiệu thông tin liên quan đến bài học.

**c. Sản phẩm:** Học sinh lắng nghe định hướng nội dung học tập.

**d. Tổ chức thực hiện:** Giáo viên tổ chức, học sinh thực hiện, lắng nghe phát triển năng lực quan sát, năng lực giao tiếp.

Thân là cơ quan sinh dưỡng của cây, có chức năng vận chuyển các chất trong cây và nâng đỡ tán lá. Vậy thân gồm những bộ phận nào? có thể chia thân thành mấy loại?

## HOẠT ĐỘNG 2: Hình thành kiến thức

**a) Mục tiêu:** - HS nêu được các bộ phận ngoài của thân gồm: thân chính, cành, chồi ngọn và chồi nách.

- Phân biệt được hai loại chồi chồi nách và chồi ngọn.

- Nhận biết và phân biệt được các loại thân: thân đứng, thân leo, thân bò

**b) Nội dung:** HS căn cứ trên các kiến thức đã biết, làm việc với sách giáo khoa, hoạt động cá nhân, nhóm hoàn thành yêu cầu học tập.

**c) Sản phẩm:** Trình bày được kiến thức theo yêu cầu của GV.

**d) Tổ chức thực hiện:** Hoạt động cá nhân, hoạt động nhóm, dạy học nêu và giải quyết vấn đề; phương pháp thuyết trình; sử dụng đồ dung trực quan

- GV yêu cầu:

+ HS đặt mẫu lên bàn

+ Cá nhân quan sát mẫu từ trên xuống -> trả lời câu hỏi SGK tr.43.

1. Thân mang những bộ phận nào?

2. Những điểm giống nhau giữa thân và cành?

3. Vị trí của chồi ngọn trên thân và cành?

4. Vị trí của chồi nách?

5. Chồi ngọn sẽ phát triển thành bộ phận nào của cây?

GV cần hướng dẫn:  
*Thân chính có hình trụ, trên thân có các thân phụ là cành. Đỉnh thân chính và cành có các chồi ngọn. Dọc thân và cành có lá, ở kẽ lá là chồi nách.*

Để trả lời câu hỏi: những điểm giống nhau giữa thân và cành, GV

- HS thực hiện:

+ HS đặt mẫu lên bàn

+ Quan sát mẫu kết hợp với nghiên cứu SGK -> trả lời đạt

1. Thân cây gồm: thân chính, cành, chồi ngọn và chồi nách.

2. Thân và cành đều có những bộ phận giống nhau: chồi, lá... nên cành còn gọi là thân phụ.

Cành chỉ khác thân ở chỗ: cành do chồi nách phát triển thành, thân do chồi ngọn phát triển thành. Thân thường mọc đứng, cành thường mọc xiên.

3. Đầu thân, đầu cành.

4. Nách lá

5. Phát triển thành thân

- HS lắng nghe.

- HS hoạt động nhóm -> trả lời câu hỏi:

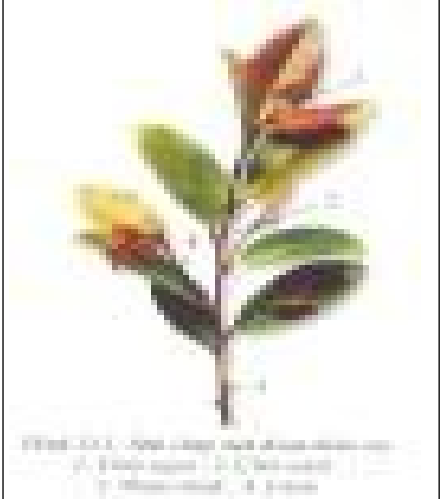
### I. Cấu tạo ngoài của thân:


- Thân cây gồm: thân chính, cành, chồi ngọn và chồi nách.

- Chồi nách có 2 loại là chồi hoa và chồi lá.

+ Chồi hoa: mang các mầm hoa, sẽ phát triển thành hoa.

+ Chồi lá: mang mầm lá, sẽ phát triển thành cành mang lá.



<p>cho HS quan sát 1 cây và 1 cành, hoặc quan sát cành trên cây để thấy rõ cành và thân đều gồm những bộ phận giống nhau nên cành còn được xem là thân phụ.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- GV gọi HS trình bày trước lớp.</li> <li>- GV nhận xét -&gt; dùng tranh 13.1 hoặc mẫu vật nhắc lại các bộ phận của thân.</li> </ul> <p>Quan sát cấu tạo của chồi hoa và lá:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- GV nhấn mạnh: chồi nách gồm 2 loại: chồi lá và chồi hoa nằm ở kẽ lá.</li> <li>- GV yêu cầu HS hoạt động nhóm, quan sát chồi lá ( bí ngô), chồi hoa (hoa hồng) kết hợp với SGK -&gt; trả lời câu hỏi SGK tr.43:</li> <li>- GV có thể tách vảy nhỏ cho HS quan sát.</li> <li>- GV nhận xét</li> <li>- GV yêu cầu HS nhắc lại các bộ phận của thân</li> <li>- GV cho HS ghi bài</li> </ul>	<p>Ở chồi lá và chồi hoa đều có mầm lá bao bọc, nhưng trong chồi lá là mô phân sinh sẽ phát triển thành cành mang lá, còn chồi hoa là mầm hoa sẽ phát triển thành cành mang hoa hoặc hoa.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- HS nhắc lại kiến thức.</li> <li>- HS ghi bài.</li> </ul> 	
<ul style="list-style-type: none"> <li>- GV yêu cầu HS hoạt động theo nhóm, quan sát hình 13.3 SGK tr.44 , phân loại mẫu vật của nhóm -&gt; hoàn thành bảng học tập SGK tr.45</li> <li>- GV gợi ý phân loại: <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Vị trí của thân trên mặt đất: nằm sát đất hay cao so với mặt đất?</li> <li>+ Độ cứng mềm của thân?</li> <li>+ Sự phân cành của thân: có cành hay không có</li> </ul> </li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- HS hoạt động nhóm, thực hiện yêu cầu của GV -&gt; hoàn thành bảng.</li> <li>- HS lắng nghe.</li> <li>- Đại diện HS lên điền bảng</li> <li>- HS tự sửa bài</li> </ul>	<p><b><u>2: Các loại thân</u></b>  Có 3 loại thân:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Thân đứng: <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Thân gỗ: cứng, cao, có cành</li> <li>+ Thân cột: cứng, cao, không cành.</li> <li>+ Thân cỏ: mềm, yếu, thấp.</li> </ul> </li> <li>- Thân leo: leo bằng nhiều cách như thân quấn, tua cuốn,...</li> <li>- Thân bò: mềm yếu, bò lan sát đất.</li> </ul>



- A. Nhài, dâu tây, đậu đen, vừng.      B. Tre, mía, mao lương, xương rồng.  
 C. Chò, giáng hương, phi lao, xà cừ.      D. Ngô, chuối, dưa chuột, băng lăng.

**Câu 10.** Cây nào dưới đây không leo bằng thân quấn, cũng không leo bằng tua cuốn ?

- A. Đậu ván      B. Trầu không      C. Đậu Hà Lan      D. Mướp hương

**Đáp án**

1. A	2. C	3. B	4. D	5. B
6. B	7. D	8. A	9. C	10. B

**HOẠT ĐỘNG 4: Hoạt động vận dụng (8')**

**a. Mục tiêu:** Vận dụng các kiến thức vừa học quyết các vấn đề học tập và thực tiễn.

**b. Nội dung:** Dạy học trên lớp, hoạt động nhóm, hoạt động cá nhân.

**c. Sản phẩm:** HS vận dụng các kiến thức vào giải quyết các nhiệm vụ đặt ra.

**d. Tổ chức thực hiện:** GV sử dụng phương pháp vấn đáp tìm tòi, tổ chức cho học sinh tìm tòi, mở rộng các kiến thức liên quan.

Trò chơi ô chữ: Em hãy đoán xem tên của một loại cây gồm 7 chữ cái ( điền vào tương ứng 7 ô dưới đây). Biết rằng:

- Là loài cây thân leo, leo bằng thân quấn.
- Chúng có đặc điểm: Thân, lá: màu xanh, mềm, nhớt
- Chúng mọc ven lề đường, đồi núi, nương rẫy.
- Lá và ngọn rất thường được nhân dân ta dùng để nấu canh cua

--	--	--	--	--	--	--

Về nhà ngắt ngọn cây trong vườn, sau 1 tuần quan sát kết quả và báo cáo

**4. Hướng dẫn về nhà:**

- Làm bài tập SGK tr.45.
- Soạn bài và làm thí nghiệm bài 14: Thân dài ra do đâu, theo SGK và báo cáo kết quả thí nghiệm.

## Bài 14: THÂN DÀI RA DO ĐÂU ?

### I/ MỤC TIÊU

#### 1. Kiến thức:

- Qua thí nghiệm, HS tự phát hiện: thân dài ra do phần ngọn
- Vận dụng cơ sở khoa học của bấm ngọn, tỉa cành để giải thích một số hiện tượng trong thực tế sản xuất.

#### 2. Năng lực

Phát triển các năng lực chung và năng lực chuyên biệt

Năng lực chung	Năng lực chuyên biệt
<ul style="list-style-type: none"><li>- Năng lực phát hiện vấn đề</li><li>- Năng lực giao tiếp</li><li>- Năng lực hợp tác</li><li>- Năng lực tự học</li><li>- Năng lực sử dụng CNTT và TT</li></ul>	<ul style="list-style-type: none"><li>- Năng lực kiến thức sinh học</li><li>- Năng lực thực nghiệm</li><li>- Năng lực nghiên cứu khoa học</li></ul>

#### 3. Về phẩm chất

Giúp học sinh rèn luyện bản thân phát triển các phẩm chất tốt đẹp: yêu nước, nhân ái, chăm chỉ, trung thực, trách nhiệm.

### II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

#### 1. Giáo viên:

- Giáo án, SGK, Tranh vẽ như SGK, tiêu bản mẫu vật, tranh ảnh.

#### 2. Học sinh

- Vở ghi, SGK, Nêu và giải quyết vấn đề kết hợp hình vẽ và làm việc với SGK.

### III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

#### 1. Ổn định lớp: Năm sĩ số học sinh

#### 2. Kiểm tra bài cũ:

- Thân gồm có những bộ phận nào? Sự khác nhau giữa chồi hoa và chồi lá.
- Có mấy loại thân? Kể tên một số loại cây có những loại thân đó.

#### 3. Bài mới :

#### **HOẠT ĐỘNG 1: Xác định vấn đề/Nhiệm vụ học tập/Mở đầu**

**a. Mục tiêu:** HS biết được các nội dung cơ bản của bài học cần đạt được, tạo tâm thế cho học sinh đi vào tìm hiểu bài mới.

**b. Nội dung:** Giáo viên giới thiệu thông tin liên quan đến bài học.

**c. Sản phẩm:** Học sinh lắng nghe định hướng nội dung học tập.

**d. Tổ chức thực hiện:** Giáo viên tổ chức, học sinh thực hiện, lắng nghe phát triển năng lực quan sát, năng lực giao tiếp.

Trong thực tế, khi trồng rau ngót, thỉnh thoảng người ta cắt ngang thân, làm như vậy có tác dụng gì? Để trả lời được câu hỏi đó thì hôm nay cô cùng các em nghiên cứu bài



14.

### HOẠT ĐỘNG 2: Hình thành kiến thức

**a) Mục tiêu:**

- HS hiểu được thân dài ra do phần ngọn
- Vận dụng cơ sở khoa học của bấm ngọn, tỉa cành để giải thích một số hiện tượng trong thực tế sản xuất.

**b) Nội dung:** HS căn cứ trên các kiến thức đã biết, làm việc với sách giáo khoa, hoạt động cá nhân, nhóm hoàn thành yêu cầu học tập.

**c) Sản phẩm:** Trình bày được kiến thức theo yêu cầu của GV.

**d) Tổ chức thực hiện:** Hoạt động cá nhân, hoạt động nhóm, dạy học nêu và giải quyết vấn đề; phương pháp thuyết trình; sử dụng đồ dùng trực quan

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS	Nội dung
<p>- GV cho HS báo cáo kết quả thí nghiệm</p> <p>- GV ghi nhanh kết quả lên bảng</p> <p>- GV cho HS thảo luận nhóm trả lời câu hỏi mục ▼ SGK tr.46</p> <p>1. So sánh chiều cao của 2 nhóm cây trong thí nghiệm: ngắt ngọn và không ngắt ngọn.</p> <p>2. Từ thí nghiệm trên, cho biết thân dài ra do đâu?</p> <p>3. Giải thích vì sao thân dài ra được?</p> <p>- GV nhận xét.</p> <p>- GV cho HS đọc thông tin mục □ tr.47.</p> <p>- GV giải thích cho HS: <i>Thường bấm ngọn cây trước khi cây ra hoa vì:</i></p> <p>+ <i>Khi bấm ngọn, cây không cao lên, chất dinh dưỡng dồn xuống cho chồi hoa, chồi lá phát triển.</i></p> <p>+ <i>Tỉa cành xấu, cành sâu kết hợp với bấm ngọn, để thức ăn dồn xuống các cành còn lại làm cho chồi, hoa, quả, lá</i></p>	<p>- Đại diện nhóm báo cáo kết quả thí nghiệm</p> <p>- Nhóm HS thảo luận, trả lời đạt:</p> <p>1. Cây bị ngắt ngọn thấp hơn cây không bị ngắt ngọn</p> <p>2. Thân dài ra do phần ngọn</p> <p>3. Do sự phân chia và lớn lên của các tế bào mô phân sinh ở ngọn.</p> <p>- HS đọc to thông tin mục □ SGK tr.47.</p> <p>- HS lắng nghe</p> <div data-bbox="638 1635 1197 1971" style="text-align: center;"> </div>	<p><b>I. Sự dài ra của thân:</b></p> <p>1) <u>Thí nghiệm:</u> sgk</p> <p>-Kết quả:</p> <p>+ Cây không ngắt ngọn có cao thêm.</p> <p>+ Cây ngắt ngọn không cao thêm được.</p> <p>2) <u>Kết luận:</u> Cây dài ra do sự phân chia các tế bào ở mô phân sinh ngọn. Vậy, cây dài ra là do phần ngọn.</p> <p>3) <u>Ứng dụng :</u></p> <p>-Bấm ngọn : với cây lấy hoa, quả, hạt.</p> <p>-Tỉa cành : đối với cây lấy gỗ, sợi.</p>

<p><i>phát triển.</i>  <i>Đối với cây lấy gỗ, lấy sợi, thì không bấm ngọn vì phải để cây mọc cao mới cho gỗ tốt, sợi tốt. Nhưng cũng cần thường xuyên tỉa cành xấu, cành sâu để chất dinh dưỡng được tập trung vào thân chính.</i></p> <p>- GV cho HS rút kết luận -&gt; ghi bài</p>	<p>- HS ghi bài vào vở</p>	
<p>- GV yêu cầu HS hoạt động theo nhóm giải thích từng hiện tượng thực tế nêu ở SGK tr.47.</p> <p>- GV nhận xét phần trả lời và bổ sung của các nhóm -&gt; nêu câu hỏi:</p> <ol style="list-style-type: none"> <li>Những loại cây nào người ta thường bấm ngọn?</li> <li>Những cây nào người ta thường tỉa cành?</li> <li>Khi trồng rau ngót, thỉnh thoảng người ta thường cắt ngang thân, làm như vậy có tác dụng gì?</li> </ol> <p>- GV nhận xét, cho HS ghi bài.</p>	<p>- Nhóm HS thảo luận, đại diện nhóm trình bày ý kiến của nhóm.</p> <p>- Các nhóm tự sửa sai, tiếp tục thảo luận -&gt; trả lời câu hỏi đặt</p> <ol style="list-style-type: none"> <li>Bấm ngọn đối với những loại cây lấy hoa, quả, hạt hay thân như rau muống, hoa hồng, mướp, ...</li> <li>Tỉa cành với những cây lấy gỗ, sợi như bạch đàn, lim,...</li> <li>Để cây ra nhiều ngọn non</li> </ol> <p>- HS ghi bài</p>	<p><b>II. Giải thích những hiện tượng thực tế:</b></p> <p>- Bấm ngọn: Ví dụ: bầu, mướp, dưa leo, ...</p> <p>- Tỉa cành: Ví dụ: đay, gai, trà..</p> <p>- Kết luận : Ta có thể bấm ngọn hoặc tỉa cành để cây phát triển theo mong muốn sản xuất.</p>
<p style="text-align: center;"><b>HOẠT ĐỘNG 3: Hoạt động luyện tập (10')</b></p> <p><b>a. Mục tiêu:</b> Củng cố, luyện tập kiến thức vừa học.</p> <p><b>b. Nội dung:</b> Dạy học trên lớp, hoạt động nhóm, hoạt động cá nhân.</p> <p><b>c. Sản phẩm:</b> Bài làm của học sinh, kỹ năng giải quyết nhiệm vụ học tập.</p> <p><b>d. Tổ chức thực hiện:</b> Tổ chức theo phương pháp: đặt và giải quyết vấn đề, học sinh hợp tác, vận dụng kiến thức hoàn thành nhiệm vụ.</p>		
<p style="text-align: center;"><b>GV giao nhiệm vụ cho học sinh làm bài tập trắc nghiệm:</b></p> <p><b>Câu 1.</b> Cây nào dưới đây có tốc độ tăng trưởng chiều dài thân lớn hơn những cây còn lại ?</p> <p>A. Bưởi                      B. Mướp                      C. Lim                      D. Thông</p> <p><b>Câu 2.</b> Thân cây gỗ dài ra là do sự phân chia tế bào của loại mô nào ?</p> <p>A. Mô rỗ                      B. Mô dẫn                      C. Mô che chở                      D. Mô phân sinh ngọn</p> <p><b>Câu 3.</b> Việc ngắt ngọn khi trồng đậu, cà phê là nhằm mục đích gì ?</p> <p>A. Giúp cây tạo ra nhiều lá phục vụ nhu cầu của con người</p> <p>B. Giảm sự thất thoát nước của cây</p>		

C. Tập trung chất dinh dưỡng cho sự ra hoa, tạo quả của cây

D. Tất cả các phương án đưa ra

**Câu 4.** Dựa vào tốc độ tăng trưởng chiều dài thân, em hãy cho biết cây nào dưới đây không cùng nhóm với những cây còn lại ?

A. Mồng tơi

B. Xoan

C. Mun

D. Vàng tâm

**Câu 5.** Khi trồng cây lấy sợi, để tập trung chất dinh dưỡng nuôi thân chính, người ta thường

A. bón thúc liên tục cho cây.

B. cắt bỏ hết hoa và lá.

C. bấm ngọn cho cây.

D. tỉa cành xấu, cành bị sâu.

**Câu 6.** Cây nào dưới đây không nên bấm ngọn khi trồng ?

A. Chè

B. Bạch đàn

C. Đậu xanh

D. Cà phê

**Câu 7.** Cây thân gỗ sẽ ngừng phát triển chiều dài thân chính nếu chúng ta

A. không bón thúc cho cây.

B. đốn các cành lân cận thân chính.

C. tỉa bớt lá.

D. cắt bỏ ngọn cây.

**Câu 8.** Cây nào dưới đây vẫn có thể dài ra nếu bị cắt bỏ ngọn ?

A. Cây chuối

B. Cây mít

C. Cây trúc

D. Cây khế

**Câu 9.** Cây nào dưới đây có mô phân sinh giống ?

A. Vừng

B. Lạc

C. Lúa

D. Khoai lang

**Câu 10.** Người ta thường ngắt ngọn cà phê khi nào ?

A. Trước khi cây ra hoa, tạo quả

B. Sau khi cây ra hoa, tạo quả

C. Khi cây non được 1 tháng tuổi

D. Sau khi đã thu hoạch quả chín

#### Đáp án

1. B	2. D	3. C	4. A	5. D
6. B	7. D	8. C	9. C	10. A

#### HOẠT ĐỘNG 4: Hoạt động vận dụng (8')

**a. Mục tiêu:** Vận dụng các kiến thức vừa học quyết các vấn đề học tập và thực tiễn.

**b. Nội dung:** Dạy học trên lớp, hoạt động nhóm, hoạt động cá nhân.

**c. Sản phẩm:** HS vận dụng các kiến thức vào giải quyết các nhiệm vụ đặt ra.

**d. Tổ chức thực hiện:** GV sử dụng phương pháp vấn đáp tìm tòi, tổ chức cho học sinh tìm tòi, mở rộng các kiến thức liên quan.

GV chia lớp thành nhiều nhóm

( mỗi nhóm gồm các HS trong 1 bàn) và giao các nhiệm vụ: thảo luận trả lời các câu hỏi sau và ghi chép lại câu trả lời vào vở bài tập

- Một bác nông dân trồng rất nhiều cây, nhưng không rõ cây nào cần bấm ngọn để tăng năng suất. Bằng những hiểu biết của em về kiến thức sinh học, hãy giúp bác ấy xác định cây bấm ngọn và cây không bấm ngọn trong số các cây ở trong vườn nhà bác ấy nhé.

liên hệ thực tế ở gia đình và ở địa phương.

#### 4. Hướng dẫn về nhà:

- Học bài và trả lời câu hỏi cuối sách, làm bài tập SGK tr.47; Đọc phần Em có biết ?

- Ôn lại bài Cấu tạo miền hút của rễ. Soạn bài, vẽ hình 15.1 vào vở bài tập.

## Bài 15: CẤU TẠO TRONG CỦA THÂN NON

### I/ MỤC TIÊU

#### 1. Kiến thức:

- Hiểu được đặc điểm cấu tạo của thân non, so sánh với cấu tạo trong của rễ (miền hút).
- Nêu được đặc điểm cấu tạo của vỏ, trụ giữa phù hợp với chức năng của chúng.

#### 2. Năng lực

Phát triển các năng lực chung và năng lực chuyên biệt

Năng lực chung	Năng lực chuyên biệt
<ul style="list-style-type: none"><li>- Năng lực phát hiện vấn đề</li><li>- Năng lực giao tiếp</li><li>- Năng lực hợp tác</li><li>- Năng lực tự học</li><li>- Năng lực sử dụng CNTT và TT</li></ul>	<ul style="list-style-type: none"><li>- Năng lực kiến thức sinh học</li><li>- Năng lực thực nghiệm</li><li>- Năng lực nghiên cứu khoa học</li></ul>

#### 3. Về phẩm chất

Giúp học sinh rèn luyện bản thân phát triển các phẩm chất tốt đẹp: yêu nước, nhân ái, chăm chỉ, trung thực, trách nhiệm.

### II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

#### 1. Giáo viên:

- Giáo án, SGK, Tranh vẽ như SGK, tiêu bản mẫu vật, tranh ảnh.

#### 2. Học sinh

- Vở ghi, SGK, Nêu và giải quyết vấn đề kết hợp hình vẽ và làm việc với SGK.

### III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

#### 1. Ổn định lớp: Năm sĩ số học sinh

#### 2. Kiểm tra bài cũ:

Nêu thí nghiệm để biết cây dài ra do bộ phận nào.

Bấm ngọn, tỉa cành có lợi gì? Những loại cây nào thì bấm ngọn, những loại cây nào thì tỉa cành?

#### 3. Bài mới :

#### HOẠT ĐỘNG 1: Xác định vấn đề/Nhiệm vụ học tập/Mở đầu (5')

**a. Mục tiêu:** HS biết được các nội dung cơ bản của bài học cần đạt được, tạo tâm thế cho học sinh đi vào tìm hiểu bài mới.

**b. Nội dung:** Giáo viên giới thiệu thông tin liên quan đến bài học.

**c. Sản phẩm:** Học sinh lắng nghe định hướng nội dung học tập.

**d. Tổ chức thực hiện:** Giáo viên tổ chức, học sinh thực hiện, lắng nghe phát triển năng lực quan sát, năng lực giao tiếp.

Thân non của tất cả các loại cây là phần ngọn thân và ngọn cành, chúng thường có màu xanh

lục. Cấu tạo trong của thân non như thế nào? giống và khác gì so với cấu tạo rễ cây?

### HOẠT ĐỘNG 2: Hình thành kiến thức

- a) Mục tiêu:** đặc điểm cấu tạo của thân non, so sánh với cấu tạo trong của rễ (miền hút).  
- đặc điểm cấu tạo của vỏ, trụ giữa phù hợp với chức năng của chúng.
- b) Nội dung:** HS căn cứ trên các kiến thức đã biết, làm việc với sách giáo khoa, hoạt động cá nhân, nhóm hoàn thành yêu cầu học tập.
- c) Sản phẩm:** Trình bày được kiến thức theo yêu cầu của GV.
- d) Tổ chức thực hiện:** Hoạt động cá nhân, hoạt động nhóm, dạy học nêu và giải quyết vấn đề; phương pháp thuyết trình; sử dụng đồ dung trực quan

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS	Nội dung
<ul style="list-style-type: none"> <li>- GV yêu cầu HS quan sát hình 15.1 SGK tr.49, ghi nhớ từng bộ phận của thân non</li> <li>- GV gọi HS lên bảng <i>chỉ tranh và trình bày cấu tạo của thân non.</i></li> <li>- GV nhận xét.</li> <li>- GV yêu cầu HS hoạt động nhóm, hoàn thành bảng Cấu tạo trong và chức năng các bộ phận của thân non.</li> <li>- GV gọi đại diện nhóm trình bày cấu tạo và chức năng từng bộ phận.</li> <li>- GV nhận xét, cho HS ghi bài.</li> <li>- GV cần cung cấp cho HS: <i>Khi cây trưởng thành, cấu tạo trong của thân đổi.</i> <i>Các bó mạch của một số loại cây không xếp thành một vòng mà xếp lộn xộn.</i></li> <li>- GV gọi HS đọc mục Em có biết? -&gt; học thuộc.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- HS quan sát hình 15.1 SGK tr.49, ghi nhớ từng bộ phận của thân non</li> <li>- HS lên bảng chỉ tranh</li> <li>- Nhóm HS thảo luận, hoàn thành bảng.</li> <li>- Đại diện HS trình bày ý kiến của nhóm, nhóm khác bổ sung</li> <li>- HS ghi bài vào vở.</li> <li>- HS lắng nghe</li> <li>- HS đọc mục Em có biết? và học thuộc.</li> </ul>	<p><b><u>1: Cấu tạo trong của thân non</u></b> Cấu tạo thân non gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Vỏ</li> <li>+ Biểu bì: gồm một lớp tế bào trong suốt, xếp sát nhau -&gt; bảo vệ bộ phận bên trong.</li> <li>+ Thịt vỏ: gồm nhiều lớp tế bào lớn hơn, một số tế bào chứa chất diệp lục -&gt; dự trữ và tham gia quang hợp.</li> <li>- Trụ giữa:</li> <li>+ Bó mạch: <b>Mạch rây:</b> gồm những tế bào sống, vách mỏng -&gt; vận chuyển chất hữu cơ. <b>Mạch gỗ:</b> gồm những tế bào có vách hóa gỗ dày, không có chất tế bào -&gt; vận chuyển muối khoáng và nước</li> <li>+ Ruột: gồm những tế bào có vách mỏng -&gt; chứa chất dự trữ.</li> </ul>

<p>- GV treo tranh hình 15.1, 10.1 lên bảng -&gt; gọi HS lên bảng chỉ các bộ phận cấu tạo thân non và rễ.</p> <p>- GV hướng dẫn HS làm bài tập mục ▼ SGK tr.50 + <i>Thân, rễ được cấu tạo bằng gì?</i> + <i>Có những bộ phận nào?</i> + <i>Vị trí của các bó mạch?</i> + <i>Cấu tạo vỏ của rễ và lông hút có gì khác nhau?</i></p> <p>- GV gọi đại diện nhóm trình bày ý kiến.</p> <p>- GV nhận xét, cho HS xem bảng so sánh đã kẻ sẵn -&gt; tìm xem có bao nhiêu nhóm làm đúng.</p> <p>- GV cho HS ghi bài</p>	<p>- HS lên bảng chỉ các bộ phận cấu tạo thân non và rễ.</p> <p>- HS thảo luận nhóm -&gt; hoàn thành bài tập sau khi nghe GV hướng dẫn</p> <p>- Đại diện nhóm trình bày ý kiến.</p> <p>- HS tự sửa lỗi.</p> <p>- HS ghi bài</p>	<p><b>2: So sánh cấu tạo trong của thân non và miền hút của rễ.</b></p> <p><b>Cấu tạo trong của rễ và thân có điểm giống:</b></p> <p>- Có cấu tạo bằng tế bào</p> <p>- Gồm các bộ phận: vỏ (biểu bì, thịt vỏ), trụ giữa (bó mạch, ruột)</p> <p><b>Điểm khác nhau:</b></p> <p>- Biểu bì miền hút của rễ có lông hút.</p> <p>- Mạch rây và mạch gỗ trong bó mạch ở rễ xếp xen kẽ, còn ở thân xếp thành vòng (mạch gỗ ở trong, mạch rây ở ngoài)</p>
---	---	---

### **HOẠT ĐỘNG 3: Hoạt động luyện tập (10')**

**a. Mục tiêu:** Củng cố, luyện tập kiến thức vừa học.

**b. Nội dung:** Dạy học trên lớp, hoạt động nhóm, hoạt động cá nhân.

**c. Sản phẩm:** Bài làm của học sinh, kỹ năng giải quyết nhiệm vụ học tập.

**d. Tổ chức thực hiện:** Tổ chức theo phương pháp: đặt và giải quyết vấn đề, học sinh hợp tác, vận dụng kiến thức hoàn thành nhiệm vụ.

#### **GV giao nhiệm vụ cho học sinh làm bài tập trắc nghiệm:**

**Câu 1.** Mạch rây và mạch gỗ sắp xếp như thế nào trong thân non của cây gỗ ?

- A. Mạch rây và mạch gỗ xếp vuông góc với nhau
- B. Mạch rây và mạch gỗ xếp xen kẽ nhau
- C. Mạch rây nằm bên trong, mạch gỗ nằm phía ngoài
- D. Mạch gỗ nằm bên trong, mạch rây nằm phía ngoài

**Câu 2.** Diệp lục được tìm thấy ở bộ phận nào của thân non ?

- A. Ruột
- B. Biểu bì
- C. Bó mạch
- D. Thịt vỏ

**Câu 3.** Lớp biểu bì của thân non có đặc điểm nào dưới đây ?

- A. Gồm những tế bào có hình đĩa, có vách mỏng màu nâu nhạt.
- B. Gồm một lớp tế bào trong suốt, xếp sát nhau
- C. Gồm nhiều loại tế bào có hình dạng và kích thước khác nhau
- D. Gồm những tế bào có vách dày hóa gỗ và không có chất tế bào

**Câu 4.** Sự khác biệt trong cấu tạo thân non và miền hút của rễ thể hiện qua đặc điểm nào dưới đây ?

- 1. Hàm lượng chất dự trữ chứa trong ruột
- 2. Số lớp tế bào ở phần biểu bì
- 3. Cách sắp xếp tương quan giữa mạch rây và mạch gỗ.
- 4. Màu sắc của phần thịt vỏ

A. 1, 2, 3                      B. 1, 3                      C. 3, 4                      D. 1, 3, 4

**Câu 5.** Chức năng chủ yếu của lớp biểu bì thân non là gì ?

A. Bảo vệ                      B. Dự trữ                      C. Dẫn truyền                      D. Tổng hợp chất dinh dưỡng

**Câu 6.** Thân non của cây được phân chia làm 2 thành phần chính, đó là

A. bó mạch và ruột.                      B. vỏ và trụ giữa.  
C. vỏ và ruột.                      D. biểu bì và thịt vỏ.

**Câu 7.** Thành phần nào của trụ giữa thân non chỉ bao gồm những tế bào chết, không có chất tế bào ?

A. Tất cả các phương án đưa ra                      B. Ruột  
C. Mạch rây                      D. Mạch gỗ

**Câu 8.** Cây nào dưới đây có bó mạch xếp lộn xộn ?

A. Cam                      B. Đậu                      C. Lúa                      D. Đa

**Câu 9.** Trong các bộ phận dưới đây của thân non, bộ phận nào nằm trong cùng ?

A. Bó mạch                      B. Ruột                      C. Thịt vỏ                      D. Biểu bì

**Câu 10.** Cấu tạo thân non và miền hút của rễ giống nhau ở đặc điểm nào sau đây ?

A. Mạch rây gồm những tế bào sống có vách mỏng và mạch gỗ gồm những tế bào có vách dày hóa gỗ, không có chất tế bào.  
B. Ruột gồm những tế bào có vách mỏng  
C. Biểu bì gồm có một lớp tế bào xếp sát nhau  
D. Tất cả các phương án đưa ra

**Đáp án**

1. D	2. D	3. B	4. C	5. A
6. B	7. D	8. C	9. B	10. D

**HOẠT ĐỘNG 4: Hoạt động vận dụng (8')**

**a. Mục tiêu:** Vận dụng các kiến thức vừa học quyết các vấn đề học tập và thực tiễn.

**b. Nội dung:** Dạy học trên lớp, hoạt động nhóm, hoạt động cá nhân.

**c. Sản phẩm:** HS vận dụng các kiến thức vào giải quyết các nhiệm vụ đặt ra.

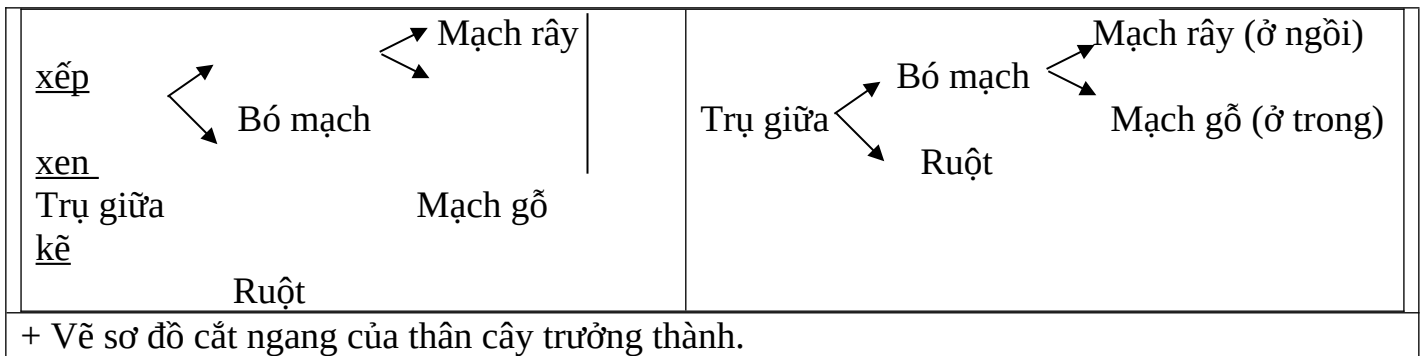
**d. Tổ chức thực hiện:** GV sử dụng phương pháp vấn đáp tìm tòi, tổ chức cho học sinh tìm tòi, mở rộng các kiến thức liên quan.

GV chia lớp thành nhiều nhóm

(mỗi nhóm gồm các HS trong 1 bàn) và giao các nhiệm vụ: thảo luận trả lời các câu hỏi sau và ghi chép lại câu trả lời vào vở bài tập

- So sánh cấu tạo trong của thân và rễ?

<b>RỄ (miền hút)</b>	<b>THÂN (phần non)</b>
<p>VỎ → Biểu bì + <u>Lông hút</u>           → Thịt vỏ</p>	<p>VỎ → Biểu bì           → Thịt vỏ</p>



#### 4. Hướng dẫn về nhà:

- Học bài và trả lời câu hỏi cuối sách.
- Đọc mục Em có biết ?
- Chuẩn bị một số đoạn thân hoặc cành cây lâu năm ( đa, xoan,..)

### Bài 16: THÂN TO RA DO ĐÂU ?

#### I/ MỤC TIÊU

##### 1. Kiến thức:

- Trả lời được câu hỏi: Thân to ra do đâu?
- Phân biệt được dác và ròng; tập xác định tuổi cây qua việc đếm vòng gỗ hằng năm.

##### 2. Năng lực

Phát triển các năng lực chung và năng lực chuyên biệt

Năng lực chung	Năng lực chuyên biệt
<ul style="list-style-type: none"> <li>- Năng lực phát hiện vấn đề</li> <li>- Năng lực giao tiếp</li> <li>- Năng lực hợp tác</li> <li>- Năng lực tự học</li> <li>- Năng lực sử dụng CNTT và TT</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Năng lực kiến thức sinh học</li> <li>- Năng lực thực nghiệm</li> <li>- Năng lực nghiên cứu khoa học</li> </ul>

##### 3. Về phẩm chất

Giúp học sinh rèn luyện bản thân phát triển các phẩm chất tốt đẹp: yêu nước, nhân ái, chăm chỉ, trung thực, trách nhiệm.

#### II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

##### 1. Giáo viên:

- Giáo án, SGK, Tranh vẽ như SGK, tiêu bản mẫu vật, tranh ảnh.

##### 2. Học sinh

- Vở ghi, SGK, Nêu và giải quyết vấn đề kết hợp hình vẽ và làm việc với SGK.

#### III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

##### 1. Ổn định lớp: Năm sĩ số học sinh

##### 2. Kiểm tra bài cũ:



- Nêu cấu tạo và chức năng các bộ phận của thân non?
- So sánh cấu tạo trong của thân non và rễ?

### 3. Bài mới :

#### HOẠT ĐỘNG 1: Xác định vấn đề/Nhiệm vụ học tập/Mở đầu

**a. Mục tiêu:** HS biết được các nội dung cơ bản của bài học cần đạt được, tạo tâm thế cho học sinh đi vào tìm hiểu bài mới.

**b. Nội dung:** Giáo viên giới thiệu thông tin liên quan đến bài học.

**c. Sản phẩm:** Học sinh lắng nghe định hướng nội dung học tập.

**d. Tổ chức thực hiện:** Giáo viên tổ chức, học sinh thực hiện, lắng nghe phát triển năng lực quan sát, năng lực giao tiếp.

Cây trồng một thời gian sẽ thấy cây lớn lên. Sự lớn lên của cây không chỉ lớn lên về chiều cao (dài ra của thân) mà cây còn to ra.

**Vậy thân to ra nhờ vào bộ phận nào?**

#### HOẠT ĐỘNG 2: Hình thành kiến thức

**a) Mục tiêu:** - Trả lời được câu hỏi: Thân to ra do đâu?

- Phân biệt được dác và ròng; tập xác định tuổi cây qua việc đếm vòng gỗ hằng năm.

**b) Nội dung:** HS căn cứ trên các kiến thức đã biết, làm việc với sách giáo khoa, hoạt động cá nhân, nhóm hoàn thành yêu cầu học tập.

**c) Sản phẩm:** Trình bày được kiến thức theo yêu cầu của GV.

**d) Tổ chức thực hiện:** Hoạt động cá nhân, hoạt động nhóm, dạy học nêu và giải quyết vấn đề; phương pháp thuyết trình; sử dụng đồ dung trực quan

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS	Nội dung
<p>- GV treo tranh hình 15.1 và 16.1 -&gt; hỏi: <i>Cấu tạo trong của thân trưởng thành có gì khác cấu tạo trong của thân non?</i></p> <p>- GV lưu ý giải thích cho HS nếu HS cho rằng ở cây trưởng thành không có phần biểu bì.</p> <p>- GV hướng dẫn HS xác định vị trí 2 tầng phát sinh: <i>dùng dao kẽ cạo cho bong lớp vỏ màu nâu để lộ phần màu xanh, đó là tầng sinh vỏ. Tiếp tục dùng dao khía sâu vào cho đến lớp gỗ - tách kẽ lớp gỗ này ra – lấy tay sờ lên phần gỗ thấy nhớt, đó là tầng sinh trụ.</i></p> <p>- GV yêu cầu HS đọc SGK tr.51 -&gt; thảo luận nhóm trả lời câu hỏi: 1. Vỏ cây to ra nhờ bộ phận nào?</p>	<p>- HS quan sát tranh trên bảng, trả lời đạt yêu cầu: phát hiện ra tầng sinh vỏ, tầng sinh trụ.</p> <p>- HS lắng nghe, sau đó lên bảng chỉ lên tranh điểm khác nhau cơ bản giữa thân non và thân trưởng thành.</p> <p>- HS lắng nghe</p> <p>- HS đọc to mục □ SGK tr.51, thảo luận nhóm, trả lời đạt: 1. Tầng sinh vỏ: Nằm trong lớp</p>	<p><b>1: Tầng phát sinh</b></p> <p>Cây to ra nhờ tầng sinh vỏ và tầng sinh trụ.</p> <p>+ Tầng sinh vỏ: nằm trong lớp thịt vỏ, hàng năm sinh ra ngoài 1 lớp TB vỏ, phía trong 1 lớp thịt vỏ.</p> <p>+ Tầng sinh trụ: Nằm giữa mạch rây và mạch gỗ, hàng năm sinh ra phía ngoài 1 lớp mạch rây, phía trong 1 lớp mạch gỗ.</p>

<p>2. Trụ giữa to ra nhờ bộ phận nào?</p> <p>3. Thân to ra do đâu? -&gt; GV gọi đại diện nhóm lên trình bày - GV nhận xét -&gt; yêu cầu HS rút ra kết luận.</p>	<p>thịt vỏ.</p> <p>2. Tầng sinh trụ: Nằm giữa mạch rây và mạch gỗ.</p> <p>3. Do sự phân chia các tế bào của mô phân sinh ở tầng sinh vỏ và tầng sinh trụ. - HS rút kết luận và ghi bài</p>	
<p>- GV cho HS đọc SGK tr.51 và mục Em có biết SGK tr. 53, quan sát hình 16.2, 16.3 -&gt; trao đổi nhóm, trả lời câu hỏi:</p> <p>1. Tại sao có vòng gỗ màu sẫm và vòng gỗ màu sáng?</p> <p>2. Làm thế nào để đếm được tuổi cây?</p> <p>3. Vòng gỗ hằng năm là gì?</p> <p>- GV gọi 1-2 nhóm mang miếng gỗ lên trước lớp rồi đếm số vòng gỗ và xác định tuổi cây. - GV nhận xét và cho điểm nhóm có kết quả đúng. - GV: Giáo dục ý thức không nên bẻ cành cây, đu trèo, làm gãy hoặc bóc vỏ cây.</p>	<p>- HS đọc SGK tr.51 và mục Em có biết SGK tr. 53, quan sát hình 16.2, 16.3 -&gt; trao đổi nhóm, trả lời CH theo nội dung</p> <p>1. SGK</p> <p>2. Bằng cách đếm vòng gỗ hàng năm.</p> <p>3. là các TB mạch gỗ xếp thành vòng. - HS các nhóm đếm vòng gỗ trên miếng gỗ của mình rồi trình bày trước lớp. - HS ghi bài vào vở - Nghe giảng.</p>	<p><b><u>2: Vòng gỗ hằng năm</u></b></p> <p>Hằng năm, cây sinh ra các vòng gỗ, đếm số vòng gỗ có thể xác định được tuổi của cây.</p>

<p>- GV yêu cầu HS đọc SGK tr.52 - &gt; trả lời CH:</p> <p>1. Thế nào là dác? Thế nào là rònng?</p> <p>2. Tìm sự khác nhau giữa dác và rònng.</p> <p>- GV nhận xét =&gt; GV cần chú ý giáo dục ý thức bảo vệ cây rừng.</p>	<p>- HS đọc SGK tr.52 -&gt; trả lời CH như nội dung SGK tr.52</p> <p>1. Dác là lớp gỗ màu sáng ở phía ngoài. Rònng là lớp gỗ màu thẫm răn ơn dác nằm ở phía trong.</p> <p>2. Dác phía ngoài, Rònng phía trong; Dác là TB mạch gỗ sống vận chuyển nước MK, Rònng là TB chết chức năng nâng đỡ cây.</p>	<p><b>3: Dác và rònng.</b></p> <p>- Dác là lớp gỗ màu sáng ở phía ngoài, gồm những tế bào mạch gỗ sống, có chức năng vận chuyển nước và muối khoáng.</p> <p>- Rònng là lớp gỗ màu thẫm, răn chắc hơn dác, nằm phía trong, gồm những tế bào chết, vách dày, có chức năng nâng đỡ.</p>
--	---	--

### **HOẠT ĐỘNG 3: Hoạt động luyện tập (10')**

**a. Mục tiêu:** Củng cố, luyện tập kiến thức vừa học.

**b. Nội dung:** Dạy học trên lớp, hoạt động nhóm, hoạt động cá nhân.

**c. Sản phẩm:** Bài làm của học sinh, kỹ năng giải quyết nhiệm vụ học tập.

**d. Tổ chức thực hiện:** Tổ chức theo phương pháp: đặt và giải quyết vấn đề, học sinh hợp tác, vận dụng kiến thức hoàn thành nhiệm vụ.

#### **GV giao nhiệm vụ cho học sinh làm bài tập trắc nghiệm:**

**Câu 1.** Ở thân cây gỗ trưởng thành, tầng sinh trụ nằm ở đâu ?

- A. Nằm chìm trong lớp thịt vỏ                      B. Nằm xen giữa mạch rây và mạch gỗ  
C. Nằm phía ngoài mạch rây                      D. Nằm bên trong mạch gỗ

**Câu 2.** Tầng phát sinh của thân cây gỗ trưởng thành gồm có mấy loại ?

- A. 5 loại                      B. 2 loại                      C. 3 loại                      D. 4 loại

**Câu 3.** Thành phần nào dưới đây không có trong cấu tạo của thân cây gỗ trưởng thành ?

- A. Mô phân sinh gióng                      B. Tầng sinh trụ  
C. Tầng sinh vỏ                      D. Ruột

**Câu 4.** Trong cấu tạo của thân cây gỗ trưởng thành, bộ phận nào dưới đây nằm giữa tầng sinh trụ và tầng sinh vỏ ?

- A. Mạch gỗ                      B. Ruột                      C. Lớp biểu bì                      D. Mạch rây

**Câu 5.** Cây nào dưới đây không có tầng sinh trụ ?

- A. Bạch đàn                      B. Sưa                      C. Dừa                      D. Đào

**Câu 6.** Thông thường, khi ta bóc vỏ cây thân gỗ thì những thành phần nào sẽ bị loại bỏ khỏi cây ?

- A. Biểu bì và thịt vỏ                      B. Biểu bì, thịt vỏ và mạch gỗ  
C. Biểu bì, thịt vỏ và mạch rây                      D. Mạch rây và mạch gỗ

**Câu 7.** Chọn cặp từ thích hợp để điền vào chỗ trống trong câu sau : Ở cây thân gỗ trưởng thành, tầng sinh trụ nằm giữa mạch gỗ và mạch rây, hằng năm sinh ra phía ngoài một lớp ... (1)..., phía trong một lớp ...(2)....

- A. (1) : mạch rây ; (2) : thịt vỏ                      B. (1) : thịt vỏ ; (2) : mạch rây  
 C. (1) : mạch gỗ ; (2) : mạch rây                      D. (1) : mạch rây ; (2) : mạch gỗ
- Câu 8.** Vòng gỗ hằng năm được biểu hiện rõ nét nhất ở những cây thân gỗ sống ở  
 A. vùng cận nhiệt đới.                                      B. vùng nhiệt đới.  
 C. vùng ôn đới.    D. vùng hàn đới.

- Câu 9.** Vì sao khi tìm gỗ làm nhà, người ta lại lựa chọn lớp gỗ ròng thay vì gỗ dác ?  
 A. Vì phần gỗ này rắn chắc, ít bị mối mọt và có độ bền cơ học cao hơn gỗ dác  
 B. Vì phần gỗ này có màu sắc bắt mắt, vân đẹp hơn lớp gỗ dác  
 C. Vì phần gỗ này dễ phân cắt, đục đẽo và khắc các họa tiết theo ý muốn  
 D. Tất cả các phương án đưa ra

- Câu 10.** Ở thân cây gỗ lâu năm, lớp gỗ dác có đặc điểm nào sau đây ?  
 A. Có màu sáng hơn lớp gỗ ròng  
 B. Tất cả các phương án đưa ra  
 C. Nằm ở bên ngoài lớp gỗ ròng  
 D. Có chức năng vận chuyển nước và muối khoáng

### Đáp án

1. B	2. B	3. A	4. D	5. C
6. C	7. D	8. B	9. A	10. B

### HOẠT ĐỘNG 4: Hoạt động vận dụng (8')

- a. Mục tiêu:** Vận dụng các kiến thức vừa học quyết các vấn đề học tập và thực tiễn.  
**b. Nội dung:** Dạy học trên lớp, hoạt động nhóm, hoạt động cá nhân.  
**c. Sản phẩm:** HS vận dụng các kiến thức vào giải quyết các nhiệm vụ đặt ra.  
**d. Tổ chức thực hiện:** GV sử dụng phương pháp vấn đáp tìm tòi, tổ chức cho học sinh tìm tòi, mở rộng các kiến thức liên quan.

GV chia lớp thành nhiều nhóm  
 ( mỗi nhóm gồm các HS trong 1 bàn) và giao các nhiệm vụ: thảo luận trả lời các câu hỏi sau và ghi chép lại câu trả lời vào vở bài tập

- Giải thích sự to ra của thân
- Xác định tuổi cây bằng cách nào?

Vẽ sơ đồ tư duy

#### 4. Hướng dẫn về nhà:

- Học bài và trả lời câu hỏi cuối sách.
- Đọc phần Em có biết ?
- Làm thí nghiệm bài 17: Chuẩn bị kính lúp, cốc chứa nước, hoa hồng, hoa huệ, hoa cúc trắng, bình thủy tinh chứa nước pha màu.
- Ôn tập phần cấu tạo và chức năng của bó mạch

## Bài 17: VẬN CHUYỂN CÁC CHẤT TRONG THÂN

### I/ MỤC TIÊU

#### 1. Kiến thức:

- Tự tiến hành thí nghiệm để chứng minh: Nước và muối khoáng từ rễ lên thân nhờ mạch gỗ, các chất hữu cơ trong cây được vận chuyển nhờ mạch rây.

#### 2. Năng lực

Phát triển các năng lực chung và năng lực chuyên biệt

Năng lực chung	Năng lực chuyên biệt
- Năng lực phát hiện vấn đề - Năng lực giao tiếp - Năng lực hợp tác - Năng lực tự học - Năng lực số đông CNTT và TT	- Năng lực kiến thức sinh học - Năng lực thực nghiệm - Năng lực nghiên cứu khoa học

#### 3. Về phẩm chất

Giúp học sinh rèn luyện bản thân phát triển các phẩm chất tốt đẹp: yêu nước, nhân ái, chăm chỉ, trung thực, trách nhiệm.

### II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

#### 1. Giáo viên:

- Giáo án, SGK, Tranh vẽ như SGK, tiêu bản mẫu vật, tranh ảnh.

#### 2. Học sinh

- Vở ghi, SGK, Nêu và giải quyết vấn đề kết hợp hình vẽ và làm việc với SGK.

### III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

#### 1. Ổn định lớp: Năm sĩ số học sinh

#### 2. Kiểm tra bài cũ:

- Cây gỗ to ra do đâu? Có thể xác định được tuổi cây gỗ bằng cách nào?  
- Nêu khái niệm Dác? Ròng?

#### 3. Bài mới: :

#### **HOẠT ĐỘNG 1: Xác định vấn đề/Nhiệm vụ học tập/Mở đầu (5')**

**a. Mục tiêu:** HS biết được các nội dung cơ bản của bài học cần đạt được, tạo tâm thế cho học sinh đi vào tìm hiểu bài mới.

**b. Nội dung:** Giáo viên giới thiệu thông tin liên quan đến bài học.

**c. Sản phẩm:** Học sinh lắng nghe định hướng nội dung học tập.


**d. Tổ chức thực hiện:** Giáo viên tổ chức, học sinh thực hiện, lắng nghe phát triển năng lực quan sát, năng lực giao tiếp.

Quá trình vận chuyển nước và muối khoáng từ rễ lên thân, lá được thực hiện qua con đường nào? Làm thế nào để nhận biết được điều đó? Chất hữu cơ do lá chế tạo sẽ được vận chuyển đến các bộ phận khác của cây qua con đường nào? Để trả lời được những câu hỏi đó thì hôm nay cô cùng các em nghiên cứu bài 17.

#### **HOẠT ĐỘNG 2: Hình thành kiến thức**

- a) Mục tiêu:** HS hiểu được nước và muối khoáng từ rễ lên thân nhờ mạch gỗ, các chất hữu cơ trong cây được vận chuyển nhờ mạch rây.
- b) Nội dung:** HS căn cứ trên các kiến thức đã biết, làm việc với sách giáo khoa, hoạt động cá nhân, nhóm hoàn thành yêu cầu học tập.
- c) Sản phẩm:** Trình bày được kiến thức theo yêu cầu của GV.
- d) Tổ chức thực hiện:** Hoạt động cá nhân, hoạt động nhóm, dạy học nêu và giải quyết vấn đề; phương pháp thuyết trình; sử dụng đồ dung trực quan

<ul style="list-style-type: none"> <li>- GV yêu cầu các nhóm mang cành hoa cắm trong nước màu lên trình bày các bước tiến hành thí nghiệm, kết quả thí nghiệm.</li> <li>- GV quan sát kết quả thí nghiệm, thông báo nhóm có kết quả tốt.</li> <li>- GV yêu cầu nhóm làm tốt lên thực hiện lại thí nghiệm cho cả lớp xem.</li> <li>- GV cho cả lớp xem kết quả thí nghiệm của mình trên cành mang hoa, cành mang lá -&gt; nêu mục đích thí nghiệm trên 2 loại cành trên đều nhằm chứng minh sự vận chuyển các chất trong thân: <i>mạch gỗ vận chuyển nước và muối khoáng hòa tan từ rễ qua thân lên lá (cành mang lá), hoặc hoa (cành mang hoa)</i></li> <li>- GV hướng dẫn HS cắt lát mỏng qua cành -&gt; quan sát bằng kính lúp.</li> <li>- GV phát một số cành đã chuẩn bị, hướng dẫn HS bóc vỏ cành quan sát chỗ có bắt màu, quan sát gân lá.</li> <li>- GV yêu cầu nhóm thảo luận:             <ol style="list-style-type: none"> <li>1. <i>Chỗ bị nhuộm màu đó là bộ phận nào của thân?</i></li> <li>2. <i>Nước và muối khoáng được vận chuyển qua phần nào của thân?</i></li> </ol> </li> <li>- GV nhận xét, cho điểm nhóm làm tốt.</li> </ul> <p><b>GIÁO DỤC MÔI TRƯỜNG:</b> Không được bẽ thân cây vì làm như vậy cây sẽ không vận chuyển được nước và muối khoáng hòa tan.</p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đại diện nhóm mang mẫu lên trình bày các bước tiến hành thí nghiệm, kết quả thí nghiệm</li> <li>- Nhóm khác nhận xét, bổ sung.</li> <li>- Đại diện nhóm lên làm lại thí nghiệm.</li> <li>- HS quan sát, ghi lại kết quả.</li> <li>- HS bóc vỏ. quan sát bằng mắt thường chỗ có bắt màu, quan sát gân lá.</li> <li>- Nhóm thảo luận -&gt; đại diện trình bày đạt:             <ol style="list-style-type: none"> <li>1. Mạch gỗ.</li> <li>2. Nước và muối khoáng được vận chuyển lên thân nhờ mạch gỗ.</li> </ol> </li> <li>- HS: nghe.</li> </ul>	<p><b>I. Vận chuyển nước và muối khoáng hòa tan:</b></p> <p>1) <u>Thí nghiệm:</u> (SGK )</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Kết quả:             <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Ở lọ A: hoa và lá bị nhuộm màu đỏ.</li> <li>+ Cắt ngang thân và cành ở lọ A thấy mạch gỗ bị nhuộm màu đỏ.</li> </ul> </li> </ul> <p>2) <u>Kết luận:</u></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nước và muối khoáng được vận chuyển từ rễ lên thân nhờ mạch gỗ.</li> </ul>
---	--	---

		
<p>- GV yêu cầu HS đọc thí nghiệm SGK tr.55 - GV yêu cầu HS thảo luận nhóm, trả lời CH thảo luận vào vở bài tập.</p> <p>1. Giải thích vì sao mép vỏ ở phía trên chỗ bị cắt phình to ra? Vì sao mép vỏ ở phía dưới không phình to ra?</p> <p>2. Mạch rây có chức năng gì?</p> <p>3. Nhân dân ta thường làm như thế nào để nhân giống cây ăn quả như: cam, bưởi, nhãn, vải...</p> <p>- GV lưu ý: + Khi bóc vỏ -&gt; bóc luôn cả mạch nào? + <b>Mở rộng:</b> chất hữu cơ do lá chế tạo sẽ mang đi nuôi thân, rễ... + Quan sát thân cây bị buộc dây thép lâu ngày có hiện tượng gì? ( Không hướng dẫn Hs trình bày sâu về kĩ thuật chiết cành ) =&gt; <b>GDMT:</b> giáo dục ý thức bảo vệ cây, tránh tước vỏ cây để chơi đùa, chằng buộc dây thép vào thân cây: làm như vậy sẽ hạn chế sự phát triển của cây.</p>	<p>- HS đọc thí nghiệm SGK tr.55 - HS hoàn thành câu hỏi thảo luận, đại diện trả lời đạt:</p> <p>1. Khi bóc vỏ là bóc luôn cả mạch rây. Vì vậy các chất hữu cơ vận chuyển qua mạch rây bị ứ lại ở mép trên lâu ngày làm cho mép trên phình to ra. 2. Vận chuyển chất hữu cơ trong cây. 3. Chiết cành</p> <p>+ phần thân trên mép buộc phình to.</p> <p>- HS lắng nghe</p>	<p><b>2: Vận chuyển chất hữu cơ</b> - Chất hữu cơ trong cây được vận chuyển từ lá xuống đến các cơ quan nhờ mạch rây.</p>
<p align="center"><b>HOẠT ĐỘNG 3: Hoạt động luyện tập (10')</b></p> <p><b>a. Mục tiêu:</b> Củng cố, luyện tập kiến thức vừa học.</p> <p><b>b. Nội dung:</b> Dạy học trên lớp, hoạt động nhóm, hoạt động cá nhân.</p> <p><b>c. Sản phẩm:</b> Bài làm của học sinh, kĩ năng giải quyết nhiệm vụ học tập.</p>		

**d. Tổ chức thực hiện:** Tổ chức theo phương pháp: đặt và giải quyết vấn đề, học sinh hợp tác, vận dụng kiến thức hoàn thành nhiệm vụ.

**GV giao nhiệm vụ cho học sinh làm bài tập trắc nghiệm:**

**Câu 1.** Để nhận biết khả năng hút nước và muối khoáng của thực vật, ta nên chọn những cành hoa có bông màu gì ?

- A. Màu đỏ      B. Màu trắng      C. Màu tím      D. Màu vàng

**Câu 2.** Khi cắm một cành hoa trắng vào dung dịch coban thì sau một thời gian, màu sắc của cánh hoa sẽ thay đổi như thế nào ?

- A. Cánh hoa chuyển sang màu tím      B. Cánh hoa chuyển sang màu hồng  
C. Cánh hoa chuyển sang màu đỏ      D. Cánh hoa chuyển sang màu xanh

**Câu 3.** Khi lấy cành của cây thân gỗ và tiến hành bóc một khoanh vỏ thì sau một thời gian sẽ xuất hiện hiện tượng gì tại vị trí này ?

- A. Phần mép vỏ ở phía dưới phình to ra  
B. Phần mép vỏ ở phía trên phình to ra  
C. Mép vỏ ở phía trên và phía dưới phần vỏ bị bóc đều phình to ra  
D. Phần thân đã bị bóc vỏ bị phình to ra

**Câu 4.** Ở thực vật, nước và muối khoáng vận chuyển từ rễ lên thân là nhờ

- A. mạch gỗ.      B. mạch rây.      C. tế bào kèm.      D. đai Caspari.

**Câu 5.** Cây nào dưới đây thường được trồng bằng cách chiết cành ?

- A. Cây nhãn      B. Cây chuối      C. Cây giăng      D. Cây hành

**Câu 6.** Mạch rây có chức năng chủ yếu là gì ?

- A. Vận chuyển nước      B. Vận chuyển chất hữu cơ đi nuôi cây  
C. Tổng hợp chất hữu cơ      D. Vận chuyển muối khoáng

**Câu 7.** Hiện tượng nào dưới đây cho thấy sự vận chuyển chất dinh dưỡng từ rễ lên thân ở thực vật ?

- A. Tất cả các phương án đưa ra  
B. Phần mép vỏ phía trên bị phình to sau khi ta cắt bỏ một khoanh vỏ ở thân  
C. Hiện tượng lá cây bị héo quắt do Mặt Trời đốt nóng  
D. Nhựa rỉ ra từ gốc cây bị chặt bỏ thân

**Câu 8.** Một cành hoa bị héo, sau khi ngâm trong nước, hoa bỗng tươi trở lại. Hiện tượng trên phản ánh vai trò của bộ phận nào đối với đời sống thực vật ?

- A. Mạch rây      B. Mạch gỗ      C. Ruột      D. Nội bì

**Câu 9.** Trong cơ thể thực vật, thành phần nào dưới đây được vận chuyển chủ yếu nhờ mạch rây ?

- A. Muối khoáng      B. Nước      C. Chất hữu cơ      D. Tất cả các phương án đưa ra

**Câu 10.** Ở thực vật, sự vận chuyển chất nào dưới đây thường diễn ra ngược chiều trọng lực ?

- A. Chất hữu cơ và muối khoáng      B. Nước và muối khoáng  
C. Chất hữu cơ và nước      D. Nước, chất hữu cơ và muối khoáng

**Đáp án**

1. B	2. D	3. B	4. A	5. A
6. B	7. D	8. B	9. C	10. B

**HOẠT ĐỘNG 4: Hoạt động vận dụng (8')**



- a. Mục tiêu:** Vận dụng các kiến thức vừa học quyết các vấn đề học tập và thực tiễn.
- b. Nội dung:** Dạy học trên lớp, hoạt động nhóm, hoạt động cá nhân.
- c. Sản phẩm:** HS vận dụng các kiến thức vào giải quyết các nhiệm vụ đặt ra.
- d. Tổ chức thực hiện:** GV sử dụng phương pháp vấn đáp tìm tòi, tổ chức cho học sinh tìm tòi, mở rộng các kiến thức liên quan.

GV chia lớp thành nhiều nhóm ( mỗi nhóm gồm các HS trong 1 bàn) và giao các nhiệm vụ: thảo luận trả lời các câu hỏi sau và ghi chép lại câu trả lời vào vở bài tập

- Giải thích sự to ra của thân
- Xác định tuổi cây bằng cách nào?

Khi bị cắt vỏ, làm đứt mạch rây ở thân thì cây có sống được không? Tại sao?  
? Giải thích kĩ thuật người trồng cây vận dụng kiến thức này để chiết cành?

#### **4. Hướng dẫn về nhà:**

- o Học bài cũ; Hoàn thành các bài tập ghi vào vở bài tập.
- o Soạn trước bài mới.
- o Chuẩn bị: củ khoai tây có mầm, củ gừng, củ su hào, củ dong ta, đoạn xương rồng, que nhọn, giấy thấm.
- o Kẻ bảng SGK tr.59 vào vở bài tập.

## **Bài 18: BIẾN DẠNG CỦA THÂN**

### **I/ MỤC TIÊU**

#### **1. Kiến thức:**

- Nhận biết được những đặc điểm chủ yếu về hình thái phù hợp với chức năng của một số loại thân biến dạng qua quan sát mẫu vật thật, tranh ảnh.
- Nhận dạng được một số loại thân biến dạng trong thiên nhiên.

## 2. Năng lực

Phát triển các năng lực chung và năng lực chuyên biệt

Năng lực chung	Năng lực chuyên biệt
- Năng lực phát hiện vấn đề - Năng lực giao tiếp - Năng lực hợp tác - Năng lực tự học - Năng lực sử dụng CNTT và TT	- Năng lực kiến thức sinh học - Năng lực thực nghiệm - Năng lực nghiên cứu khoa học

## 3. Về phẩm chất

Giúp học sinh rèn luyện bản thân phát triển các phẩm chất tốt đẹp: yêu nước, nhân ái, chăm chỉ, trung thực, trách nhiệm.

## II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

### 1. Giáo viên:

- Giáo án, SGK, Tranh vẽ như SGK, tiêu bản mẫu vật, tranh ảnh.

### 2. Học sinh

- Vở ghi, SGK, Nêu và giải quyết vấn đề kết hợp hình vẽ và làm việc với SGK.

## III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

### 1. Ổn định lớp: Năm sĩ số học sinh

### 2. Kiểm tra bài cũ:

- Mô tả lại TN chứng minh mạch gỗ của thân vận chuyển nước và muối khoáng.

- Mạch rây, mạch gỗ có cấu tạo và chức năng gì?

### Yêu cầu:

Mạch gỗ gồm những tế bào có vách hóa gỗ dày, không có chất tế bào, có chức năng vận chuyển nước và muối khoáng

Mạch rây gồm những tế bào sống, vách mỏng, có chức năng chuyển chất hữu cơ đi nuôi cây.

### 3. Bài mới : BIẾN DẠNG CỦA THÂN

Giới thiệu bài: Thân cũng có những biến dạng giống như rễ, hôm nay ta hãy quan sát một số biến dạng của thân và chức năng của chúng.

Phát triển bài:

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh	Nội dung
<b>HOẠT ĐỘNG 1: Xác định vấn đề/Nhiệm vụ học tập/Mở đầu (5')</b>		
<b>a. Mục tiêu:</b> HS biết được các nội dung cơ bản của bài học cần đạt được, tạo tâm thế cho học sinh đi vào tìm hiểu bài mới.		
<b>b. Nội dung:</b> Giáo viên giới thiệu thông tin liên quan đến bài học.		
<b>c. Sản phẩm:</b> Học sinh lắng nghe định hướng nội dung học tập.		
<b>d. Tổ chức thực hiện:</b> Giáo viên tổ chức, học sinh thực hiện, lắng nghe phát triển năng lực quan sát, năng lực giao tiếp.		
Thân cũng có những biến dạng giống như rễ, hôm nay ta hãy quan sát một số biến dạng		

của thân và chức năng của chúng.

## HOẠT ĐỘNG 2: Hình thành kiến thức

### a) Mục tiêu:

- HS nêu được đặc điểm chủ yếu về hình thái phù hợp với chức năng của một số loại thân biến dạng qua quan sát mẫu vật thật, tranh ảnh.
- Nhận dạng được một số loại thân biến dạng trong thiên nhiên.

**b) Nội dung:** HS căn cứ trên các kiến thức đã biết, làm việc với sách giáo khoa, hoạt động cá nhân, nhóm hoàn thành yêu cầu học tập.

**c) Sản phẩm:** Trình bày được kiến thức theo yêu cầu của GV.

**d) Tổ chức thực hiện:** Hoạt động cá nhân, hoạt động nhóm, dạy học nêu và giải quyết vấn đề; phương pháp thuyết trình; sử dụng đồ dung trực quan

oạt động của GV	Hoạt động của HS	Nội dung
<p>a. <u>Quan sát các loại củ.</u></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- GV kiểm tra sự chuẩn bị của mỗi nhóm</li> <li>- GV yêu cầu HS quan sát các loại củ xem chúng có đặc điểm gì chứng tỏ chúng là 1 thân.</li> <li>GV hướng dẫn: tìm xem chúng có chồi và lá hay không?</li> <li>- GV cho HS phân loại các loại củ thành nhóm dựa vào vị trí của nó so với mặt đất và hình dạng củ, chức năng.</li> <li>- GV yêu cầu HS tìm những đặc điểm giống và khác nhau giữa các loại củ này.</li> <li>- GV lưu ý: cho HS bóc vỏ củ dong - &gt; tìm dọc củ có những mắt nhỏ đó là chồi nách, còn các vỏ (hình vảy) đó là lá.</li> <li>- GV cho HS trình bày và tự bổ sung cho nhau -&gt; GV nhận xét</li> <li>- GV yêu cầu HS nghiên cứu SGK tr.58, trả lời câu hỏi.</li> <li>- GV nhận xt v tổng kết.</li> </ul> <p>b. <u>Quan sát thân cây xương rồng:</u></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- GV hướng dẫn các nhóm quan sát thân cây xương rồng, thảo luận theo câu hỏi:</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Các nhóm đặt mẫu vật lên bàn cho GV kiểm tra.</li> <li>- HS quan sát mẫu, tranh hình và gợi ý của GV để chia củ thành nhiều nhóm.</li> <li>=&gt; HS phải phát hiện được:</li> </ul> <ol style="list-style-type: none"> <li>1. <u>Đặc điểm giống nhau:</u> <ul style="list-style-type: none"> <li>+ có chồi, lá -&gt; là 1 thân.</li> <li>+ đều phình to, chứa chất dự trữ.</li> </ul> </li> <li>2. <u>Đặc điểm khác nhau:</u> <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Củ dong ta, củ gừng...: hình dạng giống rễ. Vị trí: dưới mặt đất -&gt; thân rễ.</li> <li>+ Củ su hào: hình dạng to, tròn. Vị trí: trên mặt đất -&gt; thân củ.</li> <li>+ Củ khoai tây: dạng to, tròn. Vị trí: dưới mặt đất -&gt; thân củ.</li> </ul> </li> </ol> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nhóm thảo luận -&gt; đại diện nhóm trình by kết quả -&gt; nhóm khác bổ sung.</li> <li>- HS quan sát thân, gai, chồi ngọn của cây xương rồng. Dùng que nhọn chọc vào thân - &gt; quan sát hiện tượng -&gt; thảo luận nhóm</li> </ul>	<p><b>1: Quan sát và ghi lại những thông tin về một số loại thân biến dạng.</b></p> <p>Một số loại thân biến dạng, làm chức năng khác của cây như thân củ (khoai tây, su hào,...), thân rễ (gừng, nghệ, ...) chứa chất dự trữ dùng khi cây ra hoa, kết quả. Thân mọng nước (xương rồng, cành giao, trường sinh,...) dự trữ nước cho cây đó là loại thân mọng nước.</p>

<p>1. Thân cây xương rồng chứa nhiều nước có tác dụng gì?</p> <p>2. Sống trong điều kiện nào lá xương rồng biến thành gai?</p> <p>3. Xương rồng thường sống ở đâu?</p> <p>4. Kể tên một số cây mọng nước?</p> <p>- GV nhận xt -&gt; cho HS rt kết luận</p>	<p>1. Dự trữ nước cho cây</p> <p>2. Khô hạn</p> <p>3. Sa mạc</p> <p>4. Cành giao, trường sinh, ....</p> <p>- HS rt kết luận</p>	
<p>- GV yêu cầu HS hoàn thành bảng -&gt; treo bảng phụ -&gt; gọi HS lên bảng điền.</p> <p>- GV hỏi:</p> <p>1. Cây chuối có phải thân biến dạng không?</p> <p>- GV nhận xét</p>	<p>- HS hoàn thành bảng -&gt; bảng sửa</p> <p>-&gt; HS khác bổ sung.</p> <p>- HS trả lời:</p> <p>1. Cây chuối có thân củ nằm dưới mặt đất, thân chuối ở trên mặt đất là thân giả gồm các bẹ lá mọng nước. Thân chuối là thân biến dạng: thân củ chứa chất dự trữ.</p>	<p><b>2: Đặc điểm, chức năng của một số loại thân biến dạng</b></p> <p><b>Kết luận:</b></p> <p>Như bảng bài tập.</p>

### Bảng bài tập.

Tn vật mẫu	Đặc điểm của thân biến dạng	Chức năng đối với cây	Tn thn biến dạng
<b>Su hào</b>	Thân củ, nằm trên mặt đất	Dự trữ chất dinh dưỡng	Thân củ
<b>Củ khoai tây</b>	Thân củ, nằm dưới mặt đất	Dự trữ chất dinh dưỡng	Thân củ
<b>Củ gừng</b>	Thân rễ, nằm trong đất	Dự trữ chất dinh dưỡng	Thân rễ
<b>Củ dong ta</b>	Thân rễ, nằm trong đất	Dự trữ chất dinh dưỡng	Thân rễ
<b>Xương rồng</b>	Thân mọng nước, mọc trên mặt đất	Dự trữ nước, quang hợp	Thân mọng nước

### HOẠT ĐỘNG 3: Hoạt động luyện tập (10')

**a. Mục tiêu:** Củng cố, luyện tập kiến thức vừa học.

**b. Nội dung:** Dạy học trên lớp, hoạt động nhóm, hoạt động cá nhân.

**c. Sản phẩm:** Bài làm của học sinh, kỹ năng giải quyết nhiệm vụ học tập.

**d. Tổ chức thực hiện:** Tổ chức theo phương pháp: đặt và giải quyết vấn đề, học sinh hợp tác, vận dụng kiến thức hoàn thành nhiệm vụ.

#### GV giao nhiệm vụ cho học sinh làm bài tập trắc nghiệm:

**Câu 1.** Cây nào dưới đây có thân rễ ?

A. Tre                      B. Khoai tây                      C. Cà chua                      D. Bưởi

**Câu 2.** Cây nào dưới đây không có thân củ ?

A. Cây chuối              B. Cây củ đậu              C. Cây su hào              D. Cây khoai tây

**Câu 3.** Thân biến dạng của cây nào dưới đây khác với thân biến dạng của những cây còn lại ?

A. Cỏ tranh              B. Khoai tây              C. Sen                      D. Nghệ

**Câu 4.** Dạng thân mọng nước được tìm thấy ở loài thực vật nào dưới đây ?

A. Lá lốt                      B. Cau                      C. Lê gai                      D. Vạn niên thanh

**Câu 5.** Dựa vào vị trí của củ so với mặt đất, em hãy cho biết cây nào dưới đây nào dưới đây không cùng nhóm với những cây còn lại ?

- A. Su hào                      B. Khoai tây                      C. Chuối                      D. Súng

**Câu 6.** Vỏ của củ nào dưới đây sẽ chuyển sang màu xanh lục khi tiếp xúc với ánh nắng mặt trời ?

- A. Khoai lang                      B. Khoai tây                      C. Sắn                      D. Cà rốt

**Câu 7.** Những cây có thân mọng nước thường sống ở

- A. vùng hàn đới.                      B. vùng ôn đới.                      C. nơi khô hạn.                      D. nơi ẩm thấp.

**Câu 8.** Các cây cỏ dại rất khó để triệt tận gốc, nguyên nhân chủ yếu là vì chúng thường sinh sản sinh dưỡng tự nhiên bằng

- A. thân củ.                      B. thân rễ.                      C. rễ củ.                      D. lá.

**Câu 9.** Củ của cây nào dưới đây thực chất là do thân biến đổi thành ?

- A. Tỏi                      B. Lạc                      C. Sắn                      D. Chuối

**Câu 10.** Cây nào dưới đây ngoài thân ngầm còn có thân trên mặt đất ?

- A. Tre                      B. Khoai tây                      C. Gừng                      D. Tất cả các phương án đưa ra

### Đáp án

1. A	2. B	3. B	4. C	5. A
6. B	7. C	8. B	9. D	10. D

### HOẠT ĐỘNG 4: Hoạt động vận dụng (8')

**a. Mục tiêu:** Vận dụng các kiến thức vừa học quyết các vấn đề học tập và thực tiễn.

**b. Nội dung:** Dạy học trên lớp, hoạt động nhóm, hoạt động cá nhân.

**c. Sản phẩm:** HS vận dụng các kiến thức vào giải quyết các nhiệm vụ đặt ra.

**d. Tổ chức thực hiện:** GV sử dụng phương pháp vấn đáp tìm tòi, tổ chức cho học sinh tìm tòi, mở rộng các kiến thức liên quan.

GV chia lớp thành nhiều nhóm

( mỗi nhóm gồm các HS trong 1 bàn) và giao các nhiệm vụ: thảo luận trả lời các câu hỏi sau và ghi chép lại câu trả lời vào vở bài tập

Cây chuối có phải là thân biến dạng không?

( Cây chuối có thân củ nằm dưới mặt đất, thân cây chuối trên mặt đất thực chất là thân giả gồm các bẹ lá mọng nước . → Thân cây chuối là thân biến dạng: Thân củ có chứa chất dự trữ).

? Cây thân củ, thân rễ ... thường dùng chất dự trữ để làm gì?

Sưu tầm thân biến dạng trong đời sống

#### 4. Hướng dẫn về nhà:

- Học bài và trả lời hoàn chỉnh câu hỏi cuối sách ghi vào vở bài tập.
- Đọc phần Em có biết ?
- Làm bài tập SGK trang 60.
- Chuẩn bị một số loại cành: hồng, dâm bụt, tre, trúc, ôi, cỏ nhọ nồi, rau muống, me, mồng tơi, dây huỳnh,
- Kẻ bảng SGK tr.63 vào vở bài tập.

## ÔN TẬP KIỂM TRA

\*\*\*

(Tiết 19 theo KHDH)

TUẦN

Ngày soạn :

Ngày dạy :

### ÔN TẬP

#### I. Mục tiêu:

##### 1. Kiến thức

- Củng cố những kiến thức đã học: Cấu tạo TB thực vật, sự phân chia TB, các loại rễ, các miền rễ, sự hút nước và MK, cấu tạo của thân, vận chuyển các chất trong thân...
- Theo dõi sự tiếp thu kiến thức của học sinh.
- Sửa chữa những thiếu sót.

##### 2. Năng lực

Phát triển các năng lực chung và năng lực chuyên biệt

Năng lực chung	Năng lực chuyên biệt
<ul style="list-style-type: none"><li>- Năng lực phát hiện vấn đề</li><li>- Năng lực giao tiếp</li><li>- Năng lực hợp tác</li><li>- Năng lực tự học</li><li>- Năng lực sử dụng CNTT và TT</li></ul>	<ul style="list-style-type: none"><li>- Năng lực kiến thức sinh học</li><li>- Năng lực thực nghiệm</li><li>- Năng lực nghiên cứu khoa học</li></ul>

##### 3. Về phẩm chất

Giúp học sinh rèn luyện bản thân phát triển các phẩm chất tốt đẹp: yêu nước, nhân ái, chăm chỉ, trung thực, trách nhiệm.

#### II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

##### 1. Giáo viên:

- Giáo án, SGK, Tranh vẽ như SGK, tiêu bản mẫu vật, tranh ảnh.

##### 2. Học sinh

- Vở ghi, SGK, Nêu và giải quyết vấn đề kết hợp hình vẽ và làm việc với SGK.

#### III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

##### 1. Ổn định tổ chức lớp

##### 2. Kiểm tra bài cũ

- Tiến hành lồng ghép trong quá trình ôn tập.

##### 3. Bài mới

**\* Đặt vấn đề**

Để củng cố toàn bộ những kiến thức mà các em đã được tìm hiểu trong thời gian qua và cũng là chuẩn bị tốt cho bài kiểm tra 45 phút sắp tới ta tiến hành ôn tập:

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS	Nội dung
<p>- Gv: Đặt hệ thống câu hỏi và tiến hành ôn tập qua hệ thống câu hỏi:</p> <p>1. Hãy nêu cấu tạo của TB thực vật?</p> <p>2. Tế bào phân chia như thế nào? TB ở bộ phận nào của cây mới có khả năng phân chia? Sự lớn lên và phân chia của TB có ý nghĩa gì đối với thực vật?</p> <p>3. Rễ được chia thành mấy loại? Mỗi loại cho ví dụ?</p> <p>4. Hãy cho biết đường hấp thụ nước và MK hoà tan từ đất vào cây?</p> <p>5. Nêu cấu tạo và chức năng của các miền của rễ?</p> <p>6. Vì sao nói lông hút là một TB? nó có tồn tại mãi không?</p> <p>7. Vì sao phải thu hoạch cây có rễ củ trước khi ra hoa?</p> <p>8. Hãy kể tên các loại rễ biến dạng? cho vd?</p>	<p>1. Gồm: Vách TB, màng sinh chất, chất TB, nhân, không bào.</p> <p>2. Nhân phân chia trước thành 2 nhân → chất TB phân chia và hình thành vách ngăn đôi TB mẹ → 2 TB con. TB mô phân sinh phân mới có khả năng phân chia. → ý nghĩa: Làm cho cây sinh trưởng và phát triển.</p> <p>3. 2 loại: Rễ cọc và rễ chùm Rễ cọc: Mít, nhãn, ổi Rễ chùm: Lúa, ngô, hành, xã..</p> <p>4. Nước từ đất đi vào TB lông hút, qua thịt vỏ và đi vào mạch gỗ.</p> <p>5. Gồm 4 miền: Miền trưởng thành: Dẫn truyền - Miền sinh trưởng: phân chia làm rễ dài ra. - Miền chóp rễ: che trở rễ - Miền hút: hút nước, MK</p> <p>6. Vì nó có thành phần của một TB. nó không tồn tại mãi, già đi sẽ rụng.</p> <p>7. Vì cây ra hoa sẽ sử dụng chất dd dự trữ trong củ → củ bị giảm chất dd.</p> <p>8. Rễ củ: sắn, khoai Rễ móc: trầu không.. Rễ thở: Bần, bụt mọc... Rễ giác mút: Tầm gửi,</p>	<p><b>I/ Chuyên đề: TBTV</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Cấu tạo TBTV.</li> <li>- Sự phân chia TB</li> </ul> <p><b>II/ Chuyên đề: Rễ.</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Các loại rễ</li> <li>- Các miền của rễ.</li> <li>- Sự hút nước và MK của rễ.</li> <li>- Biến dạng của rễ.</li> </ul>

<p>9. Những điểm khác nhau giữa thân và cành?</p> <p>10. Những điểm giống và khác về cấu tạo giữa chồi hoa và lá?</p> <p>11. Thân dài ra do đâu? Ta bấm ngọn cây trước khi cây ra hoa vì sao? - Tại sao phải tỉa cành xấu? - Cây nào bấm ngọn, cây nào không nên bấm ngọn? - Sự dài ra của thân khác nhau tùy loại cây ntn?</p> <p>12. Thân to ra do đâu?</p> <p>13. Mạch rây và mạch gỗ có chức năng gì? Vì sao ta không nên bẻ hay làm gãy cây? - Không nên bẻ cây vì sẽ làm ảnh hưởng đến sự hút nước và MK hòa tan, sự vận chuyển các chất hữu cơ trong cây.</p> <p>14. Rễ hút được nước và MK do đâu? - Lông hút có cấu tạo là gì?</p>	<p>9. Giống: Đều có chồi nách và ngọn. Khác: Cành do chồi nách pt thành, thân do chồi ngọn pt thành, thân mọc đứng, cành mọc xiên.</p> <p>10. Giống: đều có mầm lá bao bọc. Khác:- chồi lá là mô phân sinh pt thành cành mang lá. - chồi hoa là mầm hoa pt thành cành mang hoa hoặc hoa.</p> <p>11. Do sự phân chia ở TB mô phân sinh ngọn. Khi bấm ngọn, cây không cao lên, chất dd dồn xuống cho chồi lá và hoa pt.</p> <p>12. Do sự phân chia của tầng sinh vỏ và tầng sinh trụ.</p> <p>13. Mạch rây:vận chuyển chất hữu cơ. Mạch gỗ vận chuyển nước và MK</p> <p>14. Do bộ phận lông hút của rễ. - Là TB.</p>	<p><b>III/ Chuyên đề III: Thân</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Cấu tạo ngoài của thân.</li> <li>- Thân dài ra, to ra do đâu.</li> <li>- Cấu tạo trong thân non.</li> <li>- Vận chuyển các chất trong thân.</li> <li>- Biến dạng của thân.</li> </ul>
---	---	---

**4..Hướng dẫn HS tự học ở nhà: (1')**

- Học bài chuẩn bị kiểm tra 45 phút.
- Soạn bài 19



\*\*\*

(Tiết 20 theo KHDH)

TUẦN

Ngày soạn :

Ngày dạy :

## KIỂM TRA

### I. Mục tiêu:

#### 1. Kiến thức

- Giúp HS nắm được: Cấu tạo TB thực vật, sự phân chia TB, các loại rễ, các miền rễ, sự hút nước và MK, cấu tạo của thân, vận chuyển các chất trong thân...

#### 2. Năng lực

Phát triển các năng lực chung và năng lực chuyên biệt

Năng lực chung	Năng lực chuyên biệt
- Năng lực phát hiện vấn đề - Năng lực giao tiếp - Năng lực hợp tác - Năng lực tự học - Năng lực sử dụng CNTT và TT	- Năng lực kiến thức sinh học - Năng lực thực nghiệm - Năng lực nghiên cứu khoa học

#### 3. Về phẩm chất

Giúp học sinh rèn luyện bản thân phát triển các phẩm chất tốt đẹp: yêu nước, nhân ái, chăm chỉ, trung thực, trách nhiệm.

## II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

#### 1. Giáo viên:

- Giáo án, SGK, Tranh vẽ như SGK, tiêu bản mẫu vật, tranh ảnh.

#### 2. Học sinh

- Vở ghi, SGK, Nêu và giải quyết vấn đề kết hợp hình vẽ và làm việc với SGK.

## III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

#### 1. Ổn định tổ chức lớp

#### 2. Kiểm tra bài cũ

- Tiến hành lồng ghép trong quá trình ôn tập.

#### 3. Bài mới

### KIỂM TRA 45 PHÚT

Các chủ đề chính	Các mức độ nhận thức						Tổng
	Nhận biết		Thông hiểu		Vận dụng		
	TNKQ	TL	TNKQ	TL	TNKQ	TL	
Chương II: Rễ	Câu 2: 0,5đ	Câu 1: 3,0đ	Câu 1: 0,5 đ	Câu 3: 2,0đ		Câu 2: 2,0 đ	
Chương III:			Câu 3, 5:		Câu 4, 6:		



- Khác nhau: Chồi lá có ở mô phân sinh ngọn, chồi hoa có ở mầm hoa.(1,0đ)
- Câu 3: (2đ)
- Nước từ đất đi vào tế bào lông hút. (1,0đ)
  - Nước từ tế bào lông hút đi qua thịt vỏ và đi vào mạch gỗ. (1,0đ)

## **CHUYÊN ĐỀ : LÁ**

### **I. Nội dung chuyên đề**

#### **1. Mô tả chuyên đề**

##### **Sinh học 6**

- + **Bài 19.** Đặc điểm bên ngoài của lá
- + **Bài 20.** Cấu tạo trong của phiến lá
- + **Bài 21.** Quang hợp (2 tiết)
- + **Bài 22.** Ảnh hưởng của các yếu tố đến quang hợp
- + **Bài 23.** Cây có hô hấp không?
- + **Bài 24.** Phần lớn nước vào cây đã đi đâu?
- + **Bài 25.** Biến dạng của lá

#### **2. Mạch kiến thức của chuyên đề**

Tiếp theo chuyên đề nghiên cứu về cơ quan sinh dưỡng của cây, **chuyên đề Lá** đi tìm hiểu về cấu tạo của lá cây với các nội dung: cấu tạo trong, cấu tạo ngoài của lá, quá trình quang hợp, hô hấp và thoát hơi nước của lá.

### 3. Thời lượng của chuyên đề

Tổng số tiết	Tuần thực hiện	Tiết theo PPCT	Tiết theo chủ đề	Nội dung của từng hoạt động	Thời gian của từng hoạt động
8	10, 11, 12	21	1	<b>Hoạt động 1:</b> Tìm hiểu đặc điểm bên ngoài của phiến lá	25 phút
				<b>Hoạt động 2:</b> Tìm hiểu các cách xếp lá trên thân và cành	15 phút
		22	2	<b>Hoạt động 3:</b> Tìm hiểu biểu bì	15 phút
				<b>Hoạt động 4:</b> Tìm hiểu thịt lá	10 phút
				<b>Hoạt động 5:</b> Tìm hiểu gân lá	10 phút
		23	3	<b>Hoạt động 6:</b> Tìm hiểu chất mà lá cây chế tạo ra khi có ánh sáng	20 phút
				<b>Hoạt động 7:</b> Tìm hiểu chất khí thải ra trong quá trình tạo ra tinh bột	20 phút
		24	4	<b>Hoạt động 8:</b> Tìm hiểu những chất cần thiết để cấu tạo quang hợp	25 phút
				<b>Hoạt động 9:</b> Tìm hiểu khái niệm quang hợp	15 phút
		25	5	<b>Hoạt động 10:</b> Tìm hiểu những điều kiện ảnh hưởng đến quang hợp	25 phút
				<b>Hoạt động 11:</b> Tìm hiểu ý nghĩa của quang hợp	15 phút
		26	6	<b>Hoạt động 12:</b> Tìm hiểu thí nghiệm chứng minh hiện tượng hô hấp	25 phút
				<b>Hoạt động 13:</b> Tìm hiểu khái niệm hô hấp	15 phút
		27	7	<b>Hoạt động 14:</b> Thí nghiệm xác định phần lớn nước của cây đi đâu	15 phút
				<b>Hoạt động 15:</b> Tìm hiểu ý nghĩa của quá trình thoát hơi nước	10 phút
				<b>Hoạt động 16:</b> Tìm hiểu những điều kiện ảnh hưởng thoát hơi nước	15 phút
		28	8	<b>Hoạt động 17:</b> Tìm hiểu các loại biến dạng của lá	25 phút
				<b>Hoạt động 18:</b> Tìm hiểu ý nghĩa các loại biến dạng của lá	15 phút

## II. Tổ chức dạy học chuyên đề

### 1. Mục tiêu chuyên đề

## **1.1. Kiến thức**

### **1.1.1. Nhận biết**

- Nêu được các đặc điểm bên ngoài của lá gồm: cuống/bẹ lá, phiến lá.
- Tìm hiểu và phân tích thí nghiệm để tự rút ra kết luận: Khi có ánh sáng, lá có thể chế tạo được tinh bột và nhả ra khí oxi.
- Vận dụng kiến thức đã học và kỹ năng phân tích thí nghiệm để biết được những chất lá cây cần sử dụng để chế tạo tinh bột?
- Nêu được những điều kiện bên ngoài ảnh hưởng tới quang hợp
- Nhớ được khái niệm đơn giản về hiện tượng hô hấp và hiểu được ý nghĩa hô hấp đối với đời sống của cây. Sơ đồ hô hấp.
- Lựa chọn được cách thiết kế 1 thí nghiệm chứng minh cho kết luận : Phần lớn nước do rễ hút vào cây đã được lá cây thải ra ngoài bằng sự thoát hơi nước hoặc cấu tạo lỗ khí phù hợp chức năng thoát hơi nước.
- Nắm được những điều kiện bên ngoài ảnh hưởng đến sự thoát hơi nước qua lá.
- Nêu được ý nghĩa quan trọng của sự thoát hơi nước qua lá.
- Nêu được những đặc điểm về hình thái môi trường và chức năng của một số loại lá biến dạng.
- Hiểu được ý nghĩa biến dạng của lá.

### **1.1.2. Thông hiểu**

- Phân biệt được 3 kiểu gân lá. Phân biệt các loại lá đơn và lá kép, các kiểu xếp lá trên cành, các loại gân trên phiến lá.
- Viết sơ đồ tóm tắt về hiện tượng quang hợp.
- Phân tích thí nghiệm và tham gia thiết kế một thí nghiệm đơn giản HS phát hiện được có hiện tượng hô hấp ở cây.

### **1.1.3. Vận dụng**

- Vận dụng kiến thức đã học và kỹ năng phân tích thí nghiệm để biết được những chất lá cây cần sử dụng để chế tạo tinh bột?
- Hiểu và tìm được các ví dụ thực tế chứng tỏ ý nghĩa quan trọng của quang hợp.
- Giải thích được ý nghĩa của một số biện pháp kỹ thuật trong trồng trọt.

### **1.1.4. Vận dụng cao**

- Giải thích được một vài hiện tượng thực tế như: vì sao nên trồng cây ở nơi có nhiều ánh sáng, vì sao nên thả rong vào bể nuôi cá cảnh.
- Vận dụng kiến thức, giải thích được ý nghĩa của một vài biện pháp kỹ thuật trong trồng trọt.
- Tự xác định một vài việc cần phải làm để tham gia bảo vệ và phát triển cây xanh ở địa phương mình.
- Giải thích vài ứng dụng trong trồng trọt liên quan đến hiện tượng hô hấp của cây.

## **1.2. Kỹ năng**

- Thu thập các dạng và kiểu phân bố lá
- Rèn kỹ năng quan sát, nhận biết kiến thức từ vật mẫu.
- Rèn kỹ năng quan sát thí nghiệm → tìm kiến thức.
- Tập thiết kế thí nghiệm.
- Rèn luyện kỹ năng khai thác, nắm bắt thông tin, ứng dụng thực tế.
- Rèn kỹ năng phân tích, ứng dụng kiến thức vào thực tiễn.

- Phát triển kỹ năng quan sát và nhận biết.
- Rèn kỹ năng hoạt động nhóm

### 1.3. Thái độ

- Giáo dục ý thức bảo vệ thực vật.
- Giáo dục ý thức yêu thích bộ môn.
- Giáo dục ý thức tham gia bảo vệ môi trường, bảo vệ và phát triển cây xanh ở khuôn viên trường, ở địa phương.
- Giáo dục ý thức sử dụng hợp lý và tiết kiệm năng lượng thông qua bài học.
- Giáo dục hs chăm sóc cây xanh ở trường, nhà.

### 1.4. Định hướng các năng lực được hình thành:

\* **Năng lực chung:** Năng lực tự học, Năng lực giải quyết vấn đề, NL tư duy sáng tạo, NL tự quản lý, NL giao tiếp, NL hợp tác, NL sử dụng CNTT và truyền thông, NL sử dụng ngôn ngữ.

\* **Năng lực chuyên biệt:** Năng lực kiến thức sinh học, Năng lực nghiên cứu khoa học.

### 1.5. Phương pháp dạy học

#### \* Phương pháp:

- Trực quan, vấn đáp – tìm tòi
- Dạy học theo nhóm
- Dạy học giải quyết vấn đề

#### \* Kỹ thuật:

- Kỹ thuật phòng tranh
- Kỹ thuật: Các mảnh ghép, XYZ

## III. Bảng mô tả các mức độ câu hỏi/bài tập đánh giá năng lực của HS qua chuyên đề

Nội dung	Mức độ nhận thức				Các Kn/NL hướng tới
	Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao	
<b>Bài 19. Đặc điểm bên ngoài của lá</b>	- Nêu được các đặc điểm bên ngoài của lá gồm: cuống/bẹ lá, phiến lá.	- Phân biệt được 3 kiểu gân lá. Phân biệt các loại lá đơn và lá kép, các kiểu xếp lá trên cành, các loại gân trên phiến lá.	- <b>Biết được ý nghĩa của việc xếp lá trên thân : xếp so le để nhận được nhiều ánh sáng nhất</b>		* <b>Năng lực chung:</b> NL tự học, NL tự quản lý, NL giao tiếp. * <b>Năng lực chuyên biệt:</b> NL kiến thức sinh học.
<b>Bài 20. Cấu</b>	- Nắm được đặc điểm cấu tạo bên trong	- <b>Giải thích được sự khác</b>			* <b>Năng lực chung:</b> NL tự học, NL tự

<b>tạo trong của lá</b>	phù hợp với chức năng của phiến lá.	<b>biệt về màu sắc hai mặt của phiến lá.</b>			quản lý, NL giao tiếp <b>* Năng lực chuyên biệt:</b> NL kiến thức sinh học.
<b>Bài 21. Quang hợp (2 tiết)</b>	- Vận dụng kiến thức đã học và kỹ năng phân tích thí nghiệm để biết được những chất lá cây cần sử dụng để chế tạo tinh bột?	- Viết sơ đồ tóm tắt về hiện tượng quang hợp.	- Vận dụng kiến thức đã học và kỹ năng phân tích thí nghiệm để biết được những chất lá cây cần sử dụng để chế tạo tinh bột? - Hiểu và tìm được các ví dụ thực tế chứng tỏ ý nghĩa quan trọng của quang hợp.	- Giải thích được một vài hiện tượng thực tế như: vì sao nên trồng cây ở nơi có nhiều ánh sáng, vì sao nên thả rong vào bể nuôi cá cảnh.	<b>* Năng lực chung:</b> NL tự học, NL giải quyết vấn đề, NL tự quản lý, NL giao tiếp. <b>* Năng lực chuyên biệt:</b> NL kiến thức sinh học.
<b>Bài 22. Ảnh hưởng của các điều kiện bên ngoài ảnh hưởng đến QH</b>	- Nêu được những điều kiện bên ngoài ảnh hưởng tới quang hợp		- Giải thích được ý nghĩa của một số biện pháp kỹ thuật trong trồng trọt.	- Vận dụng kiến thức, giải thích được ý nghĩa của một vài biện pháp kỹ thuật trong trồng trọt.	<b>* Năng lực chung:</b> NL tự học, NL giải quyết vấn đề, NL tự quản lý, NL giao tiếp. <b>* Năng lực chuyên biệt:</b> NL kiến thức sinh học.
<b>Bài 23. Cây có hô hấp không?</b>	- Nhớ được khái niệm đơn giản về hiện tượng hô hấp và hiểu được ý nghĩa hô hấp đối với đời sống của cây. Sơ đồ hô hấp.	- Phân tích thí nghiệm và tham gia thiết kế một thí nghiệm đơn giản HS phát hiện được có hiện tượng hô hấp		- Giải thích vài ứng dụng trong trồng trọt liên quan đến hiện tượng hô hấp của cây.	<b>* Năng lực chung:</b> NL tự học, NL giải quyết vấn đề, NL tự quản lý, NL giao tiếp. <b>* Năng lực chuyên biệt:</b> NL kiến thức

		ở cây.			sinh học.
<b>Bài 24. Phần lớn nước của cây đi đâu</b>	- Lựa chọn được cách thiết kế 1 thí nghiệm chứng minh cho kết luận : Phần lớn nước do rễ hút vào cây đã được lá cây thải ra ngoài bằng sự thoát hơi nước hoặc cấu tạo lỗ khí phù hợp chức năng thoát hơi nước.	- Nêu được ý nghĩa quan trọng của sự thoát hơi nước qua lá. - Nắm được những điều kiện bên ngoài ảnh hưởng đến sự thoát hơi nước qua lá.	- Vận dụng kiến thức, giải thích được ý nghĩa của một vài biện pháp kĩ thuật trong trồng trọt.		<b>* Năng lực chung:</b> NL tự học, NL giải quyết vấn đề, NL tự quản lý, NL giao tiếp. <b>* Năng lực chuyên biệt:</b> NL kiến thức sinh học.
<b>Bài 25. Biến dạng của lá</b>	- Nêu được những đặc điểm về hình thái môi trường và chức năng của một số loại lá biến dạng. - Hiểu được ý nghĩa biến dạng của lá.			- Vận dụng kiến thức, giải thích được ý nghĩa của một vài biện pháp kĩ thuật trong trồng trọt.	<b>* Năng lực chung:</b> NL tự học, NL giải quyết vấn đề, NL tự quản lý, NL giao tiếp. <b>* Năng lực chuyên biệt:</b> NL kiến thức sinh học.

#### IV. Chuẩn bị của GV và HS

##### 1. Giáo viên:

- Các tranh ảnh trong SGK Sinh học 8/ Trang 100 -106
- Sưu tầm các hình ảnh về trao đổi chất, chuyển hóa vật chất và năng lượng.
- Phiếu chấm, bản đồ tư duy.
- Laptop và máy chiếu.

##### 2. Học sinh:

- Sưu tầm các tranh ảnh về trao đổi chất, chuyển hóa vật chất và năng lượng.

#### V. Hoạt động dạy và học



## Bài 19: ĐẶC ĐIỂM BÊN NGOÀI CỦA LÁ

### I/ MỤC TIÊU

#### 1. Kiến thức:

- Nêu được đặc điểm bên ngoài của lá và cách xếp lá trên cây phù hợp với chức năng thu nhận ánh sáng, cần thiết cho việc chế tạo chất hữu cơ
- Phân biệt được 3 kiểu gân lá, phân biệt được lá đơn, lá kép.

#### 2. Năng lực

Phát triển các năng lực chung và năng lực chuyên biệt

Năng lực chung	Năng lực chuyên biệt
<ul style="list-style-type: none"><li>- Năng lực phát hiện vấn đề</li><li>- Năng lực giao tiếp</li><li>- Năng lực hợp tác</li><li>- Năng lực tự học</li><li>- Năng lực sử dụng CNTT và TT</li></ul>	<ul style="list-style-type: none"><li>- Năng lực kiến thức sinh học</li><li>- Năng lực thực nghiệm</li><li>- Năng lực nghiên cứu khoa học</li></ul>

#### 3. Về phẩm chất

Giúp học sinh rèn luyện bản thân phát triển các phẩm chất tốt đẹp: yêu nước, nhân ái, chăm chỉ, trung thực, trách nhiệm.

### II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

#### 1. Giáo viên:

- Giáo án, SGK, Tranh vẽ như SGK, tiêu bản mẫu vật, tranh ảnh.

#### 2. Học sinh

- Vở ghi, SGK, Nêu và giải quyết vấn đề kết hợp hình vẽ và làm việc với SGK.

### III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

#### 1. Ổn định lớp: Năm sĩ số học sinh

#### 2. Kiểm tra bài cũ:

- Kể tên các loại thân biến dạng và chức năng của từng loại thân biến dạng.
- Cây xương rồng có đặc điểm nào thích nghi với môi trường sống khô hạn?

#### 3. Bài mới :

#### **HOẠT ĐỘNG 1: Xác định vấn đề/Nhiệm vụ học tập/Mở đầu (5')**

**a. Mục tiêu:** HS biết được các nội dung cơ bản của bài học cần đạt được, tạo tâm thế cho học sinh đi vào tìm hiểu bài mới.

**b. Nội dung:** Giáo viên giới thiệu thông tin liên quan đến bài học.

**c. Sản phẩm:** Học sinh lắng nghe định hướng nội dung học tập.

**d. Tổ chức thực hiện:** Giáo viên tổ chức, học sinh thực hiện, lắng nghe phát triển năng lực quan sát, năng lực giao tiếp.

GV đặt câu hỏi và gọi HS trả lời: Cơ quan sinh dưỡng của cây gồm những bộ phận nào? Chúng có nhiệm vụ gì?

Từ câu trả lời của HS GV dẫn vào bài: “Qua 2 chương trước, chúng ta đã học về thân, rễ và biết sơ về lá là có chức năng quang hợp. Vậy tiết này và các tiết sau chúng ta sẽ tìm hiểu kĩ hơn về lá. Lá là cơ quan sinh dưỡng rất quan trọng nhiệm vụ của lá là tạo ra chất dinh dưỡng để nuôi cây. Vậy thì cấu tạo của lá như thế nào để đảm nhận được chức năng đó

### HOẠT ĐỘNG 2: Hình thành kiến thức

**a) Mục tiêu:** đặc điểm bên ngoài của lá và cách xếp lá trên cây phù hợp với chức năng thu nhận ánh sáng, cần thiết cho việc chế tạo chất hữu cơ

- Phân biệt được 3 kiểu gân lá, phân biệt được lá đơn, lá kép.



**b) Nội dung:** HS căn cứ trên các kiến thức đã biết, làm việc với sách giáo khoa, hoạt động cá nhân, nhóm hoàn thành yêu cầu học tập.

**c) Sản phẩm:** Trình bày được kiến thức theo yêu cầu của GV.

**d) Tổ chức thực hiện:** Hoạt động cá nhân, hoạt động nhóm, dạy học nêu và giải quyết vấn đề; phương pháp thuyết trình; sử dụng đồ dung trực quan

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS	Nội dung
<p>* GV kiểm tra công tác chuẩn bị mẫu của mỗi nhóm</p> <p>* GV yêu cầu HS quan sát hình SGK tr.61 và căn cứ vào kiến thức bản thân -&gt; trả lời câu hỏi: <i>Lá có những bộ phận nào?</i></p> <p>* GV nhận xét: Lá có cuống, phiến và gân. Một số lá thì cuống biến đổi thành bẹ lá?</p> <p>* GV yêu cầu HS nhắc lại chức năng của lá.</p> <p>“ Vậy đặc điểm ngoài của lá có cấu tạo như thế nào để phù hợp với chức năng”</p> <p><b>a. Phiến lá:</b></p> <p>- GV yêu cầu HS đọc thông tin SGK tr.61 và hướng dẫn HS quan sát mẫu bằng cách gọi HS nêu cách quan sát.</p> <p>- GV yêu cầu nhóm HS tiến hành quan sát mẫu của nhóm</p> <p>- GV gọi đại diện nhóm trình bày kết quả quan sát.</p> <p>- GV ghi nhận ý kiến của các nhóm trên bảng -&gt; nhận xét -&gt; hỏi: <i>Từ đó các em có kết luận gì?</i></p> <p>- GV hỏi: <i>Tác dụng của phiến</i></p>	<p>* Nhóm HS để mẫu lên bàn cho GV kiểm tra</p> <p>* HS trả lời câu hỏi: Cuống lá, phiến, gân lá.</p> <p>* HS lắng nghe</p> <p>* HS nhắc lại lá có chức năng quang hợp.</p> <p>- HS đọc thông tin -&gt; nêu cách quan sát mẫu: Hình dạng, kích thước, màu sắc của phiến lá, diện tích phiến so với cuống.</p> <p>- HS quan sát mẫu theo nhóm</p> <p>- Đại diện nhóm trình bày kết quả quan sát</p> <p>- HS kết luận: Phiến lá có hình bản dẹt, là phần rộng nhất, có màu lục.</p> <p>- HS trả lời đạt: Hứng được nhiều ánh sáng</p>	<p><b>1: Đặc điểm bên ngoài của lá</b></p> <p>Lá gồm có cuống lá, phiến lá, trên phiến lá có nhiều gân.</p> <p><b>a. Phiến lá:</b></p> <p>Phiến lá có hình bản dẹt, là phần rộng nhất, có màu lục -&gt; hứng được nhiều ánh sáng.</p>

<p>lá?</p> <p>- GV cho HS ghi bài</p> <p><b>b. <u>Gân lá:</u></b></p> <p>- GV yêu cầu HS quan sát hình và đọc thông tin SGK tr.62, kết hợp với quan sát mẫu vật.</p> <p>- GV kiểm tra từng nhóm bằng cách đặt câu hỏi với từng mẫu vật nhóm.</p> <p>- GV hỏi: Ngoài những lá mang đi còn những lá nào có kiểu gân như thế.</p> <p><b>c. <u>Lá đơn, lá kép</u></b></p> <p>- GV yêu cầu HS quan sát mẫu, kết hợp với SGK -&gt; phân biệt được lá đơn, lá kép.</p> <p>- GV yêu cầu HS phân biệt lá dâm bụt, lá phượng, lá khế, lá mỏng tươi, lá hoa hồng lá nào là lá đơn? Lá nào là lá kép?</p> <p>- GV yêu cầu HS xác định cuống chính của lá trên mẫu vật</p> <p>- GV yêu cầu HS phân loại lá đơn, lá kép trong những lá GV đã chuẩn bị.</p> <p>- GV rút kết luận, cho HS ghi bài.</p>	<p>- HS quan sát hình và đọc thông tin SGK tr.62, kết hợp với quan sát mẫu vật -&gt; hoàn thành mục ▼ SGK tr.62</p> <p>- HS nêu mỗi loại gân 3 loại lá</p> <p>- HS tìm ví dụ ngoài môi trường: Mía, mít, lục bình.</p> <p>- HS quan sát mẫu, kết hợp với SGK -&gt; phân biệt được lá đơn, lá kép.</p> <p>- HS phân biệt:</p> <p>+ Lá đơn: dâm bụt, mỏng tươi.</p> <p>+ Lá kép: lá phượng, lá hoa hồng, lá khế</p> <p>- HS xác định cuống chính của lá trên mẫu vật</p> <p>- HS phân loại lá đơn, lá kép trong những lá GV đã chuẩn bị -&gt; lớp quan sát, bổ sung.</p> <div data-bbox="662 1164 1204 1579" data-label="Image"> </div>	<p><b>b. <u>Gân lá:</u></b></p> <p>Có 3 loại gân lá:</p> <p>- Gân hình mạng.</p> <p>- Gân song song.</p> <p>- Gân hình cung.</p> <p><b>c. <u>Lá đơn, lá kép</u></b></p> <p>Có 2 loại lá:</p> <p>- Lá đơn: Mỏng tươi</p> <p>- Lá kép: Khế, phượng</p>
--	---	--

	 	
<ul style="list-style-type: none"> <li>- GV yêu cầu HS quan sát cách xếp lá trên cành của lá ổi, trúc đào, dâm bụt -&gt; điền vào bảng thông tin SGK tr.63</li> <li>- GV gọi HS đọc nhận xét</li>   <li>- GV hỏi: Có mấy cách xếp lá trên cành, thân?</li> <li>- GV hướng dẫn HS quan sát mẫu: <i>bẻ gập lá và nhìn từ trên xuống</i></li> <li>- GV hỏi: <ul style="list-style-type: none"> <li>1. Dù mọc đối, cách hay vòng nhưng cách mọc lá trên cành có chung điểm nào?</li> <li>2. Cách mọc như thế có tác dụng gì?</li> </ul> </li> <li>- GV chốt ý, cho HS ghi bài</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- HS quan sát cách xếp lá trên cành -&gt; điền vào bảng thông tin SGK tr.63</li> <li>- HS đọc nhận xét</li> <li>+ Lá trúc đào : mọc vòng</li> <li>+ Lá ổi: mọc đối</li> <li>+ Lá dâm bụt: mọc cách</li> <li>- HS trả lời: Có 3 kiểu xếp lá trên cây: mọc cách, mọc đối, mọc vòng</li> <li>- HS lắng nghe</li>   <li>- HS trả lời đạt: <ul style="list-style-type: none"> <li>1. Lá mọc so le nhau.</li> <li>2. Giúp lá nhận được nhiều ánh sáng → quang hợp.</li> </ul> </li> <li>- HS ghi bài</li> </ul>	<p><b>2: Các kiểu xếp lá trên thân và cành.</b></p> <p>Có 3 kiểu xếp lá trên cây: mọc cách, mọc đối, mọc vòng -&gt; giúp lá nhận được nhiều ánh sáng.</p> <p>- lá trên các mẫu thân xếp so le nhau giúp lá nhận được nhiều ánh sáng.</p>
<p style="text-align: center;"><b>HOẠT ĐỘNG 3: Hoạt động luyện tập (10')</b></p> <p><b>a. Mục tiêu:</b> Củng cố, luyện tập kiến thức vừa học.</p> <p><b>b. Nội dung:</b> Dạy học trên lớp, hoạt động nhóm, hoạt động cá nhân.</p> <p><b>c. Sản phẩm:</b> Bài làm của học sinh, kỹ năng giải quyết nhiệm vụ học tập.</p> <p><b>d. Tổ chức thực hiện:</b> Tổ chức theo phương pháp: đặt và giải quyết vấn đề, học sinh hợp tác, vận dụng kiến thức hoàn thành nhiệm vụ.</p> <p style="text-align: center;"><b>GV giao nhiệm vụ cho học sinh làm bài tập trắc nghiệm:</b></p>		

**Câu 1.** Gân lá hình cung là một trong những đặc điểm nổi bật của loài thực vật nào dưới đây ?

- A. Cao lương      B. Rẻ quạt      C. Gai      D. Địa liền

**Câu 2.** Cây nào dưới đây có lá kép lông chim ?

- A. Ngũ gia bì      B. Chùm ngây      C. Xương sông      D. Rau muống biển

**Câu 3.** Thân biến dạng của cây nào dưới đây khác với thân biến dạng của những cây còn lại ?

- A. Cỏ tranh      B. Khoai tây      C. Sen      D. Nghệ

**Câu 4.** Cây nào dưới đây có kiểu gân lá tương tự cây ngô ?

- A. Bạc hà      B. Mã đề      C. Riềng      D. Trầu không

**Câu 5.** Cây nào dưới đây có lá mọc đối ?

- A. Ổi      B. Mông tơi      C. Dâu tằm      D. Dây huỳnh

**Câu 6.** Trong các loại cây dưới đây, cây nào có kích thước lá lớn nhất ?

- A. Sen      B. Nong tằm      C. Bàng      D. Vàng tâm

**Câu 7.** Lá thường xếp trên cây theo mấy kiểu ?

- A. 1 kiểu      B. 2 kiểu      C. 4 kiểu      D. 3 kiểu

**Câu 8.** Điều nào sau đây chứng tỏ lá cây rất đa dạng ?

1. Phiến lá với nhiều hình dạng, màu sắc và kích thước khác nhau
2. Có 3 kiểu gân lá : gân hình mạng, gân song song, gân hình cung
3. Có 3 kiểu xếp lá trên thân và cành : mọc đối, mọc cách, mọc vòng
4. Có 2 kiểu lá : lá đơn, lá kép.

- A. 1, 3, 4      B. 1, 2, 3, 4      C. 1, 2, 3      D. 2, 3, 4

**Câu 9.** Cây nào dưới đây không có lá kép ?

- A. Cây hoa hồng      B. Cây rau ngót      C. Cây phượng vĩ      D. Cây súng

**Câu 10.** Đặc điểm nào sau đây có ở lá đơn ?

- A. Tất cả các phương án đưa ra      B. Mỗi cuống mang một hoặc hai phiến  
C. Cuống và phiến rụng không cùng lúc      D. Cuống nằm ngay dưới chồi nách

#### Đáp án

1. D	2. B	3. B	4. C	5. A
6.	7. D	8. B	9. D	10. D

#### HOẠT ĐỘNG 4: Hoạt động vận dụng (8')

**a. Mục tiêu:** Vận dụng các kiến thức vừa học quyết các vấn đề học tập và thực tiễn.

**b. Nội dung:** Dạy học trên lớp, hoạt động nhóm, hoạt động cá nhân.

**c. Sản phẩm:** HS vận dụng các kiến thức vào giải quyết các nhiệm vụ đặt ra.

**d. Tổ chức thực hiện:** GV sử dụng phương pháp vấn đáp tìm tòi, tổ chức cho học sinh tìm tòi, mở rộng các kiến thức liên quan.

#### 1. Chuyển giao nhiệm vụ học tập

GV chia lớp thành nhiều nhóm

( mỗi nhóm gồm các HS trong 1 bàn) và giao các nhiệm vụ: thảo luận trả lời các câu hỏi sau và ghi chép lại câu trả lời vào vở bài tập

Ví dụ về 3 kiểu xếp lá trên cây:

Những đặc điểm chứng minh lá rất đa dạng:

## 2. Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận

- HS trả lời.
- HS nộp vở bài tập.
- HS tự ghi nhớ nội dung trả lời đã hoàn thiện.

Vẽ sơ đồ tư duy

Hoàn thành bài tập ép lá cây vào vở

## 4. Hướng dẫn về nhà:

- Học bài và trả lời câu hỏi cuối sách, làm bài tập SGK tr.64.
- Đọc phần Em có biết ?
- Soạn bài tiếp theo. Vẽ hình 20.4 SGK vào vở học.

## Bài 20: CẤU TẠO TRONG CỦA PHIẾN LÁ

### I/ MỤC TIÊU

#### 1. Kiến thức:

- Hiểu được đặc điểm cấu tạo bên trong phù hợp với chức năng của phiến lá.
- Giải thích được đặc điểm màu sắc của 2 mặt phiến lá.

#### 2. Năng lực

Phát triển các năng lực chung và năng lực chuyên biệt

Năng lực chung	Năng lực chuyên biệt
- Năng lực phát hiện vấn đề	- Năng lực kiến thức sinh học
- Năng lực giao tiếp	- Năng lực thực nghiệm
- Năng lực hợp tác	- Năng lực nghiên cứu khoa học
- Năng lực tự học	
- Năng lực sử dụng CNTT và TT	

#### 3. Về phẩm chất

Giúp học sinh rèn luyện bản thân phát triển các phẩm chất tốt đẹp: yêu nước, nhân ái, chăm chỉ, trung thực, trách nhiệm.

### II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

#### 1. Giáo viên:

- Giáo án, SGK, Tranh vẽ như SGK, tiêu bản mẫu vật, tranh ảnh.

#### 2. Học sinh

- Vở ghi, SGK, Nêu và giải quyết vấn đề kết hợp hình vẽ và làm việc với SGK.

### III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

#### 1. Ổn định lớp: Năm sĩ số học sinh

#### 2. Kiểm tra bài cũ:

- Lá có những đặc điểm bên ngoài và cách sắp xếp trên cây như thế nào giúp lá nhận được nhiều ánh sáng?


- Những đặc điểm nào chứng tỏ lá rất đa dạng?

#### 3. Bài mới : CẤU TẠO TRONG CỦA PHIẾN LÁ

Giới thiệu bài: Vì sao lá có thể tự tạo ra chất dinh dưỡng cho cây? Vậy lá có cấu tạo như thế nào?

Phát triển bài:

<b>Hoạt động của giáo viên</b>	<b>Hoạt động của học sinh</b>	<b>Nội dung</b>
<b>HOẠT ĐỘNG 1: Xác định vấn đề/Nhiệm vụ học tập/Mở đầu (5')</b> <b>a. Mục tiêu:</b> HS biết được các nội dung cơ bản của bài học cần đạt được, tạo tâm thế cho học sinh đi vào tìm hiểu bài mới. <b>b. Nội dung:</b> Giáo viên giới thiệu thông tin liên quan đến bài học. <b>c. Sản phẩm:</b> Học sinh lắng nghe định hướng nội dung học tập. <b>d. Tổ chức thực hiện:</b> Giáo viên tổ chức, học sinh thực hiện, lắng nghe phát triển năng lực quan sát, năng lực giao tiếp.		
Nêu đđ b.ngoài của ph.lá ? Lá xếp trên cây theo những kiểu nào ? Tdụng ? ➤ Phiến lá: có màu lục, dẹt, là phần rộng nhất của phiến lá. Lá xếp trên thân theo 3 kiểu ...; Lá xếp so le nhau giúp cây hứng được nhiều ánh sáng ; ta đã biết cấu tạo ngoài của lá rất phù hợp với ch.năng thu nhận á.sáng. Vậy, c.tạo trong của lá như thế nào để th.hiện được ch.năng chế tạo ch.hữu cơ cho cây ?		
<b>HOẠT ĐỘNG 2: Hình thành kiến thức</b> <b>a) Mục tiêu:</b> đặc điểm cấu tạo bên trong phù hợp với chức năng của phiến lá. - Giải thích được đặc điểm màu sắc của 2 mặt phiến lá. <b>b) Nội dung:</b> HS căn cứ trên các kiến thức đã biết, làm việc với sách giáo khoa, hoạt động cá nhân, nhóm hoàn thành yêu cầu học tập. <b>c) Sản phẩm:</b> Trình bày được kiến thức theo yêu cầu của GV. <b>d) Tổ chức thực hiện:</b> Hoạt động cá nhân, hoạt động nhóm, dạy học nêu và giải quyết vấn đề; phương pháp thuyết trình; sử dụng đồ dung trực quan		

<p>* GV giới thiệu sơ lược PP nghiên cứu cấu tạo trong của phiến lá để HS có thể hiểu các hình vẽ trong SGK.</p> <p>- GV gọi HS đọc đoạn thông tin SGK tr.65, quan sát hình 20.1 để nhận biết các phần chính của phiến lá và vị trí của mỗi phần.</p> <p>- GV cho HS thảo luận nhóm dựa vào thông tin và quan sát hình 20.2, 20.3 SGK tr.65 -&gt; trả lời câu hỏi:</p> <p>1. Những đặc điểm nào của lớp tế bào biểu bì phù hợp với chức năng bảo vệ phiến lá và cho ánh sáng chiếu vào những tế bào bên trong?</p> <p>2. Hoạt động nào của lỗ khí giúp lá trao đổi khí và thoát hơi nước?</p> <p>- GV chốt lại kiến thức đúng, cho HS ghi bài</p> <p>- GV hỏi thêm: Tại sao lỗ khí thường tập trung nhiều ở mặt dưới lá?</p> <p>- GV: Nhận xét câu trả lời.</p>  <p><i>Hình 20.1. Sơ đồ cắt ngang phiến lá.</i></p>	<p>- HS lắng nghe</p> <p>- HS đọc to đoạn thông tin, lớp quan sát hình 20.1.</p> <p>- HS thảo luận trả lời:</p> <p>1. Biểu bì gồm một lớp tế bào có vách ngoài dày, xếp sát nhau -&gt; bảo vệ; Các tế bào biểu bì không màu, trong suốt -&gt; ánh sáng chiếu qua được</p> <p>2. Hoạt động đóng, mở của lỗ khí giúp lá trao đổi khí và thoát hơi nước</p> <p>- HS trả lời: Vách tế bào biểu bì ở mặt trên dày hơn so với mặt dưới ( hạn chế thoát hơi nước) do đó có ít hoặc không có lỗ khí.</p>	<p><b>1: Biểu bì</b></p> <p>- Biểu bì gồm một lớp tế bào có vách ngoài dày, xếp sát nhau -&gt; bảo vệ</p> <p>- Các tế bào biểu bì không màu, trong suốt -&gt; ánh sáng chiếu qua được</p> <p>- Có nhiều lỗ khí -&gt; giúp lá trao đổi khí và thoát hơi nước.</p>
<p>- GV cho HS quan sát hình 20.4 SGK tr.66, nghiên cứu thông tin, thảo luận nhóm -&gt; hoàn thành phiếu học tập.</p> <p>- GV cho thảo luận cả lớp hoàn thành mục ▼SGK</p> <p>- GV ghi nhận ý kiến các nhóm, sau đó nhận xét -&gt; bổ sung hoàn chỉnh kiến thức bằng bảng phụ -&gt; cho HS rút ra kết luận</p> <p>- GV hỏi: Tại sao ở rất nhiều loại lá mặt trên có màu sẫm hơn mặt dưới?</p>	<p>- HS quan sát hình 20.4 SGK tr.66, nghiên cứu thông tin, thảo luận nhóm -&gt; hoàn thành phiếu học tập.</p> <p>- Các nhóm nêu ý kiến, cả lớp bổ sung</p> <p>- HS tự sửa chữa -&gt; rút ra kết luận</p> <p>- HS trả lời đạt: Có nhiều lục lạp hơn</p>	<p><b>2: Thịt lá</b></p> <p>Tế bào thịt lá chứa nhiều lục lạp giúp phiến lá thu nhận ánh sáng để chế tạo chất hữu cơ cho cây.</p>

Phiếu học tập

Các đặc điểm so sánh	Tế bào thịt lá phía trên	Tế bào thịt lá phía dưới
Hình dạng tế bào	Những tế bào dạng dài	Những tế bào dạng tròn
Cách xếp của tế bào	Xếp rất sát nhau	Xếp không sát nhau
Lục lạp	Nhiều lục lạp hơn, xếp theo chiều thẳng đứng	Ít lục lạp hơn, xếp lộn xộn trong tế bào



Chức năng	Chế tạo chất hữu cơ	Chứa và trao đổi khí
- GV yêu cầu HS nghiên cứu SGK trả lời câu hỏi: <i>Gân lá có chức năng gì?</i>  - GV y/c HS nhận xét bổ sung. - GV rút ra kết luận.	- HS nghiên cứu SGK trả lời câu hỏi: Gân lá gồm các bó mạch có chức năng vận chuyển các chất - HS trả lời bổ sung. Các bó mạch gân lá nối với bó mạch của cành và thân - HS nghe.	<b>3: Gân lá</b> Gân lá gồm các bó mạch có chức năng vận chuyển các chất, các bó mạch gân lá nối với bó mạch của cành và thân.

### HOẠT ĐỘNG 3: Hoạt động luyện tập (10')

**a. Mục tiêu:** Củng cố, luyện tập kiến thức vừa học.

**b. Nội dung:** Dạy học trên lớp, hoạt động nhóm, hoạt động cá nhân.

**c. Sản phẩm:** Bài làm của học sinh, kỹ năng giải quyết nhiệm vụ học tập.

**d. Tổ chức thực hiện:** Tổ chức theo phương pháp: đặt và giải quyết vấn đề, học sinh hợp tác, vận dụng kiến thức hoàn thành nhiệm vụ.

#### GV giao nhiệm vụ cho học sinh làm bài tập trắc nghiệm:

**Câu 1.** Mỗi lỗ khí ở phần biểu bì lá được tạo thành bởi bao nhiêu tế bào hình hạt đậu ?

A. 5 tế bào                      B. 4 tế bào                      C. 3 tế bào                      D. 2 tế bào

**Câu 2.** Chọn từ thích hợp để điền vào chỗ trống trong câu sau : Ở lá cây, ... là bộ phận thu nhận ánh sáng để chế tạo chất hữu cơ cho cây.

A. lỗ khí                      B. biểu bì                      C. lục lạp                      D. gân lá

**Câu 3.** Ở thực vật trên cạn, lỗ khí thường tập trung ở

A. mặt trên của lá.                      B. mặt dưới của lá.

C. gân lá.                      D. phần thịt lá.

**Câu 4.** Chức năng chủ yếu của gân lá là gì ?

A. Phân chia, làm tăng kích thước của lá                      B. Bảo vệ, che chở cho lá

C. Tổng hợp chất hữu cơ                      D. Vận chuyển các chất

**Câu 5.** Phần thịt lá nằm liền sát lớp biểu bì trên có đặc điểm nào dưới đây ?

A. Bao gồm các tế bào xếp gần nhau, không chứa lục lạp.

B. Bao gồm các tế bào xếp sát nhau, chứa nhiều lục lạp

C. Bao gồm các tế bào xếp sát nhau, chứa ít lục lạp

D. Bao gồm các tế bào gần cách, chứa nhiều lục lạp

**Câu 6.** Cây nào dưới đây chỉ có lỗ khí ở mặt trên của lá ?

A. Tất cả các phương án đưa ra                      B. Nong tằm

C. Trang                      D. Súng

**Câu 7.** Lỗ khí được tìm thấy ở cả hai mặt lá của cây nào dưới đây ?

A. Đoạn                      B. Ngô                      C. Trang                      D. Thường xuân

**Câu 8.** Các lỗ khí ở lá cây có vai trò gì ?

A. Vận chuyển các chất dinh dưỡng sau quang hợp đi nuôi cây

B. Giúp quá trình trao đổi khí diễn ra thuận lợi và tạo điều kiện cho quá trình thoát hơi nước của cây

C. Thu nhận ánh sáng mặt trời làm nguyên liệu cho quá trình quang hợp

D. Tất cả các phương án đưa ra

**Câu 9.** Phần biểu bì của phiến lá được cấu tạo bởi mấy lớp tế bào ?

A. 4 lớp                      B. 3 lớp                      C. 2 lớp                      D. 1 lớp

**Câu 10.** Chức năng chủ yếu của phần thịt lá là

A. chế tạo chất hữu cơ cho cây.

B. tổng hợp nước và muối khoáng cho cây.

C. dẫn truyền các chất dinh dưỡng xuống phần dưới của cây.

D. bảo vệ, che chở cho toàn bộ phiến lá.

#### Đáp án

	. D 2. C	3. B	4. D	5. B
6. A	7. B	8. B	9. D	10. A

#### HOẠT ĐỘNG 4: Hoạt động vận dụng (8')

**a. Mục tiêu:** Vận dụng các kiến thức vừa học quyết các vấn đề học tập và thực tiễn.

**b. Nội dung:** Dạy học trên lớp, hoạt động nhóm, hoạt động cá nhân.

**c. Sản phẩm:** HS vận dụng các kiến thức vào giải quyết các nhiệm vụ đặt ra.

**d. Tổ chức thực hiện:** GV sử dụng phương pháp vấn đáp tìm tòi, tổ chức cho học sinh tìm tòi, mở rộng các kiến thức liên quan.

#### 1. Chuyên giao nhiệm vụ học tập

GV chia lớp thành nhiều nhóm

( mỗi nhóm gồm các HS trong 1 bàn) và giao các nhiệm vụ: thảo luận trả lời các câu hỏi sau và ghi chép lại câu trả lời vào vở bài tập

Cho HS làm bài tập đã photo sẵn.

Chọn từ thích hợp điền vào chỗ trống: lục lạp, vận chuyển, lỗ khí, biểu bì, bảo vệ, đóng mở.

Bao bọc phiến lá là một lớp tế bào...(1)..trong suốt nên ánh sáng có thể xuyên qua chiếu vào phần thịt lá. Lớp tế bào biểu bì có màng ngoài rất dày có chức năng...(2) ...cho các phần bên trong của phiến lá

Lớp tế bào biểu bì mặt dưới có rất nhiều...(3).... Hoạt động...(4)... của nó giúp cho lá trao đổi khí và cho hơi nước thoát ra ngoài.

Các tế bào thịt lá chứa rất nhiều...(5).... có chức năng thu nhận ánh sáng cần cho việc chế tạo chất hữu cơ

Gân lá có chức năng...(6)..các chất cho phiến lá.

#### 2. Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận

- HS trả lời.

- HS nộp

Sưu tầm nhiều loại lá mặt trên có màu sẫm hơn mặt dưới

Những loại lá có hai mặt màu không khác nhau

#### 4. Hướng dẫn về nhà:

- Học bài và trả lời câu hỏi cuối sách.

- Đọc phần Em có biết ?

- Ôn lại kiến thức: Chức năng của lá. Chất khí nào duy trì sự cháy.

- Làm thí nghiệm 1 ở nhà và báo cáo kết quả, kèm theo mẫu vật.

## Bài 21: QUANG HỢP

### I/ MỤC TIÊU

#### 1. Kiến thức:

- Tìm hiểu và phân tích thí nghiệm để tự rút ra kết luận: Khi có ánh sáng, lá có thể chế tạo được tinh bột và nhả ra khí oxi.
- Giải thích được một vài hiện tượng thực tế như: vì sao nên trồng cây ở nơi có nhiều ánh sáng, vì sao nên thả rong vào bể nuôi cá cảnh.
- Vận dụng kiến thức đã học và kỹ năng phân tích thí nghiệm để biết được những chất lá cây cần sử dụng để chế tạo tinh bột?
- Phát biểu được khái niệm đơn giản về quang hợp.
- Viết sơ đồ tóm tắt về hiện tượng quang hợp.

#### 2. Năng lực

Phát triển các năng lực chung và năng lực chuyên biệt

Năng lực chung	Năng lực chuyên biệt
<ul style="list-style-type: none"> <li>- Năng lực phát hiện vấn đề</li> <li>- Năng lực giao tiếp</li> <li>- Năng lực hợp tác</li> <li>- Năng lực tự học</li> <li>- Năng lực sử dụng CNTT và TT</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Năng lực kiến thức sinh học</li> <li>- Năng lực thực nghiệm</li> <li>- Năng lực nghiên cứu khoa học</li> </ul>

#### 3. Về phẩm chất

Giúp học sinh rèn luyện bản thân phát triển các phẩm chất tốt đẹp: yêu nước, nhân ái, chăm chỉ, trung thực, trách nhiệm.

### II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

#### 1. Giáo viên:

- Giáo án, SGK, Tranh vẽ như SGK, tiêu bản mẫu vật, tranh ảnh.

#### 2. Học sinh

- Vở ghi, SGK, Nêu và giải quyết vấn đề kết hợp hình vẽ và làm việc với SGK.

### III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

1. **Ôn định lớp:** Năm sĩ số học sinh

2. **Kiểm tra bài cũ:**

Cấu tạo của phiến lá gồm những phần nào? Chức năng của mỗi phần là gì?

Vì sao ở nhiều loại lá, mặt trên có màu sẫm hơn mặt dưới? Hãy tìm ví dụ vài loại lá có hai mặt lá màu không khác nhau, cách mọc của những lá đó có gì khác so với cách mọc của đa số các loại lá?

3. **Bài mới :**

#### HOẠT ĐỘNG 1: Xác định vấn đề/Nhiệm vụ học tập/Mở đầu (5')

**a. Mục tiêu:** HS biết được các nội dung cơ bản của bài học cần đạt được, tạo tâm thế cho học sinh đi vào tìm hiểu bài mới.

**b. Nội dung:** Giáo viên giới thiệu thông tin liên quan đến bài học.

**c. Sản phẩm:** Học sinh lắng nghe định hướng nội dung học tập.

**d. Tổ chức thực hiện:** Giáo viên tổ chức, học sinh thực hiện, lắng nghe phát triển năng lực quan sát, năng lực giao tiếp.

Như đã biết, khác hẳn với động vật, cây xanh có khả năng chế tạo chất hữu cơ tự nuôi sống mình, là do lá có nhiều lục lạp. Vậy lá cây chế tạo được chất hữu cơ gì và trong điều kiện nào?

#### HOẠT ĐỘNG 2: Hình thành kiến thức

**a) Mục tiêu:** Khi có ánh sáng, lá có thể chế tạo được tinh bột và nhả ra khí oxi.

- Giải thích được một vài hiện tượng thực tế

**b) Nội dung:** HS căn cứ trên các kiến thức đã biết, làm việc với sách giáo khoa, hoạt động cá nhân, nhóm hoàn thành yêu cầu học tập.

**c) Sản phẩm:** Trình bày được kiến thức theo yêu cầu của GV.

**d) Tổ chức thực hiện:** Hoạt động cá nhân, hoạt động nhóm, dạy học nêu và giải quyết vấn đề; phương pháp thuyết trình; sử dụng đồ dung trực quan

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS	Nội dung
<ul style="list-style-type: none"> <li>- Yêu cầu học sinh các nhóm báo cáo kết quả thí nghiệm,</li> <li>-Kiểm tra kết quả thí nghiệm các nhóm;</li> <li>-<i>Hãy nêu các bước tiến hành thí nghiệm ?</i></li> <li>-Lấy kết quả 1 nhóm, tiến hành đun sôi cách thủy và thử dd iôt.</li> <li>-<i>Hãy nhận xét hiện tượng khi nhỏ dd iôt lên lá khoai lang làm thí nghiệm ? Giải thích hiện tượng xảy ra ?</i></li> <li>-Hướng dẫn học sinh quan sát</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>-Các nhóm báo cáo kết quả thí nghiệm.</li> <li>-Đại diện 1 nhóm báo cáo cách tiến hành.</li> <li>-Quan sát kết quả thí nghiệm, thảo luận nhóm đại diện pbiểu, nhóm khác bổ sung.</li> <li>-Quan sát thí nghiệm theo hướng dẫn của gv.</li> <li>-T.luận nhóm đ.diện pb, nhóm khác bs.</li> </ul>	<p><b>I. Xác định chất mà lá chế tạo khi có ánh sáng:</b></p> <p>1) <u>Thí nghiệm:</u></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Lấy chậu trồng dây lang để chỗ tối 2 ngày, dùng băng giấy đen bịt kín 1 phần 2 mặt lá.</li> <li>-Để chậu chỗ có ánh sáng mặt trời từ 4 – 6 giờ.</li> <li>-Ngắt lá đó, bỏ băng đen, cho vào cồn 90° đun sôi cách thủy để tẩy hết ch d.lục rồi rửa sạch.</li> <li>-Bỏ lá đó vào dd iốt loãng.</li> </ul>

<p>thí nghiệm; Bổ sung hoàn chỉnh nội dung. - <i>Vậy qua q.trình q.hợp cây đã c.tạo được chất gì ?</i></p>		<p>- <u>Kết quả</u> : + Phần lá không bị bịt có màu xanh tím. + Phần lá bị bịt thì không. 2) <u>Kết luận</u> : Lá chế tạo được tinh bột khi có ánh sáng.</p>
<p>- GV cho HS nghiên cứu thông tin SGK tr.69, 70 -&gt; thảo luận nhóm, trả lời câu hỏi mục ▼ SGK tr.70 - GV gợi ý: HS dựa vào kết quả thí nghiệm 1 và quan sát đáy 2 ống nghiệm, chất khí nào duy trì sự cháy? - GV cho thảo luận kết quả -&gt; tìm ý kiến đúng</p> <p>- GV nhận xét, đưa ra đáp án đúng -&gt; cho HS rút kết luận. - GV hỏi: <i>Tại sao trời hè, nắng nóng, đứng dưới bóng cây to lại thấy mát và dễ thở hơn?</i> - GV cho HS nhắc lại thí nghiệm và kết luận.</p>	<p>- HS nghiên cứu thông tin SGK tr.69, 70 -&gt; thảo luận nhóm, trả lời câu hỏi mục ▼ SGK tr.70 - Các nhóm trình bày ý kiến -&gt; cả lớp thảo luận và bổ sung: + Cành rong ở cốc B chế tạo được tinh bột vì được chiếu sáng + Chất khí ở cốc B là khí Oxi vì nó đã làm que đóm vừa tắt lại bùng cháy. Hiện tượng chứng tỏ cành rong trong cốc B đã tạo ra chất khí là có bọt khí thoát ra từ cành rong và có chất khí tạo thành ở đáy ống nghiệm trong cốc B.</p> <p>- HS rút kết luận: Lá nhả ra khí oxi trong quá trình chế tạo tinh bột - HS trả lời: Vì lá cây có cơ chế thoát hơi nước, giảm nhiệt và thải ra oxi trong quá trình quang hợp - HS nhắc lại thí nghiệm và kết luận.</p>	<p><b>II. Xác định chất khí thải ra trong quá trình lá chế tạo tinh bột:</b> 1) <u>Thí nghiệm</u>: - Lấy vài cành rong đuôi chó cho vào 2 ống nghiệm đựng đầy nước rồi úp ngược vào 2 cốc A, B đựng đầy nước. - Để cốc A vào trong túi giấy đen hoặc trong chỗ tối, cốc B để chỗ có ánh sáng - Sau 6 giờ quan sát . - <u>Kết quả</u>: + Cành rong trong cốc B có những bọt khí xuất hiện. + Cành rong trong cốc A thì không. 2) <u>Kết luận</u>: Trong quá trình lá chế tạo tinh bột, lá đã nhả khí oxi ra môi trường ngoài.</p>

<p>- GV yêu cầu HS nghiên cứu thông tin SGK tr.70, 71. - GV yêu cầu HS nhắc lại thí nghiệm - GV cho HS thảo luận nhóm: 1. Điều kiện thí nghiệm của cây trong chuông A khác với cây trong chuông B ở điểm nào?</p>	<p>- Cá nhân HS nghiên cứu thông tin SGK tr.70, 71 - 1-2 HS nhắc lại thí nghiệm - HS thảo luận nhóm: 1. Cây ở trong chuông A sống trong điều kiện không khí không có khí cacbonic</p>	<p><b>I. Cây cần những chất gì để chế tạo tinh bột ?</b> 1) <u>Thí nghiệm</u>: - <u>Kết quả</u> : + Lá cây ở chuông A không</p>
---	---	---

<p><b>GV gọi ý:</b> Nước sôi có khả năng hấp thụ khí cacbonic</p> <p>2. Lá cây trong chuông nào không chế tạo được tinh bột? Vì sao em biết?</p> <p><b>GV gọi ý:</b> Căn cứ vào kết quả của thí nghiệm thử dung dịch iot.</p> <p>3. Từ kết quả đó, có thể rút ra kết luận gì?</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- GV cho thảo luận toàn lớp kết quả thảo luận của các nhóm.</li> <li>- GV yêu cầu HS rút kết luận</li> <li>- GV hỏi: Tại sao xung quanh nhà và nơi công cộng cần trồng nhiều cây xanh?</li> </ul> <p>=&gt; <b>GDMT:</b> Quang hợp điều hòa khí hậu, làm không khí trong lành (cân bằng CO<sub>2</sub> và O<sub>2</sub>); Để cây thực hiện quang hợp tốt nhất phải đảm bảo về điều kiện nước, nhiệt độ và ánh sáng.</p>	<p>2. Lá trong chuông A không chế tạo được tinh bột, căn cứ vào kết quả thử với dung dịch iot, lá không bị nhuộm thành màu xanh tím.</p> <p>3. Không có khí cacbonic, lá không thể chế tạo được tinh bột</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- HS rút ra kết luận.</li> <li>- HS trả lời đạt: điều hòa thành phần chất khí trong bầu khí quyển ( lấy khí CO<sub>2</sub>, nhả khí O<sub>2</sub>)</li> </ul>	<p>chế tạo được tinh bột.</p> <p>+ Lá cây ở chuông B tạo được tinh bột.</p> <p>2) <b>Kết luận :</b> không có khí cacbonic, lá không chế tạo được tinh bột.</p> <p><b>Vậy :</b> Cây cần nước, ánh sáng, khí cacbonic để tạo tinh bột.</p>
<ul style="list-style-type: none"> <li>- GV yêu cầu cá nhân HS nghiên cứu SGK tr.72</li> <li>- GV gọi HS lên bảng viết lại sơ đồ quang hợp.</li> <li>- GV cho HS nhận xét -&gt; thảo luận về khái niệm quang hợp</li> </ul> <p><b>GV gọi ý:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Lá cây sử dụng nguyên liệu nào để chế tạo tinh bột? Nguyên liệu đó được lấy từ đâu?</li> <li>- Lá cây chế tạo tinh bột trong điều kiện nào?</li> <li>- GV nhận xét, hoàn chỉnh khái niệm quang hợp.</li> <li>- GV cho HS đọc thông tin mục □ SGK tr.72</li> <li>- GV hỏi: Ngoài tinh bột, lá cây còn tạo ra những sản phẩm hữu cơ nào khác?</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Cá nhân HS nghiên cứu SGK tr.72</li> <li>- 2 HS lên bảng viết lại sơ đồ quang hợp.</li> <li>- HS nhận xét -&gt; thảo luận về khái niệm quang hợp</li> </ul> <p>Quang hợp là quá trình lá cây nhờ có chất diệp lục, sử dụng nước, khí cacbonic và năng lượng ánh sáng mặt trời chế tạo ra tinh bột và nhả khí oxi.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- HS đọc thông tin mục □ SGK tr.72</li> <li>- HS trả lời như yêu cầu nội dung SGK tr.72.</li> </ul>	<p><b>2: Khái niệm về quang hợp</b></p> <p>Quang hợp là quá trình lá cây nhờ có chất diệp lục, sử dụng nước, khí cacbonic và năng lượng ánh sáng mặt trời chế tạo ra tinh bột và nhả khí oxi.</p> <p>Sơ đồ quang hợp ( SGK tr. 7)</p>

### **HOẠT ĐỘNG 3: Hoạt động luyện tập (10')**

- a. Mục tiêu:** Củng cố, luyện tập kiến thức vừa học.
- b. Nội dung:** Dạy học trên lớp, hoạt động nhóm, hoạt động cá nhân.
- c. Sản phẩm:** Bài làm của học sinh, kỹ năng giải quyết nhiệm vụ học tập.
- d. Tổ chức thực hiện:** Tổ chức theo phương pháp: đặt và giải quyết vấn đề, học sinh hợp

tác, vận dụng kiến thức hoàn thành nhiệm vụ.

**GV giao nhiệm vụ cho học sinh làm bài tập trắc nghiệm:**

**Câu 1.** Trong quá trình quang hợp, lá nhả ra loại khí nào ?

- A. Khí hiđrô      B. Khí nitơ      C. Khí ôxi      D. Khí cacbôníc

**Câu 2.** Trong cơ thể thực vật, bộ phận nào chuyên hoá với chức năng chế tạo tinh bột ?

- A. Hoa      B. Rễ      C. Lá      D. Thân

**Câu 3.** Thành phần nào dưới đây không tham gia trực tiếp vào quá trình quang hợp của thực vật ?

- A. Không bào      B. Lục lạp      C. Nước      D. Khí cacbôníc

**Câu 4.** Điều kiện cần để lá cây có thể quang hợp được khi có đầy đủ các nguyên liệu là gì ?

- A. Nhiệt độ thấp      B. Có ánh sáng      C. Độ ẩm thấp      D. Nền nhiệt cao

**Câu 5.** Thân non của cây (có màu xanh lục) có quang hợp được không ? Vì sao ?

A. Không. Vì thân non chỉ làm nhiệm vụ vận chuyển chất dinh dưỡng.

B. Có. Vì thân non cũng chứa chất diệp lục như lá cây.

C. Có. Vì thân non cũng được cung cấp đầy đủ nước và muối khoáng.

D. Không. Vì quá trình quang hợp chỉ diễn ra ở lá cây.

**Câu 6.** Chất nào dưới đây là nguyên liệu của quá trình quang hợp ở thực vật ?

- A. Khí cacbôníc      B. Khí ôxi      C. Tinh bột      D. Vitamin

**Câu 7.** Cho một cành rong đuôi chó vào bình chứa nước. Đổ đầy nước vào một ống nghiệm sau đó úp ngược ống nghiệm vào cành rong đuôi chó sao cho không có bọt khí lọt vào. Để bình nước này ra chỗ có nắng thì sau một thời gian, người ta quan sát thấy hiện tượng gì ?

A. Chất kết tủa màu trắng dần xuất hiện ở đáy ống nghiệm

B. Nước trong bình chuyển dần sang màu hồng nhạt

C. Nước trong ống nghiệm chuyển màu xanh thẫm.

D. Bọt khí nổi lên và khí dần chiếm chỗ nước trong ống nghiệm.

**Câu 8.** Tại sao khi nuôi cá cảnh trong bể kính, người ta lại thả thêm rong rêu ?

A. Tất cả các phương án đưa ra.

B. Vì quá trình quang hợp của rong rêu sẽ thải khí ôxi, giúp hoạt động hô hấp của cá diễn ra dễ dàng hơn.

C. Vì rong rêu có tác dụng ức chế sự phát triển của các vi sinh vật gây hại cho cá.

D. Vì rong rêu là thức ăn chủ yếu của cá cảnh.

**Câu 9.** Để quang hợp ở cây xanh diễn ra thuận lợi, chúng ta cần lưu ý điều nào dưới đây ?

A. Tất cả các phương án đưa ra      B. Trồng cây ở nơi có đủ ánh sáng

C. Tưới tiêu hợp lý      D. Bón phân cho cây (bón lót, bón thúc)

**Câu 10.** Chọn từ thích hợp để điền vào chỗ trống trong câu sau : Từ tinh bột cùng ..., lá cây còn chế tạo được nhiều loại hữu cơ khác cần thiết cho cây.

- A. muối khoáng      B. nước      C. ôxi      D. vitamin

**Đáp án**

1. C	2	C	A	5. B
		3	4. B	
6. A	7. D	8. B	9. A	10. A

#### **HOẠT ĐỘNG 4: Hoạt động vận dụng (8')**

- a. Mục tiêu:** Vận dụng các kiến thức vừa học quyết các vấn đề học tập và thực tiễn.
- b. Nội dung:** Dạy học trên lớp, hoạt động nhóm, hoạt động cá nhân.
- c. Sản phẩm:** HS vận dụng các kiến thức vào giải quyết các nhiệm vụ đặt ra.
- d. Tổ chức thực hiện:** GV sử dụng phương pháp vấn đáp tìm tòi, tổ chức cho học sinh tìm tòi, mở rộng các kiến thức liên quan.

#### **1. Chuyển giao nhiệm vụ học tập**

GV chia lớp thành nhiều nhóm

( mỗi nhóm gồm các HS trong 1 bàn) và giao các nhiệm vụ: thảo luận trả lời các câu hỏi sau và ghi chép lại câu trả lời vào vở bài tập

- Sử dụng câu hỏi 1, 2, 3 SGK.
- Vì sao trong thành phố người ta thường trồng nhiều cây xanh?

#### **2. Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**

- HS trả lời.
- HS nộp vở bài tập.
- HS tự ghi nhớ nội dung trả lời đã hoàn thiện.

Vẽ sơ đồ tư duy

#### **4. Hướng dẫn về nhà:**

- Học bài và trả lời câu hỏi cuối sách.
- Đọc em có biết.
- chuẩn bị tiếp bài 22.

### **Bài 22: ẢNH HƯỞNG CỦA CÁC ĐIỀU KIỆN BÊN NGOÀI ĐẾN QUANG HỢP, Ý NGHĨA CỦA QUANG HỢP + TÍCH HỢP MÔI TRƯỜNG VÀ TIẾT KIỆM NĂNG LƯỢNG**

#### **I/ MỤC TIÊU**

##### **1. Kiến thức:**

- Nêu được những điều kiện bên ngoài ảnh hưởng tới quang hợp
- Vận dụng kiến thức, giải thích được ý nghĩa của một vài biện pháp kỹ thuật trong trồng trọt.

##### **2. Năng lực**

Phát triển các năng lực chung và năng lực chuyên biệt



Năng lực chung	Năng lực chuyên biệt
<ul style="list-style-type: none"> <li>- Năng lực phát hiện vấn đề</li> <li>- Năng lực giao tiếp</li> <li>- Năng lực hợp tác</li> <li>- Năng lực tự học</li> <li>- Năng lực số đông CNTT và TT</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Năng lực kiến thức sinh học</li> <li>- Năng lực thực nghiệm</li> <li>- Năng lực nghiên cứu khoa học</li> </ul>

### 3. Về phẩm chất

Giúp học sinh rèn luyện bản thân phát triển các phẩm chất tốt đẹp: yêu nước, nhân ái, chăm chỉ, trung thực, trách nhiệm.

## II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

### 1. Giáo viên:

- Giáo án, SGK, Tranh vẽ như SGK, tiêu bản mẫu vật, tranh ảnh.

### 2. Học sinh

- Vở ghi, SGK, Nêu và giải quyết vấn đề kết hợp hình vẽ và làm việc với SGK.

## III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

### 1. Ổn định lớp: Năm sĩ số học sinh

### 2. Kiểm tra bài cũ:

- Trình bày thí nghiệm tìm ra chất mà cây xanh dùng để chế tạo tinh bột.
- Viết sơ đồ tóm tắt quá trình quang hợp. Nêu định nghĩa quang hợp.

### 3. Bài mới :

<b>HOẠT ĐỘNG 1: Xác định vấn đề/Nhiệm vụ học tập/Mở đầu (5')</b>		
<p><b>a. Mục tiêu:</b> HS biết được các nội dung cơ bản của bài học cần đạt được, tạo tâm thế cho học sinh đi vào tìm hiểu bài mới.</p> <p><b>b. Nội dung:</b> Giáo viên giới thiệu thông tin liên quan đến bài học.</p> <p><b>c. Sản phẩm:</b> Học sinh lắng nghe định hướng nội dung học tập.</p> <p><b>d. Tổ chức thực hiện:</b> Giáo viên tổ chức, học sinh thực hiện, lắng nghe phát triển năng lực quan sát, năng lực giao tiếp.</p>		
Ta biết cây xanh có thể quang hợp, tự tạo ra chất dinh dưỡng để nuôi cây và ngoài ra còn nhả ra khí oxi cung cấp cho sự sống, vậy những điều kiện bên ngoài nào sẽ ảnh hưởng đến sự quang hợp?		
<b>HOẠT ĐỘNG 2: Hình thành kiến thức</b>		
<p><b>a) Mục tiêu:</b> điều kiện bên ngoài ảnh hưởng tới quang hợp</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Vận dụng kiến thức, giải thích được ý nghĩa của một vài biện pháp kỹ thuật trong</li> </ul> <p><b>b) Nội dung:</b> HS căn cứ trên các kiến thức đã biết, làm việc với sách giáo khoa, hoạt động cá nhân, nhóm hoàn thành yêu cầu học tập.</p> <p><b>c) Sản phẩm:</b> Trình bày được kiến thức theo yêu cầu của GV.</p> <p><b>d) Tổ chức thực hiện:</b> Hoạt động cá nhân, hoạt động nhóm, dạy học nêu và giải quyết vấn đề; phương pháp thuyết trình; sử dụng đồ dung trực quan</p>		
<b>Hđộng của giáo viên</b>	<b>Hđ của hs</b>	<b>Nội dung</b>

<p>-Yêu cầu học sinh đọc thông tin • mục 1 , <b>thảo luận</b> nhóm trong 5' trả lời:</p> <p>-<i>Những điều kiện bên ngoài nào ảnh hưởng đến quang hợp ?</i></p> <p>-<i>Giải thích:</i></p> <p>+ <i>Tại sao trong trồng trọt muốn thu hoạch cao thì không trồng cây với mật độ quá dày ?</i></p> <p>+ <i>Tại sao nhiều loại cây trồng trong nhà mà vẫn xanh tốt ? Tìm vài ví dụ ?</i></p> <p>+ <i>Tại sao muốn cây sinh trưởng tốt phải chống nóng và chống rét cho cây ?</i></p> <p>-Bổ sung hoàn chỉnh nội dung trên tranh vẽ phóng to.</p>	<p>-Cá nhân đọc thông tin, thảo luận nhóm đại diện pbiểu, nhóm khác bổ sung:</p> <p>-Kể ra những đk: nhiệt độ, ánh sáng, nước và hàm lượng khí cacbonic.</p> <p>-Trồng cây quá dày cây bị thiếu ánh sáng; có loại cây cần nhiều, ít ánh sáng, vd: cây càng cua, cây rêu, ...</p>	<p><b>I. Những điều kiện bên ngoài nào ảnh hưởng đến quang hợp ?</b></p> <p>-Các điều kiện bên ngoài ảnh hưởng đến quang hợp là : ánh sáng, nước, hàm lượng khí cacbonic và nhiệt độ.</p> <p>-Các loại cây khác nhau có nhu cầu các điều kiện đó không giống nhau.</p>
<p>-Yêu cầu hs <b>thảo luận</b> nhóm trong 5 phút 4 câu hỏi mục 2 <math>\nabla</math>cuối trang 75:</p> <p>-<i>Khí oxi do quang hợp nhả ra cần cho hô hấp của những s.vật nào ?</i></p> <p>-<i>Hô hấp của sv và nhiều hoạt động sống của con người đều thải ra khí cacbonic vào không khí, nhưng vì sao tỉ lệ khí này trong không khí nói chung không th.đổi ?</i></p> <p>-<i>Các c.h.c do cây xanh chế tạo ra đã được những sv nào dùng ?</i></p> <p>-<i>Hãy kể những s.phẩm mà chất hữu cơ do cây xanh q.hợp đã cung cấp cho đời sống của con người ?</i></p> <p>-<i>Vậy sự quang hợp ở cây xanh có ý nghĩa gì ?</i></p> <p>-<i>Chúng ta cần có thái độ như thế nào với cây xanh ở trường học hoặc nơi công cộng ?</i></p>	<p>-Thảo luận nhóm theo hướng dẫn của giáo viên, thống nhất câu trả lời; đại diện pbiểu, nhóm khác bổ sung.</p> <p>-Rút ra kết luận về ý nghĩa quang hợp ở cây xanh.</p> <p>-Đại diện pbiểu, nhóm khác bổ sung.</p>	<p><b>II. Quang hợp ở cây xanh có ý nghĩa gì ?</b></p> <p>* Nhờ quang hợp ở cây xanh tạo ra các chất hữu cơ và khí oxi cần cho sự sống của các sinh vật trên Trái Đất.</p>

### **HOẠT ĐỘNG 3: Hoạt động luyện tập (10')**

**a. Mục tiêu:** Củng cố, luyện tập kiến thức vừa học.

**b. Nội dung:** Dạy học trên lớp, hoạt động nhóm, hoạt động cá nhân.

**c. Sản phẩm:** Bài làm của học sinh, kỹ năng giải quyết nhiệm vụ học tập.

**d. Tổ chức thực hiện:** Tổ chức theo phương pháp: đặt và giải quyết vấn đề, học sinh

hợp tác, vận dụng kiến thức hoàn thành nhiệm vụ.

**GV giao nhiệm vụ cho học sinh làm bài tập trắc nghiệm:**

**Câu 1.** Cây nào dưới đây là cây ưa sáng ?

- A. Diếp cá                      B. Chua me                      C. Bạch đàn                      D. Lá lốt

**Câu 2.** Cây nào dưới đây thường sống dưới bóng các cây khác ?

- A. Lúa                      B. Lê gai                      C. Phi lao                      D. Rau má

**Câu 3.** Trong cơ thể thực vật, thành phần nào chiếm tỉ lệ lớn nhất về khối lượng ?

- A. Nước                      B. Muối khoáng                      C. Tinh bột                      D. Vitamin

**Câu 4.** Nhiệt độ thích hợp nhất cho quá trình quang hợp của cây xanh là bao nhiêu ?

- A. 10-15°C                      B. 20-30°C                      C. 30-40°C                      D. 25-40°C

**Câu 5.** Tại sao trong sản xuất nông nghiệp, muốn cây cho năng suất cao thì chúng ta không nên trồng với mật độ quá dày ?

- A. Vì trồng cây quá dày sẽ làm cản trở khả năng hút nước và muối khoáng của cây.  
B. Vì trồng cây quá dày sẽ khiến cho cây sinh trưởng, phát triển kém do phải san sẻ nguồn ánh sáng, nước và chất dinh dưỡng cho các cây mọc lân cận.  
C. Vì khi trồng cây quá dày, các cây gần nhau sẽ có hiện tượng liền rễ và cây bị bệnh dễ phát tán tác nhân gây bệnh cho những cây xung quanh.  
D. Tất cả các phương án đưa ra.

**Câu 6.** Loại thực phẩm nào dưới đây được tạo ra nhờ hoạt động quang hợp của cây xanh ?

1. Xúc xích    2. Khoai tây                      3. Cà rốt    4. Hạt sen    5. Ngô                      6. Nấm hương  
A. 2, 3, 4, 5                      B. 1, 2, 3, 4, 5                      C. 2, 3, 4, 5, 6                      D. 1, 2, 3, 4, 5, 6

**Câu 7.** Quang hợp ở cây xanh có ý nghĩa như thế nào đối với đời sống con người và động vật ?

- A. Cung cấp ôxi cho hoạt động hô hấp của sinh vật, điều hoà khí hậu thông qua việc cân bằng hàm lượng khí ôxi và khí cacbôníc trong khí quyển.  
B. Cung cấp nguồn thức ăn dồi dào cho người và động vật: lá, củ, hạt, ...  
C. Cung cấp nguồn nguyên liệu cho sản xuất công nghiệp: sắn, cà phê, ...  
D. Tất cả các phương án đưa ra.

**Câu 8.** Chọn số liệu thích hợp để điền vào chỗ trống trong câu sau : Hằng năm, giới Thực vật trên Trái Đất chế tạo ra khoảng ... tỉ tấn chất hữu cơ.

- A. 550                      B. 750                      C. 150                      D. 450

**Câu 9.** Trong các yếu tố dưới đây, có bao nhiêu yếu tố ảnh hưởng đến quá trình quang hợp ở cây xanh ?

1. Ánh sáng                      2. Nhiệt độ                      3. Nước                      4. Hàm lượng khí cacbôníc  
A. 3                      B. 4                      C. 2                      D. 1

**Câu 10.** Nhóm nào dưới đây gồm những cây ưa bóng ?

- A. Ngô, dứa, cải thảo, thìa là                      B. Rau bợ, chua me, khoai tây, đậu xanh  
C. Xà cừ, xương rồng, thanh long, rau má                      D. Trầu không, hoàng tinh, diếp cá, lá lốt

**Đáp án**

1. C	2. D	3. A	4. B	5. B
6. A	7. D	8. D	9. B	10

#### **HOẠT ĐỘNG 4: Hoạt động vận dụng (8')**

**a. Mục tiêu:** Vận dụng các kiến thức vừa học quyết các vấn đề học tập và thực tiễn.

**b. Nội dung:** Dạy học trên lớp, hoạt động nhóm, hoạt động cá nhân.

**c. Sản phẩm:** HS vận dụng các kiến thức vào giải quyết các nhiệm vụ đặt ra.

**d. Tổ chức thực hiện:** GV sử dụng phương pháp vấn đáp tìm tòi, tổ chức cho học sinh tìm tòi, mở rộng các kiến thức liên quan.

#### **1. Chuyển giao nhiệm vụ học tập**

GV chia lớp thành nhiều nhóm

( mỗi nhóm gồm các HS trong 1 bàn) và giao các nhiệm vụ: thảo luận trả lời các câu hỏi sau và ghi chép lại câu trả lời vào vở bài tập

- Qua bài học này giáo dục cho các em phải biết làm gì để giữ gìn môi trường sống tốt nhất?

Không có cây xanh thì không có sự sống của sinh vật hiện nay trên trái đất, điều đó có đúng không? Vì sao?

#### **2. Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**

- HS trả lời.

- HS nộp vở bài tập.

- HS tự ghi nhớ nội dung trả lời đã hoàn thiện.

Liên hệ môi trường nơi em sống

#### **4. Hướng dẫn về nhà:**

- Học bài và trả lời câu hỏi cuối sách.

- Đọc phần Em có biết ?

- Chuẩn bị bài 23, chuẩn bị thí nghiệm ở nhà và kết quả thí nghiệm để báo cáo.

### **Bài 23: CÂY CÓ HÔ HẤP KHÔNG**

#### **I/ MỤC TIÊU**

##### **1. Kiến thức:**

- Phân tích thí nghiệm và tham gia thiết kế một thí nghiệm đơn giản HS phát hiện được có hiện tượng hô hấp ở cây.
- Nhớ được khái niệm đơn giản về hiện tượng hô hấp và hiểu được ý nghĩa hô hấp đối với đời sống của cây. Sơ đồ hô hấp.
- Giải thích vài ứng dụng trong trồng trọt liên quan đến hiện tượng hô hấp của cây.

## 2. Năng lực

Phát triển các năng lực chung và năng lực chuyên biệt

Năng lực chung	Năng lực chuyên biệt
<ul style="list-style-type: none"> <li>- Năng lực phát hiện vấn đề</li> <li>- Năng lực giao tiếp</li> <li>- Năng lực hợp tác</li> <li>- Năng lực tự học</li> <li>- Năng lực số đông CNTT và TT</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Năng lực kiến thức sinh học</li> <li>- Năng lực thực nghiệm</li> <li>- Năng lực nghiên cứu khoa học</li> </ul>

## 3. Về phẩm chất

Giúp học sinh rèn luyện bản thân phát triển các phẩm chất tốt đẹp: yêu nước, nhân ái, chăm chỉ, trung thực, trách nhiệm.

## II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

### 1. Giáo viên:

- Giáo án, SGK, Tranh vẽ như SGK, tiêu bản mẫu vật, tranh ảnh.

### 2. Học sinh

- Vở ghi, SGK, Nêu và giải quyết vấn đề kết hợp hình vẽ và làm việc với SGK.

## III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

### 1. Ổn định lớp: Năm sĩ số học sinh

### 2. Kiểm tra bài cũ: (Kiểm tra 15 phút)

### 3. Bài mới:

#### HOẠT ĐỘNG 1: Xác định vấn đề/Nhiệm vụ học tập/Mở đầu (5')

**a. Mục tiêu:** HS biết được các nội dung cơ bản của bài học cần đạt được, tạo tâm thế cho học sinh đi vào tìm hiểu bài mới.

**b. Nội dung:** Giáo viên giới thiệu thông tin liên quan đến bài học.

**c. Sản phẩm:** Học sinh lắng nghe định hướng nội dung học tập.

**d. Tổ chức thực hiện:** Giáo viên tổ chức, học sinh thực hiện, lắng nghe phát triển năng lực quan sát, năng lực giao tiếp.

Cây xanh đã thực hiện quá trình quang hợp để tạo ra chất hữu cơ và thải ra khí oxi cung cấp cho sự sống. Vậy cây xanh cũng như các sinh vật khác, cơ thể của chúng cũng luôn vận động để tồn tại, vậy quá trình đó như thế nào, bài hôm nay ta sẽ làm rõ.

#### HOẠT ĐỘNG 2: Hình thành kiến thức

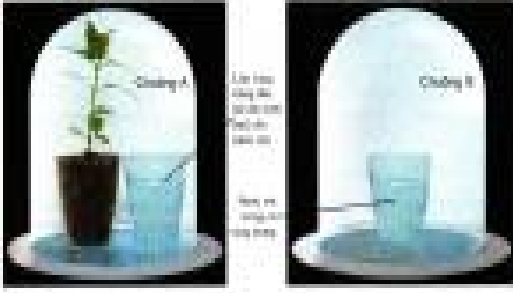
**a) Mục tiêu:** thí nghiệm và tham gia thiết kế một thí nghiệm đơn giản HS phát hiện được có hiện tượng hô hấp ở cây.

**b) Nội dung:** HS căn cứ trên các kiến thức đã biết, làm việc với sách giáo khoa, hoạt

động cá nhân, nhóm hoàn thành yêu cầu học tập.

**c) Sản phẩm:** Trình bày được kiến thức theo yêu cầu của GV.

**d) Tổ chức thực hiện:** Hoạt động cá nhân, hoạt động nhóm, dạy học nêu và giải quyết vấn đề; phương pháp thuyết trình; sử dụng đồ dung trực quan

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS	Nội dung
<p><b>a. TN 1: nhóm Lan và Hải:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- GV yêu cầu HS nghiên cứu SGK tr.77 -&gt; nắm cách tiến hành thí nghiệm, kết quả thí nghiệm.</li> <li>- GV cho HS trình bày lại thí nghiệm trước lớp</li> <li>- GV cho HS thảo luận câu hỏi:               <ol style="list-style-type: none"> <li>1. Không khí trong 2 chuông đều có chất khí gì? Vì sao em biết?</li> <li>2. Vì sao trên mặt cốc nước vôi trong chuông A có lớp váng trắng đục dày hơn?</li> </ol> </li> <li>- GV giúp HS hoàn thiện đáp án:               <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Không khí trong 2 chuông đều có khí CO<sub>2</sub>, vì trên mặt cốc nước vôi trong 2 chuông đều có lớp váng trắng đục</li> <li>+ Lớp váng trắng trên mặt cốc nước vôi trong ở chuông A dày hơn vì cây trong chuông đã thải ra khí CO<sub>2</sub></li> </ul> </li> <li>- GV yêu cầu HS rút ra kết luận.</li> </ul> <p><b>b. TN 2: nhóm An và Dũng</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- GV yêu cầu HS nghiên cứu SGK tr.78, trả lời câu hỏi: Các bạn nhóm An và Dũng đã làm thí nghiệm nhằm mục đích gì?</li> <li>- GV yêu cầu HS hoạt động nhóm, thiết kế thí nghiệm dựa trên dụng cụ có sẵn và kết quả thí nghiệm 1.</li> <li>- GV yêu cầu các nhóm trình bày cách thiết kế thí nghiệm trước lớp</li> <li>- GV giúp HS hoàn chỉnh cách thiết kế thí nghiệm và giải thích rõ: khi đặt cây vào cốc thủy tinh rồi đặt miếng kính lên, lúc đầu trong cốc vẫn có O<sub>2</sub> của không khí, sau một thời gian, đến khi</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- HS nghiên cứu SGK tr.77 -&gt; nắm cách tiến hành thí nghiệm, kết quả thí nghiệm.</li> <li>- 1 -2 HS trình bày lại thí nghiệm trước lớp.</li> <li>- HS thảo luận, trả lời đạt:               <ol style="list-style-type: none"> <li>1. Không khí trong 2 chuông đều có khí CO<sub>2</sub></li> <li>2. Vì lượng khí CO<sub>2</sub> trong chuông A nhiều hơn và do cây thải ra.</li> </ol> </li> <li>- HS lắng nghe</li> </ul> <div style="text-align: center;">  </div> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Câu HS nghiên cứu SGK tr.78, trả lời câu hỏi.</li> <li>- HS hoạt động nhóm, thiết kế thí nghiệm dựa trên dụng cụ có sẵn và kết quả thí nghiệm 1.</li> <li>- Các nhóm trình bày cách thiết kế thí nghiệm trước lớp</li> <li>- HS lắng nghe</li> </ul>	<p><b>1: Các thí nghiệm chứng minh hiện tượng hô hấp ở cây xanh</b></p> <p><b>a. TN 1: nhóm Lan và Hải:</b></p> <p>Khi không có ánh sáng, cây đã thải ra nhiều khí CO<sub>2</sub>.</p> <p><b>b. TN 2: nhóm An và Dũng</b></p> <p>Cây thải ra khí CO<sub>2</sub> và hút khí O<sub>2</sub> của không khí.</p>

<p>khê dịch tấm kính để đưa que đóm đang cháy vào -&gt; đóm tắt ngay chứng tỏ trong cốc không còn khí O<sub>2</sub> và cây nhả ra CO<sub>2</sub>.</p> <p>- GV yêu cầu HS rút ra kết luận. - GV chốt lại kiến thức.</p>	<p>- HS rút ra kết luận</p>	
<p>- Gv yêu cầu HS nghiên cứu SGK tr.78, trả lời câu hỏi: 1. <i>Hô hấp là gì? Hô hấp có ý nghĩa như thế nào đối với đời sống của cây?</i></p> <p>2. <i>Những cơ quan nào của cây tham gia hô hấp và trao đổi khí trực tiếp với môi trường ngoài?</i> 3. <i>Cây hô hấp vào thời gian nào?</i></p> <p>4. <i>Người ta dùng biện pháp nào để giúp rễ và hạt mới gieo hô hấp?</i></p> <p>- GV nhận xét, cho HS ghi bài - GV yêu cầu HS trả lời mục ▼ SGK tr.79 - GV nhận xét, bổ sung - GV hỏi: 1. Tại sao khi ngủ đêm trong rừng ta thấy khó thở, còn ban ngày thì mát và dễ thở? 2. Vì sao ban đêm không nên để nhiều hoa hoặc cây xanh trong phòng ngủ đóng kín cửa? - <b>GDTKNL:</b> Cây xanh có hô hấp, trong quá trình đó cây xanh lấy oxi để phân giải các chất hữu cơ, sinh ra năng lượng cần cho các hoạt động sống, đồng thời thải ra khí cacbonic và hơi nước: do đó không nên để nhiều cây xanh trong nhà vào ban đêm để tránh hiện tượng làm giảm lượng oxi cần cho hô hấp của con người.</p>	<p>- HS nghiên cứu SGK tr.78, trả lời câu hỏi đạt: 1. Hô hấp là quá trình cây lấy O<sub>2</sub> để phân giải các chất hữu cơ, sản sinh ra năng lượng cần cho các hoạt động sống của cây, đồng thời thải ra khí CO<sub>2</sub> và hơi nước. 2. Thân, lá, rễ của cây đều tham gia hô hấp. 3. Cây hô hấp suốt ngày đêm. 4. Làm đất tơi, xốp, thoáng khí: + Cày bừa kỹ cho đất tơi xốp trước khi gieo hạt để tạo điều kiện cho hạt hô hấp tốt, thuận lợi cho sự nảy mầm của hạt. + Luôn xới xáo cho đất tơi, xốp bảo đảm đủ không khí cho rễ + Phơi ải đất trước khi cấy và làm cỏ sục bùn, tạo điều kiện cho đất chứa được nhiều không khí. + Khi các cây sống trên cạn bị ngập phải tìm cách tháo nước ngay để tránh úng, giúp đất thoáng khí. - HS: nghe!</p>	<p><b>2: Hô hấp ở cây</b> Cây hô hấp suốt ngày đêm. Tất cả các cơ quan của cây đều tham gia hô hấp. Trong quá trình hô hấp, cây lấy oxi để phân giải các chất hữu cơ, sản sinh ra năng lượng cần cho các hoạt động sống của cây, đồng thời thải ra khí CO<sub>2</sub> và hơi nước.</p>

### HOẠT ĐỘNG 3: Hoạt động luyện tập (10')

**a. Mục tiêu:** Củng cố, luyện tập kiến thức vừa học.

**b. Nội dung:** Dạy học trên lớp, hoạt động nhóm, hoạt động cá nhân.

**c. Sản phẩm:** Bài làm của học sinh, kỹ năng giải quyết nhiệm vụ học tập.

**d. Tổ chức thực hiện:** Tổ chức theo phương pháp: đặt và giải quyết vấn đề, học sinh hợp tác, vận dụng kiến thức hoàn thành nhiệm vụ.

#### GV giao nhiệm vụ cho học sinh làm bài tập trắc nghiệm:

**Câu 1.** Cây xanh hô hấp vào thời gian nào trong ngày ?

- A. Chỉ hô hấp vào ban đêm                      B. Chỉ hô hấp vào buổi sáng  
C. Hô hấp suốt ngày đêm                      D. Chỉ hô hấp vào ban ngày

**Câu 2.** Nhóm nào dưới đây gồm những bộ phận của cây xanh xảy ra quá trình hô hấp ?

- A. Tất cả các phương án đưa ra                      B. Hoa, quả  
C. Rễ, thân    D. Lá, củ

**Câu 3.** Chất nào dưới đây là sản phẩm của quá trình hô hấp ở cây xanh ?

- A. Nước                      B. Ôxi                      C. Tinh bột                      D. Vitamin

**Câu 4.** Trong các bộ phận ở cây xanh, quá trình hô hấp ở bộ phận nào gặp phải nhiều cản trở nhất ?

- A. Hoa                      B. Lá                      C. Rễ                      D. Thân

**Câu 5.** Việc làm nào dưới đây giúp cho quá trình hô hấp ở rễ cây diễn ra thuận lợi hơn ?

- A. Tưới nước                      B. Vun xới đất                      C. Bón phân                      D. Phủ rơm rạ

**Câu 6.** Ở đối tượng nào dưới đây, hoạt động hô hấp diễn ra mạnh mẽ nhất ?

- A. Quả chín    B. Hoa đang nở  
C. Rễ cây bị ngập nước    D. Củ bị thối rữa

**Câu 7.** Sản phẩm của quá trình quang hợp bao gồm :

- A. khí cacbôníc, hơi nước và năng lượng.                      B. khí cacbôníc, tinh bột và năng lượng.  
C. khí ôxi, hơi nước và năng lượng.    D. khí ôxi, tinh bột và hơi nước.

**Câu 8.** Sản phẩm của quá trình hô hấp ở thực vật chính là nguyên liệu của quá trình

- A. sinh sản.                      B. cảm ứng.                      C. thoát hơi nước.                      D. quang hợp.

**Câu 9.** Vì sao chúng ta không nên đặt nhiều hoa hoặc cây xanh trong phòng ngủ đóng kín cửa ?

- A. Vì hô hấp ở thực vật sẽ sản sinh ra nhiều khí CO, gây nguy hại đến sức khoẻ con người.  
B. Vì hô hấp ở thực vật thải ra nhiều nước khiến độ ẩm không khí tăng cao, tạo điều kiện cho vi sinh vật gây hại phát triển.  
C. Vì hô hấp ở thực vật sẽ hút khí ôxi, thải khí cacbôníc, khiến chúng ta bị ngạt khi ngủ, thậm chí có thể dẫn đến đột quỵ, tử vong.  
D. Tất cả các phương án đưa ra.

**Câu 10.** Chất nào dưới đây là nguyên liệu hô hấp ở thực vật ?

- A. Chất hữu cơ                      B. Khí cacbôníc                      C. Ion khoáng                      D. Nước

#### Đáp án

1. C	2. A	3. A	4. C	5. B
6. A	7. A	8. D	9. C	10. A

### HOẠT ĐỘNG 4: Hoạt động vận dụng (8')



- a. Mục tiêu:** Vận dụng các kiến thức vừa học quyết các vấn đề học tập và thực tiễn.
- b. Nội dung:** Dạy học trên lớp, hoạt động nhóm, hoạt động cá nhân.
- c. Sản phẩm:** HS vận dụng các kiến thức vào giải quyết các nhiệm vụ đặt ra.
- d. Tổ chức thực hiện:** GV sử dụng phương pháp vấn đáp tìm tòi, tổ chức cho học sinh tìm tòi, mở rộng các kiến thức liên quan.

### 1. Chuyển giao nhiệm vụ học tập

GV chia lớp thành nhiều nhóm

( mỗi nhóm gồm các HS trong 1 bàn) và giao các nhiệm vụ: thảo luận trả lời các câu hỏi sau và ghi chép lại câu trả lời vào vở bài tập

? Tại sao khi ngủ đêm trong rừng ta thấy khó thở, còn ban ngày thì mát và dễ thở?(

? Em biết được những gì qua bài học này?

? Viết sơ đồ hô hấp?

### 2. Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận

- HS trả lời.

- HS nộp vở bài tập.

- HS tự ghi nhớ nội dung trả lời đã hoàn thiện.

- Yêu cầu HS giải thích: Một hòn đất nỏ bằng 1 giỏ phân.

- Vì sao ban đêm không để nhiều hoa hoặc cây xanh trong phòng ngủ đóng kín cửa?

### 4. Hướng dẫn về nhà:

- Học bài và trả lời câu hỏi còn lại trong SGK.

- Ôn lại Cấu tạo trong của phiến lá.

- Chuẩn bị bài tiếp theo.

## Bài 24: PHẦN LỚN NƯỚC VÀO CÂY ĐI ĐÂU?

### I/ MỤC TIÊU

#### 1. Kiến thức:

- Lựa chọn được cách thiết kế 1 thí nghiệm chứng minh cho kết luận : Phần lớn nước do rễ hút vào cây đã được lá cây thải ra ngoài bằng sự thoát hơi nước hoặc cấu tạo lỗ khí phù hợp chức năng thoát hơi nước.
- Nêu được ý nghĩa quan trọng của sự thoát hơi nước qua lá.
- Hiểu được những điều kiện bên ngoài ảnh hưởng đến sự thoát hơi nước qua lá.

- Giải thích được ý nghĩa của một số biện pháp kỹ thuật trong trồng trọt.

## 2. Năng lực

Phát triển các năng lực chung và năng lực chuyên biệt

Năng lực chung	Năng lực chuyên biệt
<ul style="list-style-type: none"> <li>- Năng lực phát hiện vấn đề</li> <li>- Năng lực giao tiếp</li> <li>- Năng lực hợp tác</li> <li>- Năng lực tự học</li> <li>- Năng lực sử dụng CNTT và TT</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Năng lực kiến thức sinh học</li> <li>- Năng lực thực nghiệm</li> <li>- Năng lực nghiên cứu khoa học</li> </ul>

## 3. Về phẩm chất

Giúp học sinh rèn luyện bản thân phát triển các phẩm chất tốt đẹp: yêu nước, nhân ái, chăm chỉ, trung thực, trách nhiệm.

## II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

### 1. Giáo viên:

- Giáo án, SGK, Tranh vẽ như SGK, tiêu bản mẫu vật, tranh ảnh.

### 2. Học sinh

- Vở ghi, SGK, Nêu và giải quyết vấn đề kết hợp hình vẽ và làm việc với SGK.

## III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

### 1. Ổn định lớp: Năm sĩ số học sinh

### 2. Kiểm tra bài cũ:

- Muốn chứng minh được cây có hô hấp, ta phải làm những thí nghiệm nào?
- Hô hấp là gì? Vì sao hô hấp có ý nghĩa quan trọng đối với cây?

### 3. Bài mới : PHẦN LỚN NƯỚC VÀO CÂY ĐI ĐÂU?



Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh	Nội dung
<b>HOẠT ĐỘNG 1: Xác định vấn đề/Nhiệm vụ học tập/Mở đầu (5')</b>		
<p><b>a. Mục tiêu:</b> HS biết được các nội dung cơ bản của bài học cần đạt được, tạo tâm thế cho học sinh đi vào tìm hiểu bài mới.</p> <p><b>b. Nội dung:</b> Giáo viên giới thiệu thông tin liên quan đến bài học.</p> <p><b>c. Sản phẩm:</b> Học sinh lắng nghe định hướng nội dung học tập.</p> <p><b>d. Tổ chức thực hiện:</b> Giáo viên tổ chức, học sinh thực hiện, lắng nghe phát triển năng lực quan sát, năng lực giao tiếp.</p>		
<p>Chúng ta biết cây cần dùng nước để quang hợp và sử dụng cho một số hoạt động khác nên hàng ngày rễ phải hút rất nhiều nước. Nhưng theo nghiên cứu của các nhà khoa học cây chỉ giữ lại một phần nhỏ. Còn phần lớn nước đã đi đâu?</p>		
<b>HOẠT ĐỘNG 2: Hình thành kiến thức</b>		
<p><b>a) Mục tiêu:</b> cách thiết kế 1 thí nghiệm chứng minh cho kết luận : Phần lớn nước do rễ hút vào cây đã được lá cây thải ra ngoài bằng sự thoát hơi nước hoặc cấu tạo lỗ khí phù hợp chức năng thoát hơi nước.</p> <p><b>b) Nội dung:</b> HS căn cứ trên các kiến thức đã biết, làm việc với sách giáo khoa, hoạt</p>		

động cá nhân, nhóm hoàn thành yêu cầu học tập.

**c) Sản phẩm:** Trình bày được kiến thức theo yêu cầu của GV.

**d) Tổ chức thực hiện:** Hoạt động cá nhân, hoạt động nhóm, dạy học nêu và giải quyết vấn đề; phương pháp thuyết trình; sử dụng đồ dung trực quan

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS	Nội dung
<p>- GV cho HS nghiên cứu SGK tr. 80, trả lời câu hỏi: 1. Một số HS đã dự đoán điều gì? 2. Để chứng minh cho dự đoán đó, họ đã làm gì?</p> <p>- GV yêu cầu HS thảo luận nhóm để lựa chọn thí nghiệm. - GV ghi vào góc bảng sự lựa chọn của các nhóm -&gt; yêu cầu đại diện nhóm trình bày thí nghiệm và giải thích lí do lựa chọn của nhóm.</p> <p>GV gợi ý: cho HS nhắc lại dự đoán ban đầu? Sau đó xem lại thí nghiệm của nhóm Dũng và Tú đã chứng minh được điều nào của dự đoán, còn nội dung nào chưa chứng minh được? Thí nghiệm của nhóm Tuấn, Hải chứng minh được nội dung nào? Giải thích?</p> <p>- GV chốt lại đáp án sau khi lớp đã thảo luận: + Trong thí nghiệm các bạn đều phải sử dụng 1 cây tươi có rễ, thân mà đã ngắt bỏ lá để làm đối chứng với cây có đủ rễ, thân, lá. Làm như vậy sẽ chứng minh được vai trò của lá trong thí nghiệm. + Kết quả thí nghiệm của nhóm bạn Tuấn và Hải: Mức nước ở lọ A (cây có lá) đã bị giảm, chứng tỏ rễ của cây có lá đã hút một lượng nước, cán cân lệch về phía đĩa có lọ B (cây không lá), chứng tỏ chính lượng nước do rễ hút lên đã được thoát ra ngoài và qua lá. Mức nước ở lọ B (cây không có lá) gần như giữ nguyên, chứng tỏ cây không có lá không hút nước và cũng không có hiện tượng thoát hơi nước qua lá, kết quả là lượng nước ở lọ B vẫn giữ nguyên. Do vậy, đĩa cân có lọ B nặng hơn đĩa cân có lọ A.</p>	<p>- HS nghiên cứu SGK tr. 80, trả lời câu hỏi đặt: 1. Phần lớn nước do rễ hút vào đã được lá thải ra ngoài. 2. Làm thí nghiệm chứng minh dự đoán.</p> <p>- HS thảo luận nhóm để lựa chọn thí nghiệm - Các nhóm trình bày kết quả thảo luận. + TN của Dũng và Tú: Chứng minh cây có sự thoát hơi nước qua lá: Vì ở cây bị ngắt hết lá thì thành túi vẫn trong suốt chứng tỏ cây hạn chế thoát hơi nước khi ngắt hết lá; chưa chứng minh rõ rễ cây hút một lượng lớn nước. + TN của Tuấn và Hải: Nhằm chứng minh rễ cây đã hút nước liên tục và hút nhiều nước, và lượng nước hút lên được thoát ra ngoài qua lá. → HS trả lời: Nhóm Tuấn, Hải chứng minh được toàn bộ nội dung dự đoán. - HS lắng nghe và ghi nhận.</p>	<p><b>1: Thí nghiệm xác định phần lớn nước vào cây đi đâu?</b> Phần lớn nước do rễ hút vào cây đã được thải ra ngoài bằng sự thoát hơi nước qua lá.</p>

<p>+ Kết quả thí nghiệm của nhóm Dũng và Tú: Mới chỉ chứng minh được ở cây có lá đã có hiện tượng thoát hơi nước, cây không lá không có hiện tượng đó. Nhưng thí nghiệm chưa chứng minh được lượng nước thoát ra là do rễ hút lên, bởi vì trong hiện tượng hô hấp cây cũng thải ra hơi nước</p> <p>- GV cho HS nghiên cứu hình 24.3</p>  	<p>- HS quan sát hình, chú ý chiều mũi tên đỏ để biết con đường mà nước thoát ra ngoài qua lá.</p>	
<p>- GV gọi HS đọc SGK tr.81, trả lời câu hỏi: Vì sao sự thoát hơi nước qua lá có ý nghĩa rất quan trọng đối với đời sống của cây?</p> <p>- GV tổng kết lại ý kiến -&gt; yêu cầu HS rút ra kết luận.</p>	<p>- HS đọc SGK tr.81, trả lời:</p> <p>+ Tạo sức hút -&gt; vận chuyển nước và muối khoáng từ rễ -&gt; lá.</p> <p>+ Làm dịu mát cho lá</p> <p>- HS rút ra kết luận</p>	<p><b>2: Ý nghĩa của sự thoát hơi nước qua lá</b> - Tạo ra sức hút làm nước và MK hòa tan vận chuyển được từ rễ lên lá.</p> <p>- Làm lá dịu mát để cây khỏi bị ánh nắng và nhiệt độ cao đốt nóng.</p>



A. Quả                      B. Rễ                      C. Lá                      D. Thân

**Câu 7.** Ở thực vật, thoát hơi nước thường diễn ra chủ yếu ở

A. mặt dưới của lá.                      B. mặt trên của lá.

C. lông hút ở rễ.                      D. miền chóp rễ.

**Câu 8.** Ở cây nào dưới đây, thoát hơi nước chỉ diễn ra ở mặt trên của lá ?

A. Thược dược                      B. Ngô                      C. Lúa                      D. Nong tằm

**Câu 9.** Phần lớn nước thất thoát ra ngoài môi trường qua bộ phận nào của lá ?

A. Mép lá                      B. Gân lá                      C. Lỗ khí                      D. Lớp cutin

**Câu 10.** Cây nào dưới đây thường chỉ thoát hơi nước vào ban đêm ?

A. Mồng tơi                      B. Xương rồng                      C. Đậu xanh                      D. Cải ngồng

#### Đáp án

1. B	2. A	3. D	4. A	5. B
6. C	7. A	8. D	9. C	10. B

#### HOẠT ĐỘNG 4: Hoạt động vận dụng (8')

**a. Mục tiêu:** Vận dụng các kiến thức vừa học quyết các vấn đề học tập và thực tiễn.

**b. Nội dung:** Dạy học trên lớp, hoạt động nhóm, hoạt động cá nhân.

**c. Sản phẩm:** HS vận dụng các kiến thức vào giải quyết các nhiệm vụ đặt ra.

**d. Tổ chức thực hiện:** GV sử dụng phương pháp vấn đáp tìm tòi, tổ chức cho học sinh tìm tòi, mở rộng các kiến thức liên quan.

GV chia lớp thành nhiều nhóm

( mỗi nhóm gồm các HS trong 1 bàn) và giao các nhiệm vụ: thảo luận trả lời các câu hỏi sau và ghi chép lại câu trả lời vào vở bài tập

Ý nghĩa của sự thoát hơi nước qua lá

Vì sao sự thoát hơi nước có vai trò quan trọng với cây ?

Tại sao khi đánh cây đi trồng cần chọn ngày râm mát hoặc tía bớt lá phải chọn ngày râm mát và phải tía bớt lá hoặc cắt ngắn ngọn?

#### 4. Hướng dẫn về nhà:

- Học bài và trả lời câu hỏi cuối sách.

- Đọc phần Em có biết ?

- Chuẩn bị củ dong ta, củ hành, đoạn xương rồng, tranh ảnh lá biến dạng khác.

- Kẻ bảng SGK tr. 85 vào tập.

## Bài 25: THỰC HÀNH: **BIẾN DẠNG CỦA LÁ**

### I/ MỤC TIÊU

#### 1. Kiến thức:

- Nêu được những đặc điểm về hình thái môi trường và chức năng của một số loại lá biến dạng.
- Hiểu được ý nghĩa biến dạng của lá.

#### 2. Năng lực

Phát triển các năng lực chung và năng lực chuyên biệt

Năng lực chung	Năng lực chuyên biệt
<ul style="list-style-type: none"><li>- Năng lực phát hiện vấn đề</li><li>- Năng lực giao tiếp</li><li>- Năng lực hợp tác</li><li>- Năng lực tự học</li><li>- Năng lực sử dụng CNTT và TT</li></ul>	<ul style="list-style-type: none"><li>- Năng lực kiến thức sinh học</li><li>- Năng lực thực nghiệm</li><li>- Năng lực nghiên cứu khoa học</li></ul>

#### 3. Về phẩm chất

Giúp học sinh rèn luyện bản thân phát triển các phẩm chất tốt đẹp: yêu nước, nhân ái, chăm chỉ, trung thực, trách nhiệm.

### II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

#### 1. Giáo viên:

- Giáo án, SGK, Tranh vẽ như SGK, tiêu bản mẫu vật, tranh ảnh.

#### 2. Học sinh

- Vở ghi, SGK, Nêu và giải quyết vấn đề kết hợp hình vẽ và làm việc với SGK.

### III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

#### 1. Ổn định lớp: Năm sĩ số học sinh

#### 2. Kiểm tra bài cũ: (Giáo viên chấm điểm mẫu lá ép của HS cả lớp lấy điểm thực hành 15 phút)

#### 3. Bài mới : **BIẾN DẠNG CỦA LÁ**

##### **HOẠT ĐỘNG 1: Xác định vấn đề/Nhiệm vụ học tập/Mở đầu (5')**

**a. Mục tiêu:** HS biết được các nội dung cơ bản của bài học cần đạt được, tạo tâm thế cho học sinh đi vào tìm hiểu bài mới.

**b. Nội dung:** Giáo viên giới thiệu thông tin liên quan đến bài học.

**c. Sản phẩm:** Học sinh lắng nghe định hướng nội dung học tập.

**d. Tổ chức thực hiện:** Giáo viên tổ chức, học sinh thực hiện, lắng nghe phát triển năng lực quan sát, năng lực giao tiếp.

Phiến lá thường có dạng bản dẹt, chức năng chính của lá là chế tạo chất dinh dưỡng cho cây. Nhưng do ở một số cây do thực hiện một số chức năng khác, lá đã bị biến dạng. Vậy biến dạng của lá như thế nào?

##### **HOẠT ĐỘNG 2: Hình thành kiến thức**

**a) Mục tiêu:** đặc điểm về hình thái môi trường và chức năng của một số loại lá biến dạng.

**b) Nội dung:** HS căn cứ trên các kiến thức đã biết, làm việc với sách giáo khoa, hoạt động cá nhân, nhóm hoàn thành yêu cầu học tập.

**c) Sản phẩm:** Trình bày được kiến thức theo yêu cầu của GV.

**d) Tổ chức thực hiện:** Hoạt động cá nhân, hoạt động nhóm, dạy học nêu và giải quyết vấn đề; phương pháp thuyết trình; sử dụng đồ dung trực quan

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS	Nội dung
<ul style="list-style-type: none"> <li>- GV yêu cầu HS hoạt động nhóm: quan sát hình và trả lời câu hỏi mục ▼ SGK tr.83</li> <li>- GV treo bảng phụ lên bảng yêu cầu các nhóm hoàn thành bảng.</li> <li>- GV nhận xét, sửa chữa kết quả.</li> <li>- GV yêu cầu HS đọc mục Em có biết? -&gt; tìm thêm một vài loại cây biến dạng nữa</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- HS hoạt động nhóm: quan sát hình và trả lời câu hỏi mục ▼ SGK tr.83</li> <li>- Đại diện các nhóm hoàn thành bảng bài tập trên bảng</li> <li>- HS tự sửa chữa vào tập</li> <li>- HS đọc mục Em có biết? -&gt; kể thêm một vài loại cây có lá biến dạng</li> </ul>	<p><b>1: Có những loại lá biến dạng nào?</b>  <i>Như nội dung bảng</i></p>

### BẢNG HỌC TẬP

Tên vật mẫu	Đặc điểm hình thái của lá biến dạng	Chức năng của lá biến dạng	Tên lá biến dạng
<b>Xương rồng</b>	Lá có dạng gai nhọn	Làm giảm sự thoát hơi nước	Lá biến thành gai
<b>Lá đậu Hà lan</b>	Lá ngọn có dạng tua cuốn	Giúp cây leo lên cao	Tua cuốn
<b>Lá mây</b>	Lá ngọn có dạng tay có móc	Giúp cây bám để leo lên cao	Tay móc
<b>Củ dong ta</b>	Lá phủ trên thân rễ, có dạng vảy mỏng, màu nâu nhạt	Che chở, bảo vệ cho chồi của thân rễ	Lá vảy
<b>Củ hành</b>	Bẹ lá phình to thành vảy dày, màu trắng	Chứa chất dự trữ cho cây	Lá dự trữ
<b>Cây bèo đất</b>	Trên lá có nhiều lông tuyến tiết chất dính thu hút và có thể tiêu hóa ruồi	Bắt và tiêu hóa ruồi	Lá bắt mồi
<b>Cây nắp ấm</b>	Gân lá phát triển thành cái bình có nắp đậy, thành bình có tuyến tiết chất dính thu hút và tiêu hóa được sâu bọ	Bắt và tiêu hóa sâu bọ chui vào bình	Lá bắt mồi



<p>- GV yêu cầu HS xem lại bảng học tập ở hoạt động 1 -&gt; nêu ý nghĩa biến dạng của lá</p> <p>- GV có thể gợi ý:  + Có nhận xét gì về hình thái của các lá biến dạng so với lá thường?  + Những đặc điểm biến dạng đó có tác dụng gì đối với cây?</p>	<p>- HS xem lại bảng học tập ở hoạt động 1 -&gt; nêu ý nghĩa biến dạng của lá với sự hướng dẫn của GV</p> <p>+ Hình thái đa dạng và khác với hình thái lá bình thường.  + Thích hợp với các chức năng khác trong những hoàn cảnh khác nhau.</p>	<p><b>2: Biến dạng của lá có ý nghĩa gì?</b></p> <p>Lá của một số loại cây biến đổi hình thái thích hợp với chức năng ở những điều kiện sống khác nhau.</p>
---	---	---

### HOẠT ĐỘNG 3: Hoạt động luyện tập (10')

**a. Mục tiêu:** Củng cố, luyện tập kiến thức vừa học.

**b. Nội dung:** Dạy học trên lớp, hoạt động nhóm, hoạt động cá nhân.

**c. Sản phẩm:** Bài làm của học sinh, kỹ năng giải quyết nhiệm vụ học tập.

**d. Tổ chức thực hiện:** Tổ chức theo phương pháp: đặt và giải quyết vấn đề, học sinh hợp tác, vận dụng kiến thức hoàn thành nhiệm vụ.

#### GV giao nhiệm vụ cho học sinh làm bài tập trắc nghiệm:

**Câu 1.** Cây nào dưới đây có dạng lá bắt mồi ?

A. Nắp ấm            B. Cà chua            C. Rong đuôi chó    D. Rau dền

**Câu 2.** Lá vảy được tìm thấy ở loại củ nào dưới đây ?

A. Lạc                B. Dong ta            C. Khoai tây            D. Khoai lang

**Câu 3.** Hiện tượng lá biến đổi thành gai ở cây xương rồng có ý nghĩa gì ?

A. Giúp đào thải muối dư thừa qua gai ra ngoài cơ thể  
B. Giúp tăng cường khả năng hút nước và muối khoáng  
C. Giúp cây tự vệ, chống lại kẻ thù gây hại  
D. Giúp hạn chế sự thoát hơi nước trong điều kiện khí hậu khô hạn

**Câu 4.** Củ nào dưới đây thực chất được tạo thành do sự phình to của bẹ lá ?

A. Củ đậu            B. Củ hành            C. Củ su hào            D. Củ chuối

**Câu 5.** Lá vảy của củ hoàng tinh có màu

A. hồng phấn.      B. tím than.            C. trắng ngà.            D. vàng nâu.

**Câu 6.** Ở đậu Hà Lan tồn tại loại lá biến dạng nào ?

A. Lá biến thành gai                            B. Lá biến thành tay móc  
C. Lá biến thành tua cuốn                    D. Lá phình to chứa chất dự trữ

**Câu 7.** Nhóm nào dưới đây gồm những cây có lá biến dạng ?

A. Mây, mướp, hành tây, bèo đất  
B. Gừng, cam, chuối, hồng xiêm  
C. Mướp đắng, su su, diếp cá, húng chanh  
D. Tía tô, roi, ổi, sim

**Câu 8.** Cây nào dưới đây có lá vảy ?

A. Cà rốt            B. Khoai lang            C. Riềng                D. Sắn

**Câu 9.** Tay móc ở cây mây có vai trò chính là gì ?

A. Là nơi thải các chất dư thừa ra khỏi cây

- B. Giúp cây bắt mồi
- C. Giúp cây bám vào giá thể để leo lên cao
- D. Là nơi dự trữ chất dinh dưỡng

**Câu 10.** Cây nào dưới đây có lá biến dạng tương tự như cây xương rồng ?

- A. Vừng
- B. Lê gai
- C. Gọng vó
- D. Hành hoa

**Đáp án**

1. A	2. B	3. D	4. B	5. D
6. C	7. A	8. C	9. C	10. B

**HOẠT ĐỘNG 4: Hoạt động vận dụng (8')**

- a. Mục tiêu:** Vận dụng các kiến thức vừa học quyết các vấn đề học tập và thực tiễn.
- b. Nội dung:** Dạy học trên lớp, hoạt động nhóm, hoạt động cá nhân.
- c. Sản phẩm:** HS vận dụng các kiến thức vào giải quyết các nhiệm vụ đặt ra.
- d. Tổ chức thực hiện:** GV sử dụng phương pháp vấn đáp tìm tòi, tổ chức cho học sinh tìm tòi, mở rộng các kiến thức liên quan.

**1. Chuyển giao nhiệm vụ học tập**

GV chia lớp thành nhiều nhóm

( mỗi nhóm gồm các HS trong 1 bàn) và giao các nhiệm vụ: thảo luận trả lời các câu hỏi sau và ghi chép lại câu trả lời vào vở bài tập

Có những loại lá biến dạng nào?

Hãy liệt kê tất cả những đặc điểm về hình thái và chức năng của các loại lá biến dạng đã tìm hiểu vào bảng dưới đây. Sử dụng các từ sau để gọi tên các loại lá biến dạng đó: Lá bắt mồi - lá vẫy - lá biến thành gai - tua cuốn - lá dự trữ - tay móc

**2. Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**

- HS trả lời.
- HS nộp vở bài tập.
- HS tự ghi nhớ nội dung trả lời đã hoàn thiện.

Sưu tầm các loại lá biến dạng

**4. Hướng dẫn về nhà:**

- Học bài và trả lời câu hỏi cuối sách.
- Đọc phần Em có biết ?
- Chuẩn bị rau má, củ khoai lang, củ gừng, nghệ, lá cây thuốc bỏng ( tất cả có mầm)

**YÊU CẦU VÀ BIỂU ĐIỂM CHẤM BÀI THỰC HÀNH**

**I/ YÊU CẦU:**

- Tìm và làm tập mẫu lá ép khô theo hướng dẫn của giáo viên.
  - Những vật mẫu là các loại lá cần tìm: 2 loại lá biến dạng; 1 loại lá đơn; 1 loại lá kép; 1 loại lá có gân song song, 1 loại lá kiểu mọc đối; 1 loại kiểu mọc vòng.
- Bảng mẫu làm trên ½ giấy Ao.

Họ và tên: .....	lớp:

Xương rồng	Lá mai	Lá hoa hồng	Củ hàng
<div style="border: 1px solid black; width: 100px; height: 100px; margin: 0 auto; display: flex; align-items: center; justify-content: center;">Lá</div>	<div style="border: 1px solid black; width: 100px; height: 100px; margin: 0 auto; display: flex; align-items: center; justify-content: center;">Lá</div>	<div style="border: 1px solid black; width: 100px; height: 100px; margin: 0 auto; display: flex; align-items: center; justify-content: center;">Lá</div>	<div style="border: 1px solid black; width: 100px; height: 100px; margin: 0 auto; display: flex; align-items: center; justify-content: center;">Lá</div>
Lá biến thành gai	Lá đơn	Lá kép	Lá dự trữ

Lá ổi	Lá dây huỳnh	Lá tre
<div style="border: 1px solid black; width: 100px; height: 100px; margin: 0 auto; display: flex; align-items: center; justify-content: center;">Lá</div>	<div style="border: 1px solid black; width: 100px; height: 100px; margin: 0 auto; display: flex; align-items: center; justify-content: center;">Lá</div>	<div style="border: 1px solid black; width: 100px; height: 100px; margin: 0 auto; display: flex; align-items: center; justify-content: center;">Lá</div>
Lá mọc đối	Lá mọc vòng	Gân lá song song

## II. Biểu điểm: (10 đ)

- Tìm đủ 7 loại lá. (7đ)
- Kỹ thuật ép mẫu vật đạt tiêu chuẩn. (1đ)
- Ghi thông tin cho mẫu vật đúng. (1đ)
- Trình bày khoa học thẩm mỹ. (1đ)

## ÔN TẬP HỌC KÌ BÀI TẬP

### I/ MỤC TIÊU

#### 1. Kiến thức:

- Giúp học sinh củng cố và khắc sâu kiến thức về đặc điểm bên ngoài của lá, các kiểu gân lá, phân biệt 2 loại lá đơn và lá kép.

#### 2. Năng lực

Phát triển các năng lực chung và năng lực chuyên biệt

Năng lực chung	Năng lực chuyên biệt
<ul style="list-style-type: none"> <li>- Năng lực phát hiện vấn đề</li> <li>- Năng lực giao tiếp</li> <li>- Năng lực hợp tác</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Năng lực kiến thức sinh học</li> <li>- Năng lực thực nghiệm</li> <li>- Năng lực nghiên cứu khoa học</li> </ul>

- Năng lực tự học - Năng lực số đông CNTT và TT	
--	--

### 3. Về phẩm chất

Giúp học sinh rèn luyện bản thân phát triển các phẩm chất tốt đẹp: yêu nước, nhân ái, chăm chỉ, trung thực, trách nhiệm.

## II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

### 1. Giáo viên:

- Giáo án, SGK, Tranh vẽ như SGK, tiêu bản mẫu vật, tranh ảnh.

### 2. Học sinh

- Vở ghi, SGK, Nêu và giải quyết vấn đề kết hợp hình vẽ và làm việc với SGK.

## III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

### 1. Ổn định lớp: Năm sĩ số học sinh

### 2. Kiểm tra bài cũ:

- Sự chuẩn bị của học sinh.

### 3. Bài mới : BÀI TẬP

Giới thiệu bài: Để củng cố lại kiến thức đã học trong chương IV, chúng ta cùng tiến hành quan sát các loại lá khác nhau ở tiết học này.

Phát triển bài:

#### Hoạt động 1: Quan sát đặc điểm bên ngoài của lá

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS	Nội dung
<ul style="list-style-type: none"> <li>- GV: Yêu cầu học sinh trình bày bộ sưu tập về lá của nhóm mình sưu tập.</li> <li>- Yêu cầu nhóm mô tả về đặc điểm bên ngoài của lá, các kiểu lá, phân biệt 2 loại lá đơn và lá kép.</li> <li>- Yêu cầu HS bổ xung.</li> <li>- GV: nhận xét và đánh giá bộ sưu tập về lá tốt nhất của các nhóm và cho điểm.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đại diện nhóm trình bày bộ sưu tập của nhóm.</li> <li>- Đại diện nhóm phát biểu.</li> <li>- HS cùng nhóm hoặc khác nhóm bổ xung.</li> <li>- HS: nghe và ghi bài.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Quan sát đặc điểm bên ngoài của lá gồm: Phiến lá, cuống lá, gân lá.</li> <li>- Quan sát gân lá: có 3 kiểu: Gân hình mạng, gân song song, gân hình cung.</li> <li>- Quan sát 2 loại lá: Lá đơn và lá kép.</li> </ul>

#### Hoạt động 2: Bài tập.

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS	Nội dung
<ul style="list-style-type: none"> <li>- GV: nêu và gọi học sinh trả lời câu hỏi. (Yêu cầu các nhóm thảo luận)</li> <li>- GV: gọi HS trả lời câu hỏi số 1. Và yêu cầu HS trong nhóm nhận xét bổ xung.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- HS ghi câu hỏi và tiến hành thảo luận nhóm.</li> <li>- Hs trả lời câu hỏi 1: Giúp lá nhận được nhiều as để quang hợp.</li> <li>- Hs trả lời câu 2: ĐĐ</li> </ul>	<p>Câu 1: <i>Lá mọc trên mẫu thân xếp so le nhau có tác dụng gì?</i></p> <p>Câu 2: <i>Những đặc điểm nào chứng tỏ lá rất đa dạng?</i></p>

<p>- GV: gọi HS nhóm khác trả lời tiếp tục câu hỏi số 2, yêu cầu các nhóm theo dõi câu trả lời và bổ sung.</p> <p>- Gọi HS lên bảng điền vào bảng phụ bài tập 3. Yêu cầu HS khác nhận xét bổ sung.</p> <p>- GV: kết luận, sửa chữa hoàn thiện bài tập.</p>	<p>chứng tỏ lá rất đa dạng:  + Phiến lá có nhiều hình dạng, kích thước khác nhau.  + Lá có 3 kiểu gân lá: Mạng, cung, song song.  + Có 2 loại lá đơn và lá kép.</p> <p>- HS: lên bảng điền bảng phụ. HS khác nhận xét.</p> <p>- HS: nghe và ghi bài.</p>	<p>Câu 3: <i>Đánh dấu X vào các cột nếu cây lá đơn và lá kép.</i>  <i>Và điền nội dung thích hợp vào các cột còn lại trong bảng sau:</i></p>
--	--	--

Stt	Tên cây	Lá đơn	Lá kép	Loại gân lá	Kiểu xếp lá
1	Cây mồng tơi	x		Hình mạng	Mọc cách
2	Cây hoa hồng		x	Hình mạng	Mọc đối
3	Cây mít	x		Hình mạng	Mọc cách
4	Cây phượng		x	Hình mạng	Mọc đối
5	Cây ổi	x		Hình mạng	Mọc đối

- HS trả lời câu hỏi: Cho ví dụ về 3 kiểu xếp lá (mọc cách, mọc đối, mọc vòng) khác ví dụ phần bảng phụ.

- Lá có những đặc điểm bên ngoài nào và cách xếp lá như thế nào giúp nó nhận được nhiều ánh sáng và chứng minh vì sao lá đa dạng?

#### 4. Dặn dò:

- Ôn tập toàn bộ chương IV.

- Chuẩn bị mẫu vật: Đoạn rau má, củ khoai lang có mầm, củ gừng, củ nghệ mọc mầm

## CHUYÊN ĐỀ: SINH SẢN SINH DƯỠNG

### Bài 26: SINH SẢN SINH DƯỠNG TỰ NHIÊN

#### I/ MỤC TIÊU

##### 1. Kiến thức:

- Hiểu được khái niệm đơn giản về sinh sản sinh dưỡng tự nhiên

- Tìm được một số ví dụ về sinh sản sinh dưỡng tự nhiên.

- Hiểu được các biện pháp tiêu diệt cỏ dại có hại cây trồng và giải thích cơ sở khoa học của những biện pháp đó.

##### 2. Năng lực

Phát triển các năng lực chung và năng lực chuyên biệt

Năng lực chung	Năng lực chuyên biệt
<ul style="list-style-type: none"> <li>- Năng lực phát hiện vấn đề</li> <li>- Năng lực giao tiếp</li> <li>- Năng lực hợp tác</li> <li>- Năng lực tự học</li> <li>- Năng lực sử dụng CNTT và TT</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Năng lực kiến thức sinh học</li> <li>- Năng lực thực nghiệm</li> <li>- Năng lực nghiên cứu khoa học</li> </ul>

### 3. Về phẩm chất

Giúp học sinh rèn luyện bản thân phát triển các phẩm chất tốt đẹp: yêu nước, nhân ái, chăm chỉ, trung thực, trách nhiệm.

## II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

### 1. Giáo viên:

- Giáo án, SGK, Tranh vẽ như SGK, tiêu bản mẫu vật, tranh ảnh.

### 2. Học sinh

- Vở ghi, SGK, Nêu và giải quyết vấn đề kết hợp hình vẽ và làm việc với SGK.

## III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

### 1. Ổn định lớp: Năm sĩ số học sinh

### 2. Kiểm tra bài cũ: Dạy chương mới

### 3. Bài mới : SINH SẢN SINH DƯỠNG TỰ NHIÊN

#### HOẠT ĐỘNG 1: Xác định vấn đề/Nhiệm vụ học tập/Mở đầu (5')

**a. Mục tiêu:** HS biết được các nội dung cơ bản của bài học cần đạt được, tạo tâm thế cho học sinh đi vào tìm hiểu bài mới.

**b. Nội dung:** Giáo viên giới thiệu thông tin liên quan đến bài học.

**c. Sản phẩm:** Học sinh lắng nghe định hướng nội dung học tập.

**d. Tổ chức thực hiện:** Giáo viên tổ chức, học sinh thực hiện, lắng nghe phát triển năng lực quan sát, năng lực giao tiếp.

Ở một số cây có hoa rể, thân, lá của nó ngoài chức năng nuôi dưỡng cây còn có thể tạo thành cây mới. Vậy cây mới đó được hình thành như thế nào?

#### HOẠT ĐỘNG 2: Hình thành kiến thức

**a) Mục tiêu:** khái niệm đơn giản về sinh sản sinh dưỡng tự nhiên

- một số ví dụ về sinh sản sinh dưỡng tự nhiên.
- các biện pháp tiêu diệt cỏ dại có hại cây trồng và giải thích cơ sở khoa học của những biện pháp đó.

**b) Nội dung:** HS căn cứ trên các kiến thức đã biết, làm việc với sách giáo khoa, hoạt động cá nhân, nhóm hoàn thành yêu cầu học tập.

**c) Sản phẩm:** Trình bày được kiến thức theo yêu cầu của GV.

**d) Tổ chức thực hiện:** Hoạt động cá nhân, hoạt động nhóm, dạy học nêu và giải quyết vấn đề; phương pháp thuyết trình; sử dụng đồ dung trực quan

<p>- GV yêu cầu HS hoạt động nhóm -&gt; trả lời câu hỏi mục ▼ SGK tr.87</p> <p>- GV cho HS trao đổi kết quả</p> <p>- GV yêu cầu HS hoàn thành bảng trong vở -&gt; sau đó lên hoàn thành bảng phụ GV đã chuẩn bị trước.</p> <p>- GV nhận xét -&gt; yêu cầu HS rút ra kết luận.</p>	<p>- HS hoạt động nhóm -&gt; trả lời câu hỏi mục ▼ SGK tr.87</p> <p>- Đại diện nhóm trình bày ý kiến.</p> <p>- Cá nhân HS nhớ lại kiến thức đã học về rễ, thân, lá biến dạng và kết quả thảo luận củ nhóm -&gt; hoàn thành bảng</p> <p>- HS rút ra kết luận.</p>	<p><b>1: Sự tạo thành cây mới từ rễ, thân, lá ở một số cây có hao</b></p> <p>Một số loại cây trong điều kiện thích hợp (đất ẩm, nơi ẩm...) có khả năng tạo được cây mới từ cơ quan sinh dưỡng (rễ, thân, lá)</p> <p><i>Nội dung bảng</i></p>
---	--	--

### BẢNG HỌC TẬP

Tên cây	Sự tạo thành cây mới		
	Mọc từ phần nào của cây?	Phần đó thuộc loại CQ nào?	Trong ĐK nào?
<b>Rau má</b>	Thân bò	Cơ quan sinh dưỡng	Có đất ẩm
<b>Gừng</b>	Thân rễ	Cơ quan sinh dưỡng	Nơi ẩm
<b>Khoai lang</b>	Rễ củ	Cơ quan sinh dưỡng	Nơi ẩm
<b>Lá thuốc bỏng</b>	Lá	Cơ quan sinh dưỡng	Đủ độ ẩm

<p>- GV yêu cầu cá nhân HS hoàn thành yêu cầu mục ▼ SGK tr.88</p> <p>- GV gọi vài HS đọc kết quả -&gt; nhận xét, sửa chữa -&gt; cho HS hình thành khái niệm sinh sản sinh dưỡng tự nhiên.</p> <p>- GV hỏi:</p> <p>1. <i>Tìm trong thực tế những cây nào có khả năng sinh sản sinh dưỡng?</i> (GV có thể giới thiệu: cây hoa đá, cỏ gấu, cỏ tranh, sài đất,...)</p> <p>2. <i>Tại sao trong thực tế, tiêu diệt cỏ dại rất khó? Nêu biện pháp tiêu diệt cỏ dại và cơ sở khoa học của biện pháp đó?</i></p>	<p>- Cá nhân HS hoàn thành yêu cầu mục ▼ SGK tr.88</p> <p>- HS đọc kết quả -&gt; tự sửa chữa -&gt; hình thành khái niệm sinh sản sinh dưỡng tự nhiên.</p> <p>- HS trả lời:</p> <p>1. Củ gừng, củ dong ta, lá trường sinh, cỏ tranh, cỏ gấu,.....</p> <p>2. Muốn diệt cỏ dại phải lật bỏ toàn bộ phần thân rễ ngầm ở dưới đất, vì cỏ dại có khả năng sinh sản bằng thân rễ nên chỉ cần xốt lại mẫu thân rễ từ đó cũng có thể mọc chồi, ra rễ và phát triển thành cây mới rất nhanh.</p>	<p><b>2: Sinh sản sinh dưỡng tự nhiên của cây</b></p> <p>Sinh sản sinh dưỡng tự nhiên là hiện tượng hình thành cá thể mới từ một phần của cơ quan sinh dưỡng (rễ, thân, lá)</p> <p>Những hình thức sinh sản sinh dưỡng tự nhiên thường gặp ở cây có hoa là: sinh sản bằng thân bò, thân rễ, rễ củ, lá,....</p>
---	--	--

### HOẠT ĐỘNG 3: Hoạt động luyện tập (10')

**a. Mục tiêu:** Củng cố, luyện tập kiến thức vừa học.

**b. Nội dung:** Dạy học trên lớp, hoạt động nhóm, hoạt động cá nhân.

**c. Sản phẩm:** Bài làm của học sinh, kĩ năng giải quyết nhiệm vụ học tập.

**d. Tổ chức thực hiện:** Tổ chức theo phương pháp: đặt và giải quyết vấn đề, học sinh

hợp tác, vận dụng kiến thức hoàn thành nhiệm vụ.

**GV giao nhiệm vụ cho học sinh làm bài tập trắc nghiệm:**

**Câu 1.** Khi đặt một mảnh lá vào đất ẩm trong điều kiện nhiệt độ, ánh sáng phù hợp thì lá của cây nào dưới đây có thể mọc ra những cây non ?

- A. Thuộc bông      B. Trầu không      C. Bưởi      D. Hồng

**Câu 2.** Cây nào dưới đây không có khả năng sinh sản sinh dưỡng tự nhiên ?

- A. Tre      B. Gừng      C. Cà pháo      D. Sen

**Câu 3.** Cây nào dưới đây sinh sản sinh dưỡng tự nhiên bằng thân rễ ?

- A. Chuối      B. Mồng tơi      C. Xoài      D. Cỏ tranh

**Câu 4.** Cây khoai lang sinh sản sinh dưỡng tự nhiên bằng gì ?

- A. Lá      B. Rễ củ      C. Thân củ      D. Thân rễ

**Câu 5.** Cây nào dưới đây có hình thức sinh sản sinh dưỡng tự nhiên khác với những cây còn lại ?

- A. Nghệ      B. Trúc      C. Sắn      D. Dong ta

**Câu 6.** Trường hợp nào sau đây không phải là sinh sản sinh dưỡng ?

- A. Sinh sản bằng thân rễ      B. Sinh sản bằng lá  
C. Sinh sản bằng hạt      D. Sinh sản bằng rễ củ

**Câu 7.** Khi diệt cỏ dại, chúng ta cần lưu ý điều gì ? Vì sao ?

- A. Ngắt bỏ hết lá vì cỏ dại thường sinh sản sinh dưỡng tự nhiên bằng lá.  
B. Nhổ bỏ tận gốc vì cỏ dại thường phát tán rất nhanh nhờ quá trình sinh sản sinh dưỡng tự nhiên bằng thân rễ.  
C. Cắt sát gốc vì cỏ dại không có khả năng sinh sản sinh dưỡng tự nhiên và tốc độ tăng trưởng của chúng thì cực chậm.  
D. Tất cả các phương án đưa ra.

**Câu 8.** Cây rau má sinh sản sinh dưỡng bằng

- A. rễ củ.      B. thân rễ.      C. thân bò.      D. thân củ.

**Câu 9.** Nhóm nào dưới đây gồm hai loài thực vật đều có khả năng sinh sản sinh dưỡng bằng thân rễ ?

- A. Cam, na      B. Cau, mía      C. Cỏ gấu, tre      D. Riềng, chuối

**Câu 10.** Phát biểu nào sau đây là đúng ?

- A. Cây khoai tây sinh sản sinh dưỡng tự nhiên bằng thân củ  
B. Cây chuối sinh sản sinh dưỡng tự nhiên bằng rễ củ.  
C. Cây khoai lang sinh sản sinh dưỡng tự nhiên bằng thân rễ.  
D. Cây bí đỏ sinh sản sinh dưỡng tự nhiên bằng lá.

**Đáp án**

1. A	2. C	3. D	4. B	5. C
6. C	7. B	8. C	9. C	10. A

**HOẠT ĐỘNG 4: Hoạt động vận dụng (8')**

**a. Mục tiêu:** Vận dụng các kiến thức vừa học quyết các vấn đề học tập và thực tiễn.

**b. Nội dung:** Dạy học trên lớp, hoạt động nhóm, hoạt động cá nhân.

**c. Sản phẩm:** HS vận dụng các kiến thức vào giải quyết các nhiệm vụ đặt ra.

**d. Tổ chức thực hiện:**GV sử dụng phương pháp vấn đáp tìm tòi, tổ chức cho học sinh tìm tòi, mở rộng các kiến thức liên quan.



### 1. Chuyên giao nhiệm vụ học tập

GV chia lớp thành nhiều nhóm

( mỗi nhóm gồm các HS trong 1 bàn) và giao các nhiệm vụ: thảo luận trả lời các câu hỏi sau và ghi chép lại câu trả lời vào vở bài tập

Hãy kể tên một số cây khác có khả năng sinh sản bằng thân bò. sinh sản bằng lá mà em biết: 2. Hãy kể tên 3 cây cỏ dại có cách sinh sản bằng thân rễ. Muốn diệt cỏ dại người ta phải làm cách nào?

Muốn củ khoai lang không mọc mầm thì phải cất giữ như thế nào? Em hãy cho biết người ta trồng khoai lang bằng cách nào? Tại sao không trồng bằng củ?

#### **Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**

- HS trả lời.
- HS nộp vở bài tập.
- HS tự ghi nhớ nội dung trả lời đã hoàn thiện.

Chia sẻ với người thân trong gia đình cách bảo quản khoai lang được lâu.

### 4. Hướng dẫn về nhà:

- Học bài và trả lời câu hỏi cuối SGK
- Chuẩn bị cắm cành rau muống vào cốc, bát đất ẩm
- Ôn lại bài “Vận chuyển các chất trong thân”

## Bài 27: SINH SẢN SINH DƯỠNG DO NGƯỜI

### I/ MỤC TIÊU

#### 1. Kiến thức:

- Hiểu được thế nào là giâm cành, chiết cành và ghép cây, nhân giống vô tính trong ống nghiệm.
- Biết được những ưu việt của hình thức nhân giống vô tính trong ống nghiệm.

#### 2. Năng lực

Phát triển các năng lực chung và năng lực chuyên biệt

Năng lực chung	Năng lực chuyên biệt
- Năng lực phát hiện vấn đề	- Năng lực kiến thức sinh học
- Năng lực giao tiếp	- Năng lực thực nghiệm
- Năng lực hợp tác	- Năng lực nghiên cứu khoa học

- |  |  |
|--|--|
| - Năng lực tự học<br>- Năng lực số đông CNTT và TT |  |
|--|--|

### 3. Về phẩm chất

Giúp học sinh rèn luyện bản thân phát triển các phẩm chất tốt đẹp: yêu nước, nhân ái, chăm chỉ, trung thực, trách nhiệm.

## II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

### 1. Giáo viên:

- Giáo án, SGK, Tranh vẽ như SGK, tiêu bản mẫu vật, tranh ảnh.

### 2. Học sinh

- Vở ghi, SGK, Nêu và giải quyết vấn đề kết hợp hình vẽ và làm việc với SGK.

## III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

### 1. Ổn định lớp: Năm sĩ số học sinh

### 2. Kiểm tra bài cũ:

- Hãy kể tên 3 loại cỏ dại có cách sinh sản bằng thân rễ. Muốn diệt cỏ dại, người ta phải làm thế nào? Vì sao phải làm như vậy?

- Muốn củ khoai lang không mọc mầm thì phải cất giữ như thế nào? Em hãy cho biết người ta trồng khoai lang như thế nào? Tại sao không trồng bằng củ?

- Hãy kể một số cây khác nhau có khả năng sinh sản bằng thân bò, sinh sản bằng lá mà em biết. (rau má (thân bò), cây thuốc bỏng, cây trường sinh ( lá) .....)

### 3. Bài mới : SINH SẢN SINH DƯỠNG DO NGƯỜI

#### HOẠT ĐỘNG 1: Xác định vấn đề/Nhiệm vụ học tập/Mở đầu (5')

**a. Mục tiêu:** HS biết được các nội dung cơ bản của bài học cần đạt được, tạo tâm thế cho học sinh đi vào tìm hiểu bài mới.

**b. Nội dung:** Giáo viên giới thiệu thông tin liên quan đến bài học.

**c. Sản phẩm:** Học sinh lắng nghe định hướng nội dung học tập.

**d. Tổ chức thực hiện:** Giáo viên tổ chức, học sinh thực hiện, lắng nghe phát triển năng lực quan sát, năng lực giao tiếp.

Giâm cành, chiết cành, ghép cây và nhân giống vô tính là cách SS sinh dưỡng do con người chủ động tạo ra, mục đích nhân giống cây trồng, bài học hôm nay ta sẽ tìm hiểu vấn đề này.

#### HOẠT ĐỘNG 2: Hình thành kiến thức

**a) Mục tiêu:** thế nào là giâm cành, chiết cành và ghép cây, nhân giống vô tính trong ống nghiệm.

- những ưu việt của hình thức nhân giống vô tính trong ống nghiệm.

**b) Nội dung:** HS căn cứ trên các kiến thức đã biết, làm việc với sách giáo khoa, hoạt động cá nhân, nhóm hoàn thành yêu cầu học tập.

**c) Sản phẩm:** Trình bày được kiến thức theo yêu cầu của GV.

**d) Tổ chức thực hiện:** Hoạt động cá nhân, hoạt động nhóm, dạy học nêu và giải quyết vấn đề; phương pháp thuyết trình; sử dụng đồ dung trực quan sát, năng lực sáng tạo, năng

lực trao đổi. Phẩm chất tự tin, tự lập, giao tiếp.		
Hoạt động của GV	Hoạt động của HS	Nội dung
<p>- GV yêu cầu HS quan sát mẫu, kết hợp với kiến thức thực tế -&gt; trả lời câu hỏi:</p> <p>1. <i>Đoạn thân có đủ mắt, đủ chồi đem cắm xuống đất ẩm, sau một thời gian sẽ có hiện tượng gì?</i></p> <p>2. <i>Hãy cho biết giâm cành là gì?</i></p> <p>3. <i>Kể tên một số loại cây được trồng bằng cách giâm cành? Cành của những cây này có đặc điểm gì mà người ta có thể giâm được?</i></p> <p><i>Lưu ý: GV có thể gợi ý: Cành của những cây này ra rễ phụ rất nhanh.</i></p> <p>- GV giới thiệu mắt của cành sẵn ở dọc thân; cành giâm phải là cành bánh tẻ (không non, không già)</p> <p>- GV cho lớp trao đổi kết quả trả lời. -&gt; GV rút kết luận.</p>	<p>- HS quan sát mẫu, kết hợp với kiến thức thực tế -&gt; trả lời câu hỏi:</p> <p>1. Đoạn thân bánh tẻ (không non, không già) có đủ mắt, đủ chồi đem cắm xuống đất ẩm, sau một thời gian từ các mắt sẽ mọc ra rễ và mầm non mới, từ đó có thể phát triển thành cây mới.</p> <p>2. Giâm cành là cắt một đoạn thân, hay cành có đủ mắt, chồi của cây mẹ cắm xuống đất ẩm để ra rễ để phát triển thành một cây mới.</p> <p>3. Một số loại cây được trồng bằng cách giâm cành: khoai lang, rau muống, sắn, dâu tằm, mía, rau ngót,.... Cành của những cây này ra rễ phụ rất nhanh</p> <p>- HS lắng nghe, quan sát.</p> <p>- Một số HS phát biểu, lớp nhận xét.</p> <p>- HS ghi bài.</p>	<p><b>1: Giâm cành</b> Giâm cành là cắt một đoạn thân, hay cành có đủ mắt, chồi của cây mẹ cắm xuống đất ẩm để nó ra rễ để phát triển thành cây mới.</p>
<p>- GV yêu cầu HS nghiên cứu SGK -&gt; trả lời câu hỏi</p> <p>1. <i>Chiết cành là gì?</i></p> <p>2. <i>Vì sao ở cành chiết, rễ chỉ có thể mọc ra từ mép vỏ ở phía trên của vết cắt?</i></p>	<p>- HS nghiên cứu SGK -&gt; trả lời câu hỏi:</p> <p>1. Chiết cành là tạo đk cho cành ra rễ ngay trên cây mẹ rồi mới cắt đem trồng thành cây mới.</p> <p>2. Rễ chỉ có thể mọc ra từ mép vỏ ở phía trên của vết cắt vì: khoanh vỏ đã cắt bỏ gồm cả mạch rây của cành đó, chất hữu cơ do lá chế tạo ở phần trên không thể chuyển qua</p>	<p><b>2: Chiết cành</b> Chiết cành là làm cho cành ra rễ ngay trên cây mẹ rồi mới cắt đem trồng thành cây mới.</p>

<p>3. Kể tên một số loại cây thường được trồng bằng cách chiết cành? Vì sao những loại cây này thường không được trồng bằng cách giâm cành?</p> <p>- GV cho lớp trao đổi kết quả -&gt; lưu ý: Đối với cây chậm ra rễ thì phải chiết cành, nếu giâm thì cành chết.</p> <p>- GV cho HS nêu định nghĩa chiết cành.</p>	<p>mạch rây đã bị cắt xuống dưới, nên tích lại ở đó. Do có độ ẩm của bầu đất bao quanh đã tạo điều kiện cho sự hình thành rễ ở đó.</p> <p>3. Một số loại cây thường được trồng bằng cách chiết cành: cam, chanh, bưởi, na, hồng, nhãn, vải, cà phê,..... Những cây này ra rễ phụ rất chậm nên không được trồng bằng cách ghép cành.</p> <p>- Một vài HS nêu ý kiến, lớp trao đổi, bổ sung.</p> <p>- HS nêu định nghĩa -&gt; ghi bài.</p>	
<p>- GV cho HS nghiên cứu SGK, thực hiện yêu cầu mục □ SGK tr.90 và trả lời câu hỏi:</p> <p>1. Em hiểu thế nào là ghép cây? Có mấy cách ghép cây?</p> <p>2. Ghép mắt gồm những bước nào?</p>	<p>- HS nghiên cứu SGK, thực hiện yêu cầu mục □ SGK tr.90 và trả lời câu hỏi đạt:</p> <p>1. Ghép cây là dùng mắt, chồi của cây này gắn vào cây khác cho tiếp tục phát triển. Có 2 cách ghép: ghép mắt, ghép cành.</p> <p>2. Ghép mắt gồm 4 bước chính (như SGK tr.90)</p>	<p><b>3: Ghép cây</b> Ghép cây là dùng bộ phận sinh dưỡng ( mắt, chồi, cành ghép) của cây này gắn vào cây khác (gốc ghép) cho tiếp tục phát triển. Có 2 cách ghép: ghép mắt, ghép cành.</p>
<p>- GV yêu cầu HS đọc SGK và trả lời câu hỏi:</p> <p>1. Nhân giống vô tính là gì?</p> <p>2. Hãy cho biết thành tựu nhân giống vô tính mà em biết qua phương tiện thông tin.</p> <p>- GV lưu ý: Nếu HS không biết thành tựu nhân giống vô tính thì GV phải thông báo thông tin.</p> <p>- Nhân giống cây trong ống nghiệm là cách nhân giống nhanh nhất, tiết kiệm nhất vì từ 1 loại mô bất kỳ của cây thực hiện kĩ thuật nhân giống trong 1 thời gian ngắn là có</p>	<p>- HS đọc SGK và trả lời câu hỏi đạt:</p> <p>1. Nhân giống vô tính trong ống nghiệm là phương pháp tạo ra nhiều cây mới từ một mô.</p> <p>2. Thành tựu:</p>	<p><b>4: Nhân giống vô tính trong ống nghiệm</b> Nhân giống vô tính trong ống nghiệm là phương pháp tạo ra nhiều cây mới từ một mô.</p>

thể tạo ra vô số cây giống.

### HOẠT ĐỘNG 3: Hoạt động luyện tập (10')

**a. Mục tiêu:** Củng cố, luyện tập kiến thức vừa học.

**b. Nội dung:** Dạy học trên lớp, hoạt động nhóm, hoạt động cá nhân.

**c. Sản phẩm:** Bài làm của học sinh, kỹ năng giải quyết nhiệm vụ học tập.

**d. Tổ chức thực hiện:** Tổ chức theo phương pháp: đặt và giải quyết vấn đề, học sinh hợp tác, vận dụng kiến thức hoàn thành nhiệm vụ.

**Câu 1.** Để rút ngắn thời gian thu hoạch, người thường trồng khoai lang theo hình thức nào dưới đây ?

A. Trồng bằng củ    B. Giâm cành    C. Chiết cành    D. Ghép cành

**Câu 2.** Phương pháp chiết cành không được áp dụng đối với loại cây nào dưới đây ?

A. Dừa    B. Nhãn    C. Na    D. Ổi

**Câu 3.** Cho các thao tác sau :

1. Lựa chọn một cành khoẻ, không bị sâu bệnh
2. Đắp bầu đất bao quanh phần thân bị lột vỏ
3. Khi bầu đất xuất hiện rễ thì cắt cành đem đi trồng
4. Lột bỏ một khoanh vỏ trên cành vừa chọn

Em hãy sắp xếp các thao tác trên theo trình tự sớm muộn trong quy trình chiết cành.

A. 1 – 2 – 4 – 3    B. 1 – 4 – 2 – 3    C. 1 – 2 – 3 – 4    D. 1 – 4 – 3 – 2

**Câu 4.** Trong các phương pháp nhân giống cây trồng dưới đây, phương pháp nào cho hiệu quả kinh tế cao nhất ?

A. Giâm cành    B. Chiết cành    C. Ghép cây    D. Nhân giống vô tính

**Câu 5.** Phương pháp nhân giống nào dưới đây sẽ cho ra cây giống mang đặc điểm di truyền của hai cá thể khác nhau ?

A. Nhân giống vô tính    B. Giâm cành    C. Ghép cây    D. Chiết cành

**Câu 6.** Chọn từ thích hợp để điền vào chỗ trống trong câu sau : ... là làm cho cành ra rễ ngay trên cây rồi mới cắt đem trồng thành cây mới.

A. Ghép cành    B. Giâm cành    C. Chiết cành    D. Nhân giống vô tính

**Câu 7.** Cây mía thường được trồng bằng

A. một mảnh lá.    B. phần ngọn.    C. rễ củ.    D. phần gốc.

**Câu 8.** Cây nào dưới đây thường được trồng bằng cách chiết cành ?

A. Tía tô    B. Rau đay    C. Bưởi    D. Gấc

**Câu 9.** Chọn từ thích hợp để điền vào chỗ trống trong câu sau : Khi ..., chúng ta cần chọn những cành có mắt và chồi to khoẻ vì mắt và chồi được xem là các điểm sinh trưởng của cành, từ mắt có thể đâm ra các rễ giúp cành hút nước và muối khoáng, từ chồi sẽ mọc lên các mầm non, giúp cành lớn lên và phát triển thành cây con.

A. giâm cành    B. chiết cành    C. ghép gốc    D. trồng cây

**Câu 10.** So với việc trồng cây bằng củ thì trồng cây bằng một đoạn thân/cành có lợi thế nào sau đây ?

- A. Hạn chế tối đa ảnh hưởng của các tác nhân gây bệnh
- B. Rút ngắn được thời gian sinh trưởng và thu hoạch của cây giống.
- C. Cải thiện năng suất cây trồng
- D. Giảm lượng phân bón cần cung cấp cho cây

**Đáp án**

1. B	2. A	3.	4. D	5. C
6. C	7. B	8. C	9. A	10. B

#### **HOẠT ĐỘNG 4: Hoạt động vận dụng (8')**

- a. Mục tiêu:** Vận dụng các kiến thức vừa học quyết các vấn đề học tập và thực tiễn.
- b. Nội dung:** Dạy học trên lớp, hoạt động nhóm, hoạt động cá nhân.
- c. Sản phẩm:** HS vận dụng các kiến thức vào giải quyết các nhiệm vụ đặt ra.
- d. Tổ chức thực hiện:** GV sử dụng phương pháp vấn đáp tìm tòi, tổ chức cho học sinh tìm tòi, mở rộng các kiến thức liên quan.

##### **1. Chuyển giao nhiệm vụ học tập**

GV chia lớp thành nhiều nhóm

( mỗi nhóm gồm các HS trong 1 bàn) và giao các nhiệm vụ: thảo luận trả lời các câu hỏi sau và ghi chép lại câu trả lời vào vở bài tập

- Kể tên một số loài cây trồng bằng cách giâm cành?
- Hãy kể tên một số cây được chôn bằng cách chiết cành

Chiết cành khác với giâm cành ở điểm nào? Người ta chiết cành với những loài cây nào?

##### **Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**

- HS trả lời.
- HS nộp vở bài tập.
- HS tự ghi nhớ nội dung trả lời đã hoàn thiện.

Hãy cho tìm hiểu thực tế về cây ghép thường được dân ta thực hiện trong trồng trọt

##### **4. Hướng dẫn về nhà:**

- Học bài và trả lời câu hỏi cuối sách.
- Đọc phần Em có biết ?
- Xem hướng dẫn giâm cành, chiết cành SGK tr.92 (nếu có điều kiện cho HS làm ở nhà và báo cáo kết quả sau 2 – 4 tuần)
- Chuẩn bị hoa bưởi, hoa dâm bụt, hoa loa kèn.

## **CHUYÊN ĐỀ: HOA VÀ SINH SẢN HỮU TÍNH**

### **I. Nội dung chuyên đề**

## 1. Mô tả chuyên đề

### Sinh học 6

+ **Bài 28** : Cấu tạo và chức năng của hoa

+ **Bài 29**: Các loại hoa

+ **Bài 30**: Thụ phấn (2 tiết)

+ **Bài 31**. Thụ tinh, kết quả và tạo hạt

### 2. Mạch kiến thức của chuyên đề

Sau khi đc học các cơ quan sinh dưỡng của cây: Lá, thân, rễ, học sinh chuyển sang học về các cơ quan sinh dưỡng của cây. Cụ thể trong chuyên đề này đi tìm hiểu về cơ quan sinh sản chủ yếu của cây là hoa.

### 3. Thời lượng của chuyên đề

Tổng số tiết	Tuần thực hiện	Tiết theo KHDH	Tiết theo chủ đề	Nội dung của từng hoạt động
3	16, 17	28	1	<b>Hoạt động 1:</b> Tìm hiểu các bộ phận của hoa
				<b>Hoạt động 2:</b> Tìm hiểu chức năng các bộ phận của hoa
		29	2	<b>Hoạt động 4:</b> Tìm hiểu sự phân chia nhóm hoa dựa vào cơ quan sinh sản
				<b>Hoạt động 5:</b> Tìm hiểu sự phân chia nhóm nhóm hoa dựa vào cách xếp hoa
		30	3,4	<b>Hoạt động 7:</b> Tìm hiểu hoa tự thụ phấn và hoa giao phấn
				<b>Hoạt động 8:</b> Tìm hiểu đặc điểm của hoa thụ phấn nhờ sâu bọ
				<b>Hoạt động 9:</b> Tìm hiểu đặc điểm hoa thụ phấn nhờ gió
				<b>Hoạt động 10:</b> Tìm hiểu ứng dụng kiến thức về thụ phấn
		31	5	<b>Hoạt động 11:</b> Tìm hiểu hoạt động nảy mầm của hạt phấn và quá trình thụ tinh
				<b>Hoạt động 12:</b> Tìm hiểu kết hạt và tạo quả

## II. Hoạt động dạy và học

### CHƯƠNG VI: HOA VÀ SINH SẢN HỮU TÍNH Bài 28: CẤU TẠO VÀ CHỨC NĂNG CỦA HOA

## I/ MỤC TIÊU

### 1. Kiến thức:

- Phân biệt được các bộ phận chính của hoa, vai trò của hoa đối với cây. các đặc điểm cấu tạo và chức năng của từng bộ phận.
- Giải thích được vì sao nhị và nhụy là những bộ phận sinh sản chủ yếu của hoa.

### 2. Năng lực

Phát triển các năng lực chung và năng lực chuyên biệt

Năng lực chung	Năng lực chuyên biệt
- Năng lực phát hiện vấn đề	- Năng lực kiến thức sinh học
- Năng lực giao tiếp	- Năng lực thực nghiệm
- Năng lực hợp tác	- Năng lực nghiên cứu khoa học
- Năng lực tự học	
- Năng lực sử dụng CNTT và TT	

### 3. Về phẩm chất

Giúp học sinh rèn luyện bản thân phát triển các phẩm chất tốt đẹp: yêu nước, nhân ái, chăm chỉ, trung thực, trách nhiệm.

## II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

### 1. Giáo viên:

- Giáo án, SGK, Tranh vẽ như SGK, tiêu bản mẫu vật, tranh ảnh.

### 2. Học sinh

- Vở ghi, SGK, Nêu và giải quyết vấn đề kết hợp hình vẽ và làm việc với SGK.

## III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

### 1. Ổn định lớp: Năm sĩ số học sinh

### 2. Kiểm tra bài cũ:

- Giâm cành là gì? Kể tên một số loại cây được trồng bằng cách giâm cành? Cành của những cây này có đặc điểm gì mà người ta có thể giâm được?

- Chiết cành là gì? Vì sao ở cành chiết, rễ chỉ có thể mọc ra từ mép vỏ ở phía trên của vết cắt?

- Em hiểu thế nào là ghép cây? Có mấy cách ghép cây? Nhân giống vô tính là gì? Hãy cho biết thành tựu nhân giống vô tính mà em biết qua phương tiện thông tin.

### 3. Bài mới : CẤU TẠO VÀ CHỨC NĂNG CỦA HOA

#### HOẠT ĐỘNG 1: Xác định vấn đề/Nhiệm vụ học tập/Mở đầu (5')

**a. Mục tiêu:** HS biết được các nội dung cơ bản của bài học cần đạt được, tạo tâm thế cho học sinh đi vào tìm hiểu bài mới.

**b. Nội dung:** Giáo viên giới thiệu thông tin liên quan đến bài học.

**c. Sản phẩm:** Học sinh lắng nghe định hướng nội dung học tập.

**d. Tổ chức thực hiện:** Giáo viên tổ chức, học sinh thực hiện, lắng nghe phát triển năng lực quan sát, năng lực giao tiếp.

Hoa là cơ quan sinh sản của cây. Vậy hoa có cấu tạo phù hợp với chức năng sinh sản như



thế nào?

## HOẠT ĐỘNG 2: Hình thành kiến thức

**a) Mục tiêu:** các bộ phận chính của hoa, vai trò của hoa đối với cây. các đặc điểm cấu tạo và chức năng của từng bộ phận.

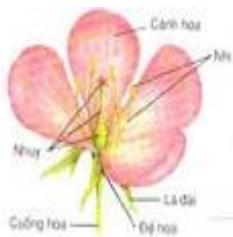
- Giải thích vì sao nhị và nhụy là những bộ phận sinh sản chủ yếu của hoa.

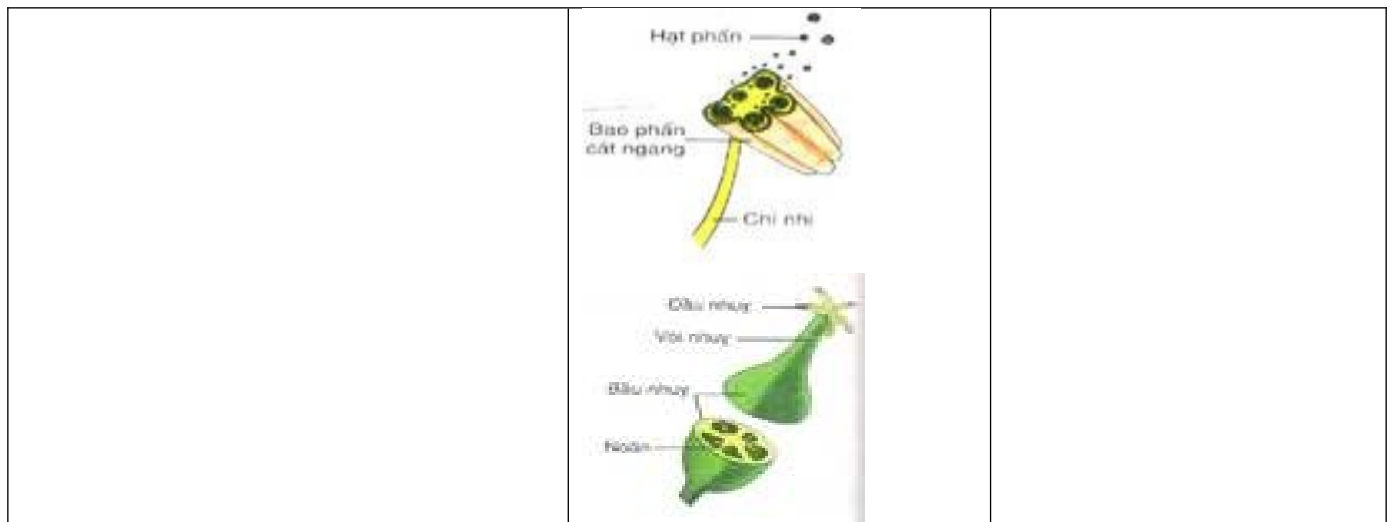
**b) Nội dung:** HS căn cứ trên các kiến thức đã biết, làm việc với sách giáo khoa, hoạt động cá nhân, nhóm hoàn thành yêu cầu học tập.

**c) Sản phẩm:** Trình bày được kiến thức theo yêu cầu của GV.

**d) Tổ chức thực hiện:** Hoạt động cá nhân, hoạt động nhóm, dạy học nêu và giải quyết vấn đề; phương pháp thuyết trình; sử dụng đồ dung trực quan

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS	Nội dung
<ul style="list-style-type: none"><li>- GV yêu cầu mỗi nhóm 2 HS ngồi cạnh nhau cùng quan sát 1 hoa theo hướng dẫn của SGK</li><li>-&gt; ghi kết quả vào giấy nháp.</li><li>- GV theo dõi, hướng dẫn các nhóm còn yếu.</li><li>- GV cho trao đổi trên toàn lớp kết quả đã quan sát để xác định đúng các bộ phận của một hoa.</li><li>- GV chốt ý -&gt; cho HS ghi bài</li><li>- GV tiếp tục hướng dẫn HS quan sát nhị và nhụy, kết hợp với xem hình 28.2, 28.3 -&gt; ghi kết quả vào giấy nháp.</li><li>- GV theo dõi, hướng dẫn các nhóm còn yếu.</li><li>- GV cho trao đổi trên toàn lớp kết quả để giúp nhau xác định đầy đủ và đúng các phần của nhị và nhụy.</li><li>- GV chốt ý -&gt; cho HS ghi bài</li><li>- GV chốt lại kiến thức bằng cách treo tranh giới thiệu hoa, cấu tạo nhị và nhụy.</li></ul>	<ul style="list-style-type: none"><li>- Nhóm 2 HS cùng quan sát 1 hoa theo hướng dẫn của SGK -&gt; ghi kết quả vào giấy nháp.</li><li>- HS trao đổi trên toàn lớp kết quả đã quan sát để xác định đúng các bộ phận của một hoa</li><li>- HS ghi bài</li><li>- HS tiếp tục quan sát nhị và nhụy, kết hợp với xem hình 28.2, 28.3 -&gt; ghi kết quả vào giấy nháp.</li><li>- HS trao đổi trên toàn lớp kết quả -&gt; nhóm khác nhận xét, bổ sung.</li><li>- HS ghi bài</li><li>- HS lắng nghe và quan sát tranh.</li></ul>	<p><b>1: Các bộ phận của hoa.</b></p> <p>Hoa gồm các bộ phận chính: đài, tràng, nhị và nhụy. Hoa còn có cuống và đế.</p> <ul style="list-style-type: none"><li>- Đài và tràng bao bọc phía bên ngoài hoa. Tùy theo từng loại cây, cánh hoa có màu sắc khác nhau .</li><li>- Mỗi nhị gồm: chỉ nhị và bao phấn. Bao phấn chứa rất nhiều hạt phấn</li><li>- Nhụy gồm đầu, vòi, bầu nhụy, noãn nằm bên trong bầu nhụy.</li></ul>





<p>- GV gọi HS đọc mục □ SGK.tr.95</p> <p>- GV hỏi:</p> <ol style="list-style-type: none"> <li>1. Tế bào sinh dục đực của hoa nằm ở đâu? Thuộc bộ phận nào của hoa?</li> <li>2. Tế bào sinh dục cái của hoa nằm ở đâu? Thuộc bộ phận nào của hoa?</li> <li>3. Có còn những bộ phận nào của hoa chứa tế bào sinh dục đực và cái nữa không?</li> <li>4. Vậy những bộ phận nào của hoa có chức năng sinh sản là chủ yếu?</li> <li>5. Những bộ phận nào bao bọc lấy nhị và nhụy? Chúng có chức năng gì?</li> </ol> <p>- GV chốt lại kiến thức -&gt; cho HS ghi bài.</p> <p>- Nếu còn thời gian, GV giới thiệu thêm về hoa hồng và hoa cúc cho cả lớp quan sát.</p>	<p>- HS đọc to mục □ SGK.tr.95</p> <p>- HS trả lời đạt:</p> <ol style="list-style-type: none"> <li>1. Nằm trong hạt phấn của nhị</li> <li>2. Nằm trong noãn của nhụy</li> <li>3. Không có.</li> <li>4. Nhị và nhụy</li> <li>5. Đài và tràng bao bọc lấy nhị và nhụy để bảo vệ nhị và nhụy</li> </ol> <p>- HS ghi bài.</p> <p>- HS lắng nghe</p>	<p><b>2: Chức năng các bộ phận của hoa</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Đài và tràng làm thành bao hoa để bảo vệ nhị và nhụy</li> <li>- Nhị có nhiều hạt phấn mang tế bào sinh dục đực. Nhụy có bầu chứa noãn mang tế bào sinh dục cái. Nhị và nhụy là bộ phận sinh sản chủ yếu của hoa.</li> </ul>
--	---	---

### HOẠT ĐỘNG 3: Hoạt động luyện tập (10')

**a. Mục tiêu:** Củng cố, luyện tập kiến thức vừa học.

**b. Nội dung:** Dạy học trên lớp, hoạt động nhóm, hoạt động cá nhân.

**c. Sản phẩm:** Bài làm của học sinh, kỹ năng giải quyết nhiệm vụ học tập.

**d. Tổ chức thực hiện:** Tổ chức theo phương pháp: đặt và giải quyết vấn đề, học sinh hợp tác, vận dụng kiến thức hoàn thành nhiệm vụ.

**Câu 1.** Phần sắc sở nhất của các loài hoa thụ phấn nhờ sâu bọ có tên gọi là gì ?

A. Nhụy                      B. Nhị                      C. Tràng                      D. Đài

**Câu 2.** Bao hoa gồm có hai thành phần, đó là

A. tràng và nhị.      B. đài và tràng.      C. nhị và nhụy.      D. đài và nhụy.

**Câu 3.** Tế bào sinh dục đực của cây lưỡng tính có ở đâu ?

A. Trong không bào của cánh hoa      B. Trong bao phấn của nhị



- Mỗi HS kẻ sẵn bảng SGK tr.97 vào vở

## Bài 29: CÁC LOẠI HOA

### I. MỤC TIÊU:

Sau khi học xong bài này, HS có khả năng:

#### 1. Kiến thức:

- Phân biệt được hai loại hoa: hoa lưỡng tính và hoa đơn tính.
- Phân biệt được hai cách xếp hoa trên cây, biết được ý nghĩa sinh học của cách xếp hoa thành cụm.

#### 2. Năng lực

Phát triển các năng lực chung và năng lực chuyên biệt

Năng lực chung	Năng lực chuyên biệt
<ul style="list-style-type: none"> <li>- Năng lực phát hiện vấn đề</li> <li>- Năng lực giao tiếp</li> <li>- Năng lực hợp tác</li> <li>- Năng lực tự học</li> <li>- Năng lực sử dụng CNTT và TT</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Năng lực kiến thức sinh học</li> <li>- Năng lực thực nghiệm</li> <li>- Năng lực nghiên cứu khoa học</li> </ul>

#### 3. Về phẩm chất

Giúp học sinh rèn luyện bản thân phát triển các phẩm chất tốt đẹp: yêu nước, nhân ái, chăm chỉ, trung thực, trách nhiệm.

## II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

### 1. Giáo viên:

- Giáo án, SGK, Tranh vẽ như SGK, tiêu bản mẫu vật, tranh ảnh.

### 2. Học sinh

- Vở ghi, SGK, Nêu và giải quyết vấn đề kết hợp hình vẽ và làm việc với SGK.

### III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

#### 1. Ổn định lớp

#### 2. Kiểm tra bài cũ

2.1. Một hoa bao gồm những bộ phận nào? Kể tên và nêu đặc điểm từng bộ phận.

**Yêu cầu:** Hoa gồm các bộ phận chính: đài, tràng, nhị và nhụy. Hoa còn có cuống và đế.

- Đài và tràng bao bọc phía bên ngoài hoa. Tùy theo từng loại cây, cánh hoa có màu sắc khác nhau .

- Mỗi nhị gồm: chỉ nhị và bao phấn. Bao phấn chứa rất nhiều hạt phấn

- Nhụy gồm đầu, vòi, bầu nhụy, noãn nằm bên trong bầu nhụy

2.2. Nêu chức năng từng bộ phận của hoa? Bộ phận nào là quan trọng nhất? Vì sao?

**Yêu cầu:** - Đài và tràng làm thành bao hoa để bảo vệ nhị và nhụy

- Nhị có nhiều hạt phấn mang tế bào sinh dục đực. Nhụy có bầu chứa noãn mang tế bào sinh dục cái. Nhị và nhụy là bộ phận sinh sản chủ yếu của hoa.

Nhị và nhụy là bộ phận quan trọng nhất vì nó đảm nhận chức năng sinh sản.

#### 3. Bài mới : CÁC LOẠI HOA

##### a. . Mở bài

##### b. . Hoạt động chính:

#### HOẠT ĐỘNG 1: Xác định vấn đề/Nhiệm vụ học tập/Mở đầu (5')

**a. Mục tiêu:** HS biết được các nội dung cơ bản của bài học cần đạt được, tạo tâm thế cho học sinh đi vào tìm hiểu bài mới.

**b. Nội dung:** Giáo viên giới thiệu thông tin liên quan đến bài học.

**c. Sản phẩm:** Học sinh lắng nghe định hướng nội dung học tập.

**d. Tổ chức thực hiện:** Giáo viên tổ chức, học sinh thực hiện, lắng nghe phát triển năng lực quan sát, năng lực giao tiếp.

Cho học sinh quan sát các loại hoa trên máy chiếu, từ đó Gv dẫn vào bài..

#### HOẠT ĐỘNG 2: Hình thành kiến thức

**a) Mục tiêu:** - Phân biệt được hai loại hoa: hoa lưỡng tính và hoa đơn tính.

- Phân biệt được hai cách xếp hoa trên cây, biết được ý nghĩa sinh học của cách xếp hoa thành cụm.

**b) Nội dung:** HS căn cứ trên các kiến thức đã biết, làm việc với sách giáo khoa, hoạt động cá nhân, nhóm hoàn thành yêu cầu học tập.

**c) Sản phẩm:** Trình bày được kiến thức theo yêu cầu của GV.

**d) Tổ chức thực hiện:** Hoạt động cá nhân, hoạt động nhóm, dạy học nêu và giải quyết vấn đề; phương pháp thuyết trình; sử dụng đồ dung trực quan

- GV kiểm tra sự chuẩn bị của các nhóm.

- GV yêu cầu mỗi nhóm HS tập trung quan sát hoa của nhóm mình -> hoàn thành cột

- HS để mẫu lên bàn.

- Mỗi nhóm HS quan sát hoa của nhóm mình -> hoàn thành cột 2, 3, 4 vào vở

**1: Phân chia các nhóm hoa căn cứ**

**vào bộ phận sinh sản chủ yếu của hoa.**

<p>2, 3, 4 vào vở</p> <p>- GV lưu ý: <b>chưa cho HS ghi cột cuối.</b></p> <p>- GV cho cả lớp thảo luận kết quả -&gt; chia hoa thành 2 nhóm</p> <p>- GV yêu cầu HS hoàn thành bài tập điền từ dưới bảng SGK tr.97</p> <p>- GV nhận xét -&gt; cho HS hoàn thành nốt bảng</p> <p>- GV nhận xét, điều chỉnh chỗ còn sai sót</p> <p>- GV hỏi:</p> <p>1. Dựa vào bộ phận sinh sản chủ yếu có thể chia hoa thành mấy nhóm?</p> <p>2. Thế nào là hoa lưỡng tính? Thế nào là hoa đơn tính?</p> <p>- GV chốt ý -&gt; cho HS ghi bài.</p> <p>- Nếu còn thời gian cho hoạt động, GV gọi 2 học sinh lên bảng, nhặt riêng hoa đơn tính, hoa lưỡng tính.</p>	<p>- Cả lớp thảo luận kết quả:</p> <p>+ Nhóm 1 gồm những hoa đủ 2 bộ phận sinh sản chủ yếu</p> <p>+ Nhóm 2 gồm những hoa thiếu 1 trong 2 bộ phận.</p> <p>- HS hoàn thành bài tập điền từ dưới bảng SGK tr.97</p> <p>- HS hoàn thành nốt bảng</p> <p>- HS sửa lỗi -&gt; hoàn thành bảng vào tập.</p> <p>- HS trả lời:</p> <p>1. Căn cứ vào bộ phận sinh sản chủ yếu có thể chia hoa thành 2 nhóm: hoa lưỡng tính và hoa đơn tính.</p> <p>2. Hoa lưỡng tính: có đủ nhị và nhụy</p> <p>Hoa đơn tính: chỉ có nhị là hoa đực hoặc chỉ có nhụy là hoa cái</p> <p>- HS ghi bài.</p>	<p>Căn cứ vào bộ phận sinh sản chủ yếu có thể chia hoa thành 2 nhóm:</p> <p>- Hoa lưỡng tính: có đủ nhị và nhụy</p> <p>- Hoa đơn tính: chỉ có nhị là hoa đực hoặc chỉ có nhụy là hoa cái</p>
<p>- GV gọi HS đọc thông tin mục <input type="checkbox"/> SGK tr. 97.</p> <p>- GV cho HS liên hệ thực tế nêu được một số ví dụ khác về hoa mọc đơn độc, hoa mọc thành cụm.</p> <p>- GV có thể bổ sung thêm:</p> <p>+ <b>Hoa mọc đơn độc: sen, súng, ổi, ớt, bí, bầu, khổ hoa, lạc tiên, sù,...</b></p> <p>+ <b>Hoa mọc thành cụm: phượng, ngâu, huệ, mẫu đơn, so đũa, chôm chôm, nhãn, xoài, điệp,...</b></p>	<p>- HS đọc to thông tin mục <input type="checkbox"/> SGK tr. 97.</p> <p>- HS liên hệ thực tế nêu được một số ví dụ khác về hoa mọc đơn độc, hoa mọc thành cụm.</p> <p>- HS lắng nghe, tự ghi nhận</p> <p>- HS ghi bài</p>	<p><b>2: Phân chia các nhóm hoa dựa vào cách xếp hoa trên cây</b></p> <p>Căn cứ vào cách xếp hoa trên cây có thể chia hoa thành 2 nhóm:</p> <p>- Hoa mọc đơn độc: sen, súng, ổi, ớt, bí, bầu, khổ hoa,...</p> <p>- Hoa mọc thành cụm: phượng, ngâu, huệ, mẫu đơn, so đũa, chôm chôm, nhãn, xoài, điệp,</p>

- GV cho HS ghi bài.		...
----------------------	--	-----

### HOẠT ĐỘNG 3: Hoạt động luyện tập (10')

**a. Mục tiêu:** Củng cố, luyện tập kiến thức vừa học.

**b. Nội dung:** Dạy học trên lớp, hoạt động nhóm, hoạt động cá nhân.

**c. Sản phẩm:** Bài làm của học sinh, kỹ năng giải quyết nhiệm vụ học tập.

**d. Tổ chức thực hiện:** Tổ chức theo phương pháp: đặt và giải quyết vấn đề, học sinh hợp tác, vận dụng kiến thức hoàn thành nhiệm vụ.

#### GV giao nhiệm vụ cho học sinh làm bài tập trắc nghiệm:

**Câu 1.** Cây nào dưới đây có hoa đơn tính ?

A. Cúc                      B. Chanh                      C. Mướp hương                      D. Cải

**Câu 2.** Nhị và nhụy không tồn tại đồng thời trong một bông hoa

A. bưởi.                      B. liễu.                      C. ổi.                      D. táo tây.

**Câu 3.** Hoa lưỡng tính có đặc điểm nào dưới đây ?

A. Chỉ có nhụy                      B. Chỉ có nhị  
C. Có đủ đài và tràng                      D. Có đủ nhị và nhụy

**Câu 4.** Hoa cái là

A. hoa đơn tính chỉ có nhụy.                      B. hoa đơn tính chỉ có nhị.  
C. hoa lưỡng tính chỉ có nhị.                      D. hoa lưỡng tính có đủ cả nhị và nhụy.

**Câu 5.** Nhóm nào dưới đây gồm hai loài thực vật có hoa mọc thành cụm ?

A. Bưởi, tra làm chiếu                      B. Râm bụt, cau  
C. Cúc, cải                      D. Sen, cam

**Câu 6.** Hoa nào dưới đây có cách xếp trên cây khác với những loài hoa còn lại ?

A. Hoa súng                      B. Hoa tra làm chiếu  
C. Hoa khế                      D. Hoa râm bụt

**Câu 7.** Hiện tượng hoa mọc thành cụm có ý nghĩa thích nghi như thế nào ?

A. Giúp hoa nương tựa vào nhau, hạn chế sự gãy rụng khi gió bão.  
B. Giúp tăng hiệu quả thụ phấn nhờ việc di chuyển của côn trùng trên cụm hoa.  
C. Giúp côn trùng dễ nhận ra, nhờ vậy mà tăng cơ hội thụ phấn cho hoa.  
D. Tất cả các phương án đưa ra.

**Câu 8.** Nhị hoa thường có màu gì ?

A. Màu xanh                      B. Màu đỏ                      C. Màu vàng                      D. Màu tím

**Câu 9.** Loài hoa nào dưới đây có lá đài và cánh hoa giống hệt nhau ?

A. Hoa cà                      B. Hoa bí đỏ                      C. Hoa bưởi                      D. Hoa loa kèn

**Câu 10.** Phát biểu nào dưới đây là đúng ?

A. Hoa khoai tây là hoa lưỡng tính.                      B. Hoa mướp đắng là hoa lưỡng tính.  
C. Hoa hồng là hoa đơn tính.                      D. Hoa sen là hoa đơn tính.

#### Đáp án

1. C	2. B	3. D	4. A	5. C
6. C	7. D	8. C	9. D	10. A

### HOẠT ĐỘNG 4: Hoạt động vận dụng (8')

**a. Mục tiêu:** Vận dụng các kiến thức vừa học quyết các vấn đề học tập và thực tiễn.

**b. Nội dung:** Dạy học trên lớp, hoạt động nhóm, hoạt động cá nhân.

**c. Sản phẩm:** HS vận dụng các kiến thức vào giải quyết các nhiệm vụ đặt ra.

**d. Tổ chức thực hiện:**GV sử dụng phương pháp vấn đáp tìm tòi, tổ chức cho học sinh tìm tòi, mở rộng các kiến thức liên quan.

### 1. Chuyển giao nhiệm vụ học tập

GV chia lớp thành nhiều nhóm

( mỗi nhóm gồm các HS trong 1 bàn) và giao các nhiệm vụ: thảo luận trả lời các câu hỏi sau và ghi chép lại câu trả lời vào vở bài tập

Căn cứ vào đặc điểm nào có thể phân biệt hoa lưỡng tính và hoa đơn tính? Hãy kể tên 3 loại hoa lưỡng tính và đơn tính ?

. Có mấy cách xếp hoa? Ví dụ?

### 2. Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận

- HS trả lời.

- HS nộp vở bài tập.

- HS tự ghi nhớ nội dung trả lời đã hoàn thiện.

Những hoa nhỏ thường mọc thành cụm có tác dụng gì đối với sâu bọ và đối với sự thụ phấn của hoa?

### 4. Hướng dẫn về nhà

- Học bài và trả lời câu hỏi cuối sách.

- Sưu tầm hoa, tranh hoa thụ phấn nhờ sâu bọ

## ÔN TẬP HỌC KỲ I

### I/ MỤC TIÊU

#### 1. Kiến thức:

- Củng cố những kiến thức đã học: Về đặc điểm cấu tạo của lá, hiện tượng quang hợp và hô hấp của cây xanh, các hình thức sinh sản sinh dưỡng trong tự nhiên và do con người, về cấu tạo và chức năng của hoa ...

- Theo dõi sự tiếp thu kiến thức của học sinh.

- Sửa chữa những thiếu sót.

#### 2. Năng lực

Phát triển các năng lực chung và năng lực chuyên biệt

Năng lực chung	Năng lực chuyên biệt
- Năng lực phát hiện vấn đề	- Năng lực kiến thức sinh học
- Năng lực giao tiếp	- Năng lực thực nghiệm
- Năng lực hợp tác	- Năng lực nghiên cứu khoa học
- Năng lực tự học	
- Năng lực sử dụng CNTT và TT	

#### 3. Về phẩm chất

Giúp học sinh rèn luyện bản thân phát triển các phẩm chất tốt đẹp: yêu nước, nhân ái, chăm chỉ, trung thực, trách nhiệm.



## II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

### 1. Giáo viên:

- Giáo án, SGK, Tranh vẽ như SGK, tiêu bản mẫu vật, tranh ảnh.

### 2. Học sinh

- Vở ghi, SGK, Nêu và giải quyết vấn đề kết hợp hình vẽ và làm việc với SGK.

## III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

### 1. Ổn định lớp: Năm sĩ số học sinh

### 2. Kiểm tra bài cũ:

#### 3. Bài mới :

#### ÔN TẬP

Giới thiệu bài: Để củng cố toàn bộ những kiến thức mà các em đã được tìm hiểu trong các chương mà chúng ta đã học và cũng là chuẩn bị tốt cho bài kiểm tra học kỳ sắp tới ta tiến hành ôn tập:

Phát triển bài:

#### Hoạt động

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS	Nội dung
<p>Gv: Đặt hệ thống câu hỏi và tiến hành ôn tập qua hệ thống câu hỏi:</p> <p>1. Hãy nêu các bộ phận của lá? Có mấy loại lá? Có mấy kiểu xếp lá trên thân và cành. Cho ví dụ.</p> <p>2. Lá có đặc điểm bên ngoài và cách sắp xếp trên cây ntn giúp nó nhận được nhiều ánh sáng?</p> <p>3. Cấu tạo trong của phiến lá gồm những thành phần nào?</p> <p>4. Lỗ khí có chức năng gì? Đặc điểm nào phù hợp với chức năng đó.</p>	<p>1. Gồm: Cuống lá, phiến lá, gân lá.</p> <p>- Có 2 loại lá: Lá đơn, lá kép. VD: Lá đơn: Mồng tơi, mít, nhãn, ngô, cam ... Lá kép: Hoa hồng, phượng, me, khế ...</p> <p>- Có 3 kiểu xếp lá: Mọc cách, đối, vòng. VD: (HS: Tìm ví dụ)</p> <p>2. – ĐĐ bên ngoài Lá gồm có: Cuống lá, phiến lá, trên phiến lá có nhiều gân lá.</p> <p>- Phiến lá có màu lục, là phần rộng nhất của lá giúp hứng nhiều a/s.</p> <p>- Lá xếp so le với nhau để nhận được nhiều a/s.</p> <p>3. Gồm: Biểu bì, thịt lá, gân lá.</p> <p>4. Chức năng: Thoát hơi nước và trao đổi khí với MT.</p> <p>- ĐĐ: do có thể tự đóng mở lỗ khí.</p> <p>5. – Nguyên liệu: Nước và</p>	<p>I/ <b>Chương IV: LÁ.</b></p> <p>- Cấu tạo TBTV. - Sự phân chia TB</p> <p>II/ <b>Chương II: RỄ.</b></p> <p>- Các loại rễ - Các miền của rễ. - Sự hút nước và MK của rễ. - Biến dạng của rễ.</p>

<p>5. Lá cây cần sử dụng nguyên liệu nào để chế tạo tinh bột? Lấy nguyên liệu từ đâu? - Viết sơ đồ hiện tượng quang hợp.</p> <p>6. Hiện tượng quang hợp đã cung cấp chất khí nào để duy trì sự sống? Cần làm gì để môi trường trong lành?</p> <p>7. Diệp lục của cây xanh có tác dụng gì?</p> <p>8. Hãy nêu những điều kiện bên ngoài ảnh hưởng đến quang hợp và sự thoát hơi nước?</p> <p>9. Không có as thì không có sự sống trên trái đất, đúng không? vì sao?</p> <p>10. Giải thích vì sao trong những ngày nắng nóng, ta ngồi dưới gốc cây thấy mát mẻ, dễ chịu?</p> <p>11. Hô hấp là gì? vì sao HH có ý nghĩa quan trọng đối với cây? - Sơ đồ HH:</p> <p>12. Cây hô hấp như thế nào?</p> <p>13. Bộ phận thực hiện sự thoát hơi nước ở cây? Vì sao thoát hơi nước có ý nghĩa đv cây? hữu cơ trong cây.</p> <p>14. Có những loại lá biến dạng</p>	<p>khí cacbonic. Lấy từ môi trường</p> <p>- Sơ đồ: SGK tr 72.</p> <p>6. Khí Oxi. Cần trồng và bảo vệ cây xanh.</p> <p>7. Là nơi xảy ra quá trình quang hợp của cây xanh.</p> <p>8. - Ảnh hưởng QH: A/s, nước, nhiệt độ, hàm lượng cacbonic. - Ảnh hưởng thoát hơi nước: A/s, nhiệt độ, độ ẩm không khí và gió.</p> <p>9. Điều đó đúng. - Vì: Tất cả các SV trên trái đất, kể cả con người đều sống nhờ vào khí oxi và chất hữu cơ do cây xanh tạo ra. Mà cây xanh cần a/s để quang hợp.</p> <p>10. – Do có a/s nên lá cây quang hợp nhả ra khí oxi nên dễ thở. - Trời nắng nóng lá cây thoát hơi nước mạnh nên cảm thấy mát mẻ.</p> <p>11. HH là quá trình cây lấy khí oxi để phân giải chất hữu cơ tạo ra năng lượng cung cấp cho các hoạt động sống của cây và thải ra khí cacbonic và hơi nước - Sơ đồ: SGK.</p> <p>12. Tất cả các bộ phận của cây đều hô hấp và HH suốt ngày đêm.</p> <p>13. – Các lỗ khí của lá. - Vì tạo ra sức hút làm cho nước + MK hòa tan vận chuyển từ rễ lên lá. + Làm lá đc dịu mát.</p> <p>14. 6 loại lá biến dạng SGK.</p>	<p><b>III/ Chương III: Thân</b></p> <p>- Cấu tạo ngoài của thân.</p> <p>- Thân dài ra, to ra do đâu.</p> <p>- Cấu tạo trong thân non.</p> <p>- Vận chuyển các chất trong thân.</p> <p>- Biến dạng của thân.</p>
---	---	---

<p>nào? Kể tên 1 vài lá biến dạng?</p> <p>- Lông hút có cấu tạo là gì?</p> <p>15. Phân biệt giâm cành và chiết cành khác nhau ở điểm nào? Cho ví dụ những loại cây người ta thường giâm cành, chiết cành.</p> <p>16. Muốn củ khoai lang không mọc mầm thì phải cất giữ như thế nào? Người ta thường trồng khoai lang bằng cách nào? Tại sao không trồng bằng củ?</p> <p>17. Hãy kể tên 2 cây cỏ dại sinh sản bằng thân rễ? Muốn diệt cỏ dại người ta phải làm thế nào? Vì sao phải làm như vậy?</p> <p>18. Kể tên các hình thức SS sinh dưỡng do người?</p>	<p>-VD là bắt mồi: Cây bèo đất, nắp ấm...</p> <p>- VD lá biến thành vảy: Riềng, dong ta, gừng ...</p> <p>15. – Giâm cành: (nêu ĐN) VD: mía, khoai mì, khoai lang ....</p> <p>- Chiết cành: (nêu ĐN) VD: cam, xoài, mít ....</p> <p>16. – Bảo quản nơi khô ráo.</p> <p>- Trồng khoai lang bằng dây sau khi thu hoạch, chọn những dây bánh tẻ cắt thành từng đoạn ngắn có cả chồi rồi giâm xuống đất. – Để tiết kiệm và có thời gian thu hoạch ngắn (rút ngắn thời gian thu hoạch).</p> <p>17. – Cỏ tranh, cỏ gấu.</p> <p>- Phải chặt bỏ toàn bộ phần thân rễ ngầm dưới đất.</p> <p>- Vì khả năng sinh sản bằng thân rễ của cỏ dại, chỉ cần sót lại một mẩu thân rễ cũng có thể mọc chồi và phát triển thành cây mới rất nhanh.</p> <p>18. Giâm cành, chiết cành, ghép cây (ghép mắt, ghép chồi), nhân giống vô tính.</p>	
---	---	--

#### 4. Dặn dò:

- Học bài chuẩn bị kiểm tra 45 phút.
- Soạn bài 19

## Bài 30: THỤ PHẤN

### I/ MỤC TIÊU

#### 1. Kiến thức:

- Phát biểu được khái niệm thụ phấn
- Kể được những đặc điểm chính của hoa tự thụ phấn, phân biệt hoa tự thụ phấn và hoa giao phấn.
- Nhận biết những đặc điểm chính của hoa thích hợp với lối thụ phấn nhờ sâu bọ.

#### 2. Năng lực

Phát triển các năng lực chung và năng lực chuyên biệt

Năng lực chung	Năng lực chuyên biệt
<ul style="list-style-type: none"><li>- Năng lực phát hiện vấn đề</li><li>- Năng lực giao tiếp</li><li>- Năng lực hợp tác</li><li>- Năng lực tự học</li><li>- Năng lực sử dụng CNTT và TT</li></ul>	<ul style="list-style-type: none"><li>- Năng lực kiến thức sinh học</li><li>- Năng lực thực nghiệm</li><li>- Năng lực nghiên cứu khoa học</li></ul>

#### 3. Về phẩm chất

Giúp học sinh rèn luyện bản thân phát triển các phẩm chất tốt đẹp: yêu nước, nhân ái, chăm chỉ, trung thực, trách nhiệm.

### II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

#### 1. Giáo viên:

- Giáo án, SGK, Tranh vẽ như SGK, tiêu bản mẫu vật, tranh ảnh.

#### 2. Học sinh

- Vở ghi, SGK, Nêu và giải quyết vấn đề kết hợp hình vẽ và làm việc với SGK.

### III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

#### 1. Ổn định lớp: Năm sĩ số học sinh

#### 2. Kiểm tra bài cũ:

- Dựa vào bộ phận sinh sản chủ yếu có thể chia hoa thành mấy nhóm? Thế nào là hoa lưỡng tính? Thế nào là hoa đơn tính?
- Căn cứ vào cách xếp hoa trên cây có thể chia hoa thành mấy nhóm? Cho ví dụ.

#### 3. Bài mới : THỤ PHẤN

##### **HOẠT ĐỘNG 1: Xác định vấn đề/Nhiệm vụ học tập/Mở đầu (5')**

**a. Mục tiêu:** HS biết được các nội dung cơ bản của bài học cần đạt được, tạo tâm thế cho học sinh đi vào tìm hiểu bài mới.

**b. Nội dung:** Giáo viên giới thiệu thông tin liên quan đến bài học.

**c. Sản phẩm:** Học sinh lắng nghe định hướng nội dung học tập.

**d. Tổ chức thực hiện:** Giáo viên tổ chức, học sinh thực hiện, lắng nghe phát triển năng lực quan sát, năng lực giao tiếp.

Để duy trì nòi giống thì ở thực vật có những hiện tượng gì phù hợp với chức năng sinh sản chủ yếu của hoa, bài học hôm nay ta sẽ tìm hiểu.

## HOẠT ĐỘNG 2: Hình thành kiến thức

**a) Mục tiêu:** khái niệm thụ phấn

- những đặc điểm chính của hoa tự thụ phấn, phân biệt hoa tự thụ phấn và hoa giao phấn.
- những đặc điểm chính của hoa thích hợp với lối thụ phấn nhờ sâu

**b) Nội dung:** HS căn cứ trên các kiến thức đã biết, làm việc với sách giáo khoa, hoạt động cá nhân, nhóm hoàn thành yêu cầu học tập.

**c) Sản phẩm:** Trình bày được kiến thức theo yêu cầu của GV.

**d) Tổ chức thực hiện:** Hoạt động cá nhân, hoạt động nhóm, dạy học nêu và giải quyết vấn đề; phương pháp thuyết trình; sử dụng đồ dung trực quan

### Hiện tượng thụ phấn

- GV giảng giải về hiện tượng thụ phấn: *Sự thụ phấn là bắt đầu của quá trình sinh sản hữu tính ở cây có hoa. Có sự tiếp xúc giữa hạt phấn và đầu nhụy thì hoa mới thực hiện được chức năng sinh sản, sự tiếp xúc đó gọi là hiện tượng thụ phấn.*

- GV yêu cầu HS đọc to thông tin mục  SGK tr.99

Vậy hạt phấn có thể tiếp xúc với nhụy hoa bằng những cách nào?

#### **b. Hoa tự thụ phấn:**

- Hướng dẫn HS quan sát hình 30.1 SGK tr.99 để trả lời câu hỏi:

1. Thế nào là hoa tự thụ phấn?

2. Hoa tự thụ phấn có những đặc điểm nào?

- GV chốt ý -> cho HS ghi bài

#### **c. Hoa giao phấn:**

- GV cho HS đọc to thông tin - > thảo luận nhóm, trả lời CH

1. Thế nào là hoa giao phấn?

- HS lắng nghe



- HS đọc to thông tin mục  SGK tr.99

- HS quan sát hình 30.1 SGK tr.99 -> trả lời câu hỏi đạt:

1. Hoa có hạt phấn rơi vào đầu nhụy của chính hoa đó gọi là hoa tự thụ phấn  
2. Đặc điểm hoa tự thụ phấn:  
- Hoa lưỡng tính  
- Nhị và nhụy chín cùng một lúc

- HS đọc to thông tin -> thảo luận nhóm, trả lời CH đạt:

1. Hoa giao phấn là hoa có hạt phấn chuyển đến đầu nhụy

### **1. Hiện tượng thụ phấn**

Thụ phấn là hiện tượng hạt phấn tiếp xúc với đầu nhụy.

#### **a. Hoa tự thụ phấn:**

Hoa có hạt phấn rơi vào đầu nhụy của chính hoa đó gọi là *hoa tự thụ phấn*

Đặc điểm hoa tự thụ phấn:

- Hoa lưỡng tính
- Nhị và nhụy chín cùng một lúc.

#### **b. Hoa giao phấn:**

Hoa giao phấn là hoa có hạt phấn chuyển đến đầu nhụy của hoa khác.

Đặc điểm hoa giao

<p>2. Hoa giao phấn có những đặc điểm nào?</p> <p>3. Hiện tượng giao phấn của hoa thực hiện nhờ những yếu tố nào?</p> <p>- GV nhận xét -&gt; cho HS ghi bài.</p>	<p>của hoa khác.</p> <p>2. Là hoa đơn tính hoặc lưỡng tính có nhị và nhụy không chín cùng một lúc.</p> <p>3. Hoa giao phấn thực hiện được nhờ nhiều yếu tố: sâu bọ, gió, người,...</p> <p>- HS ghi bài.</p>	<p>phấn:</p> <p>- Là hoa đơn tính hoặc lưỡng tính có nhị và nhụy không chín cùng một lúc.</p> <p>- Hoa giao phấn thực hiện được nhờ nhiều yếu tố: sâu bọ, gió, người,...</p>
<p>- Hướng dẫn HS quan sát mẫu vật và tranh vẽ để trả lời 4 câu hỏi mục ▼SGK tr.100</p> <p>1. Hoa có đặc điểm gì dễ hấp dẫn sâu bọ?</p> <p>2. Tròng hoa có đặc điểm gì làm cho sâu bọ muốn lấy mật hoặc lấy phấn thường phải chui vào trong hoa?</p> <p>3. Nhị hoa có đặc điểm gì làm cho sâu bọ khi đến lấy mật hoặc phấn hoa thường mang theo hạt phấn sang hoa khác?</p> <p>4. Nhụy hoa có đặc điểm gì làm cho sâu bọ khi đến lấy mật hoặc phấn hoa thì hạt phấn của hoa khác thường bị dính vào đầu nhụy?</p> <p>- Cho HS xem thêm một số tranh ảnh hoa thụ phấn nhờ sâu bọ</p> <p>- GV yêu cầu HS nhắc lại các đặc điểm của hoa thụ phấn nhờ sâu bọ.</p> <p>- GV nhận xét -&gt; cho HS ghi bài</p>	<p>- HS quan sát mẫu vật và tranh vẽ -&gt; trả lời 4 câu hỏi mục ▼SGK tr.100 đạt:</p> <p>1. Hoa thường có màu sắc sặc sỡ, có hương thơm</p> <p>2. Đĩa mật nằm ở đáy hoa</p> <p>3. Hạt phấn to, dính, có gai</p> <p>4. Đầu nhụy thường có chất dính</p> <p>- HS xem thêm một số tranh ảnh hoa thụ phấn nhờ sâu bọ</p> <p>- HS nhắc lại các đặc điểm của hoa thụ phấn nhờ sâu bọ.</p> <p>- HS ghi bài</p>	<p><b>2: Đặc điểm của hoa thụ phấn nhờ sâu bọ</b></p> <p>- Hoa thường có màu sắc sặc sỡ, có hương thơm</p> <p>- Đĩa mật nằm ở đáy hoa</p> <p>- Hạt phấn to, dính, có gai.</p> <p>- Đầu nhụy thường có chất dính</p>

<p>- GV: Hướng dẫn HS QS mẫu vật và hình 30.3, 30.4 Và đọc TT SGK trang 101 thảo luận trả lời câu hỏi: + Nhận xét vị trí của hoa ngô đực và hoa ngô cái? Vị trí đó có t/d gì trong TP nhờ gió? + Những đặc điểm đó có lợi gì cho việc thụ phấn nhờ gió?</p> <p>- GV: Y/c các nhóm trả lời, nhận xét, bổ sung. - GV: Y/c các nhóm tiếp tục thảo luận so sánh thụ phấn nhờ gió và TP nhờ sâu bọ?</p> <p>- GV: Gọi đại diện nhóm TL, nhóm khác nhận xét. - GV: Vậy hoa thụ phấn nhờ gió có những ĐĐ nào? - GV: Nhận xét – hoàn chỉnh kiến thức.</p>	<p>- HS QS mẫu vật và hình 30.3, 30.4. Nghiên cứu TT SGK - Thảo luận trả lời câu hỏi: + Hoa đực ở trên: T/d để tung hạt phấn. Hoa cái ở dưới để hứng hạt phấn. + Giúp gió thổi hạt phấn đi xa. Đầu nhụy dài có nhiều lông giúp giữ hạt phấn. - Đại diện trả lời, nhóm khác bổ sung. - Nhóm thảo luận: Trả lời. + Hoa TP nhờ sâu bọ có bao hoa phát triển, cánh hoa có màu sắc sặc sỡ, hương thơm; Nhị hoa ngắn, hạt phấn to, có gai; Nhụy ngắn, đầu nhụy có chất dính. + Hoa thụ phấn nhờ gió: Bao hoa tiêu giảm; nhị hoa có chỉ nhị dài, hạt phấn nhỏ, nhẹ; Vòi nhụy dài, đầu nhụy có lông. - HS: Nhóm TL, nhóm khác bổ sung. - HS: TL câu hỏi.</p>	<p>- Hoa thường tập trung ở ngọn cây. - Bao hoa thường tiêu giảm. - Chỉ nhị dài, bao phấn treo lủng lẳng. Hạt phấn rất nhiều, nhỏ và nhẹ. - Đầu nhụy dài, có nhiều lông.</p>
--	--	--

<p>- Y/c HS đọc TT SGK Tr 101 mục 4. Trả lời câu hỏi: + Con người đã làm gì để tạo điều kiện cho hoa thụ phấn? + Con người chủ động thụ phấn cho hoa nhằm mục đích gì? - GV: chỉ định 1, 2 HS trả lời câu hỏi và y/c HS khác nhận xét. - GV: kết luận.</p>	<p>- HS: Đọc TT. + Con người đã chủ động thụ phấn cho hoa. + Tạo ra các giống lai mới có phẩm chất tốt, năng suất cao. - HS: trả lời câu hỏi – nhận xét câu trả lời. - HS: nghe ghi bài.</p>	<p><b>2: Ứng dụng kiến thức về thụ phấn.</b> - Con người có thể chủ động giúp hoa giao phấn để làm tăng sản lượng quả và hạt, tạo được những giống lai mới có phẩm chất tốt và năng suất cao.</p>
--	--	---

### **HOẠT ĐỘNG 3: Hoạt động luyện tập (10')**

**a. Mục tiêu:** Củng cố, luyện tập kiến thức vừa học.

**b. Nội dung:** Dạy học trên lớp, hoạt động nhóm, hoạt động cá nhân.

**c. Sản phẩm:** Bài làm của học sinh, kỹ năng giải quyết nhiệm vụ học tập.

**d. Tổ chức thực hiện:** Tổ chức theo phương pháp: đặt và giải quyết vấn đề, học sinh hợp tác, vận dụng kiến thức hoàn thành nhiệm vụ.

**Câu 1.** Hoa tự thụ phấn là

- A. hoa có hạt phấn rơi vào đầu nhụy của chính hoa đó.
- B. hoa có hạt phấn rơi vào đầu nhụy của một hoa khác cùng cây.
- C. hoa có các hạt phấn tự thụ phấn cho nhau.
- D. hoa có hạt phấn từ nhụy rơi vào đầu nhị của chính nó.

**Câu 2.** Hoa tự thụ phấn

- A. có thể là hoa đơn tính hoặc hoa lưỡng tính.
- B. luôn là hoa lưỡng tính.
- C. luôn là hoa đơn tính.
- D. phần lớn là hoa lưỡng tính, một số ít là hoa đơn tính.

**Câu 3.** Hoa giao phấn bao gồm những đối tượng nào ?

- A. Hoa lưỡng tính và hoa đơn tính cùng gốc
- B. Hoa lưỡng tính và hoa đơn tính khác gốc
- C. Hoa đơn tính và hoa lưỡng tính có nhị, nhụy chín cùng lúc
- D. Hoa đơn tính và hoa lưỡng tính có nhị, nhụy chín không cùng lúc

**Câu 4.** Hoa thụ phấn nhờ sâu bọ thường có đặc điểm nào sau đây ?

- A. Hạt phấn to, có gai.
- B. Đầu nhụy có chất dính
- C. Tràng hoa có màu sắc sặc sỡ và toả ra mùi thơm, có đĩa mật
- D. Tất cả các phương án đưa ra

**Câu 5.** Hoa thụ phấn nhờ gió có một số dấu hiệu điển hình để nhận biết, dấu hiệu nào dưới đây không nằm trong số đó ?

- A. Đầu nhụy có chất dính
- B. Chỉ nhị dài, bao phấn treo lủng lẳng
- C. Bao hoa thường tiêu giảm
- D. Hạt phấn nhỏ và nhẹ

**Câu 6.** Những cây có hoa nở về đêm thường có đặc điểm gì để thu hút sâu bọ ?

- A. Tất cả các phương án đưa ra
- B. Toả ra mùi hương ngọt ngào, đặc biệt quyến rũ
- C. Có màu trắng nổi bật để sâu bọ dễ nhận biết
- D. Có đĩa mật để níu chân sâu bọ

**Câu 7.** Mỗi hoa lưỡng tính thường có bao nhiêu nhụy ?

- A. 5
- B. 3
- C. 2
- D. 1

**Câu 8.** Cây nào dưới đây thụ phấn chủ yếu nhờ sâu bọ ?

- A. Phi lao
- B. Nhài
- C. Lúa
- D. Ngô

**Câu 9.** Cây nào dưới đây không thụ phấn nhờ sâu bọ, cũng không thụ phấn nhờ gió ?

- A. Mướp
- B. Rong đuôi chó
- C. Dạ hương
- D. Quỳnh

**Câu 10.** Nhóm nào dưới đây gồm những loài hoa thụ phấn nhờ gió ?

- A. Hoa cỏ may, hoa ngô, hoa lau
- B. Hoa cà, hoa bí đỏ, hoa chanh
- C. Hoa hồng, hoa sen, hoa cải
- D. Hoa râm bụt, hoa khế, hoa na

**Đáp án**

1. A	2. B	3. D	4. D	5. A
6. A	7. D	8. B	9. B	10. A

**HOẠT ĐỘNG 4: Hoạt động vận dụng (8')**



- a. Mục tiêu:** Vận dụng các kiến thức vừa học quyết các vấn đề học tập và thực tiễn.
- b. Nội dung:** Dạy học trên lớp, hoạt động nhóm, hoạt động cá nhân.
- c. Sản phẩm:** HS vận dụng các kiến thức vào giải quyết các nhiệm vụ đặt ra.
- d. Tổ chức thực hiện:** GV sử dụng phương pháp vấn đáp tìm tòi, tổ chức cho học sinh tìm tòi, mở rộng các kiến thức liên quan.

GV chia lớp thành nhiều nhóm  
( mỗi nhóm gồm các HS trong 1 bàn) và giao các nhiệm vụ: thảo luận trả lời các câu hỏi sau và ghi chép lại câu trả lời vào vở bài tập

- Hoa thụ phấn nhờ gió có đặc điểm gì?
- Con người chủ động thụ phấn cho hoa nhằm mục đích gì?

Vẽ sơ đồ tư duy  
Nghiên cứu hiện tượng thụ phấn ở hoa ngô

- 4. Củng cố đánh giá:**
- Học bài, trả lời các câu hỏi cuối SGK.
  - Đọc em có biết.
  - Xem bài tiếp theo, vẽ hình 31.1 vào vở học.

## Bài 31: THỤ TINH, KẾT HẠT VÀ TẠO QUẢ

### I/ MỤC TIÊU

**1. Kiến thức:** HS hiểu được thụ tinh là gì? Phân biệt được thụ phấn và thụ tinh, thấy được mối quan hệ giữa thụ phấn và thụ tinh.

- Nhận biết được dấu hiệu cơ bản của sinh sản hữu tính.
- Xác định được sự biến đổi các bộ phận của hoa và thành quả và hạt sau khi thụ tinh.

### 2. Năng lực

Phát triển các năng lực chung và năng lực chuyên biệt

Năng lực chung	Năng lực chuyên biệt
<ul style="list-style-type: none"> <li>- Năng lực phát hiện vấn đề</li> <li>- Năng lực giao tiếp</li> <li>- Năng lực hợp tác</li> <li>- Năng lực tự học</li> <li>- Năng lực số đông CNTT và TT</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Năng lực kiến thức sinh học</li> <li>- Năng lực thực nghiệm</li> <li>- Năng lực nghiên cứu khoa học</li> </ul>

### 3. Về phẩm chất

Giúp học sinh rèn luyện bản thân phát triển các phẩm chất tốt đẹp: yêu nước, nhân ái, chăm chỉ, trung thực, trách nhiệm.

## II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

### 1. Giáo viên:

- Giáo án, SGK, Tranh vẽ như SGK, tiêu bản mẫu vật, tranh ảnh.

### 2. Học sinh

- Vở ghi, SGK, Nêu và giải quyết vấn đề kết hợp hình vẽ và làm việc với SGK.

## III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

### 1. Ổn định lớp: Năm sĩ số học sinh

### 2. Kiểm tra bài cũ:

- Hoa thụ phấn nhờ gió có đặc điểm gì?
- Trong những trường hợp nào thì thụ phấn nhờ người là cần thiết?

**Trả lời:** + Khi sự thụ phấn nhờ sâu bọ và nhờ gió gặp khó khăn

+ Khi muốn tăng khả năng cho quả và hạt, người ta chủ động thụ phấn cho hoa hoặc tạo điều kiện thuận lợi cho hoa giao phấn

+ Khi muốn tạo ra những giống lai mới theo ý muốn, con người đã chủ động thực hiện giao phấn giữa những giống cây khác nhau để kết hợp được nhiều đặc tính tốt vào giống mới

### 3. Bài mới : THỤ TINH, KẾT HẠT VÀ TẠO QUẢ

#### HOẠT ĐỘNG 1: Xác định vấn đề/Nhiệm vụ học tập/Mở đầu (5')

**a. Mục tiêu:** HS biết được các nội dung cơ bản của bài học cần đạt được, tạo tâm thế cho học sinh đi vào tìm hiểu bài mới.

**b. Nội dung:** Giáo viên giới thiệu thông tin liên quan đến bài học.

**c. Sản phẩm:** Học sinh lắng nghe định hướng nội dung học tập.

**d. Tổ chức thực hiện:** Giáo viên tổ chức, học sinh thực hiện, lắng nghe phát triển năng lực quan sát, năng lực giao tiếp.

Khi muốn tạo ra những giống lai mới theo ý muốn, con người đã chủ động thực hiện giao phấn giữa những giống cây khác nhau để kết hợp được nhiều đặc tính tốt vào giống mới  
 Vậy ....

#### HOẠT ĐỘNG 2: Hình thành kiến thức

**a) Mục tiêu:** thụ tinh là gì? Phân biệt được thụ phấn và thụ tinh, thấy được mối quan hệ giữa thụ phấn và thụ tinh.

<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nhận biết được dấu hiệu cơ bản của sinh sản hữu tính.</li> <li>- Xác định được sự biến đổi các bộ phận của hoa và thành quả và hạt sau khi thụ tinh.</li> </ul> <p><b>b) Nội dung:</b> HS căn cứ trên các kiến thức đã biết, làm việc với sách giáo khoa, hoạt động cá nhân, nhóm hoàn thành yêu cầu học tập.</p> <p><b>c) Sản phẩm:</b> Trình bày được kiến thức theo yêu cầu của GV.</p> <p><b>d) Tổ chức thực hiện:</b> Hoạt động cá nhân, hoạt động nhóm, dạy học nêu và giải quyết vấn đề; phương pháp thuyết trình; sử dụng đồ dung trực quan</p>		
<ul style="list-style-type: none"> <li>- GV hướng dẫn HS quan sát hình 31.1.</li> <li>- Gọi HS đọc to thông tin mục <input type="checkbox"/> SGK tr.103</li> <li>- GV yêu cầu HS mô tả lại hiện tượng nảy mầm của hạt phấn?</li> <li>- GV chốt lại kiến thức.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- HS quan sát hình 31.1 theo sự hướng dẫn của GV</li> <li>- HS đọc to thông tin mục <input type="checkbox"/> SGK tr.103.</li> <li>- HS mô tả lại hiện tượng nảy mầm của hạt phấn kết hợp chỉ tranh.</li> <li>- HS ghi bài</li> </ul>	<p><b>1. Hiện tượng nảy mầm của hạt phấn.</b></p> <p>Sau khi thụ phấn, trên đầu nhụy có rất nhiều hạt phấn. mỗi hạt phấn hút chất nhầy ở đầu nhụy trương lên và nảy mầm thành một ống phấn. TBSD được chuyển đến đầu ống phấn.</p>
<ul style="list-style-type: none"> <li>- GV yêu cầu HS tiếp tục quan sát hình 31.1, đọc thông tin mục <input type="checkbox"/> SGK tr.103</li> <li>- GV hướng dẫn HS khai thác thông tin bằng cách đặt câu hỏi:</li> </ul> <p>1. Sự thụ tinh xảy ra tại bộ phận nào của hoa?</p> <p>2. Sự thụ tinh là gì?</p> <p>3. Tại sao nói sự thụ tinh là dấu hiệu cơ bản của sinh sản hữu tính?</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- GV nhận xét -&gt; chốt lại ý chính và nhấn mạnh: <i>sự sinh sản có sự tham gia của tế bào sinh dục đực và tế bào sinh dục cái trong thụ tinh gọi là sinh sản hữu tính.</i></li> <li>- GV mở rộng: Thụ phấn có quan hệ gì với thụ tinh?</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- HS quan sát hình 31.1, đọc thông tin mục <input type="checkbox"/> SGK tr.103</li> <li>- HS thảo luận, trả lời đạt:</li> </ul> <p>1. Sự thụ tinh xảy ra ở noãn.</p> <p>2. Sự thụ tinh là sự kết hợp giữa tế bào sinh dục đực và tế bào sinh dục cái tạo thành hợp tử.</p> <p>3. Vì sự thụ tinh có sự kết hợp giữa tế bào sinh dục đực và tế bào sinh dục cái</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- HS lắng nghe và ghi bài.</li> </ul> <p>- HS trả lời đạt: Muốn có hiện tượng thụ tinh phải có hiện tượng thụ phấn nhưng hạt phấn phải được nảy mầm. Vậy thụ phấn là điều kiện cần cho thụ tinh xảy ra.</p>	<p><b>2. Thụ tinh.</b></p> <p>Thụ tinh là quá trình kết hợp giữa TBSD đực và TBSD cái tạo thành hợp tử.</p> <p>Sinh sản có hiện tượng thụ tinh là sinh sản hữu tính.</p>

<p>- GV yêu cầu HS đọc thông tin mục □ SGK tr.103 -&gt; trả lời câu hỏi:</p> <p>1. Hạt do bộ phận nào của hoa tạo thành?</p> <p>2. Noãn sau khi thụ tinh sẽ hình thành bộ phận nào của hạt?</p> <p>3. Quả do bộ phận nào của hoa tạo thành? Quả có chức năng gì?</p> <p>- GV nhận xét, chốt lại ý chính</p> <p>- GV mở rộng: Em có biết những cây nào khi quả đã hình thành vẫn còn giữ lại bộ phận của hoa? Tên bộ phận đó?</p>	<p>- HS đọc thông tin mục □ SGK tr.103 -&gt; trả lời câu hỏi:</p> <p>1. Hạt do noãn của hoa tạo thành.</p> <p>2. Noãn sau khi thụ tinh sẽ hình thành phôi.</p> <p>3. Bầu phát triển thành quả chứa và bảo vệ hạt.</p> <p>- HS ghi bài</p> <p>- HS trả lời đạt:</p> <p>+ Phần đài của hoa vẫn còn lại trên quả như cà chua, hồng, ổi, thị, hồng xiêm,...</p> <p>+ Phần đầu nhụy, vòi nhụy như chuối, ngô,...</p>	<p><b>3. Kết hạt và tạo quả.</b></p> <p>Sau khi thụ tinh:</p> <p>+ Hợp tử phát triển thành phôi.</p> <p>+ Noãn phát triển thành hạt chứa phôi.</p> <p>+ Bầu phát triển thành quả chứa hạt.</p> <p>+ Các bộ phận khác của hoa héo và rụng (một số ít loài cây ở quả còn dấu tích của một số bộ phận của hoa).</p>
--	---	--

- a. Mục tiêu:** Củng cố, luyện tập kiến thức vừa học.
- b. Nội dung:** Dạy học trên lớp, hoạt động nhóm, hoạt động cá nhân.
- c. Sản phẩm:** Bài làm của học sinh, kỹ năng giải quyết nhiệm vụ học tập.
- d. Tổ chức thực hiện:** Tổ chức theo phương pháp: đặt và giải quyết vấn đề, học sinh hợp tác, vận dụng kiến thức hoàn thành nhiệm vụ.

**GV giao nhiệm vụ cho học sinh làm bài tập trắc nghiệm:**

- Câu 1.** Hiện tượng thụ tinh kép xảy ra ở loài thực vật nào dưới đây ?  
A. Rau bợ            B. Thông            C. Mía            D. Dương xỉ
- Câu 2.** Hoa nhài có bao nhiêu noãn trong mỗi bông ?  
A. 2            B. 1            C. 3            D. 4
- Câu 3.** Trong các loài hoa dưới đây, loài hoa nào chứa nhiều noãn nhất ?  
A. Hoa măng cụt    B. Hoa vải            C. Hoa lạc            D. Hoa na
- Câu 4.** Quả nào dưới đây không còn vết tích của đài ?  
A. Quả            B. Quả thị            C. Quả cà            D. Quả bưởi
- Câu 5.** Hạt là do bộ phận nào của hoa biến đổi thành sau thụ tinh ?  
A. Bao phấn        B. Noãn            C. Bầu nhụy        D. Vòi nhụy
- Câu 6.** Quả chuối khi chín vẫn còn vết tích của  
A. đầu nhụy.        B. lá đài.            C. tràng.            D. bao phấn.
- Câu 7.** Sau khi thụ tinh, bầu nhụy của hoa sẽ biến đổi và phát triển thành  
A. hạt chứa noãn.            B. noãn chứa phôi.  
C. quả chứa hạt.            D. phôi chứa hợp tử.
- Câu 8.** Trong quá trình thụ tinh ở thực vật, tế bào sinh dục đực sẽ kết hợp với tế bào sinh dục cái có trong noãn để tạo thành một tế bào mới gọi là  
A. phôi.            B. hợp tử.            C. noãn.            D. hạt.
- Câu 9.** Khi hạt phấn rơi vào đầu nhụy cùng loài thì hạt phấn hút chất nhầy trên đầu nhụy, trương lên và nảy mầm thành  
A. chỉ nhị.            B. bao phấn.        C. ống phấn.        D. túi phôi.
- Câu 10.** Loại quả nào dưới đây đa phần không có hạt ?

A. Thanh long	B. Chuối	C. Hồng xiêm	D. Ớt chỉ thiên	
<b>Đáp án</b>				
1. C	2. B	3. D	4. D	5. B
6. A	7. C	8. B	9. C	10. B

#### **HOẠT ĐỘNG 4: Hoạt động vận dụng (8')**

**a. Mục tiêu:** Vận dụng các kiến thức vừa học quyết các vấn đề học tập và thực tiễn.

**b. Nội dung:** Dạy học trên lớp, hoạt động nhóm, hoạt động cá nhân.

**c. Sản phẩm:** HS vận dụng các kiến thức vào giải quyết các nhiệm vụ đặt ra.

**d. Tổ chức thực hiện:** GV sử dụng phương pháp vấn đáp tìm tòi, tổ chức cho học sinh tìm tòi, mở rộng các kiến thức liên quan.

#### **1. Chuyển giao nhiệm vụ học tập**

GV chia lớp thành nhiều nhóm

( mỗi nhóm gồm các HS trong 1 bàn) và giao các nhiệm vụ: thảo luận trả lời các câu hỏi sau và ghi chép lại câu trả lời vào vở bài tập

Mô tả hiện tượng nảy mầm của hạt phấn?

Thế nào là hiện tượng thụ tinh?

- Hạt và quả được hình thành như thế nào?

#### **2. Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**

- HS trả lời.

- HS nộp vở bài tập.

- HS tự ghi nhớ nội dung trả lời đã hoàn thiện.

Vẽ sơ đồ tư duy

#### **4. HD về nhà**

- Học bài và trả lời câu hỏi cuối sách.

- Đọc phần Em có biết ?

- Chuẩn bị bài tiếp theo và quan sát trước các loại quả ở nhà theo yêu cầu của SGK.

## CHUYÊN ĐỀ: QUẢ VÀ HẠT

### I. Nội dung chuyên đề

#### 1. Mô tả chuyên đề

##### Sinh học 6

- + **Bài 32:** Các loại quả
- + **Bài 33:** Hạt và các bộ phận của hạt
- + **Bài 34:** Phát tán của quả và hạt
- + **Bài 35:** Những điều kiện cho hạt nảy mầm

#### 2. Mạch kiến thức của chuyên đề

- Chuyên đề đề cập đến các kiến thức liên quan đến quả và hạt trong đó chú ý đến việc phân loại đặc biệt là hạt một lá mầm và hạt hai lá mầm.

#### 3. Thời lượng của chuyên đề

Tổng số tiết	Tuần thực hiện	Tiết theo KHDH	Tiết theo chủ đề	Nội dung của từng hoạt động
2	20,21	39	1	<b>Hoạt động 1:</b> Tìm hiểu cách phân loại các loại quả
				<b>Hoạt động 2:</b> Tìm hiểu các loại quả chính
		40	2	<b>Hoạt động 3.</b> Tìm hiểu các bộ phận của hạt
				<b>Hoạt động 4.</b> Phân biệt hạt một lá mầm và hạt hai lá mầm
		41		<b>Hoạt động 5.</b> Tìm hiểu các cách phát tán quả và hạt
				<b>Hoạt động 6.</b> Tìm hiểu đặc điểm thích nghi với các cách phát tán
		42		<b>Hoạt động 7.</b> Thí nghiệm những điều kiện cần cho hạt nảy mầm
				<b>Hoạt động 8.</b> Những hiểu biết về điều kiện cần cho hạt nảy mầm

## II. Tổ chức hoạt động dạy học

### Chương VII: QUẢ VÀ HẠT Bài 32: CÁC LOẠI QUẢ

#### I/ MỤC TIÊU.

**1. Kiến thức:** Biết cách phân chia quả thành các nhóm khác nhau.

- Biết chia các nhóm quả chính dựa vào các đặc điểm hình thái của phần vỏ quả: Nhóm quả khô và nhóm quả thịt và các nhóm nhỏ hơn: Hai loại quả khô và hai loại quả thịt.

#### 2. Năng lực

Phát triển các năng lực chung và năng lực chuyên biệt

Năng lực chung	Năng lực chuyên biệt
- Năng lực phát hiện vấn đề - Năng lực giao tiếp - Năng lực hợp tác - Năng lực tự học - Năng lực số đông CNTT và TT	- Năng lực kiến thức sinh học - Năng lực thực nghiệm - Năng lực nghiên cứu khoa học

#### 3. Về phẩm chất

Giúp học sinh rèn luyện bản thân phát triển các phẩm chất tốt đẹp: yêu nước, nhân ái, chăm chỉ, trung thực, trách nhiệm.

## II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

#### 1. Giáo viên:

- Giáo án, SGK, Tranh vẽ như SGK, tiêu bản mẫu vật, tranh ảnh.

#### 2. Học sinh

- Vở ghi, SGK, Nêu và giải quyết vấn đề kết hợp hình vẽ và làm việc với SGK.

## III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

**1. Ổn định lớp:** Năm sĩ số học sinh

#### 2. Kiểm tra bài cũ:

- Sự thụ tinh là gì? Thụ phấn có quan hệ gì với thụ tinh?

- Quả và hạt do bộ phận nào của hoa tạo thành? Em có biết những cây nào khi quả đã hình thành vẫn còn giữ lại bộ phận của hoa? Tên bộ phận đó?

#### 3. Bài mới : **CÁC LOẠI QUẢ**

#### **HOẠT ĐỘNG 1: Xác định vấn đề/Nhiệm vụ học tập/Mở đầu (5')**

**a. Mục tiêu:** HS biết được các nội dung cơ bản của bài học cần đạt được, tạo tâm thế cho học sinh đi vào tìm hiểu bài mới.

**b. Nội dung:** Giáo viên giới thiệu thông tin liên quan đến bài học.

**c. Sản phẩm:** Học sinh lắng nghe định hướng nội dung học tập.

**d. Tổ chức thực hiện:** Giáo viên tổ chức, học sinh thực hiện, lắng nghe phát triển năng

lực quan sát, năng lực giao tiếp.

## HOẠT ĐỘNG 2: Hình thành kiến thức

### a) Mục tiêu:

- HS nêu được cách phân chia quả thành các nhóm khác nhau.
- Phân biệt các nhóm quả chính dựa vào các đặc điểm hình thái của phần vỏ quả: Nhóm quả khô và nhóm quả thịt và các nhóm nhỏ hơn: Hai loại quả khô và hai loại quả thịt.

**b) Nội dung:** HS căn cứ trên các kiến thức đã biết, làm việc với sách giáo khoa, hoạt động cá nhân, nhóm hoàn thành yêu cầu học tập.

**c) Sản phẩm:** Trình bày được kiến thức theo yêu cầu của GV.

**d) Tổ chức thực hiện:** Hoạt động cá nhân, hoạt động nhóm, dạy học nêu và giải quyết vấn đề; phương pháp thuyết trình; sử dụng đồ dung trực quan

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS	Nội dung
<p>- GV yêu cầu HS hoạt động nhóm: quan sát mẫu vật nhóm mang theo và những quả có trong hình 32.1 SGK tr.105 -&gt; chia các loại quả đó thành các nhóm khác nhau</p> <p>- GV hỏi: Nhóm đã dựa vào đặc điểm nào để phân chia các quả trên vào các nhóm?</p> <p>- GV nhắc lại tóm tắt cách phân chia của HS, từ đó hướng dẫn cách chia nhóm các loại quả như sau:</p> <p>+ Trước hết quan sát các loại quả, tìm xem giữa chúng có những điểm nào khác nổi bật mà người quan tâm có thể chia chúng thành các nhóm khác nhau. Ví dụ: số lượng hạt, đặc điểm màu sắc của quả,...</p> <p>+ Định ra tiêu chuẩn về mức độ khác nhau về đặc điểm đó. Ví dụ: về số lượng hạt (một hạt, không có hạt, nhiều hạt); về màu sắc của quả (màu sặc sỡ, màu nâu, màu xám,...)</p> <p>+ Cuối cùng chia các nhóm quả bằng cách: xếp các quả có những đặc điểm giống nhau vào</p>	<p>- HS hoạt động nhóm: quan sát mẫu vật nhóm mang theo và những quả có trong hình 32.1 SGK tr.105 -&gt; chia các loại quả đó thành các nhóm khác nhau</p> <p>- Có thể dự đoán HS phân chia dựa vào các cách sau:</p> <p>+ Nhóm quả nhiều hạt, nhóm quả có một hạt, nhóm quả không có hạt</p> <p>+ Nhóm quả ăn được, nhóm quả không ăn được</p> <p>+ Nhóm quả có màu sặc sỡ, nhóm quả có màu nâu xám.</p> <p>+ Nhóm quả khô, nhóm quả thịt.</p> <p>- HS lắng nghe.</p>	<p><b>1. Căn cứ vào đặc điểm nào để phân biệt các loại quả?</b></p> <p>- Trước hết quan sát các loại quả, tìm xem giữa chúng có những điểm nào khác nổi bật mà người quan tâm có thể chia chúng thành các nhóm khác nhau.</p> <p>- Định ra tiêu chuẩn về mức độ khác nhau về đặc điểm đó.</p> <p>- Cuối cùng chia các nhóm quả bằng cách: xếp các quả có những đặc điểm giống nhau vào một nhóm.</p>



<p>một nhóm.</p> <p>- GV giảng giải: <i>các em đã biết cách chia quả thành những nhóm khác nhau theo mục đích và những tiêu chuẩn mình tự đặt ra. Tuy nhiên vì không xuất phát từ mục đích nghiên cứu nên cách phân chia đó còn mang tính tùy tiện. Bây giờ chúng ta sẽ học cách phân chia quả theo những tiêu chuẩn mà các nhà khoa học đề ra nhằm mục đích nghiên cứu.</i></p>		
<p>- GV hướng dẫn HS đọc thông tin mục □SGK tr. 106 -&gt; nêu tiêu chuẩn của hai nhóm quả chính: quả khô và quả thịt.</p> <p>- GV yêu cầu HS xếp các quả của nhóm mình thành hai nhóm quả đã biết</p> <p><b>a. Các loại quả khô:</b></p> <p>- GV yêu cầu HS quan sát vỏ quả khô khi chín -&gt; nhận xét chia quả khô thành hai nhóm + Ghi lại đặc điểm của từng nhóm quả khô + Gọi tên hai nhóm quả khô đó</p> <p>- GV nhận xét, chốt ý</p> <p>- GV yêu cầu HS cho ví dụ các loại quả của hai nhóm</p> <p>- GV liên hệ thực tế: Vì sao người ta phải thu hoạch đậu xanh, đậu đen trước khi quả chín khô?</p> <p><b>b. Các loại quả thịt:</b></p> <p>- GV yêu cầu HS đọc thông tin SGK tr.106 -&gt; tìm hiểu đặc điểm phân biệt hai nhóm quả thịt?</p> <p>- GV yêu cầu các nhóm nêu ví dụ</p> <p>- GV cho HS tự rút ra kết luận</p>	<p>- HS đọc thông tin mục □SGK tr. 106 để biết tiêu chuẩn của hai nhóm quả chính: quả khô và quả thịt</p> <p>- HS xếp các quả của nhóm mình thành hai nhóm quả đã biết</p> <p>- HS quan sát vỏ quả khô khi chín -&gt; nhận xét chia quả khô thành hai nhóm:</p> <p>+ Quả khô nẻ: khi chín khô vỏ quả có khả năng tự tách ra cho hạt rơi ra ngoài: cải, các loại quả đậu, đậu bắp, chi chi, quả bông,....</p> <p>+ Quả khô không nẻ: khi chín vỏ quả không tự tách ra: thìa là, chò, ....</p> <p>- HS trả: Vì nếu đợi đến lúc quả chín khô, quả tự nẻ, hạt sẽ rơi hết xuống ruộng không thể thu hoạch được.</p> <p>- HS đọc thông tin SGK tr.106 -&gt; nắm được:</p> <p>+ Quả mọng gồm toàn thịt: chanh, cà chua, đu đủ, chuối, hồng, nho,...</p> <p>+ Quả hạch có hạch cứng bao</p>	<p><b>2: Các loại quả chính.</b></p> <p>Dựa vào đặc điểm của vỏ có thể chia quả thành 2 nhóm:</p> <p>- Quả khô: khi chín thì vỏ khô, cứng, mỏng.</p> <p>- Quả thịt: khi chín thì mềm, vỏ dày, chứa đầy thịt quả.</p> <p><b>a. Các loại quả khô:</b></p> <p>+ Quả khô nẻ: Khi chín vỏ quả tự nứt ra.</p> <p>+ Quả khô không nẻ: Khi chín vỏ không tự nứt ra.</p> <p><b>b. Các loại quả thịt:</b></p> <p>+ Quả mọng: gồm toàn thịt.</p> <p>+ Quả hạch: có hạch cứng bao bọc lấy hạt.</p>

<p>- GV liên hệ: Người ta có cách gì để bảo quản và chế biến các loại quả thịt?</p> <p>- <b>GDMT:</b> Con người sử dụng các sản phẩm từ cây xanh: thân, rễ, lá, các loại hoa quả → chúng ta cần phải bảo vệ, gìn giữ và phát triển cây xanh ngày một tốt hơn.</p>	<p>bọc lấy hạt: táo ta, đào, mơ, dứa,...</p> <p>- HS trả lời đạt: Rửa sạch, cho vào túi nilon để ở nhiệt độ lạnh, phơi khô, đóng hộp, ép lấy nước, chế tinh dầu,....</p>	
---	--	--

### **HOẠT ĐỘNG 3: Hoạt động luyện tập (10')**

**a. Mục tiêu:** củng cố, luyện tập kiến thức vừa học.

**b. Nội dung:** Dạy học trên lớp, hoạt động nhóm, hoạt động cá nhân.

**c. Sản phẩm:** Bài làm của học sinh, kỹ năng giải quyết nhiệm vụ học tập.

**d. Tổ chức thực hiện:** Tổ chức theo phương pháp: đặt và giải quyết vấn đề, học sinh hợp tác, vận dụng kiến thức hoàn thành nhiệm vụ.

#### **GV giao nhiệm vụ cho học sinh làm bài tập trắc nghiệm:**

**Câu 1.** Dựa vào đặc điểm của vỏ quả và hạt, loại quả nào dưới đây được xếp cùng nhóm với quả mơ ?

- A. Nho                      B. Cà chua                      C. Chanh                      D. Xoài

**Câu 2.** Quả nào dưới đây là quả khô không nẻ ?

- A. Chò                      B. Lạc                      C. Bồ kết                      D. Tất cả các phương án đưa ra

**Câu 3.** Khi chín, vỏ của quả nào dưới đây không có khả năng tự nứt ra ?

- A. Quả bông                      B. Quả me                      C. Quả đậu đen                      D. Quả cải

**Câu 4.** Phát biểu nào dưới đây là đúng ?

- A. Quả mọng được phân chia làm 2 nhóm là quả thịt và quả hạch.  
 B. Quả hạch được phân chia làm 2 nhóm là quả thịt và quả mọng.  
 C. Quả thịt được phân chia làm 2 nhóm là quả hạch và quả mọng.  
 D. Quả thịt được phân chia làm 2 nhóm là quả khô và quả mọng.

**Câu 5.** Quả thìa là được xếp vào nhóm nào dưới đây ?

- A. Quả khô không nẻ                      B. Quả khô nẻ  
 C. Quả mọng                      D. Quả hạch

**Câu 6.** Quả nào dưới đây không phải là quả mọng ?

- A. Quả đu đủ                      B. Quả đào                      C. Quả cam                      D. Quả chuối

**Câu 7.** Dựa vào đặc điểm của thịt vỏ và hạt, quả dứa được xếp cùng nhóm với

- A. quả đậu Hà Lan.                      B. quả hồng xiêm.  
 C. quả xà cừ.                      D. quả mận.

**Câu 8.** Loại “hạt” nào dưới đây thực chất là quả ?

- A. Tất cả các phương án đưa ra                      B. Hạt lúa  
 C. Hạt ngô                      D. Hạt sen

**Câu 9.** Củ nào dưới đây thực chất là quả ?

- A. Củ su hào                      B. Củ đậu                      C. Củ lạc                      D. Củ gừng

**Câu 10.** Nhóm nào dưới đây gồm những quả hạch ?

- A. Chanh, hồng, cà chua                      B. Táo ta, xoài, bơ

C. Cau, dừa, thìa là		D. Cải, cà, khoai tây		
<b>Đáp án</b>				
1. D	2. D	3. B	4. C	5. A
6. B	7. D	8. A	9. C	10. B
<b>HOẠT ĐỘNG 4: Hoạt động vận dụng (8')</b>				
<p><b>a. Mục tiêu:</b> Vận dụng các kiến thức vừa học quyết các vấn đề học tập và thực tiễn.</p> <p><b>b. Nội dung:</b> Dạy học trên lớp, hoạt động nhóm, hoạt động cá nhân.</p> <p><b>c. Sản phẩm:</b> HS vận dụng các kiến thức vào giải quyết các nhiệm vụ đặt ra.</p> <p><b>d. Tổ chức thực hiện:</b> GV sử dụng phương pháp vấn đáp tìm tòi, tổ chức cho học sinh tìm tòi, mở rộng các kiến thức liên quan.</p>				
<p><b>1. Chuyển giao nhiệm vụ học tập</b>  GV chia lớp thành nhiều nhóm  ( mỗi nhóm gồm các HS trong 1 bàn) và giao các nhiệm vụ: thảo luận trả lời các câu hỏi sau và ghi chép lại câu trả lời vào vở bài tập  Căn cứ vào đặc điểm nào để phân chia các loại quả?  Tổ chức cho HS chơi trò chơi ( Hãy kể tên các loại quả và phân chia chúng theo nhóm)</p> <p><b>2. Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận</b>  - HS trả lời.  - HS nộp vở bài tập.  - HS tự ghi nhớ nội dung trả lời đã hoàn thiện.</p>				
<p>Hãy kể tên 3 loại quả khô và 3 loại quả thịt ở địa phương em  Hãy kể tên 3 loại quả mọng, 3 loại quả hạch ở địa phương em</p>				

#### 4. Dặn dò:

- Học bài và trả lời các câu hỏi còn lại.
- Đọc phần Em có biết ?
- Chuẩn bị bài kế tiếp. Hướng dẫn ngâm hạt đậu đen, hạt ngô chuẩn bị cho bài sau.

### Bài 33: HẠT VÀ CÁC BỘ PHẬN CỦA HẠT

#### I/ MỤC TIÊU.

- 1. Kiến thức:** - Kể tên được các bộ phận của hạt  
- Phân biệt được hạt Hai lá mầm và hạt Một lá mầm  
-Giải thích được tác dụng của các biện pháp chọn, bảo quản hạt giống.

## 2. Năng lực

Phát triển các năng lực chung và năng lực chuyên biệt

Năng lực chung	Năng lực chuyên biệt
- Năng lực phát hiện vấn đề - Năng lực giao tiếp - Năng lực hợp tác - Năng lực tự học - Năng lực số đông CNTT và TT	- Năng lực kiến thức sinh học - Năng lực thực nghiệm - Năng lực nghiên cứu khoa học

## 3. Về phẩm chất

Giúp học sinh rèn luyện bản thân phát triển các phẩm chất tốt đẹp: yêu nước, nhân ái, chăm chỉ, trung thực, trách nhiệm.

## II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

### 1. Giáo viên:

- Giáo án, SGK, Tranh vẽ như SGK, tiêu bản mẫu vật, tranh ảnh.

### 2. Học sinh

- Vở ghi, SGK, Nêu và giải quyết vấn đề kết hợp hình vẽ và làm việc với SGK.

## III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

### 1. Ổn định lớp: Năm sĩ số học sinh

### 2. Kiểm tra bài cũ:

- Dựa vào đặc điểm nào để phân biệt quả thịt và quả khô? Kể tên 3 loại quả khô, 3 loại quả thịt có ở địa phương em.

- Quả mọng khác với quả hạch ở điểm nào? Kể tên 3 loại quả mọng, 3 loại quả hạch có ở địa phương em.

### 3. Bài mới: **HẠT VÀ CÁC BỘ PHẬN CỦA HẠT**

#### **HOẠT ĐỘNG 1: Xác định vấn đề/Nhiệm vụ học tập/Mở đầu (5')**

**a. Mục tiêu:** HS biết được các nội dung cơ bản của bài học cần đạt được, tạo tâm thế cho học sinh đi vào tìm hiểu bài mới.

**b. Nội dung:** Giáo viên giới thiệu thông tin liên quan đến bài học.

**c. Sản phẩm:** Học sinh lắng nghe định hướng nội dung học tập.

**d. Tổ chức thực hiện:** Giáo viên tổ chức, học sinh thực hiện, lắng nghe phát triển năng lực quan sát, năng lực giao tiếp.

Cho HS quan sát các loại quả hạt. Hạt phát triển thành cây. Vậy hạt có cấu tạo như thế nào?

#### **HOẠT ĐỘNG 2: Hình thành kiến thức**

**a) Mục tiêu:** - Kể tên được các bộ phận của hạt

- Phân biệt được hạt Hai lá mầm và hạt Một lá mầm

- Giải thích được tác dụng của các biện pháp chọn, bảo quản hạt giống.

**b) Nội dung:** HS căn cứ trên các kiến thức đã biết, làm việc với sách giáo khoa, hoạt động cá nhân, nhóm hoàn thành yêu cầu học tập.

c) **Sản phẩm:** Trình bày được kiến thức theo yêu cầu của GV.

d) **Tổ chức thực hiện:** Hoạt động cá nhân, hoạt động nhóm, dạy học nêu và giải quyết vấn đề; phương pháp thuyết trình; sử dụng đồ dung trực quan

- GV hướng dẫn HS bóc vỏ hai loại hạt: ngô và đậu đen -> Dùng kính lúp quan sát đối chiếu với hình 33.1, 33.2 -> tìm đủ các bộ phận của hạt -> hoàn thành bảng SGK tr.108

- GV hướng dẫn nhóm chưa bóc tách được

- GV gọi HS lên hoàn thành bảng

- GV gọi HS lên điền tranh câm

- GV nhận xét -> chốt lại kiến thức.

- **GDMT:** Giáo dục cho HS biết tác dụng của cây xanh, cung cấp nguồn hạt giống và lương thực cho động vật và con người.

- HS bóc vỏ hai loại hạt: ngô và đậu đen -> Dùng kính lúp quan sát đối chiếu với hình 33.1, 33.2 -> tìm đủ các bộ phận của hạt -> hoàn thành bảng SGK tr.108

- HS lên hoàn thành bảng

- HS lên điền tranh câm

- HS ghi bài.

**1: Các bộ phận của hạt.**

Hạt gồm: vỏ, phôi và chất dinh dưỡng dự trữ.

- Phôi của hạt gồm: lá mầm, chồi mầm, thân mầm, rễ mầm

- Chất dinh dưỡng dự trữ của hạt chứa trong lá mầm hoặc trong phôi nhũ.



**BẢNG HỌC TẬP**

CÂU HỎI	TRẢ LỜI	
	Hạt đỗ đen	Hạt ngô
Hạt gồm có những bộ phận nào?	Vỏ và phôi	Vỏ, phôi, phôi nhũ
Bộ phận nào bao bọc và bảo vệ hạt?	Vỏ hạt	Vỏ hạt
Phôi gồm những bộ phận nào?	Chồi mầm, lá mầm, thân mầm, rễ mầm	Chồi mầm, lá mầm, thân mầm, rễ mầm
Phôi có mấy lá mầm?	Hai lá mầm	Một lá mầm
Chất dinh dưỡng dự trữ của hạt chứa ở đâu?	Ở hai lá mầm	Ở phôi nhũ
- Căn cứ vào bảng SGK tr.108 đã làm ở mục 1, yêu cầu HS	- HS tìm những giống và khác nhau của hạt ngô và hạt đỗ.	<b>2. Phân biệt hạt một lá mầm và hạt</b>

<p>tìm những giống và khác nhau của hạt ngô và hạt đỗ.</p> <p>- GV yêu cầu HS đọc thông tin mục □ SGK tr.109 -&gt; trả lời câu hỏi:</p> <p>1. Hạt hai lá mầm khác hạt một lá mầm ở điểm nào?</p> <p>2. Thế nào là cây Hai lá mầm và cây Một lá mầm?</p> <p>- GV chốt lại đặc điểm cơ bản phân biệt hạt một lá mầm và hạt hai lá mầm.</p>	<p>- HS đọc thông tin mục □ SGK tr.109 -&gt; trả lời câu hỏi:</p> <p>1. Hạt một lá mầm có: phôi nhũ, chất dinh dưỡng dự trữ của hạt chứa ở phôi nhũ. Hạt hai lá mầm: Chất dinh dưỡng dự trữ của hạt chứa ở hai lá mầm</p> <p>2. Cây Hai lá mầm phôi của hạt có hai lá mầm. Cây Một lá mầm phôi của hạt chỉ có một lá mầm.</p> <p>- HS ghi bài.</p>	<p><b>hai lá mầm:</b></p> <p>- Hạt 1 lá mầm là phôi của hạt chỉ có 1 lá mầm.</p> <p>- Hạt 2 lá mầm là phôi của hạt có 2 lá mầm.</p> <p>hat</p> <p>- Cây Hai lá mầm: phôi của hạt có hai lá mầm.</p> <p>- Cây Một lá mầm: phôi của hạt chỉ có một lá mầm.</p>
--	--	--

### HOẠT ĐỘNG 3: Hoạt động luyện tập (10')

**a. Mục tiêu:** Củng cố, luyện tập kiến thức vừa học.

**b. Nội dung:** Dạy học trên lớp, hoạt động nhóm, hoạt động cá nhân.

**c. Sản phẩm:** Bài làm của học sinh, kỹ năng giải quyết nhiệm vụ học tập.

**d. Tổ chức thực hiện:** Tổ chức theo phương pháp: đặt và giải quyết vấn đề, học sinh hợp tác, vận dụng kiến thức hoàn thành nhiệm vụ.

#### GV giao nhiệm vụ cho học sinh làm bài tập trắc nghiệm:

**Câu 1.** Loại hạt nào dưới đây không chứa phôi nhũ ?

- A. Cau                      B. Lúa                      C. Ngô                      D. Lạc

**Câu 2.** Ở hạt đậu xanh, chất dinh dưỡng được dự trữ ở đâu ?

- A. Lá mầm                  B. Phôi nhũ                  C.                                  D. Chồi mầm

**Câu 3.** Ở hạt ngô, bộ phận nào chiếm phần lớn trọng lượng ?

- A. R                              B. Lá mầm                  C. Phôi nhũ                  D. Chồi mầm

**Câu 4.** Phôi trong hạt gồm có bao nhiêu thành phần chính ?

- A. 4                              B. 3                              C. 2                              D. 5

**Câu 5.** Phôi của hạt bưởi có bao nhiêu lá mầm ?

- A. 3                              B. 1                              C. 2                              D. 4

**Câu 6.** Chất dinh dưỡng của hạt được dự trữ ở đâu ?

- A. Thân mầm hoặc rễ mầm                  B. Phôi nhũ hoặc chồi mầm

- C. Lá mầm hoặc rễ mầm                      D. Lá mầm hoặc phôi nhũ

**Câu 7.** Bạn có thể tìm thấy phôi nhũ ở loại hạt nào dưới đây ?

- A. Hạt đậu đen              B. Hạt cọ                      C. Hạt bí                      D. Hạt cải

**Câu 8.** Nhóm nào dưới đây gồm những cây Hai lá mầm ?

- A. Cam, mít, cau, chuối, thanh long                  B. Cao lương, dứa, mía, rau má, rau ngót

- C. Rau dền, khoai lang, cà chua, cải thảo              D. Sen, sắn, khế, gừng, dong ta

**Câu 9.** Vì sao người ta chỉ giữ lại làm giống các hạt to, chắc, mẩy, không bị sứt sẹo và sâu bệnh ?

- A. Tất cả các phương án đưa ra.

- B. Vì những hạt này có thể nảy mầm trong bất kì điều kiện nào mà không bị tác động bởi

các yếu tố của môi trường bên ngoài.

C. Vì những hạt này có phôi khoẻ và giữ được nguyên vẹn chất dinh dưỡng dự trữ. Đây là điều kiện cốt lõi giúp hạt có tỉ lệ nảy mầm cao và phát triển thành cây con khoẻ mạnh.

D. Vì những hạt này có khả năng ức chế hoàn toàn sâu bệnh. Mặt khác, từ mỗi hạt này có thể phát triển cho ra nhiều cây con và giúp nâng cao hiệu quả kinh tế.

**Câu 10.** Khi lột bỏ lớp vỏ ngoài, bạn có thể tách đôi rất dễ dàng loại hạt nào dưới đây ?

A. Hạt ngô                      B. Hạt lạc                      C. Hạt cau                      D. Hạt lúa

**Đáp án**

1. D	2. A	3. C	4. A	5. C
6. D	7. B	8. C	9. C	10. B

**HOẠT ĐỘNG 4: Hoạt động vận dụng (8')**

**a. Mục tiêu:** Vận dụng các kiến thức vừa học quyết các vấn đề học tập và thực tiễn.

**b. Nội dung:** Dạy học trên lớp, hoạt động nhóm, hoạt động cá nhân.

**c. Sản phẩm:** HS vận dụng các kiến thức vào giải quyết các nhiệm vụ đặt ra.

**d. Tổ chức thực hiện:** GV sử dụng phương pháp vấn đáp tìm tòi, tổ chức cho học sinh tìm tòi, mở rộng các kiến thức liên quan.

**1. Chuyển giao nhiệm vụ học tập**

GV chia lớp thành nhiều nhóm

( mỗi nhóm gồm các HS trong 1 bàn) và giao các nhiệm vụ: thảo luận trả lời các câu hỏi sau và ghi chép lại câu trả lời vào vở bài tập

Em hãy tìm sự giống và khác nhau giữa hạt đỗ đen và hạt ngô:

Sau khi học xong bài này cs bạn nói rằng: hạt lạc gồm 3 phần vỏ, phôi và chất dinh dưỡng có đúng không? Vì sao?

**2. Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**

- HS trả lời.
- HS nộp vở bài tập.
- HS tự ghi nhớ nội dung trả lời đã hoàn thiện.

Vì sao người ta chỉ giữ lại những hạt to, chắc, mẩy, không bị sứt sẹo và không bị sâu bệnh làm giống?

**4. Dặn dò:**

- Học bài và trả lời câu hỏi cuối sách.
- Làm bài tập SGK tr.109
- Chuẩn bị làm thí nghiệm bài 35.
- Chuẩn bị: quả chò, quả ké, quả trinh nữ, hạt xà cừ,....

**Bài 34: PHÁT TÁN CỦA QUẢ VÀ HẠT**

**I/ MỤC TIÊU.**

- 1. Kiến thức:** - Phân biệt được những cách phát tán khác nhau của quả và hạt.  
- Tìm những đặc điểm của quả và hạt phù hợp với cách phát tán.

## 2. Năng lực

Phát triển các năng lực chung và năng lực chuyên biệt

Năng lực chung	Năng lực chuyên biệt
- Năng lực phát hiện vấn đề - Năng lực giao tiếp - Năng lực hợp tác - Năng lực tự học - Năng lực sử dụng CNTT và TT	- Năng lực kiến thức sinh học - Năng lực thực nghiệm - Năng lực nghiên cứu khoa học

## 3. Về phẩm chất

Giúp học sinh rèn luyện bản thân phát triển các phẩm chất tốt đẹp: yêu nước, nhân ái, chăm chỉ, trung thực, trách nhiệm.

## II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

### 1. Giáo viên:

- Giáo án, SGK, Tranh vẽ như SGK, tiêu bản mẫu vật, tranh ảnh.

### 2. Học sinh

- Vở ghi, SGK, Nêu và giải quyết vấn đề kết hợp hình vẽ và làm việc với SGK.

## III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

### 1. Ổn định lớp: Năm sĩ số học sinh

### 2. Kiểm tra bài cũ:

- Hạt gồm những bộ phận nào? Hạt hai lá mầm khác hạt một lá mầm ở điểm nào?
- Vì sao người ta chỉ giữ lại làm giống các hạt to, chắc, mẩy, không bị sứt sẹo và không bị sâu bệnh?

### 3. Bài mới : PHÁT TÁN CỦA QUẢ VÀ HẠT

#### HOẠT ĐỘNG 1: Xác định vấn đề/Nhiệm vụ học tập/Mở đầu (5')

**a. Mục tiêu:** HS biết được các nội dung cơ bản của bài học cần đạt được, tạo tâm thế cho học sinh đi vào tìm hiểu bài mới.

**b. Nội dung:** Giáo viên giới thiệu thông tin liên quan đến bài học.

**c. Sản phẩm:** Học sinh lắng nghe định hướng nội dung học tập.

**d. Tổ chức thực hiện:** Giáo viên tổ chức, học sinh thực hiện, lắng nghe phát triển năng lực quan sát, năng lực giao tiếp.

Cây thường sống cố định nhưng quả và hạt của chúng lại được phát tán đi xa hơn nơi nó sống. Vậy yếu tố nào để quả và hạt phát tán được

#### HOẠT ĐỘNG 2: Hình thành kiến thức

**a) Mục tiêu:** - Phân biệt được những cách phát tán khác nhau của quả và hạt.

- Tìm những đặc điểm của quả và hạt phù hợp với cách phát tán.

**b) Nội dung:** HS căn cứ trên các kiến thức đã biết, làm việc với sách giáo khoa, hoạt động cá nhân, nhóm hoàn thành yêu cầu học tập.

**c) Sản phẩm:** Trình bày được kiến thức theo yêu cầu của GV.

**d) Tổ chức thực hiện:** Hoạt động cá nhân, hoạt động nhóm, dạy học nêu và giải quyết



vấn đề; phương pháp thuyết trình; sử dụng đồ dung trực quan		
<ul style="list-style-type: none"> <li>- GV phát phiếu học tập, yêu cầu HS hoạt động nhóm, hoàn thành bài tập 1 ở phiếu -&gt; hỏi: Quả và hạt thường được phát tán ra xa cây mẹ nhờ những yếu tố nào?</li> <li>- GV nhận xét, chốt lại: có 3 cách phát tán: tự phát tán, nhờ gió, nhờ động vật,...</li> <li>- GV yêu cầu HS làm bài tập 2 ở phiếu học tập</li>   <li>- GV hỏi: Quả và hạt có những cách phát tán nào? Cho ví dụ</li>   <li>- GV cho HS ghi bài.</li> <li>- <b>GDMT:</b> Ý thức trong việc áp dụng kiến thức để chăm sóc, bảo vệ, phát triển cây xanh ở địa phương.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- HS hoạt động nhóm, hoàn thành bài tập 1 ở phiếu, căn cứ vào kết quả -&gt; trả lời câu hỏi của GV.</li>   <li>- HS lắng nghe</li>   <li>- HS làm bài tập 2 ở phiếu học tập -&gt; đại diện nhóm thông báo kết quả.</li> <li>- HS trả lời đạt: Có 3 cách phát tán quả và hạt: tự phát tán, phát tán nhờ gió, nhờ động vật</li> <li>- HS ghi bài</li> </ul>	<p><b>1: Các cách phát tán quả và hạt.</b></p> <p>Có 3 cách phát tán quả và hạt: tự phát tán, phát tán nhờ gió, nhờ động vật</p> <p>Ngoài ra còn có một vài cách phát tán khác như phát tán nhờ nước hoặc nhờ con người,...</p>
<ul style="list-style-type: none"> <li>- GV yêu cầu HS làm bài tập 3 ở phiếu học tập căn cứ vào HD mục ▼ SGK tr.111.</li> <li>- GV quan sát, hướng dẫn nhóm chưa làm được.</li> <li>- GV gọi nhóm trình bày -&gt; nhận xét, bổ sung.</li> <li>- GV chốt ý.</li> <li>- GV cho HS kiểm tra lại bài tập 2 và nêu thêm một vài ví dụ</li> <li>- GV hỏi:</li> </ul> <ol style="list-style-type: none"> <li>1. Hãy giải thích hiện tượng quả dưa hấu trên đảo của Mai An Tiêm.</li> <li>2. Con người có giúp cho việc phát tán quả và hạt không? Bằng những cách nào?</li> </ol> <ul style="list-style-type: none"> <li>- GV chốt ý -&gt; HS ghi bài</li> <li>- GV hỏi:</li> </ul> <ol style="list-style-type: none"> <li>1. Người ta nói rằng những hạt rơi chậm thường được gió mang đi xa hơn. Hãy cho biết,</li> </ol>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- HS làm bài tập 3 ở phiếu học tập căn cứ vào hướng dẫn mục ▼ SGK tr.111.</li>   <li>- Đại diện nhóm lên hoàn thành bảng phụ.</li> <li>- HS ghi bài.</li> <li>- Lớp kiểm tra lại bài tập 2, tự sửa lỗi sai -&gt; đại diện nhóm cho thêm ví dụ.</li> <li>- HS trả lời đạt:</li> </ul> <ol style="list-style-type: none"> <li>1. Đó là hiện tượng phát tán nhờ động vật.</li> <li>2. Con người cũng giúp rất nhiều cho sự phát tán của và hạt bằng nhiều cách như: vận chuyển quả và hạt đi tới các vùng, miền khác nhau hoặc giữa các nước thực hiện việc xuất khẩu, nhập nhiều loại quả và hạt</li> <li>- HS ghi bài.</li> </ol>	<p><b>2. Đặc điểm thích nghi với cách phát tán của quả và hạt.</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Phát tán nhờ gió, quả hoặc hạt có đặc điểm: có cánh hoặc có túm lông, nhẹ (quả chò, quả trâm bầu, hạt hoa sữa, hạt bồ công anh)</li> <li>- Phát tán nhờ động vật (gồm quả trinh nữ, quả thông, quả ké đầu ngựa...) Quả thường có hương thơm, vị ngọt, hạt có vỏ cứng, quả có nhiều gai hoặc nhiều móc.</li> <li>- Tự phát tán: quả đậu, quả cải, quả chi chi,...</li> </ul> <p>Chúng thường có những đặc điểm: vỏ quả có khả năng tự tách hoặc mở ra để cho hạt tung ra ngoài.</p>

điều đó đúng hay sai, vì sao? 2. Tại sao nông dân thường thu hoạch đỗ khi quả mới già? 3. Sự phát tán có lợi gì cho thực vật?	- HS trả lời đạt: 1. Điều đó đúng vì những hạt có khối lượng nhẹ thường rơi chậm và do đó dễ bị lá thổi đi xa hơn những hạt có khối lượng lớn.  2. Vì nếu đợi đến lúc quả chín khô, quả tự nẻ, hạt sẽ rơi hết xuống ruộng không thể thu hoạch được. 3. Mở rộng diện tích phân bố, phát triển số lượng cá thể loài.	- Con người cũng giúp rất nhiều cho sự phát tán của và hạt bằng nhiều cách. Kết quả là các loài cây được phân bố ngày càng rộng và phát triển khắp nơi.
---	--	---

### PHIẾU HỌC TẬP

BT 1	Cách phát tán	Phát tán nhờ gió	Phát tán nhờ động vật	Tự phát tán
BT 2	Tên quả và hạt	quả chò, quả trám bầu, hạt hoa sữa, hạt bồ công anh	quả trinh nữ, quả thông, quả ké đầu ngựa, dưa hấu, quả sim, quả ôi,...	quả cây họ đậu, quả cải, quả chi chi, xà cừ, bằng lăng
BT 3	Đặc điểm thích nghi	Quả có cánh hoặc túm lông, nhẹ	Quả có hương thơm, vị ngọt, hạt có vỏ cứng, quả có nhiều gai hoặc nhiều móc.	vỏ quả có khả năng tự tách hoặc mở ra để cho hạt tung ra ngoài.

#### HOẠT ĐỘNG 3: Hoạt động luyện tập (10')

**a. Mục tiêu:** Củng cố, luyện tập kiến thức vừa học.

**b. Nội dung:** Dạy học trên lớp, hoạt động nhóm, hoạt động cá nhân.

**c. Sản phẩm:** Bài làm của học sinh, kỹ năng giải quyết nhiệm vụ học tập.

**d. Tổ chức thực hiện:** Tổ chức theo phương pháp: đặt và giải quyết vấn đề, học sinh hợp tác, vận dụng kiến thức hoàn thành nhiệm vụ.

#### GV giao nhiệm vụ cho học sinh làm bài tập trắc nghiệm:

**Câu 1.** Loại quả nào dưới đây có khả năng tự phát tán ?

A. Trâm bầu      B. Thông      C. Ké đầu ngựa      D. Chi chi

**Câu 2.** Quả trâm bầu phát tán chủ yếu theo hình thức nào ?

A. Phát tán nhờ nước      B. Phát tán nhờ gió

C. Phát tán nhờ động vật      D. Tự phát tán

**Câu 3.** Những loại quả có khả năng tự phát tán hầu hết thuộc nhóm nào dưới đây ?

A. Quả mọng      B. Quả hạch      C. Quả khô nẻ      D. Quả khô không nẻ

**Câu 4.** Quả cây xấu hổ có hình thức phát tán tương tự quả nào dưới đây ?

A. Quả ké đầu ngựa      B. Quả cải

C. Quả chi chi      D. Quả đậu bắp

**Câu 5.** Những loại quả phát tán nhờ động vật có đặc điểm nào sau đây ?

A. Khi chín có vị ngọt hoặc bùi      B. Tất cả các phương án đưa ra

C. Khi chín có mùi thơm D. Có lông hoặc gai móc

**Câu 6.** Nhóm nào gồm những quả/hạt phát tán nhờ gió ?

- A. Quả bông, hạt cau, quả cam, quả táo
- B. Quả cải, quả ké đầu ngựa, quả bồ kết, quả dưa chuột
- C. Quả trâm bầu, quả bồ công anh, hạt hoa sữa, quả chò
- D. Quả chuối, quả sấu, quả nhãn, quả thìa là

**Câu 7.** Quả dưa hấu phát tán chủ yếu nhờ hình thức nào ?

- A. Phát tán nhờ nước B. Phát tán nhờ động vật
- C. Phát tán nhờ gió D. Tự phát tán

**Câu 8.** Dựa vào hình thức phát tán chủ yếu, em hãy cho biết quả nào dưới đây không cùng nhóm với những quả còn lại ?

- A. Cải B. Đậu Hà Lan C. Hồng xiêm D. Chi chi

**Câu 9.** Những quả và hạt phát tán nhờ gió thường có đặc điểm nào dưới đây ?

- A. Tất cả các phương án đưa ra B. Có cánh hoặc có lông
- C. Nhẹ D. Kích thước nhỏ bé

**Câu 10.** Phát biểu nào dưới đây là đúng ?

- A. Hạt hoa sữa phát tán chủ yếu nhờ gió.
- B. Hạt đậu xanh phát tán chủ yếu nhờ động vật.
- C. Hạt thông phát tán chủ yếu nhờ nước.
- D. Hạt bơ có khả năng tự phát tán.

### Đáp án

1. D	2. B	3. C	4. A	5. B
6. C	7. B	8. C	9. A	10. A

### HOẠT ĐỘNG 4: Hoạt động vận dụng (8')

**a. Mục tiêu:** Vận dụng các kiến thức vừa học quyết các vấn đề học tập và thực tiễn.

**b. Nội dung:** Dạy học trên lớp, hoạt động nhóm, hoạt động cá nhân.

**c. Sản phẩm:** HS vận dụng các kiến thức vào giải quyết các nhiệm vụ đặt ra.

**d. Tổ chức thực hiện:** GV sử dụng phương pháp vấn đáp tìm tòi, tổ chức cho học sinh tìm tòi, mở rộng các kiến thức liên quan.

GV chia lớp thành nhiều nhóm

( mỗi nhóm gồm các HS trong 1 bàn) và giao các nhiệm vụ: thảo luận trả lời các câu hỏi sau và ghi chép lại câu trả lời vào vở bài tập

Đặc điểm thích nghi với các cách phát tán của quả và hạt ?

- Con người có giúp cho việc phát tán quả và hạt không? Bằng cách nào?

Tìm hiểu đặc điểm thích nghi với các cách phát tán của quả và hạt

### 4. Dặn dò:

- Học bài và trả lời câu hỏi cuối sách.
- Xem trước bài tiếp theo.
- Chuẩn bị thí nghiệm bài 35 SGK trang 113.

Hạt đỗ đen trên bông ẩm

Hạt đỗ đen trên bông khô

Hạt đỗ đen ngâm ngập trong nước  
Hạt đỗ đen trên bông ấm đặt trong tủ lạnh

## **Bài 35: NHỮNG ĐIỀU KIỆN CẦN CHO HẠT NẢY MẦM**

### **I/ MỤC TIÊU.**

1. Kiến thức: - Tự làm thí nghiệm và nghiên cứu thí nghiệm phát hiện ra các điều kiện cần cho hạt nảy mầm.

- Biết được nguyên nhân cơ bản để thiết kế 1 thí nghiệm xác định một trong những yếu tố cần cho hạt nảy mầm.

- Giải thích được cơ sở khoa học của một số biện pháp kĩ thuật gieo trồng và bảo quản hạt giống.

### **2. Năng lực**

Phát triển các năng lực chung và năng lực chuyên biệt

<b>Năng lực chung</b>	<b>Năng lực chuyên biệt</b>
- Năng lực phát hiện vấn đề	- Năng lực kiến thức sinh học
- Năng lực giao tiếp	- Năng lực thực nghiệm
- Năng lực hợp tác	- Năng lực nghiên cứu khoa học
- Năng lực tự học	
- Năng lực sử dụng CNTT và TT	

### **3. Về phẩm chất**

Giúp học sinh rèn luyện bản thân phát triển các phẩm chất tốt đẹp: yêu nước, nhân ái, chăm chỉ, trung thực, trách nhiệm.

## **II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

### **1. Giáo viên:**

- Giáo án, SGK, Tranh vẽ như SGK, tiêu bản mẫu vật, tranh ảnh.

### **2. Học sinh**

- Vở ghi, SGK, Nêu và giải quyết vấn đề kết hợp hình vẽ và làm việc với SGK.

## **III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

### **1. Ổn định lớp:** Năm sĩ số học sinh

### **2. Kiểm tra bài cũ:**

- Quả và hạt được phát tán nhờ động vật thường có những đặc điểm gì?
- Những quả và hạt có đặc điểm gì thường được phát tán nhờ gió? .

- Con người có giúp cho việc phát tán quả và hạt không? Bằng những cách nào?  
 Sự phát tán có lợi gì cho thực vật?

### 3. Bài mới : NHỮNG ĐIỀU KIỆN CẦN CHO HẠT NẢY MẦM

#### HOẠT ĐỘNG 1: Xác định vấn đề/Nhiệm vụ học tập/Mở đầu (5')

**a. Mục tiêu:** HS biết được các nội dung cơ bản của bài học cần đạt được, tạo tâm thế cho học sinh đi vào tìm hiểu bài mới.

**b. Nội dung:** Giáo viên giới thiệu thông tin liên quan đến bài học.

**c. Sản phẩm:** Học sinh lắng nghe định hướng nội dung học tập.

**d. Tổ chức thực hiện:** Giáo viên tổ chức, học sinh thực hiện, lắng nghe phát triển năng lực quan sát, năng lực giao tiếp.

Hạt giống sau thu hoạch được phơi khô và bảo quản cẩn thận. Có thể giữ chúng trong một thời gian dài mà không thay đổi. Nhưng nếu đem gieo trồng trong 1 điều kiện nhất định thì nó sẽ nảy mầm. Vậy điều kiện đó như thế nào?

#### HOẠT ĐỘNG 2: Hình thành kiến thức

**a) Mục tiêu:** nguyên nhân cơ bản để thiết kế 1 thí nghiệm xác định một trong những yếu tố cần cho hạt nảy mầm.

- Giải thích được cơ sở khoa học của một số biện pháp kĩ thuật gieo trồng và bảo quản hạt giống.

**b) Nội dung:** HS căn cứ trên các kiến thức đã biết, làm việc với sách giáo khoa, hoạt động cá nhân, nhóm hoàn thành yêu cầu học tập.

**c) Sản phẩm:** Trình bày được kiến thức theo yêu cầu của GV.

**d) Tổ chức thực hiện:** Hoạt động cá nhân, hoạt động nhóm, dạy học nêu và giải quyết vấn đề; phương pháp thuyết trình; sử dụng đồ dung trực quan

##### **a. Thí nghiệm 1:**

- Yêu cầu các nhóm HS báo cáo kết quả thí nghiệm 1 bằng cách lên điền bảng phụ kết quả

- **GV cần giúp HS nhận biết:** ở những hạt nảy mầm, đầu rễ và chồi nhú ra khác với những hạt chỉ bị nứt ra trong cốc ngập nước.

- GV yêu cầu cá nhân HS xem lại kết quả đã ghi trong tường trình

-> trả lời câu hỏi ở SGK theo gợi ý của GV:

1. Hãy suy nghĩ xem ở cốc có hạt nảy mầm có những điều kiện bên ngoài nào?

2. Hãy suy nghĩ xem ở cốc có hạt không nảy mầm so với cốc có hạt nảy mầm thì thiếu điều kiện nào?

3. Vậy hạt nảy mầm cần những

- Các nhóm HS lần lượt báo cáo kết quả TN 1, các nhóm khác theo dõi.

- HS lắng nghe và quan sát.

- HS xem lại kết quả đã ghi trong tường trình -> trả lời câu hỏi ở SGK theo gợi ý của GV đạt:

1. Đủ nước, đủ không khí


2. Cốc 1 thiếu nước  
 Cốc 2 thiếu không khí

3. Đủ nước, đủ không khí

##### **1: Thí nghiệm về những điều kiện cần cho .hạt nảy mầm:**

Có 3 điều kiện chủ yếu bên ngoài cần cho sự nảy mầm của hạt là: đủ nước, đủ không khí, nhiệt độ thích hợp

Ngoài ra, sự nảy mầm của hạt còn phụ thuộc vào chất lượng hạt giống: hạt chắc, còn phôi, không bị sâu mọt.

<p>điều kiện nào?</p> <p>- GV nhận xét</p> <p><b>b. Thí nghiệm 2:</b></p> <p>- Yêu cầu nhóm HS báo cáo kết quả thí nghiệm 2</p> <p>- GV yêu cầu HS xem lại kết quả thí nghiệm 2 -&gt; trả lời câu hỏi mục ▼ SGK tr.114</p> <p>- GV yêu cầu HS đọc thông tin mục □ SGK tr.114 -&gt; trả lời câu hỏi: Ngoài 3 điều kiện trên sự nảy mầm của hạt còn phụ thuộc yếu tố nào?</p> <p>- GV chốt ý, cho HS ghi bài.</p> <p>- <b>GDMT:</b> Biết cách bảo quản hạt giống để đảm bảo chất lượng nảy mầm và Hiểu được những điều kiện gieo trồng để đảm bảo năng suất cây gieo.</p>  <p>Hình 35.1. Thí nghiệm về điều kiện của hạt nảy mầm</p>	<p>- HS nhắc lại kết luận TN 1</p> <p>- Nhóm HS báo cáo kết quả thí nghiệm 2</p> <p>- HS xem lại kết quả thí nghiệm 2 -&gt; trả lời câu hỏi mục ▼ SGK tr.114 đạt: Nhiệt độ thích hợp</p> <p>- HS đọc thông tin mục □ SGK tr.114 -&gt; trả lời câu hỏi đạt: Ngoài ra, sự nảy mầm của hạt còn phụ thuộc vào chất lượng hạt giống.</p> <p>- HS ghi bài</p>	
---	---	--

**Bảng thu hoạch**

STT	Điều kiện thí nghiệm	Kết quả thí nghiệm (số hạt nảy mầm)
Cốc 1	10 hạt đỗ đen để khô	Không nảy mầm
Cốc 2	10 hạt đỗ đen ngâm ngập trong nước	Không nảy mầm
Cốc 3	10 hạt đỗ đen để trên bông ẩm	Nảy mầm
Cốc 4	10 hạt đỗ đen để trên bông ẩm, để trong hộp xốp đựng đá	Không nảy mầm
Hoạt động của GV		Nội dung
<p>- GV yêu cầu HS căn cứ vào điều kiện nảy mầm của hạt, thảo luận giải thích lí do các biện pháp kĩ thuật đã nêu ở SGK tr.114</p> <p>- GV hoàn chỉnh ý, cho HS ghi bài</p>		<p><b>2: Những hiểu biết về điều kiện nảy mầm của hạt được vận dụng như thế nào trong sản xuất?</b></p> <p>Khi gieo hạt phải làm đất tơi xốp, phải chăm sóc hạt gieo: chống úng, chống hạn,</p>
Hoạt động của HS		
<p>- Các nhóm thảo luận, trình bày ý kiến, lớp nhận xét, bổ sung.</p> <p>Khi gieo hạt phải:</p> <p>- Làm đất tơi, xốp -&gt; đủ không khí cho hạt nảy mầm tốt</p> <p>- Gieo hạt bị mưa to ngập úng -&gt; tháo nước để thoáng khí.</p>		

	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Phủ rơm khi trời rét -&gt; giữ nhiệt độ thích hợp</li> <li>- Phải bảo quản tốt hạt giống -&gt; vì hạt đủ phôi mới nảy mầm được</li> <li>- Gieo hạt đúng thời vụ -&gt; hạt gặp được những điều kiện thời tiết phù hợp nhất..</li> </ul>	chống rét, phải gieo hạt đúng thời vụ.
- HS ghi bài		

### HOẠT ĐỘNG 3: Hoạt động luyện tập (10')

**a. Mục tiêu:** Củng cố, luyện tập kiến thức vừa học.

**b. Nội dung:** Dạy học trên lớp, hoạt động nhóm, hoạt động cá nhân.

**c. Sản phẩm:** Bài làm của học sinh, kỹ năng giải quyết nhiệm vụ học tập.

**d. Tổ chức thực hiện:** Tổ chức theo phương pháp: đặt và giải quyết vấn đề, học sinh hợp tác, vận dụng kiến thức hoàn thành nhiệm vụ.

#### GV giao nhiệm vụ cho học sinh làm bài tập trắc nghiệm:

**Câu 1.** Trong điều kiện thời tiết giá lạnh, khi gieo hạt người ta thường che chắn bằng nilon hoặc phủ rơm rạ. Việc làm trên cho thấy vai trò của nhân tố nào đối với sự nảy mầm của hạt ?

- A. Độ thoáng khí    B. Độ ẩm    C. Nhiệt độ    D. Ánh sáng

**Câu 2.** Việc làm đất tơi xốp trước khi gieo hạt có ý nghĩa gì ?

- A. Giúp hạt không bị nhiệt độ cao của môi trường đất đốt nóng  
 B. Giúp khí ôxi xâm nhập vào đất, tạo điều kiện thuận lợi cho sự hô hấp của hạt  
 C. Giúp tăng khả năng hấp thụ nước của hạt sau khi gieo cấy  
 D. Tất cả các phương án đưa ra

**Câu 3.** Trong các loại hạt dưới đây, hạt nào giữ được khả năng nảy mầm lâu nhất ?

- A. Hạt lạc    B. Hạt bưởi    C. Hạt sen    D. Hạt vừng

**Câu 4.** Để hạt được nảy mầm trong điều kiện thời tiết lý tưởng, chúng ta cần lưu ý điều gì ?

- A. Tưới tiêu hợp lí    B. Phủ rơm rạ lên hạt mới gieo  
 C. Làm đất thật tơi, xốp trước khi gieo hạt    D. Gieo hạt đúng thời vụ

**Câu 5.** Trong các việc làm dưới đây, việc làm nào giúp cho hạt đã gieo hô hấp tốt hơn ?

1. Phủ rơm, rạ cho hạt đã gieo  
 2. Cày xới đất thật kỹ trước khi gieo hạt  
 3. Tháo hết nước trong trường hợp đất mang hạt đã gieo bị ngập úng  
 4. Thường xuyên bón phân cho hạt đã gieo
- A. 2, 3    B. 1, 2, 3    C. 2, 3, 4    D. 2, 4

**Câu 6.** Trong các điều kiện cần cho sự nảy mầm của hạt, điều kiện nào đóng vai trò tiên quyết ?

- A. Hạt được trồng tại vùng đất tơi xốp, giàu khoáng.  
 B. Hạt được bảo quản tốt, vẫn giữ nguyên vẹn phôi và chất dinh dưỡng dự trữ.  
 C. Hạt được che đậy kỹ càng bằng rơm, rạ sau khi gieo  
 D. Hạt được gieo đúng thời vụ

**Câu 7.** Chọn một số hạt đậu tốt, khô cho vào 3 cốc thủy tinh, cốc 1 không cho nước, cốc

2 đũa ngập nước còn cốc 3 lót dưới những hạt đậu một lớp bông ẩm rồi để cả 3 cốc vào chỗ mát. Sau một thời gian, hạt ở cốc nào sẽ nảy mầm ?

- A. Cả ba cốc      B. Cốc 3      C. Cốc 2      D. Cốc 1

**Câu 8.** Ba điều kiện bên ngoài cần thiết cho sự nảy mầm của hạt là

- A. không khí, nhiệt độ và độ pH thích hợp.  
 B. không khí, nhiệt độ và độ ẩm thích hợp.  
 C. ánh sáng, nhiệt độ và độ pH thích hợp.  
 D. ánh sáng, nhiệt độ và độ ẩm thích hợp.

**Câu 9.** Hạt lạc giữ được khả năng nảy mầm khoảng

- A. 3 – 5 năm.      B. 1 – 2 năm.      C. 7 – 8 tháng.      D. 1 – 2 tháng.

**Câu 10.** Hạt sẽ mất hoàn toàn khả năng nảy mầm trong trường hợp nào dưới đây ?

- A. Bị luộc chín      B. Vùi vào cát ẩm  
 C. Nhúng qua nước ấm      D. Phơi ngoài ánh sáng mặt trời

### Đáp án

1. C	2. B	3. C	4. D	5. A
6. B	7. B	8. B	9. C	10. A

### HOẠT ĐỘNG 4: Hoạt động vận dụng (8')

**a. Mục tiêu:** Vận dụng các kiến thức vừa học quyết các vấn đề học tập và thực tiễn.

**b. Nội dung:** Dạy học trên lớp, hoạt động nhóm, hoạt động cá nhân.

**c. Sản phẩm:** HS vận dụng các kiến thức vào giải quyết các nhiệm vụ đặt ra.

**d. Tổ chức thực hiện:** GV sử dụng phương pháp vấn đáp tìm tòi, tổ chức cho học sinh tìm tòi, mở rộng các kiến thức liên quan.

#### 1. Chuyển giao nhiệm vụ học tập

GV chia lớp thành nhiều nhóm

( mỗi nhóm gồm các HS trong 1 bàn) và giao các nhiệm vụ: thảo luận trả lời các câu hỏi sau và ghi chép lại câu trả lời vào vở bài tập

Những hiểu biết về điều kiện nảy mầm của hạt được vận dụng như thế nào trong sản xuất?

- Hạt đỗ trong cốc này có nảy mầm được không? Vì sao?

#### 2. Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận

- HS trả lời.

- HS nộp vở bài tập.

- HS tự ghi nhớ nội dung trả lời đã hoàn thiện.

Tiến hành lại các thí nghiệm

Nghiên cứu và thực hành gieo hạt đỗ

#### 4. Dặn dò:

- Học bài và trả lời câu hỏi cuối sách. Đọc phần Em có biết ?

- Vẽ hình 36.1 SGK tr.116 vào tập.

- Làm bài tập câu hỏi 3 SGK tr. 115

- Ôn tập từ chương II đến chương VII.

- Mỗi tổ làm lại thí nghiệm: Lấy 10 hạt đậu để vào bông gòn ẩm từ ngày 22/1 đến ngày 28/1 và đem lên lớp để chấm lấy điểm thực hành.

#### Rút kinh nghiệm:



## Bài 36: TỔNG KẾT VỀ CÂY CÓ HOA

### I/ MỤC TIÊU

#### 1. Kiến thức:

- Hệ thống hóa được những kiến thức về cấu tạo và chức năng chính của các cơ quan ở cây có hoa
- Tìm được mối quan hệ chặt chẽ giữa các cơ quan và các bộ phận của cây trong hoạt động sống, tạo thành một cơ thể toàn vẹn.

#### 2. Năng lực

Phát triển các năng lực chung và năng lực chuyên biệt

Năng lực chung	Năng lực chuyên biệt
<ul style="list-style-type: none"><li>- Năng lực phát hiện vấn đề</li><li>- Năng lực giao tiếp</li><li>- Năng lực hợp tác</li><li>- Năng lực tự học</li><li>- Năng lực sử dụng CNTT và TT</li></ul>	<ul style="list-style-type: none"><li>- Năng lực kiến thức sinh học</li><li>- Năng lực thực nghiệm</li><li>- Năng lực nghiên cứu khoa học</li></ul>

#### 3. Về phẩm chất

Giúp học sinh rèn luyện bản thân phát triển các phẩm chất tốt đẹp: yêu nước, nhân ái, chăm chỉ, trung thực, trách nhiệm.

### II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

#### 1. Giáo viên:

- Giáo án, SGK, Tranh vẽ như SGK, tiêu bản mẫu vật, tranh ảnh.

#### 2. Học sinh

- Vở ghi, SGK, Nêu và giải quyết vấn đề kết hợp hình vẽ và làm việc với SGK.

### III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

#### 1. Ổn định lớp: Nắm sĩ số học sinh

#### 2. Kiểm tra bài cũ:

- Những điều kiện cần cho hạt nảy mầm là gì?
- Vận dụng những điều kiện cần cho hạt nảy mầm như thế nào trong sản xuất?

#### 3. Bài mới : TỔNG KẾT VỀ CÂY CÓ HOA

### HOẠT ĐỘNG 1: Xác định vấn đề/Nhiệm vụ học tập/Mở đầu (5')

- a. Mục tiêu:** HS biết được các nội dung cơ bản của bài học cần đạt được, tạo tâm thế cho học sinh đi vào tìm hiểu bài mới.
- b. Nội dung:** Giáo viên giới thiệu thông tin liên quan đến bài học.
- c. Sản phẩm:** Học sinh lắng nghe định hướng nội dung học tập.
- d. Tổ chức thực hiện:** Giáo viên tổ chức, học sinh thực hiện, lắng nghe phát triển năng lực quan sát, năng lực giao tiếp.

Chúng ta đã tìm hiểu gần như cơ bản về cây có hoa, vậy hôm nay chúng ta sẽ đi bao quát toàn bộ về cây có hoa, để ta có cái nhìn tổng thể về chúng.

### HOẠT ĐỘNG 2: Hình thành kiến thức

- a) Mục tiêu:** Hệ thống hóa được những kiến thức về cấu tạo và chức năng chính của các cơ quan ở cây có hoa.
- b) Nội dung:** HS căn cứ trên các kiến thức đã biết, làm việc với sách giáo khoa, hoạt động cá nhân, nhóm hoàn thành yêu cầu học tập.
- c) Sản phẩm:** Trình bày được kiến thức theo yêu cầu của GV.
- d) Tổ chức thực hiện:** Hoạt động cá nhân, hoạt động nhóm, dạy học nêu và giải quyết vấn đề; phương pháp thuyết trình; sử dụng đồ dung trực quan

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS	Nội dung
<p>- GV yêu cầu HS nghiên cứu bảng cấu tạo và chức năng SGK tr.116 -&gt; làm bài tập mục ▼SGK tr.116.</p> <p>- GV treo tranh câm hình 36.1 SGK tr.116 -&gt; gọi HS lần lượt điền:</p> <p>1/ Tên các cơ quan của cây có hoa?</p> <p>2/ Đặc điểm cấu tạo chính? Các chức năng chính của mỗi cơ quan? (GV gợi ý: dựa vào bảng SGK trang 116)</p> <p>- GV yêu cầu học sinh khác nhận xét – bổ sung.</p> <p>3. Em có nhận xét gì về mối quan hệ giữa cấu tạo và chức năng của mỗi cơ quan?</p> <p>- GV gợi ý: Cây có hoa có nhiều cơ quan, mỗi cơ quan của cây đều</p>	<p>- HS nghiên cứu bảng cấu tạo và chức năng SGK tr.116 -&gt; làm bài tập mục ▼SGK tr.116</p> <p>- HS lên điền tranh câm.</p> <p>1/ Rễ, thân, lá, hoa, quả, hạt.</p> <p>2/ Học sinh phải điền phù hợp:</p> <p>Rễ: a, 6 Thân: b, 4 Lá: e, 2 Hoa: d, 3 Quả: c, 1 Hạt: g, 5</p> <p>- HS nhận xét bổ sung.</p> <p>3/ Thảo luận nhóm để tìm ra mối quan hệ giữa cấu tạo và chức năng: → Cây có hoa có nhiều cơ quan mỗi cơ quan đều có cấu tạo phù hợp với chức năng</p>	<p><b>1. Sự thống nhất giữa cấu tạo và chức năng của mỗi cơ quan ở cây có hoa.</b></p> <p>Cây xanh có hoa có 2 loại cơ quan: cơ quan sinh dưỡng và cơ quan sinh sản, mỗi cơ quan đều có chức năng riêng và đều có cấu tạo phù hợp với chức năng đó.</p>

<p>có cấu tạo phù hợp với chức năng riêng của chúng, vậy giữa các chức năng có quan hệ với nhau không và quan hệ như thế nào?</p>	<p>riêng của chúng. - HS lắng nghe</p>	
<p>- GV yêu cầu HS đọc thông tin mục ▼ SGK tr.117, trả lời câu hỏi. - GV gợi ý cho HS trả lời câu hỏi: + Thông tin thứ 1: 1. <i>Thông tin cho ta biết những cơ quan nào của cây có mối quan hệ chặt chẽ với nhau về chức năng?</i> <u>GV gợi ý:</u> - Vậy không có rễ hút nước và muối khoáng thì lá có chế tạo được chất hữu cơ không? - Không có thân thì chất hữu cơ do lá chế tạo có chuyển được đến nơi khác không? - Có thân, có rễ nhưng không có lá thì cây có chế tạo được chất hữu cơ không? Ở những cây không có lá thì thân, cành có biến đổi như thế nào để thực hiện chức năng thay lá? + Thông tin 2 và 3: Khi hoạt động của một số cơ quan giảm đi hay tăng cường có ảnh hưởng gì đến hoạt động của các cơ quan khác? - GV: kết luận.</p>	<p>- HS đọc thông tin mục ▼ SGK tr.117, thảo luận nhóm, trả lời câu hỏi theo sự gợi ý của GV. → Trong hoạt động sống của cây, giữa các cơ quan có mối quan hệ chặt chẽ về chức năng. Hoạt động của mỗi cơ quan đều phải nhờ vào sự hoạt động của các cơ quan khác, khi một cơ quan tăng cường hay giảm hđ đều ảnh hưởng đến hoạt động của các cơ quan khác và toàn bộ cây.</p> <p>- HS lắng nghe</p>	<p><b>2: Sự thống nhất về chức năng giữa các cơ quan ở cây có hoa.</b> Các cơ quan của cây xanh có mối quan hệ chặt chẽ, ảnh hưởng lẫn nhau → tạo cho cây thành một thể thống nhất. Nếu tác động vào 1 cơ quan sẽ ảnh hưởng tới cơ quan khác và toàn cây!</p>

<p>- GV thông báo những cây sống dưới nước chịu ảnh hưởng của đặc điểm môi trường nước như có sức nâng đỡ, ít oxi, ... - GV yêu cầu HS quan sát hình 36.2, 3 SGK tr.119 kết hợp với mẫu vật (chú ý đến vị trí của lá) trả lời câu hỏi: 1. Nhận xét hình dạng lá ở các vị trí trên mặt nước, chìm trong mặt nước ? 2. Cây bèo tây có cuống lá phình to, xốp có ý nghĩa gì? So sánh cuống lá khi cây sống trôi nổi và khi sống trên cạn? - GV nhận xét</p>	<p>- HS lắng nghe</p> <p>- HS quan sát hình 36.2, 3 SGK tr.119 kết hợp với mẫu vật -&gt; trả lời câu hỏi: 1. Lá ở trên mặt nước có phiến lá to, lá chìm trong nước có phiến lá nhỏ, hình kim 2. Chứa không khí giúp lá nhẹ và cây nổi trên mặt nước</p>	<p><b>1. Các cây sống dưới nước.</b> Lá biến đổi để thích nghi với điều kiện sống trong môi trường nước</p>
--	---	---

<p>- GV yêu cầu HS đọc sách tìm thông tin trả lời các câu hỏi sau:</p> <ol style="list-style-type: none"> <li>1. Vì sao cây mọc ở những nơi khô cạn rễ lại ăn sâu, lan rộng ?</li> <li>2. Lá cây ở nơi khô hạn có lông hoặc sáp có tác dụng gì?</li> <li>3. Vì sao cây mọc trong rừng rậm hay trong thung lũng thân thường vươn cao, các cành tập trung ở ngọn?</li> </ol> <p>- GV nhận xét. - GV bổ sung thêm 1 vài ví dụ khác:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Cây rau dứa nước mọc ở trong nước có các rễ phụ phát triển thành phao xốp như bông, nhưng khi mọc trên cạn thì rễ phụ không như thế</li> <li>+ Rau muống sống nơi đất khô có thân nhỏ, cứng, sống ở đất bùn, ngập nước thì thân to, mềm</li> <li>+ Thài lài mọc trong bóng râm, ẩm ướt lá có phiến to hơn so với cây mọc nơi khô hạn .</li> </ul>	<p>- HS ghi bài</p> <p>- HS đọc sách tìm thông tin trả lời các câu hỏi đạt:</p> <ol style="list-style-type: none"> <li>1. Rễ ăn sâu: tìm nguồn nước, lan rộng: hút sương đêm</li> <li>2. Giảm sự thoát hơi nước</li> <li>3. Trong rừng rậm, ánh sáng thường khó lọt xuống dưới thấp nên cây thường vươn cao, các cành tập trung ở ngọn để lấy ánh sáng</li> </ol> <p>- HS ghi bài - HS lắng nghe</p>	<p><b>2: Các cây sống trên cạn</b></p> <p>- Cây sống ở nơi khô hạn cũng hình thành những đặc điểm thích nghi với môi trường khô hạn.</p>
<p>- GV yêu cầu HS đọc mục □ SGK tr.120 -&gt; trả lời câu hỏi:</p> <ol style="list-style-type: none"> <li>1. Thế nào là môi trường sống đặc biệt ?</li> <li>2. Kể tên những cây sống ở những môi trường này ?</li> <li>3. Phân tích đặc điểm phù hợp với môi trường sống ở những cây này.</li> </ol> <p>- GV nhận xét</p> <p>- GV yêu cầu HS rút ra nhận xét chung về sự thống nhất giữa cơ thể và môi trường.</p>	<p>- HS đọc mục □ SGK tr.120 -&gt; trả lời câu hỏi đạt:</p> <ol style="list-style-type: none"> <li>1. Là những môi trường có điều kiện sống không thích hợp cho đa số các loại cây.</li> <li>2. Đước, sù, vẹt, ...sống ở đầm lầy ngập mặn; xương rồng sống ở sa mạc ...</li> <li>3. HS liên hệ đến điều kiện môi trường sống để phân tích: + Rễ cỏ ăn sâu để hút nước. + Các cây bụi gai có lá rất nhỏ hoặc lá biến thành gai để hạn chế thoát hơi nước</li> </ol> <p>-HS rút ra nhận xét.</p> <p>- HS: ghi bài!</p>	<p><b>3: Cây sống trong những môi trường đặc biệt.</b></p> <p>Các cây sống ở những môi trường đặc biệt cũng có những cấu tạo giúp thích nghi với môi trường đó.</p> <p>KL: Cây xanh có thể sống ở khắp mọi nơi trên trái đất là nhờ chúng có các đđ cấu tạo thích nghi với môi trường đó.</p>

- GV: Kết luận.		
<p><b>a. Mục tiêu:</b> Củng cố, luyện tập kiến thức vừa học.</p> <p><b>b. Nội dung:</b> Dạy học trên lớp, hoạt động nhóm, hoạt động cá nhân.</p> <p><b>c. Sản phẩm:</b> Bài làm của học sinh, kĩ năng giải quyết nhiệm vụ học tập.</p> <p><b>d. Tổ chức thực hiện:</b> Tổ chức theo phương pháp: đặt và giải quyết vấn đề, học sinh hợp tác, vận dụng kiến thức hoàn thành nhiệm vụ.</p>		
<b>GV giao nhiệm vụ cho học sinh làm bài tập trắc nghiệm:</b>		
<p><b>Câu 1.</b> Vì sao nói cây có hoa là một thể thống nhất ?</p> <p>A. Vì khi tác động vào một cơ quan sẽ ảnh hưởng đến các cơ quan khác và toàn bộ cây</p> <p>B. Vì có sự thống nhất giữa chức năng của các cơ quan</p> <p>C. Vì có sự phù hợp giữa cấu tạo và chức năng của mỗi cơ quan</p> <p>D. Tất cả các phương án đưa ra</p> <p><b>Câu 2.</b> Cây con có thể được hình thành từ bộ phận nào dưới đây ?</p> <p>1. Hạt                      2. Rễ                      3. Thân                      4. Lá</p> <p>A. 1, 2, 3                  B. 1, 2, 4                  C. 1, 2, 3, 4                  D. 1, 3, 4</p> <p><b>Câu 3.</b> Các loại quả : mơ, chanh, hồng xiêm, dứa, ôi có tên gọi chung là gì ?</p> <p>A. Quả khô                  B. Quả mọng                  C. Quả thịt                  D. Quả hạch</p> <p><b>Câu 4.</b> Ở thực vật, bộ phận nào chuyên hoá với chức năng hấp thụ nước và muối khoáng ?</p> <p>A. Hạt                      B. Lông hút                  C. Bó mạch                  D. Chóp rễ</p> <p><b>Câu 5.</b> Khi sự hút nước và muối khoáng ở rễ cây bị ngừng trệ thì hoạt động nào dưới đây sẽ bị ảnh hưởng ?</p> <p>A. Sự dẫn truyền của bó mạch vùng thân</p> <p>B. Sự phân chia của mô phân sinh ngọn</p> <p>C. Quá trình quang hợp ở lá</p> <p>D. Tất cả các phương án đưa ra</p> <p><b>Câu 6.</b> Cây nào dưới đây không sống trên cạn ?</p> <p>A. Chuối                  B. Nong tằm                  C. Cau                          D. Trúc đào</p> <p><b>Câu 7.</b> Cây nào dưới đây có rễ chống ?</p> <p>A. Tất cả các phương án đưa ra                  B. Đước</p> <p>C. Ngô                          D. Mắm</p> <p><b>Câu 8.</b> Những cây sống ở vùng sa mạc khô hạn thường có đặc điểm nào dưới đây ?</p> <p>1. Thân mọng nước</p> <p>2. Rễ chống phát triển</p> <p>3. Rễ rất dài, ăn sâu vào lòng đất hoặc bò lan rộng và nông trên mặt đất</p> <p>4. Lá có kích thước nhỏ hoặc tiêu biến thành gai</p> <p>A. 1, 3, 4                  B. 1, 2, 3                  C. 2, 3, 4                  D. 1, 2, 3, 4</p> <p><b>Câu 9.</b> Hiện tượng cuống lá phình to, mềm và xộp ở cây bèo Nhật Bản có ý nghĩa gì ?</p> <p>A. Giúp cây dự trữ chất dinh dưỡng</p> <p>B. Giúp cây hấp thụ nước và muối khoáng triệt để hơn</p> <p>C. Giúp cây dễ dàng nổi trên mặt nước</p> <p>D. Giúp cây đào thải các chất dư thừa ra ngoài cơ thể</p> <p><b>Câu 10.</b> Nhóm nào dưới đây gồm những cây sống trong vùng ngập mặn ?</p> <p>A. Đoạn, chóc, nửa, hồng, na                  B. Bần, sú, vẹt, mắm, đước</p> <p>C. Giang, si, vẹt, tấu, lim                          D. Bụt mọc, sừa, hoàng đàn, tuế, mun</p>		

### Đáp án

1. D	2. C	3. C	4. B	5. D
6. B	7. A	8. A	9. C	10. B

#### HOẠT ĐỘNG 4: Hoạt động vận dụng (8')

- a. Mục tiêu:** Vận dụng các kiến thức vừa học quyết các vấn đề học tập và thực tiễn.
- b. Nội dung:** Dạy học trên lớp, hoạt động nhóm, hoạt động cá nhân.
- c. Sản phẩm:** HS vận dụng các kiến thức vào giải quyết các nhiệm vụ đặt ra.
- d. Tổ chức thực hiện:** GV sử dụng phương pháp vấn đáp tìm tòi, tổ chức cho học sinh tìm tòi, mở rộng các kiến thức liên quan.

GV chia lớp thành nhiều nhóm

( mỗi nhóm gồm các HS trong 1 bàn) và giao các nhiệm vụ: thảo luận trả lời các câu hỏi sau và ghi chép lại câu trả lời vào vở bài tập

Trong một cơ quan và giữa các cơ quan của cây có hoa đã có những mối quan hệ nào để cây thành một thể thống nhất? Cho ví dụ?

Hãy giải thích vì sao trồng rau trên đất khô cằn, ít được tưới bón thì lá thường không xanh tốt, cây chậm rãi, chậm nước, còi cọc, năng suất thu hoạch sẽ thấp?

Các cây sống trong những môi trường đặc biệt có những đặc điểm gì? Cho ví dụ.

Tìm các loại cây sống trong môi trường đặc biệt

- Vận dụng kiến thức để trồng những loại cây thích hợp ở những môi trường thích hợp để phù hợp với cấu tạo của cây.

#### 4. Dặn dò:

- Học bài và trả lời câu hỏi cuối sách.
- Đọc phần Em có biết ?
- Tìm hiểu thêm sự thích nghi của một số cây xanh quanh nhà.
- Xem tiếp bài sau!

## CHUYÊN ĐỀ: CÁC NHÓM THỰC VẬT

### I. Nội dung chuyên đề

#### 1. Mô tả chuyên đề

## Sinh học 6

- + **Bài 37:** Tảo
- + **Bài 38:** Rêu – Cây rêu
- + **Bài 39:** Quyết – Dương xỉ
- + **Bài 40:** Hạt trần – Cây thông
- + **Bài 41:** Hạt kín – Đặc điểm của thực vật hạt kín
- + **Bài 42:** Lớp hai lá mầm và lớp một lá mầm
- + **Bài 43:** Khái niệm sơ lược về phân loại thực vật
- + **Bài 44:** Sự phát triển của giới thực vật
- + **Bài 45:** Nguồn gốc cây trồng
- + **Ôn tập**

### 2. Mạch kiến thức của chuyên đề

- Sau khi học xong kiến thức về các cấu tạo của thực vật, chuyên đề tiếp theo đề cập đến sự phân loại các nhóm thực vật, giới thiệu các nhóm thực vật tiêu biểu nhất trong giới thực vật: Tảo, rêu, quyết, dương xỉ, hạt kín và hạt trần.

### 3. Thời lượng của chuyên đề

Tổng số tiết	Tuần thực hiện	Tiết theo PPCT	Tiết theo chủ đề	Nội dung của từng hoạt động	Thời gian của từng hoạt động
	23,24, 25,26, 27	39	1	<b>Hoạt động 1:</b> Tìm hiểu cách phân loại các loại quả	20 phút
				<b>Hoạt động 2:</b> Tìm hiểu các loại quả chính	15 phút
		40	2	<b>Hoạt động 3.</b> Tìm hiểu các bộ phận của hạt	20 phút
				<b>Hoạt động 4.</b> Phân biệt hạt một lá mầm và hạt hai lá mầm	20 phút
		41		<b>Hoạt động 5.</b> Tìm hiểu các cách phát tán quả và hạt	20 phút
				<b>Hoạt động 6.</b> Tìm hiểu đặc điểm thích nghi với các cách phát tán	20 phút
		42		<b>Hoạt động 7.</b> Thí nghiệm những điều kiện cần cho hạt nảy mầm	20 phút
				<b>Hoạt động 8.</b> Những hiểu biết về điều kiện cần cho hạt nảy mầm	20 phút

## II. Tổ chức hoạt động dạy học

## **Bài 37: TẢO**

### **I/ MỤC TIÊU**

#### **1. Kiến thức:**

- Nêu rõ được môi trường sống và cấu tạo của tảo thể hiện tảo là thực vật bậc thấp
- Hiểu rõ những lợi ích thực tế của tảo.
- Tập nhận biết một số tảo thường gặp qua tranh vẽ và vật mẫu (nếu có)

#### **2. Năng lực**

Phát triển các năng lực chung và năng lực chuyên biệt

Năng lực chung	Năng lực chuyên biệt
- Năng lực phát hiện vấn đề	- Năng lực kiến thức sinh học
- Năng lực giao tiếp	- Năng lực thực nghiệm
- Năng lực hợp tác	- Năng lực nghiên cứu khoa học
- Năng lực tự học	
- Năng lực sử dụng CNTT và TT	

#### **3. Về phẩm chất**

Giúp học sinh rèn luyện bản thân phát triển các phẩm chất tốt đẹp: yêu nước, nhân ái, chăm chỉ, trung thực, trách nhiệm.

### **II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

#### **1. Giáo viên:**

- Giáo án, SGK, Tranh vẽ như SGK, tiêu bản mẫu vật, tranh ảnh.

#### **2. Học sinh**

- Vở ghi, SGK, Nêu và giải quyết vấn đề kết hợp hình vẽ và làm việc với SGK.

### **III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

#### **1. Ổn định lớp:** Năm sĩ số học sinh

#### **2. Kiểm tra bài cũ:**

- Các cây sống trong môi trường nước thường có những đặc điểm hình thái như thế nào? Nêu ví dụ?

- Cây sống ở sa mạc có những đặc điểm gì? Cho ví dụ?

**Trả lời:** Cây xương rồng sống ở sa mạc có lá biến thành gai để giảm thoát hơi nước, thân mọng nước để dự trữ nước, thân có màu xanh do tế bào có chứa diệp lục tham gia quang hợp thay cho lá. Ngoài ra, một số loài cây còn có rễ phát triển ăn sâu vào đất để tìm nguồn nước.

#### **3. Bài mới: TẢO**

\* **Khám phá:** Trên mặt nước, ao hồ thường có váng màu vàng hoặc màu lục.

Váng đó là do những cơ thể thực vật nhỏ bé là Tảo tạo nên. Tảo còn gồm những cơ thể lớn hơn, sống ở nước ngọt hoặc nước mặn.

\* Kết nối:

#### **HOẠT ĐỘNG 1: Xác định vấn đề/Nhiệm vụ học tập/Mở đầu (5')**

**a. Mục tiêu:** HS biết được các nội dung cơ bản của bài học cần đạt được, tạo tâm thế cho học sinh đi vào tìm hiểu bài mới.



- b. Nội dung:** Giáo viên giới thiệu thông tin liên quan đến bài học.
- c. Sản phẩm:** Học sinh lắng nghe định hướng nội dung học tập.
- d. Tổ chức thực hiện:** Giáo viên tổ chức, học sinh thực hiện, lắng nghe phát triển năng lực quan sát, năng lực giao tiếp.

Trên mặt nước, ao hồ thường có váng màu vàng hoặc màu lục. Váng đó là do những cơ thể thực vật nhỏ bé là Tảo tạo nên. Tảo còn gồm những cơ thể lớn hơn, sống ở nước ngọt hoặc nước mặn.

### HOẠT ĐỘNG 2: Hình thành kiến thức

**a) Mục tiêu:** môi trường sống và cấu tạo của tảo thể hiện tảo là thực vật bậc thấp

- Hiểu rõ những lợi ích thực tế của tảo.
- Tập nhận biết một số tảo thường gặp qua tranh vẽ và vật mẫu (nếu có)

**b) Nội dung:** HS căn cứ trên các kiến thức đã biết, làm việc với sách giáo khoa, hoạt động cá nhân, nhóm hoàn thành yêu cầu học tập.

**c) Sản phẩm:** Trình bày được kiến thức theo yêu cầu của GV.

**d) Tổ chức thực hiện:** Hoạt động cá nhân, hoạt động nhóm, dạy học nêu và giải quyết vấn đề; phương pháp thuyết trình; sử dụng đồ dung trực quan

<p><b>a. Quan sát tảo xoắn</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- GV giới thiệu tảo xoắn và nơi ở.</li> <li>- GV hướng dẫn HS quan sát một sợi tảo trên tranh yêu cầu HS trả lời câu hỏi :</li> </ul> <p>1. Tảo xoắn có cấu tạo như thế nào?</p> <p>2. Mỗi TB tảo xoắn có cấu tạo như thế nào ?</p> <p>3. Vì sao tảo xoắn có màu lục?</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- GV nhận xét</li> <li>- GV: Tảo xoắn sinh sản bằng cách nào?</li> <li>- GV giảng giải: Tên gọi là tảo xoắn do chất nguyên sinh có dải xoắn chứa diệp lục.</li> </ul> <p><b>b. Quan sát rong mơ:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- GV giới thiệu môi trường sống của rong mơ.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- HS lắng nghe</li> <li>- HS quan sát một sợi tảo trên tranh, trả lời câu hỏi:</li> </ul> <p>1. Cơ thể tảo xoắn được cấu tạo bằng 1 sợi, gồm nhiều TB hình chữ nhật, có màu xanh lục.</p> <p>2. Có vách tế bào, nhân tế bào, thể màu.</p> <p>3. Vì thể màu chứa diệp lục.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- HS nghe và ghi bài.</li> <li>- HS:</li> <li>+ SS bằng cách đứt ra thành từng đoạn, mỗi đoạn phát triển thành 1 tảo mới gọi là SS vô tính (SS sinh dưỡng)</li> <li>+ SS bằng cách kết hợp (tiếp hợp) giữa 2 TB gần nhau → hợp tử → sợi tảo mới: gl ss hữu tính.</li> </ul> <ul style="list-style-type: none"> <li>- HS lắng nghe</li> </ul>	<p><b>1. Cấu tạo của tảo.</b></p> <p><b>a. Quan sát tảo xoắn:</b></p> <p>Cơ thể tảo xoắn là một sợi gồm nhiều tế bào hình chữ nhật có màu xanh lục.</p> <p><b>b. Quan sát rong mơ:</b></p> <p>Rong mơ có hình dạng giống một cây nhưng chưa có rễ, thân,</p>
--	--	--

<p>- GV hướng dẫn HS quan sát tranh rong mơ, trả lời câu hỏi :</p> <p>1. <i>Rong mơ có hình dạng như thế nào?</i></p> <p>2. <i>Vì sao rong mơ có màu nâu?</i></p> <p>3. <i>So sánh hình dạng cấu tạo ngoài của rong mơ với cây bàng?</i></p> <p>4. <i>Rong mơ SS bằng hình thức nào?</i></p> <p>- GV nhận xét.</p> <p>- <u>GV cần nhấn mạnh</u>: Mặc dầu rong mơ cũng có dạng giống một cây với “thân”, “rễ”, “lá” nhưng đó không phải là thân, lá, rễ thật sự (nó bám vào đáy là nhờ giá bám ở gốc). Rong mơ chưa có thân, lá,... thật sự vì ở các bộ phận đó chưa phân biệt các loại mô, đặc biệt chưa có mô dẫn (do đó nó phải sống trong nước); bộ phận giống quả chỉ là phao nổi, bên trong chứa khí, giúp rong mơ có thể đứng thẳng trong nước.</p> <p>- GV yêu cầu HS so sánh cấu tạo của tảo xoắn và rong mơ</p> <p>- GV tóm tắt ý kiến ở gốc bảng</p>	<p>- HS quan sát tranh rong mơ, trả lời câu hỏi đạt:</p> <p>1. Hình dạng giống như 1 cây nhưng chưa có rễ thân lá thật sự.</p> <p>2. Vì trong tế bào ngoài chất diệp lục còn có chất màu phụ màu nâu.</p> <p>3. Giống: hình dạng giống một cây Khác: chưa có rễ, thân, lá thật sự.</p> <p>4. Bằng hình thức SSSD và SSHT (kết hợp giữa tinh trùng và noãn cầu).</p> <p>- HS lắng nghe</p> <p>-</p> <p>- HS so sánh: <b>giống nhau</b>: cơ thể đa bào, chưa có thân, rễ, lá, có thể màu trong cấu tạo tế bào; <b>khác nhau</b>: về hình dạng, màu sắc.</p>	<p>lá thật sự.</p> <p><b>- Kết luận chung:</b> Tảo là TV bậc thấp có cấu tạo đơn giản, cơ thể gồm một hoặc nhiều TB, chưa có rễ, thân, lá, có màu sắc khác nhau và luôn có chất diệp lục, hầu hết sống ở nước.</p>
<p>- GV sử dụng tranh -&gt; giới thiệu một số tảo khác.</p> <p>- GV yêu cầu HS đọc thông tin mục □ SGK tr.124, kết hợp với nội dung so sánh giữa tảo xoắn và rong mơ ở hoạt động trước -&gt; <i>hãy rút ra nhận xét đặc điểm thực vật bậc thấp có đặc điểm gì?</i></p> <p>- GV cung cấp thêm một vài loài tảo quý hiếm có ở Việt Nam: + Rong hồng vân: thuộc ngành</p>	<p>- HS lắng nghe</p> <p>- HS đọc thông tin -&gt; nhận xét sự đa dạng của tảo về: hình dạng, cấu tạo, màu sắc -&gt; rút ra nhận xét đạt: tảo là thực vật bậc thấp, có một hay nhiều tế bào.</p> <p>- HS lắng nghe.</p>	<p><b>2: Một vài tảo khác thường gặp.</b></p> <p>Tảo là nhóm thực vật bậc thấp mà cơ thể gồm một hay nhiều tế bào, cấu tạo đơn giản; có diệp lục; chưa có rễ, thân, lá. Hầu hết tảo sống ở nước.</p>

<p>Tảo đỏ, gặp ở Khánh Hòa, Ninh Thuận, có giá trị làm thuốc trị đại tràng, trĩ và dùng làm thực phẩm.</p> <p>+ Rong mơ mềm: thuộc ngành Tảo nâu, gặp ở Cẩm Phả, đảo Cô Tô (Quảng Ninh), Cát Bà (Hải Phòng), Khánh Hòa, làm thuốc trị đái tháo đường, bấu cổ, làm nguyên liệu chế biến alginat dùng trong công nghiệp.</p>		
--	--	--

<p>- GV yêu cầu HS trả lời CH:</p> <ol style="list-style-type: none"> <li>1. Tảo sống trong nước có lợi gì?</li> <li>2. Với đời sống con người tảo có lợi gì?</li> <li>3. Khi nào tảo có thể gây hại?</li> </ol> <p>- GV nhận xét</p> <p>- <b>GDMT</b>: về:</p> <p>+ Hiện tượng “nước nở hoa”.</p> <p>+ Ở vùng biển người ta thường vớt rong mơ về để làm phân bón.</p> <p>+ Một số vai trò của tảo.</p> <p>→ Căn cứ vào tình hình thực tế mà ta nên phát triển hay giảm bớt tảo để bảo vệ môi trường, sinh giới quanh vùng có tảo.</p>	<p>- HS nghiên cứu thông tin, thảo luận nhóm, trả lời câu hỏi theo nội dung SGK -&gt; nêu được vai trò của tảo trong tự nhiên và trong đời sống con người.</p> <p>- HS ghi bài.</p> <p>- HS lắng nghe</p>	<p><b>3. Vai trò của tảo.</b></p> <p>* Lợi ích:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Tạo ra oxi và cung cấp thức ăn cho các ĐV ở nước.</li> <li>- Làm thức ăn cho người và gia súc</li> <li>- Cung cấp nguyên liệu cho làm phân bón, làm thuốc và nguyên liệu trong công nghiệp</li> </ul> <p>* Tác hại: làm nhiễm bẩn nguồn nước, quần quanh gốc cây lúa làm khó đẻ nhánh,...</p>
---	---	--

### HOẠT ĐỘNG 3: Hoạt động luyện tập (10')

- a. Mục tiêu:** Củng cố, luyện tập kiến thức vừa học.
- b. Nội dung:** Dạy học trên lớp, hoạt động nhóm, hoạt động cá nhân.
- c. Sản phẩm:** Bài làm của học sinh, kỹ năng giải quyết nhiệm vụ học tập.
- d. Tổ chức thực hiện:** Tổ chức theo phương pháp: đặt và giải quyết vấn đề, học sinh hợp tác, vận dụng kiến thức hoàn thành nhiệm vụ.

#### GV giao nhiệm vụ cho học sinh làm bài tập trắc nghiệm:

- Câu 1.** Loại tảo nào dưới đây có màu xanh lục ?
- A. Rong mơ      B. Tảo xoắn      C. Tảo nâu      D. Tảo đỏ
- Câu 2.** Loại tảo nào dưới đây có cấu tạo đơn bào ?
- A. Rau diếp biển      B. Tảo tiểu cầu      C. Tảo sừng hươu      D. Rong mơ
- Câu 3.** Loại tảo nào dưới đây có môi trường sống khác với những loại tảo còn lại ?
- A. Tảo sừng hươu      B. Tảo xoắn      C. Tảo silic      D. Tảo vòng
- Câu 4.** Trong các loại tảo dưới đây, loại tảo nào có kích thước lớn nhất ?
- A. Tảo tiểu cầu      B. Rau câu      C. Rau diếp biển      D. Tảo lá dẹp
- Câu 5.** Khi nói về tảo, nhận định nào dưới đây là không chính xác ?
- A. Sống chủ yếu nhờ việc hấp thụ chất hữu cơ từ môi trường ngoài
- B. Hầu hết sống trong nước
- C. Luôn chứa diệp lục

D. Có cơ thể đơn bào hoặc đa bào

**Câu 6.** Vì sao nói “Tảo là thực vật bậc thấp” ?

- A. Vì chúng không có khả năng quang hợp
- B. Vì cơ thể chúng có cấu tạo đơn bào
- C. Vì cơ thể chúng chưa có rễ, thân, lá thật sự.
- D. Vì chúng sống trong môi trường nước.

**Câu 7.** Tảo có vai trò gì đối với đời sống con người và các sinh vật khác ?

- A. Cung cấp nguồn nguyên liệu trong công nghiệp sản xuất giấy, hồ dán, thuốc nhuộm... ngoài ra còn được sử dụng làm phân bón, làm thuốc.
- B. Cung cấp nguồn thức ăn cho con người và nhiều loài động vật.
- C. Cung cấp ôxi cho hoạt động hô hấp của con người và hầu hết các sinh vật khác.
- D. Tất cả các phương án đưa ra.

**Câu 8.** Loại tảo nào dưới đây có màu nâu ?

- A. Rau diếp biển
- B. Rong mơ
- C. Tảo xoắn
- D. Tảo vòng

**Câu 9.** Loại tảo nào dưới đây có hình dạng tương tự như một cây xanh thật sự ?

- A. Tảo silic
- B. Tảo vòng
- C. Tảo tiểu cầu
- D. Tất cả các phương án đưa ra

**Câu 10.** Tế bào tảo xoắn có hình gì ?

- A. Hình cầu
- B. Hình chữ nhật
- C. Hình vuông
- D. Hình lá

#### Đáp án

1. B	2. B	3. A	4. D	5. A
6. C	7. D	8. B	9. B	10. B

#### HOẠT ĐỘNG 4: Hoạt động vận dụng (8')

**a. Mục tiêu:** Vận dụng các kiến thức vừa học quyết các vấn đề học tập và thực tiễn.

**b. Nội dung:** Dạy học trên lớp, hoạt động nhóm, hoạt động cá nhân.

**c. Sản phẩm:** HS vận dụng các kiến thức vào giải quyết các nhiệm vụ đặt ra.

**d. Tổ chức thực hiện:** GV sử dụng phương pháp vấn đáp tìm tòi, tổ chức cho học sinh tìm tòi, mở rộng các kiến thức liên quan.

GV chia lớp thành nhiều nhóm

( mỗi nhóm gồm các HS trong 1 bàn) và giao các nhiệm vụ: thảo luận trả lời các câu hỏi sau và ghi chép lại câu trả lời vào vở bài tập

Quan sát bằng mắt thường một cốc nước máy hoặc nước mưa và một cốc nước ao hoặc nước hồ lấy ở trên mặt, chỗ có nhiều váng càng tốt, em thấy có gì khác nhau về màu nước. Giải thích?

Cấu tạo của tảo?

- Vận dụng kiến thức để hạn chế sự ô nhiễm nguồn nước gây ra bởi tảo, biết một số tác hại và lợi ích của tảo để có hướng sử dụng phù hợp.

#### 4. Dặn dò:

- Học bài và trả lời câu hỏi cuối sách.
- Đọc phần Em có biết ?
- Chuẩn bị bài tiếp theo: Bài 38.
- Mỗi HS chuẩn bị: mẫu cây rêu, kính lúp cầm tay.

## **Bài 38: RÊU – CÂY RÊU**

### **I/ MỤC TIÊU**

#### **1. Kiến thức:**

- Mô tả được rêu là thực vật đã có thân, lá nhưng cấu tạo đơn giản.
- Xác định được môi trường sống của rêu liên quan đến cấu tạo của chúng
- Nêu rõ được đặc điểm cấu tạo của rêu, phân biệt rêu với tảo và cây có hoa
- Hiểu được rêu sinh sản bằng gì và túi bào tử cũng là cơ quan sinh sản của rêu

#### **2. Năng lực**

Phát triển các năng lực chung và năng lực chuyên biệt

Năng lực chung	Năng lực chuyên biệt
<ul style="list-style-type: none"><li>- Năng lực phát hiện vấn đề</li><li>- Năng lực giao tiếp</li><li>- Năng lực hợp tác</li><li>- Năng lực tự học</li><li>- Năng lực sử dụng CNTT và TT</li></ul>	<ul style="list-style-type: none"><li>- Năng lực kiến thức sinh học</li><li>- Năng lực thực nghiệm</li><li>- Năng lực nghiên cứu khoa học</li></ul>

#### **3. Về phẩm chất**

Giúp học sinh rèn luyện bản thân phát triển các phẩm chất tốt đẹp: yêu nước, nhân ái, chăm chỉ, trung thực, trách nhiệm.

### **II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

#### **1. Giáo viên:**

- Giáo án, SGK, Tranh vẽ như SGK, tiêu bản mẫu vật, tranh ảnh.

#### **2. Học sinh**

- Vở ghi, SGK, Nêu và giải quyết vấn đề kết hợp hình vẽ và làm việc với SGK.

### **III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

#### **1. Ổn định lớp:** Năm sĩ số học sinh

## 2. Kiểm tra bài cũ:

- So sánh đặc điểm cấu tạo của tảo xoắn và rong mơ. Tại sao không thể coi rong mơ như một cây xanh thật sự?

**Trả lời:** Giống nhau: cơ thể đa bào, chưa có thân, rễ, lá, có thể màu trong cấu tạo tế bào;

Khác nhau: hình dạng, màu sắc

Rong mơ có hình dạng giống một cây nhưng chưa có rễ, thân, lá thật sự

- Nêu vai trò của tảo? (cả lợi ích và tác hại)

## 3. Bài mới: RÊU – CÂY RÊU

### HOẠT ĐỘNG 1: Xác định vấn đề/Nhiệm vụ học tập/Mở đầu (5')

**a. Mục tiêu:** HS biết được các nội dung cơ bản của bài học cần đạt được, tạo tâm thế cho học sinh đi vào tìm hiểu bài mới.

**b. Nội dung:** Giáo viên giới thiệu thông tin liên quan đến bài học.

**c. Sản phẩm:** Học sinh lắng nghe định hướng nội dung học tập.

**d. Tổ chức thực hiện:** Giáo viên tổ chức, học sinh thực hiện, lắng nghe phát triển năng lực quan sát, năng lực giao tiếp.

Trong thiên nhiên có những cây rất nhỏ bé, mọc thành từng đám, tạo lớp thảm màu lục tươi. Những cây nhỏ bé đó là những cây rêu, chúng thuộc nhóm Rêu!

### HOẠT ĐỘNG 2: Hình thành kiến thức

**a) Mục tiêu:** - Mô tả được rêu là thực vật đã có thân, lá nhưng cấu tạo đơn giản.

- Xác định được môi trường sống của rêu liên quan đến cấu tạo của chúng

**b) Nội dung:** HS căn cứ trên các kiến thức đã biết, làm việc với sách giáo khoa, hoạt động cá nhân, nhóm hoàn thành yêu cầu học tập.

**c) Sản phẩm:** Trình bày được kiến thức theo yêu cầu của GV.

**d) Tổ chức thực hiện:** Hoạt động cá nhân, hoạt động nhóm, dạy học nêu và giải quyết vấn đề; phương pháp thuyết trình; sử dụng đồ dung trực quan

<p>- GV yêu cầu HS tìm thông tin trong SGK và trả lời câu hỏi :</p> <p>1. Cây rêu sống ở đâu ?</p> <p>2. Nêu đặc điểm bên ngoài của rêu?</p> <p>- GV nhận xét</p>	<p>- HS tìm thông tin trong SGK và trả lời câu hỏi đạt:</p> <p>1. Sống nơi ẩm ướt: trên bờ tường, trên đất ẩm, trên cây to</p> <p>2. Hình dạng giống cây, mềm, mịn.</p> <p>- HS ghi bài</p>	<p><b>1: Môi trường sống của rêu.</b></p> <p>Cây rêu thường sống ở những nơi ẩm ướt.</p>
<p>- GV yêu cầu HS quan sát hình 38.1 SGK tr.126, trả lời câu hỏi:</p> <p>1. Cây rêu có những bộ phận nào ?</p> <p>2. Nêu những điểm khác nhau giữa cây rêu và rong mơ với cây bàng ?</p> <p>3. Tại sao cây rêu xếp vào nhóm thực vật bậc cao?</p>	<p>- HS quan sát hình 38.1, trả lời câu hỏi đạt:</p> <p>1. Thân, lá, và rễ giả (chức năng hút nước).</p> <p>2. Căn cứ vào đặc điểm cấu tạo để trả lời.</p> <p>3. Vì rêu có thân, lá và rễ giả, là TV sống ở cạn đầu</p>	<p><b>2: Quan sát cây rêu</b></p> <p>- Thân ngắn, không phân nhánh.</p> <p>- Lá rất nhỏ và mỏng.</p> <p>- Rễ giả có khả năng hút nước.</p> <p>→ Rễ, thân, lá đều</p>

<p>- GV nhận xét và kết luận.</p> <p>- GV giảng giải: Do rêu có rễ giả - &gt; có khả năng hút nước; thân và lá chưa có mạch dẫn -&gt; chức năng hút nước và dẫn truyền chưa hoàn chỉnh; sống ở nơi ẩm ướt</p>	<p>tiên (tuy nhiên cấu tạo còn rất đơn giản, thô sơ, không giống như các cây xanh khác)</p> <p>- HS lắng nghe</p>	<p>chưa có bó mạch dẫn.</p>
<p>- GV yêu cầu HS quan sát tranh cây rêu có túi bào tử là cơ quan SS nằm ở ngọn cây rêu.</p> <p>-&gt; phân biệt được các phần của túi bào tử</p> <p>- GV yêu cầu HS quan sát tiếp hình 38.2, tìm thông tin trả lời câu hỏi:</p> <p>1. Cơ quan sinh sản của rêu là bộ phận nào ?</p> <p>2. Rêu sinh sản bằng gì?</p> <p>3. Trình bày sự phát triển của rêu ?</p> <p>- GV nhận xét</p>	<p>- HS quan sát tranh cây rêu có túi bào tử -&gt; rút ra nhận xét: Túi bào tử có 2 phần: nắp ở phía trên, cuống ở phía dưới, trong túi có bào tử.</p> <p>- HS quan sát hình 38.2, tìm thông tin trả lời câu hỏi đặt:</p> <ol style="list-style-type: none"> <li>1. Cơ quan sinh sản là túi bào tử nằm ở ngọn cây.</li> <li>2. Rêu sinh sản bằng bào tử.</li> <li>3. Bào tử nảy mầm phát triển thành cây rêu.</li> </ol> <p>- HS ghi bài</p>	<p><b>3: Túi bào tử và sự phát triển của rêu.</b></p> <p>- Cơ quan sinh sản là túi bào tử nằm ở ngọn cây</p> <p>- Rêu sinh sản bằng bào tử</p> <p>- Bào tử nảy mầm phát triển thành cây rêu</p>
<p>- GV yêu cầu HS tìm thông tin trả lời câu hỏi: Rêu có lợi ích gì?</p> <p>- GV cung cấp: Rêu tản dùng trị mụn nhọt, lở ngứa; rêu hồng dài trị bệnh tim, thần kinh suy nhược.</p> <p>- <b>GDMT:</b> Từ những lợi ích của cây rêu đem lại vì vậy có thể phát triển chúng với số lượng lớn để cung cấp những sản phẩm cần thiết từ cây rêu. Đồng thời cũng đề ra những biện pháp hạn chế sự phát triển của rêu gây mất thẩm mỹ.</p>	<p>- HS căn cứ vào thông tin tự rút ra vai trò của rêu.</p>	<p><b>4: Vai trò của rêu</b></p> <p>Tạo thành chất mùn, lớp than bùn làm phân bón hoặc chất đốt.</p>
<p style="text-align: center;"><b>HOẠT ĐỘNG 3: Hoạt động luyện tập (10')</b></p> <p><b>a. Mục tiêu:</b> Củng cố, luyện tập kiến thức vừa học.</p> <p><b>b. Nội dung:</b> Dạy học trên lớp, hoạt động nhóm, hoạt động cá nhân.</p> <p><b>c. Sản phẩm:</b> Bài làm của học sinh, kỹ năng giải quyết nhiệm vụ học tập.</p> <p><b>d. Tổ chức thực hiện:</b> Tổ chức theo phương pháp: đặt và giải quyết vấn đề, học sinh hợp</p>		





GV chia lớp thành nhiều nhóm ( mỗi nhóm gồm các HS trong 1 bàn) và giao các nhiệm vụ: thảo luận trả lời các câu hỏi sau và ghi chép lại câu trả lời vào vở bài tập

- Rêu thường mọc ở đâu?
- Những nơi thường xuyên có ánh nắng mặt trời, khô, nóng rêu có phát triển được không?

Em hãy nêu vai trò của rêu?

## 2. Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận

- HS trả lời.
- HS nộp vở bài tập.
- HS tự ghi nhớ nội dung trả lời đã hoàn thiện.

Vì sao rêu chỉ sống ở môi trường ẩm ướt?

Các thực vật sống ở trên cạn cần phải có bộ phận để hút nước và MK (rễ) và vận chuyển các chất đó lên cây (bó mạch).

Những đặc điểm cấu tạo của rêu còn đơn giản nên chức năng hút và dẫn truyền chưa hoàn chỉnh. Việc lấy nước và chất khoáng hòa tan trong nước vào cơ thể còn phải thực hiện bằng cách thấm qua bề mặt. Vì thế rêu thường chỉ sống được ở nơi ẩm ướt và sống thành từng đám, kích thước thường nhỏ bé.

## 4. Dặn dò:

- Học bài và trả lời câu hỏi cuối sách.
- Ôn tập các bài học trước để chuẩn bị cho tiết ôn tập sắp tới.
- Đọc trước bài mới và mỗi tổ chuẩn bị: cây dương xỉ.

## **Bài 39: QUYẾT – CÂY DƯƠNG XỈ**

### **I/ MỤC TIÊU**

#### **1. Kiến thức:**

- Mô tả được quyết (cây dương xỉ) là thực vật có rễ, thân, lá, có mạch dẫn. Sinh sản bằng bào tử.
- Trình bày được đặc điểm cấu tạo cơ quan sinh dưỡng và cơ quan sinh sản (túi bào tử) của dương xỉ.
- Biết cách nhận dạng một cây thuộc dương xỉ, phân biệt với cây có hoa.
- Nói rõ được nguồn gốc hình thành các mỏ than đá.

#### **2. Năng lực**

Phát triển các năng lực chung và năng lực chuyên biệt

Năng lực chung	Năng lực chuyên biệt
- Năng lực phát hiện vấn đề	- Năng lực kiến thức sinh học
- Năng lực giao tiếp	- Năng lực thực nghiệm
- Năng lực hợp tác	- Năng lực nghiên cứu khoa học

- Năng lực tự học - Năng lực số đông CNTT và TT	
--	--

### 3. Về phẩm chất

Giúp học sinh rèn luyện bản thân phát triển các phẩm chất tốt đẹp: yêu nước, nhân ái, chăm chỉ, trung thực, trách nhiệm.

## II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

### 1. Giáo viên:

- Giáo án, SGK, Tranh vẽ như SGK, tiêu bản mẫu vật, tranh ảnh.

### 2. Học sinh

- Vở ghi, SGK, Nêu và giải quyết vấn đề kết hợp hình vẽ và làm việc với SGK.

## III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

### 1. Ổn định lớp: Năm sĩ số học sinh

### 2. Kiểm tra bài cũ:

- Điền từ thích hợp vào chỗ trống:

Cơ quan sinh dưỡng của cây rêu gồm có ....., chưa có.....thật sự. Trong thân và lá rêu chưa có.....Rêu sinh sản bằng .....được chứa trong .....cơ quan này nằm ở .....cây rêu.

Đa: Lần lượt từ cần điền **thân, lá, rễ, mạch dẫn, bào tử, túi bào tử, ngọn.**

- Tại sao rêu ở cạn nhưng chỉ sống được ở nơi ẩm ướt?

### 3. Bài mới: QUYẾT – CÂY DƯƠNG XỈ

#### \* Khám phá:

\* Kết nối:

#### HOẠT ĐỘNG 1: Xác định vấn đề/Nhiệm vụ học tập/Mở đầu (5')

**a. Mục tiêu:** HS biết được các nội dung cơ bản của bài học cần đạt được, tạo tâm thế cho học sinh đi vào tìm hiểu bài mới.

**b. Nội dung:** Giáo viên giới thiệu thông tin liên quan đến bài học.

**c. Sản phẩm:** Học sinh lắng nghe định hướng nội dung học tập.

**d. Tổ chức thực hiện:** Giáo viên tổ chức, học sinh thực hiện, lắng nghe phát triển năng lực quan sát, năng lực giao tiếp.

Cho hs quan sát một số loại quyết, và dẫn vào bài...

#### HOẠT ĐỘNG 2: Hình thành kiến thức

**a) Mục tiêu:** đặc điểm cấu tạo cơ quan sinh dưỡng và cơ quan sinh sản (túi bào tử) của dương xỉ

**b) Nội dung:** HS căn cứ trên các kiến thức đã biết, làm việc với sách giáo khoa, hoạt động cá nhân, nhóm hoàn thành yêu cầu học tập.

**c) Sản phẩm:** Trình bày được kiến thức theo yêu cầu của GV.

**d) Tổ chức thực hiện:** Hoạt động cá nhân, hoạt động nhóm, dạy học nêu và giải quyết vấn đề; phương pháp thuyết trình; sử dụng đồ dung trực quan

#### a. Cơ quan sinh dưỡng:

- GV yêu cầu HS đặt mẫu dương xỉ

- HS đặt mẫu lên bàn

#### 1: Quan sát cây dương xỉ

#### a. Cơ quan sinh dưỡng:

<p>lên bàn -&gt; phát biểu nơi sống của cây dương xỉ</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- GV yêu cầu HS quan sát kĩ cây dương xỉ và ghi lại đặc điểm các bộ phận của cây.</li> <li>- GV cho HS thảo luận, so sánh cây dương xỉ với cây rêu về đặc điểm rễ, thân, lá, mạch dẫn -&gt; hoàn thành phiếu học tập -&gt; gọi đại diện nhóm lên hoàn thành bảng phụ.</li> <li>- GV cho HS rút ra kết luận về cơ quan sinh dưỡng của dương xỉ</li> <li>- GV: Nhận xét – hoàn thiện kiến thức. Thông tin:</li> </ul> <p>Dương xỉ tiến hóa hơn rêu vì đã có rễ thật và mạch dẫn.</p> <p><b><u>b. Túi bào tử và sự phát triển của cây dương xỉ:</u></b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- GV yêu cầu HS lật mặt dưới của lá già -&gt; tìm túi bào tử</li> <li>- GV yêu cầu HS quan sát hình 39.2 SGK tr.129, đọc kĩ chú thích và trả lời câu hỏi :</li> </ul> <p>1.Vòng cơ có tác dụng gì? 2.Cơ quan sinh sản và sự phát triển của bào tử so với rêu như thế nào?</p> <p>3. Làm bài tập điền vào chỗ trống những từ thích hợp :</p> <p>Mặt dưới lá dương xỉ có những chỗ chứa .....</p>	<p>-&gt; cho biết dương xỉ sống nơi đất ẩm và râm.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- HS quan sát và ghi lại đặc điểm các bộ phận của cây.</li> <li>- HS thảo luận -&gt; hoàn thành phiếu học tập -&gt; đại diện nhóm lên hoàn thành bảng phụ, nhóm khác bổ sung.</li> <li>- HS rút ra kết luận.</li> </ul> <p>- Hs: Nghe.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- HS lật mặt dưới của lá già -&gt; tìm túi bào tử</li> <li>- HS quan sát hình, đọc kĩ chú thích và trả lời câu hỏi đặt:</li> </ul> <ol style="list-style-type: none"> <li>1. Đây bào tử bay ra.</li> <li>2 Cơ quan sinh sản là túi bào tử. Khi chín B tử rơi xuống đất, nảy mầm và phát triển thành nguyên tản → mọc ra cây dương xỉ con.</li> </ol> <p>=&gt; Dương xỉ khác rêu ở chỗ: B tử phát triển thành nguyên tản, còn ở rêu B tử PT thành cây rêu con.</p> <ol style="list-style-type: none"> <li>3. HS thảo luận nhóm hoàn thành bài tập -&gt; đại diện nhóm thông báo kết quả, nhóm khác bổ sung.</li> </ol> <p><b><u>Đáp án:</u></b></p> <p>+ Túi bào tử, đây bào tử bay ra, nguyên tản,</p>	<p>Cơ quan sinh dưỡng gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Lá già có cuống dài, lá non đầu cuộn tròn</li> <li>+ Thân ngầm nằm ngang, hình trụ.</li> <li>+ Rễ thật. Có mạch dẫn.</li> </ul> <p><b><u>b. Túi bào tử và sự phát triển của cây dương xỉ:</u></b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Túi bào tử là cơ quan sinh sản của dương xỉ, trong túi bào tử chứa các bào tử.</li> <li>- Dương xỉ sinh sản bằng bào tử, bào tử phát triển thành nguyên tản và nguyên tản mọc thành cây rêu con sau quá trình thụ tinh.</li> </ul>
---	--	---

<p>Vách túi bào tử có một vòng cơ mang tế bào dày lên rất rõ, vòng cơ có tác dụng .....khi túi bào tử chín. Bào tử rơi xuống đất sẽ nảy mầm và phát triển thành..... rồi từ đó mọc ra .....</p> <p>Dương xỉ sinh sản bằng .....như rêu, nhưng khác rêu ở chỗ có .....do bào tử phát triển thành.</p> <p>- GV cho HS đọc lại đáp án bài tập - GV nhận xét, cho HS ghi bài.</p>	<p>cây dương xỉ con. + Bào tử, nguyên tản</p> <p>- HS đọc lại đáp án - HS ghi bài.</p>	
---	--	--

**PHIẾU HỌC TẬP**

<b>ĐD so sánh</b>	<b>Rêu</b>	<b>Quyết</b>
<b>Rễ</b>	Rễ già, có khả năng hút nước	Rễ thật
<b>Thân</b>	Nhỏ, không phân nhánh	Ngâm, nằm ngang, hình trụ.
<b>Lá</b>	Nhỏ, mỏng	- Lá già: cuống dài, phiến xẻ thùy - Lá non: đầu cuộn tròn, có lông trắng
<b>Mạch dẫn</b>	Chưa có	Chính thức
<p>- GV hướng dẫn HS quan sát tranh cây rau bợ và cây cu li</p> <p>- GV yêu cầu HS rút ra nhận xét: + <i>Đặc điểm chung.</i></p> <p>+ <i>Muốn nhận biết một số dương xỉ ta dựa vào đặc điểm nào?</i></p> <p>- <b>GDMT:</b> Nhận thấy được sự đa dạng của các nhóm thực vật trong tự nhiên và trong đời sống con người, từ đó có ý thức bảo vệ sự đa dạng thực vật.</p>	<p>- HS quan sát tranh cây rau bợ và cây cu li</p> <p>- HS rút ra nhận xét: + Có rễ, thân, lá thật; có mạch dẫn; sinh sản bằng bào tử. + Căn cứ vào đđ lá non.</p>	<p><b>2: Một vài loài dương xỉ thường gặp</b></p> <p>Cây rau bợ, cây lông cu li chúng đều có lá non cuộn tròn lại ở đầu, đó cũng là đặc điểm nhận biết dương xỉ.</p>
<p>- GV yêu cầu HS tìm thông tin trong SGK trả lời câu hỏi: <i>Than đá được hình thành như thế nào ?</i></p> <p>- GV nhận xét.</p>	<p>- HS tìm thông tin trong SGK trả lời câu hỏi đạt: Nguồn gốc than đá là từ quyết cổ đại. - HS ghi bài</p>	<p><b>3: Quyết cổ đại và sự hình thành than đá</b></p> <p>Nguồn gốc than đá là từ quyết cổ đại bị vùi sâu trong lòng đất.</p>

**HOẠT ĐỘNG 3: Hoạt động luyện tập (10')**

**a. Mục tiêu:** Củng cố, luyện tập kiến thức vừa học.

**b. Nội dung:** Dạy học trên lớp, hoạt động nhóm, hoạt động cá nhân.

**c. Sản phẩm:** Bài làm của học sinh, kỹ năng giải quyết nhiệm vụ học tập.

**d. Tổ chức thực hiện:** Tổ chức theo phương pháp: đặt và giải quyết vấn đề, học sinh hợp tác, vận dụng kiến thức hoàn thành nhiệm vụ.

**GV giao nhiệm vụ cho học sinh làm bài tập trắc nghiệm:**

**Câu 1.** Đặc điểm nào dưới đây có ở dương xỉ mà không có ở rêu ?



sánh với rêu?

#### 4. Dặn dò:

- Học bài và trả lời câu hỏi cuối sách.
- Đọc mục Em có biết?
- Mỗi HS chuẩn bị: cành thông, nón thông.
- Ôn tập chương VI, VII, bài 37, 38, 39

### KIỂM TRA 45 PHÚT

#### I/ MỤC TIÊU

##### 1. Kiến thức:

- Giúp HS nắm vững kiến thức cơ bản ở chương 6, chương 7 và chương 8:
- + Thụ phấn, thụ tinh, kết hạt và tạo quả.
- + Quả và hạt. Điều kiện cần cho hạt nảy mầm.
- + Tảo, Rêu - cây rêu, Quyết- cây dương xỉ.
- Kiểm tra kiến thức của học sinh từ đó đánh giá lại chất lượng dạy và học nhằm rút kinh nghiệm trong việc dạy và học.

##### 2. Năng lực

Phát triển các năng lực chung và năng lực chuyên biệt

Năng lực chung	Năng lực chuyên biệt
<ul style="list-style-type: none"><li>- Năng lực phát hiện vấn đề</li><li>- Năng lực giao tiếp</li><li>- Năng lực hợp tác</li><li>- Năng lực tự học</li><li>- Năng lực sử dụng CNTT và TT</li></ul>	<ul style="list-style-type: none"><li>- Năng lực kiến thức sinh học</li><li>- Năng lực thực nghiệm</li><li>- Năng lực nghiên cứu khoa học</li></ul>

##### 3. Về phẩm chất

Giúp học sinh rèn luyện bản thân phát triển các phẩm chất tốt đẹp: yêu nước, nhân ái, chăm chỉ, trung thực, trách nhiệm.

#### II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

##### 1. Giáo viên:

- Giáo án, SGK, Tranh vẽ như SGK, tiêu bản mẫu vật, tranh ảnh.

##### 2. Học sinh

- Vở ghi, SGK, Nêu và giải quyết vấn đề kết hợp hình vẽ và làm việc với SGK.

#### III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

##### 1. Ổn định lớp: Năm sĩ số học sinh

##### 2. Kiểm tra bài cũ: (kiểm tra 45 phút)

##### 3. Bài mới : Đề kiểm tra 45 phút.

\* Khám phá: Tổng kết lại những kiến thức đã học trong thời gian vừa qua, đồng thời đánh giá mức độ học tập của từng học sinh trong lớp.

\* Kết nối:

#### ĐỀ CHẤM



- Phân biệt sự khác nhau giữa nón của thông và với 1 hoa đã biết.
- Nêu được sự khác nhau cơ bản giữa cây thông ( cây hạt Trần) và cây có hoa.

## 2. Năng lực

Phát triển các năng lực chung và năng lực chuyên biệt

Năng lực chung	Năng lực chuyên biệt
<ul style="list-style-type: none"> <li>- Năng lực phát hiện vấn đề</li> <li>- Năng lực giao tiếp</li> <li>- Năng lực hợp tác</li> <li>- Năng lực tự học</li> <li>- Năng lực sử dụng CNTT và TT</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Năng lực kiến thức sinh học</li> <li>- Năng lực thực nghiệm</li> <li>- Năng lực nghiên cứu khoa học</li> </ul>

## 3. Về phẩm chất

Giúp học sinh rèn luyện bản thân phát triển các phẩm chất tốt đẹp: yêu nước, nhân ái, chăm chỉ, trung thực, trách nhiệm.

## II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

### 1. Giáo viên:

- Giáo án, SGK, Tranh vẽ như SGK, tiêu bản mẫu vật, tranh ảnh.

### 2. Học sinh

- Vở ghi, SGK, Nêu và giải quyết vấn đề kết hợp hình vẽ và làm việc với SGK.

## III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

### 1. Ổn định lớp: Năm sĩ số học sinh

### 2. Kiểm tra bài cũ: (không kiểm tra bài cũ)

### 3. Bài mới : HẠT TRẦN - CÂY THÔNG

#### HOẠT ĐỘNG 1: Xác định vấn đề/Nhiệm vụ học tập/Mở đầu (5')

**a. Mục tiêu:** HS biết được các nội dung cơ bản của bài học cần đạt được, tạo tâm thế cho học sinh đi vào tìm hiểu bài mới.

**b. Nội dung:** Giáo viên giới thiệu thông tin liên quan đến bài học.

**c. Sản phẩm:** Học sinh lắng nghe định hướng nội dung học tập.

**d. Tổ chức thực hiện:** Giáo viên tổ chức, học sinh thực hiện, lắng nghe phát triển năng lực quan sát, năng lực giao tiếp.

Chúng ta thường quen gọi “quả thông” vì nó mang các hạt. Nhưng gọi như vậy đã chính xác chưa? Ta đã biết quả phát triển từ hoa (từ bầu nhụy). Vậy thông đã có hoa, quả thật sự chưa? học bài này ta sẽ trả lời được câu hỏi đó.

#### HOẠT ĐỘNG 2: Hình thành kiến thức

**a) Mục tiêu:** Phân biệt sự khác nhau giữa nón của thông và với 1 hoa đã biết.


- Nêu được sự khác nhau cơ bản giữa cây thông ( cây hạt Trần) và cây có hoa

**b) Nội dung:** HS căn cứ trên các kiến thức đã biết, làm việc với sách giáo khoa, hoạt động cá nhân, nhóm hoàn thành yêu cầu học tập.

**c) Sản phẩm:** Trình bày được kiến thức theo yêu cầu của GV.



<p><b>d) Tổ chức thực hiện:</b> Hoạt động cá nhân, hoạt động nhóm, dạy học nêu và giải quyết vấn đề; phương pháp thuyết trình; sử dụng đồ dung trực quan</p>		
<p>- GV giới thiệu qua về cây thông. - GV hướng dẫn HS quan sát cành lá thông như sau:</p> <p>1. Đặc điểm thân, cành, màu sắc? 2. Lá: hình dạng, màu sắc.</p> <p>- GV cho biết rễ to khỏe, rễ cọc, mọc sâu. - GV cho HS hoàn thiện kết luận.</p>	<p>- HS lắng nghe. - HS làm việc theo nhóm -&gt; ghi đặc điểm ra nháp, đại diện nhóm trả lời đạt:</p> <p>1. Thân cành màu nâu, xù xì do vết sẹo khi lá rụng để lại 2. Lá nhỏ hình kim, mọc từ 2-3 chiếc trên cành con rất ngắn.</p> <p>- HS ghi bài.</p>	<p><b>1. Cơ quan sinh dưỡng của cây thông.</b> - Thân, cành màu nâu, xù xì (cành có vết sẹo do lá khi rụng để lại). - Lá nhỏ hình kim, mọc từ 2-3 chiếc trên cành con rất ngắn.</p>
<p>- GV thông báo có 2 loại nón: nón đực và nón cái. - GV hướng dẫn HS quan sát hình 40.2, yêu cầu HS :</p> <p>1. Xác định vị trí nón đực và nón cái trên cành ? 2. Đặc điểm của 2 loại nón (số lượng, kích thước của 2 loại).</p> <p>- GV hướng dẫn HS quan sát hình 40.3, trả lời câu hỏi:</p> <p>1. Nón đực có cấu tạo như thế nào ? 2. Nón cái có cấu tạo như thế nào ?</p> <p>- GV cần lưu ý: Thực tế ở nón đực, dưới mỗi vảy mang 2 túi phấn, nhưng đây là hình cắt dọc nên chỉ nhìn thấy 1, ở nón cái cũng thế: mỗi vảy mang 2 lá noãn ở gốc nhưng trên hình vẽ chỉ nhìn thấy 1.</p> <p>- GV nhận xét. <b>So sánh hoa và nón.</b> - GV yêu cầu HS hoàn thành bảng SGK tr.133 - GV nhận xét, bổ sung. - GV yêu cầu HS thảo luận: Nón khác hoa ở đặc điểm nào ?</p>	<p>- HS lắng nghe</p> <p>- HS quan sát hình 40.2 SGK, trả lời câu hỏi đạt yêu cầu:</p> <p>1. Nón đực: đầu cành Nón cái: nách cành 2. Nón cái: Lớn, mọc riêng lẻ Nón đực: Nhỏ, mọc thành cụm</p> <p>- HS quan sát hình 40.3, trả lời câu hỏi đạt:</p> <p>1. Nón đực: vảy (nhị) mang hai túi phấn chứa hạt phấn. 2. Nón cái: vảy (lá noãn) mang hai noãn.</p> <p>- HS lắng nghe</p> <p>- HS ghi bài vào vở.</p> <p>- HS tự làm bài tập điền bảng - &gt; 1,2 HS lên điền bảng. - HS kẻ bảng vào vở. - HS căn cứ vào bảng bài tập, trả lời đạt yêu cầu: Nón chưa có cấu tạo nhị và nhụy điểm</p>	<p><b>2. Cơ quan sinh sản (nón)</b> - Cơ quan sinh sản của thông là nón. - Có 2 loại nón: * Nón đực: Nhỏ, màu vàng, mọc thành cụm. Gồm có vảy (nhị), mỗi vảy mang 2 túi phấn chứa hạt phấn. * Nón cái: Lớn, mọc riêng lẻ gồm các vảy (lá noãn), mỗi vảy mang 2 noãn.</p> <p>- Nón chưa có bầu nhụy chứa noãn, nên hạt nằm lộ trên lá noãn hở → nên gọi là hạt trần. Và không thể gọi nón như 1 hoa được → Vì vậy nó chưa có hoa, quả thật sự.</p>

<p>- GV bổ sung-&gt; giúp HS hoàn chỉnh kết luận.</p> <p><b>Quan sát một nón cái đã phát triển</b></p> <p>- GV yêu cầu HS quan sát một nón thông và tìm hạt :</p> <p>1. <i>Hạt thông nằm ở đâu ?</i> 2. <i>Tại sao gọi cây thông là hạt trần ?</i></p> <p>- GV bổ sung-&gt; giúp HS hoàn chỉnh kết luận.</p>	<p>hình, đặc biệt chưa có bầu nhụy chứa noãn bên trong.</p> <p>- HS ghi bài vào vở.</p> <p>- HS thảo luận -&gt; ghi câu trả lời nháp, đại diện nhóm trả lời:</p> <p>1. Hạt nằm trên lá noãn hở 2. Hạt vẫn còn nằm lộ bên ngoài nên gọi là hạt trần.</p> <p>- HS ghi bài vào vở</p>	
<p>- GV yêu cầu HS căn cứ vào thông tin và hiểu biết từ thực tiễn nêu giá trị thực tiễn của các cây thuộc ngành hạt Trần.</p> <p>- GV đưa một số thông tin về giá trị của một số cây hạt Trần khác.</p>	<p>- HS nêu được các giá trị thực tiễn của các cây thuộc ngành hạt Trần.</p> <p>- HS lắng nghe và ghi nhận.</p>	<p><b>3. Giá trị của cây hạt Trần.</b></p> <p>- Cho gỗ tốt - Làm cảnh</p>
<p style="text-align: center;"><b>HOẠT ĐỘNG 3: Hoạt động luyện tập (10')</b></p> <p><b>a. Mục tiêu:</b> Củng cố, luyện tập kiến thức vừa học.</p> <p><b>b. Nội dung:</b> Dạy học trên lớp, hoạt động nhóm, hoạt động cá nhân.</p> <p><b>c. Sản phẩm:</b> Bài làm của học sinh, kỹ năng giải quyết nhiệm vụ học tập.</p> <p><b>d. Tổ chức thực hiện:</b> Tổ chức theo phương pháp: đặt và giải quyết vấn đề, học sinh hợp tác, vận dụng kiến thức hoàn thành nhiệm vụ.</p>		
<p style="text-align: center;"><b>GV giao nhiệm vụ cho học sinh làm bài tập trắc nghiệm:</b></p> <p><b>Câu 1.</b> Nón đực của cây thông có màu gì ? A. Màu đỏ            B. Màu nâu            C. Màu vàng            D. Màu xanh lục</p> <p><b>Câu 2.</b> Bộ phận nào của cây thông thường được chúng ta gọi là “quả” ? A. Bao phấn            B. Hạt            C. Nón đực            D. Nón cái</p> <p><b>Câu 3.</b> Cây nào dưới đây không thuộc nhóm Hạt trần ? A. Tuế            B. Dừa            C. Thông tre            D. Kim giao</p> <p><b>Câu 4.</b> Dựa vào phân loại, em hãy cho biết cây nào dưới đây không cùng nhóm với những cây còn lại ? A. Phi lao            B. Bạch đàn            C. Bách tán            D. Xà cừ</p> <p><b>Câu 5.</b> Loại cây nào dưới đây thường được trồng để làm cảnh ? A. Hoàng đàn            B. Tuế            C. Kim giao            D. Pơmu</p> <p><b>Câu 6.</b> Cây nào dưới đây sinh sản bằng hạt ? A. Trắc bách diệp            B. Bèo tổ ong            C. Rêu            D. Rau bợ</p> <p><b>Câu 7.</b> Cơ quan sinh sản của thông có tên gọi là gì ? A. Hoa            B. Túi bào tử            C. Quả            D. Nón</p> <p><b>Câu 8.</b> So với dương xỉ, cây Hạt trần có đặc điểm nào ưu việt ? A. Có rễ thật            B. Sinh sản bằng hạt C. Thân có mạch dẫn            D. Có hoa và quả</p>		

**Câu 9.** Trong các cây Hạt trần dưới đây, cây nào có kích thước lớn nhất ?

A. Bách tán            B. Thông            C. Pơmu            D. Xêcôia

**Câu 10.** Vảy ở nón cái của cây thông thực chất là

A. lá noãn.            B. noãn.            C. nhị.            D. túi phấn.

**Đáp án**

1. C	2. D	3. B	4. C	5. B
6. A	7. D	8. B	9. D	10. A

**HOẠT ĐỘNG 4: Hoạt động vận dụng (8')**

**a. Mục tiêu:** Vận dụng các kiến thức vừa học quyết các vấn đề học tập và thực tiễn.

**b. Nội dung:** Dạy học trên lớp, hoạt động nhóm, hoạt động cá nhân.

**c. Sản phẩm:** HS vận dụng các kiến thức vào giải quyết các nhiệm vụ đặt ra.

**d. Tổ chức thực hiện:** GV sử dụng phương pháp vấn đáp tìm tòi, tổ chức cho học sinh tìm tòi, mở rộng các kiến thức liên quan.

**1. Chuyển giao nhiệm vụ học tập**

GV chia lớp thành nhiều nhóm

( mỗi nhóm gồm các HS trong 1 bàn) và giao các nhiệm vụ: thảo luận trả lời các câu hỏi sau và ghi chép lại câu trả lời vào vở bài tập

- So sánh một nón cái đã phát triển với một quả của cây có hoa (quả bưởi). Tìm điểm khác nhau cơ bản giữa nón cái đã phát triển và quả

Giá trị của cây hạt trần?

**2. Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**

- HS trả lời.

- HS nộp vở bài tập.

- HS tự ghi nhớ nội dung trả lời đã hoàn thiện.

Quan sát và ghi lại đặc điểm của lá thông

**4. Củng cố đánh giá:**

- Học bài và trả lời câu hỏi cuối sách.

- Đọc phần Em có biết ?

- HS quan sát, tìm các loài TV ngoài thiên nhiên, ghi vào bảng cuối SGK tr. 135

**Bài 41: HẠT KÍN. ĐẶC ĐIỂM CỦA THỰC VẬT HẠT KÍN**

**I/ MỤC TIÊU**

**1. Kiến thức:**

- Nêu được tính chất đặc trưng của cây Hạt kín là có hoa và quả với hạt giấu kín trong quả. Từ đó phân biệt được sự khác nhau cơ bản giữa cây Hạt kín và cây Hạt trần.
- Nêu được sự đa dạng của cơ quan sinh dưỡng, cơ quan sinh sản của cây Hạt kín.
- Biết cách quan sát cây Hạt kín.

## 2. Năng lực

Phát triển các năng lực chung và năng lực chuyên biệt

Năng lực chung	Năng lực chuyên biệt
<ul style="list-style-type: none"> <li>- Năng lực phát hiện vấn đề</li> <li>- Năng lực giao tiếp</li> <li>- Năng lực hợp tác</li> <li>- Năng lực tự học</li> <li>- Năng lực sử dụng CNTT và TT</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Năng lực kiến thức sinh học</li> <li>- Năng lực thực nghiệm</li> <li>- Năng lực nghiên cứu khoa học</li> </ul>

## 3. Về phẩm chất

Giúp học sinh rèn luyện bản thân phát triển các phẩm chất tốt đẹp: yêu nước, nhân ái, chăm chỉ, trung thực, trách nhiệm.

## II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

### 1. Giáo viên:

- Giáo án, SGK, Tranh vẽ như SGK, tiêu bản mẫu vật, tranh ảnh.

### 2. Học sinh

- Vở ghi, SGK, Nêu và giải quyết vấn đề kết hợp hình vẽ và làm việc với SGK.

## III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

### 1. Ổn định lớp: Năm sĩ số học sinh

### 2. Kiểm tra bài cũ:

- Cơ quan sinh sản của thông là gì? Cấu tạo ra sao?

### 3. Bài mới : HẠT KÍN – ĐẶC ĐIỂM CỦA THỰC VẬT HẠT KÍN

#### HOẠT ĐỘNG 1: Xác định vấn đề/Nhiệm vụ học tập/Mở đầu (5')

**a. Mục tiêu:** HS biết được các nội dung cơ bản của bài học cần đạt được, tạo tâm thế cho học sinh đi vào tìm hiểu bài mới.

**b. Nội dung:** Giáo viên giới thiệu thông tin liên quan đến bài học.

**c. Sản phẩm:** Học sinh lắng nghe định hướng nội dung học tập.

**d. Tổ chức thực hiện:** Giáo viên tổ chức, học sinh thực hiện, lắng nghe phát triển năng lực quan sát, năng lực giao tiếp.

Quan sát hình ảnh của một số hạt kín, Gv dẫn vào bài...

#### HOẠT ĐỘNG 2: Hình thành kiến thức

**a) Mục tiêu:** tính chất đặc trưng của cây Hạt kín là có hoa và quả với hạt giấu kín trong quả. Từ đó phân biệt được sự khác nhau cơ bản giữa cây Hạt kín và cây Hạt trần.

**b) Nội dung:** HS căn cứ trên các kiến thức đã biết, làm việc với sách giáo khoa, hoạt động cá nhân, nhóm hoàn thành yêu cầu học tập.

<p><b>c) Sản phẩm:</b> Trình bày được kiến thức theo yêu cầu của GV.</p> <p><b>d) Tổ chức thực hiện:</b> Hoạt động cá nhân, hoạt động nhóm, dạy học nêu và giải quyết vấn đề; phương pháp thuyết trình; sử dụng đồ dung trực quan</p>		
<ul style="list-style-type: none"> <li>- GV tổ chức nhóm quan sát mẫu như trong SGK hướng dẫn.</li> <li>- GV treo bảng phụ có nội dung như bảng tr. 135 nhưng để trống tên cây và đặc điểm.</li> <li>- GV cho HS kẻ bảng vào vở.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- HS quan sát mẫu nhóm đã chuẩn bị -&gt; ghi các đặc điểm quan sát được vào bảng đã kẻ sẵn.</li> <li>- Đại diện nhóm lên điền bảng.</li> <li>- HS ghi bài vào vở.</li> </ul>	<p><b>1: Quan sát cây có hoa</b></p> <p>Như kết quả quan sát mẫu vật của HS.</p>

### PHIẾU HỌC TẬP

CÂY	DẠNG THÂN	DẠNG RỄ	KIỂU LÁ	GÂN LÁ	CÁNH HOA	QUẢ (nếu có)	MÔI TRƯỜNG SỐNG
<ul style="list-style-type: none"> <li>- GV cho HS đọc kết quả quan sát được.</li> <li>- GV treo bảng phụ, bổ sung thêm một vài cây điển hình.</li> <li>- Căn cứ vào kết quả quan sát, GV hướng dẫn HS tìm kiến thức :               <ol style="list-style-type: none"> <li>1. Nhận xét sự khác nhau của rễ, thân, lá, hoa, quả, hạt.</li> </ol> </li> <li>- GV cung cấp: <b>cây Hạt kín có mạch dẫn phát triển.</b></li> <li>2. Cây Hạt kín tiến hóa hơn cây Hạt trần ở điểm nào ?</li> <li>3. Nêu đặc điểm chung của cây Hạt kín?</li> </ul>			<ul style="list-style-type: none"> <li>- HS đọc kết quả quan sát.</li> <li>- HS bổ sung vào bảng.</li> <li>- HS nghiên cứu lại kết quả quan sát và trả lời đạt yêu cầu :               <ol style="list-style-type: none"> <li>1. HS thấy được sự đa dạng của rễ, thân, lá, hoa, quả, hạt.</li> <li>- HS lắng nghe</li> <li>2. Rễ, thân, lá đa dạng. Có hoa và quả chứa hạt bên trong.</li> <li>3. Cơ quan sinh dưỡng đa dạng, có mạch dẫn. Sinh sản bằng hạt. Hạt nằm trong quả.</li> </ol> </li> <li>- HS ghi bài vào vở.</li> </ul>			<p><b>2: Tìm hiểu đặc điểm cây Hạt kín</b></p> <p>Hạt kín là nhóm thực vật có hoa, có một số đặc điểm sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Cơ quan sinh dưỡng phát triển đa dạng (rễ cọc, rễ chùm, thân gỗ, thân cỏ, lá đơn, lá kép...), trong thân có mạch dẫn phát triển.</li> <li>- Cơ quan sinh sản có hoa, quả. Hạt nằm trong quả là một ưu thế của các cây Hạt kín. Hoa và quả có nhiều dạng khác nhau.</li> <li>- Môi trường sống đa dạng.</li> </ul> <p>-&gt; Đây là nhóm thực vật tiến hóa hơn cả.</p>	
<ul style="list-style-type: none"> <li>- GV nhận xét, cho HS ghi bài.</li> </ul>							



- A. Sinh sản bằng hạt  
C. Thân có mạch dẫn
- B. Có hoa và quả  
D. Sống chủ yếu ở cạn

**Câu 9.** Hiện tượng hạt được bao bọc trong quả có ý nghĩa thích nghi như thế nào ?

- A. Tất cả các phương án đưa ra  
B. Giúp dự trữ các chất dinh dưỡng nuôi hạt khi chúng nảy mầm  
C. Giúp các chất dinh dưỡng dự trữ trong hạt không bị thất thoát ra ngoài  
D. Giúp hạt được bảo vệ tốt hơn, tăng cơ hội duy trì nòi giống

**Câu 10.** Rễ chùm không được tìm thấy ở cây nào dưới đây ?

- A. Rau dền                  B. Hành hoa                  C. Lúa                  D. Gừng

### Đáp án

1. C	2. D	3. B	4. B	5. B
6. A	7. C	8. B	9. D	10. A

### HOẠT ĐỘNG 4: Hoạt động vận dụng (8')

**a. Mục tiêu:** Vận dụng các kiến thức vừa học quyết các vấn đề học tập và thực tiễn.

**b. Nội dung:** Dạy học trên lớp, hoạt động nhóm, hoạt động cá nhân.

**c. Sản phẩm:** HS vận dụng các kiến thức vào giải quyết các nhiệm vụ đặt ra.

**d. Tổ chức thực hiện:** GV sử dụng phương pháp vấn đáp tìm tòi, tổ chức cho học sinh tìm tòi, mở rộng các kiến thức liên quan.

#### 1. Chuyển giao nhiệm vụ học tập

GV chia lớp thành nhiều nhóm

( mỗi nhóm gồm các HS trong 1 bàn) và giao các nhiệm vụ: thảo luận trả lời các câu hỏi sau và ghi chép lại câu trả lời vào vở bài tập

Đặc điểm chung của thực vật Hạt kín?

Kể tên 5 cây Hạt kín có dạng thân, lá hoặc quả, quả khác nhau

#### 2. Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận

- HS trả lời.

- HS nộp vở bài tập.

- HS tự ghi nhớ nội dung trả lời đã hoàn thiện.

Quan sát một số cây có hoa và ghi lại các đặc điểm đã quan sát được

#### 4. Củng cố đánh giá:

- Học bài và trả lời câu hỏi cuối sách.

- Đọc phần Em có biết?

- Chuẩn bị mẫu vật: cây lúa, cây hành, cây huệ, cây bưởi con, cây râm bụt,...

- Kẻ bảng tr. 137 vào vở

## Bài 42: LỚP HAI LÁ MẦM VÀ LỚP MỘT LÁ MẦM

### I/ MỤC TIÊU

#### 1. Kiến thức:

- Phân biệt một số hình thái của cây thuộc lớp 2 lá mầm và một lá mầm (về kiểu: rễ, gân lá, số lượng cành hoa).
- Căn cứ vào đặc điểm để có thể nhận dạng nhanh một số cây thuộc lớp Hai lá mầm hay Một lá mầm.

#### 2. Năng lực

Phát triển các năng lực chung và năng lực chuyên biệt

Năng lực chung	Năng lực chuyên biệt
<ul style="list-style-type: none"><li>- Năng lực phát hiện vấn đề</li><li>- Năng lực giao tiếp</li><li>- Năng lực hợp tác</li><li>- Năng lực tự học</li><li>- Năng lực sử dụng CNTT và TT</li></ul>	<ul style="list-style-type: none"><li>- Năng lực kiến thức sinh học</li><li>- Năng lực thực nghiệm</li><li>- Năng lực nghiên cứu khoa học</li></ul>

#### 3. Về phẩm chất

Giúp học sinh rèn luyện bản thân phát triển các phẩm chất tốt đẹp: yêu nước, nhân ái, chăm chỉ, trung thực, trách nhiệm.

### II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

#### 1. Giáo viên:

- Giáo án, SGK, Tranh vẽ như SGK, tiêu bản mẫu vật, tranh ảnh.

#### 2. Học sinh

- Vở ghi, SGK, Nêu và giải quyết vấn đề kết hợp hình vẽ và làm việc với SGK.

### III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

#### 1. Ổn định lớp: Năm sĩ số học sinh

#### 2. Kiểm tra bài cũ:

- Đặc điểm chung của thực vật Hạt kín?
- Giữa cây Hạt trần và cây Hạt kín có những điểm gì phân biệt, trong đó điểm nào là quan trọng nhất?

ĐA: Đặc điểm quan trọng nhất để phân biệt giữa cây Hạt trần và cây Hạt kín là Hạt kín có hoa và quả chứa hạt bên trong.

#### 3. Bài mới : HẠT KÍN – ĐẶC ĐIỂM CỦA THỰC VẬT HẠT KÍN

\* Khám phá:

\* Kết nối:

#### **HOẠT ĐỘNG 1: Xác định vấn đề/Nhiệm vụ học tập/Mở đầu (5')**

**a. Mục tiêu:** HS biết được các nội dung cơ bản của bài học cần đạt được, tạo tâm thế cho học sinh đi vào tìm hiểu bài mới.

**b. Nội dung:** Giáo viên giới thiệu thông tin liên quan đến bài học.

**c. Sản phẩm:** Học sinh lắng nghe định hướng nội dung học tập.

**d. Tổ chức thực hiện:** Giáo viên tổ chức, học sinh thực hiện, lắng nghe phát triển năng



lực quan sát, năng lực giao tiếp.

### HOẠT ĐỘNG 2: Hình thành kiến thức

**a) Mục tiêu:** một số hình thái của cây thuộc lớp 2 lá mầm và một lá mầm (về kiểu: rễ, gân lá, số lượng cánh hoa).

- Căn cứ vào đặc điểm để có thể nhận dạng nhanh một số cây thuộc lớp Hai lá mầm hay Một lá mầm

**b) Nội dung:** HS căn cứ trên các kiến thức đã biết, làm việc với sách giáo khoa, hoạt động cá nhân, nhóm hoàn thành yêu cầu học tập.

**c) Sản phẩm:** Trình bày được kiến thức theo yêu cầu của GV.

**d) Tổ chức thực hiện:** Hoạt động cá nhân, hoạt động nhóm, dạy học nêu và giải quyết vấn đề; phương pháp thuyết trình; sử dụng đồ dung trực quan

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS	Nội dung
<ul style="list-style-type: none"> <li>- GV cho HS nhắc lại về kiểu rễ, thân, lá kết hợp với quan sát tranh.</li> <li>- GV yêu cầu HS quan sát tranh + hình 42.1 SGK -&gt; hoàn thành bảng SGK tr.137</li> <li>- GV gọi HS lên bảng hoàn thành bảng phụ.</li> <li>- GV nhận xét.</li> <li>- GV yêu cầu HS nghiên cứu thông tin mục □ SGK tr.137, trả lời câu hỏi: <i>Còn những dấu hiệu nào để phân biệt lớp hai lá mầm và một lá mầm?</i></li> <li>- GV nhận xét.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- HS nhắc lại về kiểu rễ, thân, lá.</li> <li>- HS quan sát tranh + hình 42.1 SGK -&gt; hoàn thành bảng SGK.</li> <li>- HS lên bảng hoàn thành bảng phụ -&gt; HS khác bổ sung</li> <li>- HS kẻ bảng vào tập</li> <li>- HS trả lời: Căn cứ vào số lá mầm của phôi và đặc điểm thân.</li> <li>- HS ghi nhận.</li> </ul>	<p><b>1: Cây hai lá mầm và cây một lá mầm</b> Nội dung bảng</p>

### BẢNG HỌC TẬP

Đặc điểm	Lớp Một lá mầm	Lớp Hai lá mầm
Rễ	Rễ chùm	Rễ cọc
Thân	Thân cỏ, cột	Thân gỗ, cỏ, leo
Kiểu gân lá	Gân lá song song hoặc hình cung	Gân lá hình mạng
Số cánh hoa	Hoa có 6 hoặc 3 cánh	Hoa có 5 hoặc 4 cánh
Hạt	Phôi có một lá mầm	Phôi có hai lá mầm
<ul style="list-style-type: none"> <li>- GV yêu cầu HS từ bảng suy ra đặc điểm phân biệt giữa lớp Một lá mầm và lớp Hai lá mầm.</li> <li>- GV yêu cầu HS sắp xếp mẫu vật thật và tranh vẽ theo lớp Một lá mầm và lớp Hai lá</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- HS từ bảng suy ra đặc điểm phân biệt giữa lớp Một lá mầm và lớp Hai lá mầm.</li> <li>- HS sắp xếp mẫu vật thật và tranh vẽ theo lớp Một lá mầm và lớp Hai lá mầm.</li> </ul>	<p><b>2: Đặc điểm phân biệt giữa lớp Hai lá mầm và lớp Một lá mầm</b></p> <p>Các cây Hạt kín được chia thành hai lớp: lớp Hai lá mầm và lớp Một lá mầm. Hai lớp này phân biệt với nhau chủ yếu</p>

mầm. - GV nhận xét -> HS ghi bài	- HS ghi bài	ở số lá mầm của phôi; ngoài ra còn một vài dấu hiệu phân biệt khác như kiểu rễ, kiểu gân lá, số cánh hoa, dạng thân,...
-------------------------------------	--------------	---

### HOẠT ĐỘNG 3: Hoạt động luyện tập (10')

**a. Mục tiêu:** Củng cố, luyện tập kiến thức vừa học.

**b. Nội dung:** Dạy học trên lớp, hoạt động nhóm, hoạt động cá nhân.

**c. Sản phẩm:** Bài làm của học sinh, kỹ năng giải quyết nhiệm vụ học tập.

**d. Tổ chức thực hiện:** Tổ chức theo phương pháp: đặt và giải quyết vấn đề, học sinh hợp tác, vận dụng kiến thức hoàn thành nhiệm vụ.

#### GV giao nhiệm vụ cho học sinh làm bài tập trắc nghiệm:

**Câu 1.** Cây nào dưới đây là đại diện của lớp Hai lá mầm ?

- A. Cau                      B. Mía                      C. Ngô                      D. Cải

**Câu 2.** Cây nào dưới đây có số lá mầm trong hạt khác với những cây còn lại ?

- A. Xương rồng      B. Hoàng tinh      C. Chuối                      D. Hành tây

**Câu 3.** Đặc điểm nào dưới đây không phải là đặc điểm chung của các cây Hai lá mầm ?

- A. Gân lá hình cung                      B. Rễ cọc  
C. Cuống phân tách rõ ràng với lá      D. Tất cả các phương án đưa ra

**Câu 4.** Nhóm nào dưới đây gồm hai loài thực vật có cùng kiểu gân lá ?

- A. Gai, tía tô                      B. Râm bụt, mây  
C. Bèo tây, trúc                      D. Trầu không, mía

**Câu 5.** Hầu hết các đại diện của lớp Một lá mầm đều có dạng thân như thế nào ?

- A. Thân cột                      B. Thân cỏ                      C. Thân leo                      D. Thân gỗ

**Câu 6.** Chọn từ thích hợp điền vào chỗ trống để hoàn thành câu sau : Các cây ... chủ yếu của chúng ta đều thuộc lớp Một lá mầm.

- A. lương thực      B. thực phẩm      C. hoa màu                      D. thuốc

**Câu 7.** Loài thực vật nào dưới đây được xếp vào lớp Một lá mầm ?

- A. Mướp                      B. Cải                      C. Tỏi                      D. Cà chua

**Câu 8.** Các đại diện của lớp Một lá mầm thường có mấy dạng gân lá chính ?

- A. 4 dạng                      B. 3 dạng                      C. 1 dạng                      D. 2 dạng

**Câu 9.** Loài hoa nào dưới đây thường có 4 - 5 cánh ?

- A. Hoa bưởi                      B. Hoa loa kèn                      C. Hoa huệ                      D. Hoa ly

**Câu 10.** Cây Hai lá mầm và cây Một lá mầm phân biệt nhau ở đặc điểm nào dưới đây ?

- A. Tất cả các phương án đưa ra      B. Số lá mầm của hạt  
C. Kiểu gân lá                      D. Dạng rễ

#### Đáp án

1. D	2. A	3. A	4. A	5. B
6. A	7. C	8. D	9. A	10. A

### HOẠT ĐỘNG 4: Hoạt động vận dụng (8')

**a. Mục tiêu:** Vận dụng các kiến thức vừa học quyết các vấn đề học tập và thực tiễn.

**b. Nội dung:** Dạy học trên lớp, hoạt động nhóm, hoạt động cá nhân.

**c. Sản phẩm:** HS vận dụng các kiến thức vào giải quyết các nhiệm vụ đặt ra.

**d. Tổ chức thực hiện:** GV sử dụng phương pháp vấn đáp tìm tòi, tổ chức cho học sinh

tìm tòi, mở rộng các kiến thức liên quan.

### **1. Chuyển giao nhiệm vụ học tập**

GV chia lớp thành nhiều nhóm

( mỗi nhóm gồm các HS trong 1 bàn) và giao các nhiệm vụ: thảo luận trả lời các câu hỏi sau và ghi chép lại câu trả lời vào vở bài tập

Đặc điểm phân biệt giữa lớp hai lá mầm và lớp một lá mầm

**Tổ chức cho HS chơi trò chơi ( Tìm các loại cây hai lá mầm, và một lá mầm)**

### **2. Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**

- HS trả lời.
- HS nộp vở bài tập.
- HS tự ghi nhớ nội dung trả lời đã hoàn thiện.

Vẽ sơ đồ tư duy

### **4. Củng cố đánh giá:**

- Học bài và trả lời câu hỏi cuối sách.
- Đọc phần Em có biết?
- Làm bài tập 3 SGK tr.139

## **Bài 43: KHÁI NIỆM SƠ LƯỢC VỀ PHÂN LOẠI THỰC VẬT**

### **I/ MỤC TIÊU**

#### **1. Kiến thức:**

- Biết được phân loại thực vật là gì?
- Nêu được các bậc phân loại ở thực vật và những đặc điểm chủ yếu của các ngành.

- Nêu được khái niệm giới, ngành, lớp...

## 2. Năng lực

Phát triển các năng lực chung và năng lực chuyên biệt

Năng lực chung	Năng lực chuyên biệt
- Năng lực phát hiện vấn đề - Năng lực giao tiếp - Năng lực hợp tác - Năng lực tự học - Năng lực sử dụng CNTT và TT	- Năng lực kiến thức sinh học - Năng lực thực nghiệm - Năng lực nghiên cứu khoa học

## 3. Về phẩm chất

Giúp học sinh rèn luyện bản thân phát triển các phẩm chất tốt đẹp: yêu nước, nhân ái, chăm chỉ, trung thực, trách nhiệm.

## II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

### 1. Giáo viên:

- Giáo án, SGK, Tranh vẽ như SGK, tiêu bản mẫu vật, tranh ảnh.

### 2. Học sinh

- Vở ghi, SGK, Nêu và giải quyết vấn đề kết hợp hình vẽ và làm việc với SGK.

## III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

### 1. Ổn định lớp: Nắm sĩ số học sinh

### 2. Kiểm tra bài cũ:

- Đặc điểm để phân biệt lớp Một lá mầm và lớp Hai lá mầm? Kể tên một số cây Một lá mầm và cây Hai lá Mầm.

### 3. Bài mới: KHÁI NIỆM SƠ LƯỢC VỀ PHÂN LOẠI THỰC VẬT

\* Kết nối:

#### HOẠT ĐỘNG 1: Xác định vấn đề/Nhiệm vụ học tập/Mở đầu (5')

**a. Mục tiêu:** HS biết được các nội dung cơ bản của bài học cần đạt được, tạo tâm thế cho học sinh đi vào tìm hiểu bài mới.

**b. Nội dung:** Giáo viên giới thiệu thông tin liên quan đến bài học.

**c. Sản phẩm:** Học sinh lắng nghe định hướng nội dung học tập.

**d. Tổ chức thực hiện:** Giáo viên tổ chức, học sinh thực hiện, lắng nghe phát triển năng lực quan sát, năng lực giao tiếp.

Ta đã tìm hiểu các nhóm TV từ tảo đến hạt kín. Chúng hợp thành *giới* TV. Như vậy, giới TV gồm rất nhiều dạng khác nhau về tổ chức cơ thể. Để nghiên cứu sự đa dạng của giới TV, người ta phải tiến hành phân loại chúng.

#### HOẠT ĐỘNG 2: Hình thành kiến thức

**a) Mục tiêu:** phân loại thực vật là gì?

- các bậc phân loại ở thực vật và những đặc điểm chủ yếu của các ngành.

- khái niệm giới, ngành, lớp...

**b) Nội dung:** HS căn cứ trên các kiến thức đã biết, làm việc với sách giáo khoa, hoạt động cá nhân, nhóm hoàn thành yêu cầu học tập.

<p><b>c) Sản phẩm:</b> Trình bày được kiến thức theo yêu cầu của GV.</p> <p><b>d) Tổ chức thực hiện:</b> Hoạt động cá nhân, hoạt động nhóm, dạy học nêu và giải quyết vấn đề; phương pháp thuyết trình; sử dụng đồ dung trực quan</p>		
<b>Hoạt động của GV</b>	<b>Hoạt động của HS</b>	<b>Nội dung</b>
<p>- GV cho HS nhắc lại các nhóm thực vật đã học.</p> <p>- GV hỏi :</p> <p>1. Tại sao người ta xếp cây thông và cây tuế vào một nhóm ?</p> <p>2. Tại sao táo và rêu lại được xếp thành hai nhóm?</p> <p>- GV cho HS chọn từ thích hợp hoàn thành mục <math>\Delta</math> SGK tr. 140 -&gt; đọc to cho cả lớp cùng nghe.</p> <p>- GV đặt câu hỏi: Phân loại thực vật là gì ?</p> <p>- GV nhận xét, hoàn thiện kiến thức.</p>	<p>- HS nhắc lại các nhóm TV đã học: Táo, Rêu, Quyết, Hạt trần, Hạt kín</p> <p>- HS trả lời đạt:</p> <p>1. Vì 2 cây này có chung đặc điểm cấu tạo : chưa có hoa và quả, sinh sản bằng hạt nằm lộ trên các lá noãn hở.</p> <p>2. Vì chúng có đặc điểm cấu tạo khác nhau.</p> <p>- 1-2 HS điền từ và đọc to trước lớp.</p> <p>+ 1. Khác nhau</p> <p>+ 2. Giống nhau.</p> <p>- HS trả lời: Phân loại thực vật là việc tìm các đặc điểm khác nhau của thực vật rồi xếp chúng vào các nhóm theo trật tự nhất định.</p> <p>- HS ghi bài</p>	<p><b>1: Phân loại học thực vật là gì?</b></p> <p>Phân loại thực vật là việc tìm hiểu sự giống nhau và khác nhau giữa các dạng thực vật để phân chia chúng thành các bậc phân loại.</p>
<p>- GV gọi HS đọc thông tin SGK tr. 140.</p> <p>- GV giới thiệu các bậc phân loại thực vật từ cao đến thấp : <b>Ngành – Lớp - Bộ - Họ - Chi – Loài</b></p> <p>- GV giải thích thêm cho HS hiểu : “nhóm” không phải là một khái niệm chính thức trong phân loại và không thuộc về một bậc phân loại nào, nó có thể chỉ 1 hoặc một vài bậc phân loại lớn như ngành, lớp, Ví dụ : nhóm Táo, nhóm Quyết, nhóm thực vật bậc thấp, nhóm thực vật bậc cao,... hoặc chỉ những thực vật có chung tính chất như nhóm cây có hoa cánh dính, nhóm cây có hoa cánh</p>	<p>- HS đọc to thông tin</p> <p>- HS lắng nghe</p>	<p><b>2: Các bậc phân loại</b></p> <p>Bậc phân loại thực vật từ cao đến thấp: Ngành – Lớp – Bộ - Họ - Chi – Loài.</p> <p>- Ngành là bậc phân loại cao nhất.</p> <p>- Loài là bậc phân loại cơ sở. Các cây cùng loài có nhiều điểm giống nhau về hình dạng, cấu tạo.</p> <p>Bậc càng thấp thì sự khác nhau giữa các</p>

<p>rời, nhóm cây lương thực, thực phẩm, nhóm cây ăn quả,... Vì vậy sau khi đã học khái niệm về phân loại học thực vật, chúng ta không nên dùng từ “nhóm” để thay thế cho các bậc phân loại chính thức, ví dụ không nên nói nhóm cây Hạt trần, nhóm cây Hạt kín mà nói ngành Hạt trần, ngành hạt kín.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- GV cho HS nhắc lại các ngành đã học.</li> <li>- GV giải thích : <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Ngành là bậc phân loại cao nhất.</li> <li>+ Loài là bậc phân loại cơ sở. Các cây cùng loài có nhiều điểm giống nhau về hình dạng, cấu tạo.</li> </ul> </li> <li>Ví dụ : Họ cam có nhiều loài: bưởi, chanh, cam, quýt,.....</li> <li>+ Bậc càng thấp thì sự khác nhau giữa các thực vật cùng bậc càng ít.</li> <li>- GV chốt lại kiến thức</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- HS nhắc lại các ngành đã học: ngành Tảo, ngành Rêu, ngành Quyết, ngành Hạt trần, ngành Hạt kín.</li> <li>- HS lắng nghe và nhớ kiến thức</li> <li>- HS ghi bài</li> </ul>	<p>thực vật cùng bậc càng ít.</p>
<ul style="list-style-type: none"> <li>- GV cho HS nhắc lại các ngành đã học và đặc điểm nổi bật của các ngành thực vật đó.</li> <li>- GV cho HS thảo luận nhóm hoàn thành bài tập điền vào chỗ trống.</li> <li>- GV hoàn thiện kiến thức theo sơ đồ SGK</li> <li>- GV chốt lại kiến thức: Mỗi ngành thực vật có nhiều đặc điểm nhưng khi phân loại chỉ dựa vào những đặc điểm quan trọng nhất để phân biệt các ngành.</li> <li>- Yêu cầu HS phân chia ngành Hạt kín thành 2 lớp.</li> <li>- GV hoàn thiện kiến thức cho HS.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- HS nhắc lại kiến thức về các ngành đã học.</li> <li>- HS thảo luận nhóm, hoàn thành bài tập.</li> <li>- HS ghi bài vào vở</li> <li>- HS lắng nghe.</li> <li>- HS chỉ cần dựa vào đặc điểm chủ yếu là số lá mầm trong phôi là đủ.</li> </ul>	<p><b>3: Các ngành thực vật</b> Như sơ đồ SGK trang 141.</p>
<p><b>HOẠT ĐỘNG 3: Hoạt động luyện tập (10')</b></p> <p><b>a. Mục tiêu:</b> Củng cố, luyện tập kiến thức vừa học.</p> <p><b>b. Nội dung:</b> Dạy học trên lớp, hoạt động nhóm, hoạt động cá nhân.</p> <p><b>c. Sản phẩm:</b> Bài làm của học sinh, kỹ năng giải quyết nhiệm vụ học tập.</p> <p><b>d. Tổ chức thực hiện:</b> Tổ chức theo phương pháp: đặt và giải quyết vấn đề, học sinh hợp tác, vận dụng kiến thức hoàn thành nhiệm vụ.</p>		
<p style="text-align: center;"><b>GV giao nhiệm vụ cho học sinh làm bài tập trắc nghiệm:</b></p> <p><b>Câu 1.</b> Hiện nay, các nhà khoa học đã phân chia thực vật thành các bậc phân loại từ thấp đến cao theo trật tự như thế nào ?</p> <p>A. Ngành – Lớp – Bộ – Họ – Chi – Loài.</p> <p>B. Ngành – Lớp – Bộ – Chi – Họ – Loài.</p>		

C. Ngành – Bộ – Lớp – Họ – Chi – Loài.

D. Ngành – Chi – Bộ – Họ – Lớp – Loài.

**Câu 2.** Trong các ngành thực vật hiện có, ngành nào bao gồm các đại diện có tổ chức cơ thể hoàn thiện nhất ?

A. Ngành Hạt trần

B. Ngành Hạt kín

C. Ngành Dương xỉ

D. Ngành Rêu

**Câu 3.** Các đại diện của ngành Hạt kín và ngành Hạt trần giống nhau ở đặc điểm nào sau đây ?

A. đều sống chủ yếu trên cạn

B. đều có rễ, thân, lá thật sự

C. đều sinh sản bằng hạt

D. Tất cả các phương án đưa ra

**Câu 4.** Rễ giả được tìm thấy ở thực vật nào dưới đây ?

A. Bạch quả

B. Rêu

C. Dương xỉ

D. Bèo hoa dâu

**Câu 5.** Trong số các cây dưới đây, có bao nhiêu cây sinh sản bằng bào tử ?

1. Rau muống

2. Khoai tây

3. Rau bọ

4. Trầu không

5. Địa tiền

6. Dương xỉ

A. 5

B. 3

C. 2

D. 4

**Câu 6.** Chọn từ thích hợp để điền vào chỗ trống trong câu sau : Trong Phân loại học, ... được xem là bậc phân loại cơ sở.

A. bộ

B. Loài

C. ngành

D. chi

**Câu 7.** Dựa vào Phân loại học, em hãy cho biết cây nào dưới đây không cùng nhóm với những cây còn lại ?

A. Rong mơ

B. Rau câu

C. Rau đay

D. Rau diếp biển

**Câu 8.** Thế nào là Phân loại thực vật ?

A. Là việc tìm hiểu các đặc điểm giống nhau nhiều hay ít của thực vật rồi xếp chúng vào các nhóm lớn hay nhỏ theo trật tự nhất định.

B. Là việc tìm hiểu các đặc điểm khác nhau nhiều hay ít của thực vật rồi xếp chúng vào các nhóm lớn hay nhỏ theo một trật tự ngẫu nhiên.

C. Là việc tìm hiểu các đặc điểm giống nhau nhiều hay ít của thực vật rồi xếp chúng vào các nhóm lớn hay nhỏ theo một trật tự ngẫu nhiên.

D. Là việc tìm hiểu các đặc điểm khác nhau nhiều hay ít của thực vật rồi xếp chúng vào các nhóm lớn hay nhỏ theo trật tự nhất định.

**Câu 9.** “Nón” là cấu trúc được tìm thấy ở loài thực vật nào dưới đây ?

A. Tuế

B. Táo

C. Sến

D. Trắc

**Câu 10.** Trong các bậc phân loại dưới đây, bậc phân loại nào nhỏ nhất ?

A. Chi

B. Họ

C. Bộ

D. Lớp

### Đáp án

1. A	2. B	3. D	4. B	5. B
6. B	7. C	8. D	9. A	10. A

### HOẠT ĐỘNG 4: Hoạt động vận dụng (8')

**a. Mục tiêu:** Vận dụng các kiến thức vừa học quyết các vấn đề học tập và thực tiễn.

**b. Nội dung:** Dạy học trên lớp, hoạt động nhóm, hoạt động cá nhân.

**c. Sản phẩm:** HS vận dụng các kiến thức vào giải quyết các nhiệm vụ đặt ra.

**d. Tổ chức thực hiện:** GV sử dụng phương pháp vấn đáp tìm tòi, tổ chức cho học sinh

tìm tòi, mở rộng các kiến thức liên quan.

### **1. Chuyên giao nhiệm vụ học tập**

GV chia lớp thành nhiều nhóm

( mỗi nhóm gồm các HS trong 1 bàn) và giao các nhiệm vụ: thảo luận trả lời các câu hỏi sau và ghi chép lại câu trả lời vào vở bài tập

- Cho học sinh đọc và làm bài tập 1, 2 SGK trang 141.

Điền các chữ số ghi thứ tự các đặc điểm của ngành TV vào các chỗ trống trong câu sau :

a. Các ngành Tảo có các đặc điểm ....., .....

b. Ngành Rêu có các đặc điểm ....., .....

c. Ngành Dương xỉ có các đặc điểm ....., ....., ....., .....

d. Ngành Hạt trần có các đặc điểm ....., ....., ....., ....., .....

e. Ngành Hạt kín có các đặc điểm ....., ....., ....., ....., .....

1. Chưa có rễ, thân, lá

7. Sống ở cạn là chủ yếu

2. Đã có rễ, thân, lá

8. Có bào tử

3. Rễ giả, lá nhỏ chưa có gân giữa

9. Có nón

4. Rễ thật, lá đa dạng

10. Có hạt

5. Sống chủ yếu ở nước

11. Có hoa và quả

6. Sống ở cạn, nhưng thường là nơi ẩm ướt

### **2. Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**

- HS trả lời.

- HS nộp vở bài tập.

- HS tự ghi nhớ nội dung trả lời đã hoàn thiện.

Vẽ sơ đồ tư duy

### **4. Dặn dò:**

- Học bài, trả lời câu hỏi trong SGK

- Ôn lại tóm tắt đặc điểm chính các ngành thực vật đã học.

## **Bài 44: SỰ PHÁT TRIỂN CỦA GIỚI THỰC VẬT**

### **I/ MỤC TIÊU**

#### **1. Kiến thức:**



- Hiểu được quá trình phát triển của giới Thực vật từ thấp đến cao gắn liền với sự di chuyển từ đời sống dưới nước lên cạn. Nêu được 3 giai đoạn chính phát triển của giới Thực vật
- Nêu rõ được mối quan hệ giữa điều kiện sống với các giai đoạn phát triển của thực vật và sự thích nghi của chúng
- Phát biểu được giới thực vật xuất hiện và phát triển từ đơn giản đến phức tạp hơn, tiến hóa hơn. Thực vật hạt kín chiếm ưu thế hơn cả trong giới thực vật.

## 2. Năng lực

Phát triển các năng lực chung và năng lực chuyên biệt

Năng lực chung	Năng lực chuyên biệt
<ul style="list-style-type: none"> <li>- Năng lực phát hiện vấn đề</li> <li>- Năng lực giao tiếp</li> <li>- Năng lực hợp tác</li> <li>- Năng lực tự học</li> <li>- Năng lực sử dụng CNTT và TT</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Năng lực kiến thức sinh học</li> <li>- Năng lực thực nghiệm</li> <li>- Năng lực nghiên cứu khoa học</li> </ul>

## 3. Về phẩm chất

Giúp học sinh rèn luyện bản thân phát triển các phẩm chất tốt đẹp: yêu nước, nhân ái, chăm chỉ, trung thực, trách nhiệm.

## II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

### 1. Giáo viên:

- Giáo án, SGK, Tranh vẽ như SGK, tiêu bản mẫu vật, tranh ảnh.

### 2. Học sinh

- Vở ghi, SGK, Nêu và giải quyết vấn đề kết hợp hình vẽ và làm việc với SGK.

## III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

### 1. Ổn định lớp: Nắm sĩ số học sinh

### 2. Kiểm tra bài cũ

- Thế nào là Phân loại thực vật ? Nêu các bậc phân loại thực vật từ cao đến thấp.
- Kể những ngành thực vật đã học và nêu đặc điểm chính của mỗi ngành đó.

Đáp án:

+ Thực vật bậc thấp có

Các ngành tảo: Chưa có thân, lá, rễ; sống ở nước là chủ yếu

+ Thực vật bậc cao có

Ngành Rêu: Rễ giả, lá nhỏ hẹp, có bào tử; sống ở nơi ẩm ướt

Ngành Dương xỉ: Rễ thật, lá đa dạng; sống ở các nơi khác nhau; có bào tử

Ngành Hạt trần: Rễ thật, lá đa dạng; sống ở các nơi khác nhau; có hạt; có nón

Ngành Hạt kín: Rễ thật, lá đa dạng; sống ở các nơi khác nhau; có hạt; có hoa, quả

### 3. Bài mới: SỰ PHÁT TRIỂN CỦA GIỚI THỰC VẬT

#### HOẠT ĐỘNG 1: Xác định vấn đề/Nhiệm vụ học tập/Mở đầu (5')

**a. Mục tiêu:** HS biết được các nội dung cơ bản của bài học cần đạt được, tạo tâm thế cho học sinh đi vào tìm hiểu bài mới.

**b. Nội dung:** Giáo viên giới thiệu thông tin liên quan đến bài học.

**c. Sản phẩm:** Học sinh lắng nghe định hướng nội dung học tập.

**d. Tổ chức thực hiện:** Giáo viên tổ chức, học sinh thực hiện, lắng nghe phát triển năng lực quan sát, năng lực giao tiếp.

Giới TV từ những dạng tảo đơn giản đến những cây hạt kín có cấu tạo phức tạp có mối quan hệ gì với nhau và con đường phát triển của chúng diễn ra ntn?

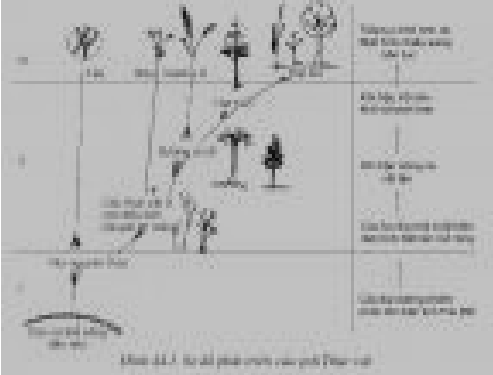
**HOẠT ĐỘNG 2: Hình thành kiến thức**

**a) Mục tiêu:** quá trình phát triển của giới Thực vật từ thấp đến cao gắn liền với sự di chuyển từ đời sống dưới nước lên cạn. Nêu được 3 giai đoạn chính phát triển của giới Thực vật

**b) Nội dung:** HS căn cứ trên các kiến thức đã biết, làm việc với sách giáo khoa, hoạt động cá nhân, nhóm hoàn thành yêu cầu học tập.

**c) Sản phẩm:** Trình bày được kiến thức theo yêu cầu của GV.

**d) Tổ chức thực hiện:** Hoạt động cá nhân, hoạt động nhóm, dạy học nêu và giải quyết vấn đề; phương pháp thuyết trình; sử dụng đồ dung trực quan

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS	Nội dung
 <p>- GV yêu cầu HS quan sát tranh 44.1 và và đọc kĩ câu a đến g sắp xếp lại trật tự các câu cho đúng</p> <p>- GV cho HS công bố đáp án của bản thân để cả lớp cùng nghe và bổ sung.</p> <p>- GV yêu cầu HS thảo luận:</p> <p>1. <i>Tổ tiên của thực vật là gì? Xuất hiện như thế nào ?</i></p> <p>2. <i>Giới thực vật đã tiến hoá như nào về đặc điểm cấu tạo và sinh sản ?</i></p> <p>3. <i>Nhận xét gì về sự xuất hiện</i></p>	<p>- HS quan sát tranh 44.1 và và đọc kĩ câu a đến g sắp xếp lại trật tự các câu cho đúng .</p> <p>- HS công bố đáp án của bản thân để cả lớp cùng nghe và bổ sung</p> <p><b>Đáp án:</b> a, d, b, g, c, e.</p> <p>- HS thảo luận -&gt; trả lời đạt:</p> <p>1. Tổ tiên chung của thực vật là cơ thể sống đầu tiên có cấu tạo rất đơn giản, xuất hiện ở nước.</p> <p>2. Giới thực vật phát triển từ đơn giản -&gt; phức tạp.</p> <p>Ví dụ: Sự hoàn thiện của một số cơ quan: rễ giả -&gt; rễ thật; thân chưa phân nhánh -&gt; phân nhánh; sinh sản bằng bào tử -&gt; sinh sản bằng hạt.</p> <p>3. Khi điều kiện môi trường thay</p>	<p><b>1: Quá trình xuất hiện và phát triển của giới Thực vật</b></p> <p>- Tổ tiên chung của thực vật là cơ thể sống đầu tiên.</p> <p>- Thực vật từ khi xuất hiện đã không ngừng phát triển theo chiều hướng từ đơn giản đến phức tạp, chúng có cùng nguồn gốc và có quan hệ họ hàng.</p>

<p><i>các nhóm thực vật mới với điều kiện môi trường thay đổi ?</i></p> <p><b>Lưu ý:</b> GV có thể gợi ý khi HS gặp khó khăn ở câu 2 và 3:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Vì sao thực vật lên cạn? Chúng có cấu tạo như thế nào để thích nghi với điều kiện sống mới?</li> <li>- Các nhóm thực vật đã phát triển hoàn thiện dần như thế nào ?</li> <li>- Khi điều kiện sống thay đổi thực vật có những biến đổi gì để thích nghi với điều kiện sống ?</li> <li>- GV cho HS trả lời lớp bổ sung .</li> <li>- GV kết luận.</li> </ul>	<p>đổi, thực vật có những biến đổi thích nghi với điều kiện sống mới.</p> <p>Ví dụ: Thực vật chuyển từ nước lên cạn, thực vật xuất hiện rễ, thân, lá.</p> <p>- HS ghi bài.</p>	
<ul style="list-style-type: none"> <li>- GV yêu cầu HS quan sát hình 44.1 tìm thông tin trả lời các câu hỏi sau:</li> <li>1. <i>Ba giai đoạn phát triển của thực vật là gì?</i></li> <li>- GV cho HS trả lời câu hỏi, lớp bổ sung</li> </ul> <p>GV phân tích tóm tắt 3 giai đoạn phát triển của thực vật liên quan đến điều kiện sống:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>* Giai đoạn 1: Đại dương là chủ yếu -&gt; tảo có cấu tạo đơn giản thích nghi với môi trường nước.</li> <li>* Giai đoạn 2: các lục địa mới xuất hiện, diện tích đất liền mở rộng -&gt; thực vật lên cạn, có rễ, thân, lá thích nghi ở cạn</li> <li>* Giai đoạn 3: khí hậu khô và lạnh hơn, mặt trời chiếu sáng liên tục -&gt; thực vật Hạt kín có đặc điểm tiến hóa hơn hẳn: Noãn được bảo vệ trong bầu.</li> </ul> <p>Các đặc điểm cấu tạo và sinh sản hoàn thiện dần thích nghi với điều kiện sống thay đổi.</p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- HS trả lời các câu hỏi:</li> <li>1. Ba giai đoạn:</li> <li>*Giai đoạn 1: xuất hiện thực vật ở nước.</li> <li>*Giai đoạn 2: Các thực vật ở cạn lần lượt xuất hiện. (chuyển từ đời sống ở nước lên cạn)</li> <li>*Giai đoạn 3: Sự xuất hiện và chiếm ưu thế thực vật hạt kín</li> <li>- HS lắng nghe.</li> </ul> <p>- HS: Ghi bài.</p>	<p><b>2: Các giai đoạn phát triển của giới Thực vật.</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>*Giai đoạn 1: xuất hiện thực vật ở nước</li> <li>*Giai đoạn 2: Các thực vật ở cạn lần lượt xuất hiện</li> <li>*Giai đoạn 3: Sự xuất hiện và chiếm ưu thế thực vật hạt kín</li> </ul>

- GV: cho HS ghi bài.

### HOẠT ĐỘNG 3: Hoạt động luyện tập (10')

**a. Mục tiêu:** Củng cố, luyện tập kiến thức vừa học.

**b. Nội dung:** Dạy học trên lớp, hoạt động nhóm, hoạt động cá nhân.

**c. Sản phẩm:** Bài làm của học sinh, kỹ năng giải quyết nhiệm vụ học tập.

**d. Tổ chức thực hiện:** Tổ chức theo phương pháp: đặt và giải quyết vấn đề, học sinh hợp tác, vận dụng kiến thức hoàn thành nhiệm vụ.

#### GV giao nhiệm vụ cho học sinh làm bài tập trắc nghiệm:

**Câu 1.** Trong lịch sử phát triển của giới Thực vật, Quyết trần có nguồn gốc từ

- A. Tảo đơn bào nguyên thủy.                      B. Tảo đa bào nguyên thủy.  
C. Rêu.    D. Quyết.

**Câu 2.** Trong lịch sử Trái Đất, Quyết phát triển mạnh trong điều kiện khí hậu như thế nào ?

- A. Nóng và khô hanh                                      B. Nóng và ẩm  
C. Lạnh và khô hanh                                      D. Lạnh và ẩm

**Câu 3.** Quyết cổ đại còn có tên gọi khác là gì ?

- A. Dương xỉ                      B. Hạt trần                      C. Quyết trần                      D. Dương xỉ cổ

**Câu 4.** Quá trình phát triển của giới Thực vật trải qua 3 giai đoạn chính theo trình tự sớm muộn như sau :

- A. các thực vật ở cạn lần lượt xuất hiện ; sự xuất hiện của các cơ thể dưới nước ; sự xuất hiện và chiếm ưu thế của các thực vật Hạt kín.  
B. các thực vật ở cạn lần lượt xuất hiện ; sự xuất hiện và chiếm ưu thế của các thực vật Hạt kín ; sự xuất hiện của các cơ thể dưới nước.  
C. sự xuất hiện của các cơ thể dưới nước ; các thực vật ở cạn lần lượt xuất hiện ; sự xuất hiện và chiếm ưu thế của các thực vật Hạt kín.  
D. sự xuất hiện và chiếm ưu thế của các thực vật Hạt kín ; các thực vật ở cạn lần lượt xuất hiện ; sự xuất hiện của các cơ thể dưới nước.

**Câu 5.** Trong lịch sử Trái Đất, sự xuất hiện hay diệt vong của các loài thực vật có mối liên hệ mật thiết với

- A. tốc độ sinh sản của chúng.  
B. sự thay đổi của điều kiện khí hậu, địa chất.  
C. cường độ trao đổi chất và năng lượng của mỗi loài.  
D. sự tác động theo hai chiều thuận nghịch của con người.

**Câu 6.** Thực vật ở cạn đầu tiên là

- A. Tảo đa bào nguyên thủy.                      B. Quyết trần.  
C. Quyết cổ đại.                                      D. Dương xỉ cổ.

**Câu 7.** Trong các nhóm thực vật dưới đây, nhóm nào xuất hiện sau cùng ?

- A. Rêu                      B. Hạt trần                      C. Hạt kín                      D. Dương xỉ

**Câu 8.** Trên Trái Đất, thực vật ở cạn xuất hiện trong điều kiện nào ?

- A. Diện tích đất liền dần mở rộng  
B. Các đại dương chiếm phần lớn diện tích Trái Đất  
C. Xảy ra hiện tượng trôi dạt lục địa  
D. Khí hậu trở nên khô và lạnh (thời kì Băng hà)

**Câu 9.** Trong lịch sử Trái Đất, Hạt trần xuất hiện khi

- A. khí hậu trở nên khô và lạnh.

- B. khí hậu nóng và rất ẩm.  
 C. các đại dương chiếm phần lớn diện tích Trái Đất.  
 D. diện tích đất liền ngày một thu hẹp.

**Câu 10.** Trong các nhóm thực vật ngày nay, nhóm nào có tổ chức cơ thể đơn giản nhất ?

- A. Hạt trần                  B. Dương xỉ                  C. Rêu                  D. Tảo

**Đáp án**

1. B	2. B	3. D	4. C	5. B
6. B	7. C	8. A	9. A	10. D

**HOẠT ĐỘNG 4: Hoạt động vận dụng (8')**

**a. Mục tiêu:** Vận dụng các kiến thức vừa học quyết các vấn đề học tập và thực tiễn.

**b. Nội dung:** Dạy học trên lớp, hoạt động nhóm, hoạt động cá nhân.

**c. Sản phẩm:** HS vận dụng các kiến thức vào giải quyết các nhiệm vụ đặt ra.

**d. Tổ chức thực hiện:** GV sử dụng phương pháp vấn đáp tìm tòi, tổ chức cho học sinh tìm tòi, mở rộng các kiến thức liên quan.

**1. Chuyển giao nhiệm vụ học tập**

GV chia lớp thành nhiều nhóm

( mỗi nhóm gồm các HS trong 1 bàn) và giao các nhiệm vụ: thảo luận trả lời các câu hỏi sau và ghi chép lại câu trả lời vào vở bài tập

- Có thể Hiểu được và giải thích được tổ tiên chung của mọi sinh vật cũng như giới TV ngày nay là các cơ thể sống đầu tiên, chúng xuất hiện trong các đại dương.

- Giải thích được nguồn gốc đa dạng của giới TV.

**2. Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**

- HS trả lời.

- HS nộp vở bài tập.

- HS tự ghi nhớ nội dung trả lời đã hoàn thiện.

Vẽ sơ đồ tư duy

**4. Dặn dò:**

- Học bài, trả lời câu hỏi trong SGK

- Tìm hiểu thông tin về nguồn gốc các loại cây trồng. Kẻ bảng trang 144 vào vở BT.

**Bài 45: NGUỒN GỐC CÂY TRỒNG**

**I/ MỤC TIÊU**

**1. Kiến thức:**

- Nêu được công dụng của thực vật Hạt kín (thức ăn , thuốc , sản phẩm cho công nghiệp...)
- Giải thích được tùy theo mục đích sử dụng, cây trồng đã được tuyển chọn và cải tạo từ cây hoang dại.

## 2. Năng lực

Phát triển các năng lực chung và năng lực chuyên biệt

Năng lực chung	Năng lực chuyên biệt
<ul style="list-style-type: none"> <li>- Năng lực phát hiện vấn đề</li> <li>- Năng lực giao tiếp</li> <li>- Năng lực hợp tác</li> <li>- Năng lực tự học</li> <li>- Năng lực sử dụng CNTT và TT</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Năng lực kiến thức sinh học</li> <li>- Năng lực thực nghiệm</li> <li>- Năng lực nghiên cứu khoa học</li> </ul>

## 3. Về phẩm chất

Giúp học sinh rèn luyện bản thân phát triển các phẩm chất tốt đẹp: yêu nước, nhân ái, chăm chỉ, trung thực, trách nhiệm.

## II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

### 1. Giáo viên:

- Giáo án, SGK, Tranh vẽ như SGK, tiêu bản mẫu vật, tranh ảnh.

### 2. Học sinh

- Vở ghi, SGK, Nêu và giải quyết vấn đề kết hợp hình vẽ và làm việc với SGK.

## III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

### 1. Ổn định lớp: Nắm sĩ số học sinh

### 2. Kiểm tra bài cũ:

- Thực vật ở nước xuất hiện trong điều kiện nào? Vì sao chúng có thể sống được trong điều kiện đó.
- Thực vật ở cạn xuất hiện trong điều kiện nào? Vì sao chúng có thể sống được trong điều kiện đó
- Ba giai đoạn phát triển của thực vật là gì?

**Yêu cầu :**

### 3. Bài mới : NGUỒN GỐC CÂY TRỒNG

#### HOẠT ĐỘNG 1: Xác định vấn đề/Nhiệm vụ học tập/Mở đầu (5')

- Mục tiêu:** HS biết được các nội dung cơ bản của bài học cần đạt được, tạo tâm thế cho học sinh đi vào tìm hiểu bài mới.
- Nội dung:** Giáo viên giới thiệu thông tin liên quan đến bài học.
- Sản phẩm:** Học sinh lắng nghe định hướng nội dung học tập.
- Tổ chức thực hiện:** Giáo viên tổ chức, học sinh thực hiện, lắng nghe phát triển năng lực quan sát, năng lực giao tiếp.

Xung quanh ta có rất nhiều cây cối, trong đó có những cây mọc dại, những cây được trồng. Vậy giữa chúng có MQH gì với nhau, và so với cây dại thì cây trồng có gì khác?

#### HOẠT ĐỘNG 2: Hình thành kiến thức

<p><b>a) Mục tiêu:</b> công dụng của thực vật Hạt kín (thức ăn , thuốc ,sản phẩm cho công nghiệp...)</p> <p>- Giải thích được tùy theo mục đích sử dụng, cây trồng đã được tuyển chọn và cải tạo từ cây hoang dại.</p> <p><b>b) Nội dung:</b> HS căn cứ trên các kiến thức đã biết, làm việc với sách giáo khoa, hoạt động cá nhân, nhóm hoàn thành yêu cầu học tập.</p> <p><b>c) Sản phẩm:</b> Trình bày được kiến thức theo yêu cầu của GV.</p> <p><b>d) Tổ chức thực hiện:</b> Hoạt động cá nhân, hoạt động nhóm, dạy học nêu và giải quyết vấn đề; phương pháp thuyết trình; sử dụng đồ dung trực quan</p>		
<p>- GV yêu cầu HS tìm thông tin trong SGK tr.144 -&gt; trả lời các câu hỏi sau:</p> <ol style="list-style-type: none"> <li>1. <i>Cây như thế nào được gọi là cây trồng?</i></li> <li>2. <i>Hãy kể tên một vài cây trồng và công dụng của chúng?</i></li> <li>3. <i>Con người trồng cây nhằm mục đích gì?</i></li> <li>4. <i>Cây trồng có nguồn gốc từ đâu?</i></li> </ol> <p>- GV yêu cầu HS trả lời câu hỏi lớp bổ sung</p> <p>Chuyển ý: <i>Cây trồng ngày nay khác cây dại như thế nào?</i></p>	<p>- HS tìm thông tin trong SGK tr.144 -&gt; trả lời các câu hỏi đạt:</p> <ol style="list-style-type: none"> <li>1. Là những cây được con người giữ lại để gieo trồng cho mùa sau.</li> <li>2. HS tự kể tên.</li> <li>3. Phục vụ cho nhu cầu cuộc sống: Thực phẩm, thuốc, vật liệu...</li> <li>4. Cây trồng có nguồn gốc từ cây cối mọc dại trong rừng.</li> </ol> <p>- Lớp bổ sung -&gt; ghi bài.</p>	<p><b>1: Cây trồng bắt nguồn từ đâu?</b></p> <p>Cây trồng bắt nguồn từ cây dại.</p> <p>Cây trồng phục vụ nhu cầu cuộc sống của con người.</p>
<p>*Vấn đề 1: Nhận biết cây trồng và cây dại bằng các câu hỏi sau:</p> <p>- GV yêu cầu HS quan sát hình 45.1, SGK tr.144 -&gt; trả lời câu hỏi:</p> <ol style="list-style-type: none"> <li>1. <i>Nhận biết cây cải trồng và cây cải dại bằng sự phân biệt các bộ phận các cơ quan tương ứng : rễ, thân, lá.</i></li> <li>2. <i>Nguyên nhân vì sao các bộ phận cây trồng khác xa các bộ</i></li> </ol>	<p>- HS quan sát hình 45.1 -&gt; trả lời câu hỏi đạt:</p> <ol style="list-style-type: none"> <li>1. Rễ, thân, lá của cây trồng to hơn và ngon hơn của cây dại.</li> <li>2. Do con người tác động theo hướng phục vụ nhu cầu của con</li> </ol>	<p><b>2: Cây trồng khác cây dại như thế nào?</b></p> <p>Cây trồng có nhiều loại cây phong phú. Còn cây dại thì không.</p> <p>Bộ phận của cây trồng được con người sử dụng có phẩm</p>

<p><i>phận cây dại ?</i></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- GV cho HS trả lời câu hỏi, lớp bổ sung</li> <li>-&gt; GV hoàn thiện đáp án: <i>Do nhu cầu sử dụng, con người đã chọn các dạng khác nhau của các bộ phận ( như lá (bắp cải), thân (su hào), hoa (súp lơ)), tác động vào các bộ phận đó làm cho chúng ngày càng biến đổi đi và cuối cùng đưa đến nhiều dạng cây trồng khác nhau và khác xa tổ tiên hoang dại.</i></li> <li>*Vấn đề 2: So sánh cây trồng với cây dại</li> <li>- GV treo bảng phụ bảng SGK tr.144, yêu cầu HS thảo luận hoàn thành bảng.</li> <li>- GV cho HS báo cáo kết quả thảo luận, GV ghi nhanh vào bảng phụ, lớp bổ sung.</li> <li>- GV hướng dẫn HS chốt lại vấn đề: Cây trồng khác cây dại ở điểm nào?</li> <li>- GV nhận xét, hoàn thiện đáp án.</li> <li>- Cho HS quan sát một số quả có giá trị do con người tạo ra.</li> <li><i>Chuyển ý: Để có những thành tựu trên, con người đã dùng phương pháp nào?</i></li> </ul>	<p>người.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- HS lắng nghe.</li> <li>- HS thảo luận hoàn thành bảng.</li> <li>- HS báo cáo kết quả thảo luận, lớp bổ sung.</li> <li>- HS trả lời: Cây trồng khác cây dại ở bộ phận mà con người sử dụng.</li> <li>- HS quan sát mẫu vật.</li> </ul>	<p>chất tốt. Còn cây dại thì không.</p>
<ul style="list-style-type: none"> <li>- GV yêu cầu HS tìm thông tin mục <input type="checkbox"/> SGK tr. 145 -&gt; trả lời câu hỏi:</li> <li>1. <i>Muốn cải tạo cây trồng cần làm gì?</i></li> <li>- GV cho HS trả lời câu hỏi, lớp bổ sung -&gt; GV tổng kết, đưa vào 2 vấn đề chính:</li> <li>+ Cải tạo giống</li> <li>+ Các biện pháp chăm sóc.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- HS tìm thông tin SGK -&gt; trả lời câu hỏi đạt:</li> <li>1. Cải biến tính di truyền: lai, chiết, ghép, chọn giống, cải tạo giống, nhân giống ...</li> <li>Chăm sóc: tưới nước, bón phân, phòng trừ sâu bệnh</li> <li>- Lớp bổ sung và ghi bài.</li> </ul>	<p><b>3: Muốn cải tạo cây trồng cần phải làm gì?</b></p> <p>Cải biến đặc tính di truyền bằng các biện pháp: lai giống, gây đột biến, kỹ thuật di truyền, nhân giống (bằng hạt, chiết, ghép...).</p> <p>Chăm sóc: tưới nước, bón phân,</p>





C. Vì cây trồng và cây hoang dại không có mối liên hệ qua lại với nhau. Chúng có đặc điểm di truyền hoàn toàn khác nhau nên hình thái, cấu tạo và các đặc tính đi kèm cũng không giống nhau.

D. Tất cả các phương án đưa ra.

**Câu 9.** Ngày nay, chúng ta có thể tìm thấy cây lúa hoang dại ở khu vực nào dưới đây ?

A. Cận Bắc Cực B. Địa Trung Hải C. Đông Nam Á D. Tây Á

**Câu 10.** Để cây phát triển tốt, trong khâu chăm sóc, chúng ta cần chú trọng điều gì ?

A. Phòng chống sâu bệnh, chống nóng, chống rét cho cây

B. Bón phân đúng loại, đúng thời điểm, đúng hàm lượng

C. Tưới tiêu hợp lí

D. Tất cả các phương án đưa ra

### Đáp án

1. B	2. A	3. D	4. C	5. A
6. D	7. C	8. B	9. C	10. D

### HOẠT ĐỘNG 4: Hoạt động vận dụng (8')

**a. Mục tiêu:** Vận dụng các kiến thức vừa học quyết các vấn đề học tập và thực tiễn.

**b. Nội dung:** Dạy học trên lớp, hoạt động nhóm, hoạt động cá nhân.

**c. Sản phẩm:** HS vận dụng các kiến thức vào giải quyết các nhiệm vụ đặt ra.

**d. Tổ chức thực hiện:** GV sử dụng phương pháp vấn đáp tìm tòi, tổ chức cho học sinh tìm tòi, mở rộng các kiến thức liên quan.

#### 1. Chuyển giao nhiệm vụ học tập

GV chia lớp thành nhiều nhóm

(mỗi nhóm gồm các HS trong 1 bàn) và giao các nhiệm vụ: thảo luận trả lời các câu hỏi sau và ghi chép lại câu trả lời vào vở bài tập

Hãy cho biết tên một vài cây trồng cùng với công dụng của chúng? Chúng được trồng với mục đích gì?

Cây trồng khác cây dại như thế nào ?

#### 2. Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận

- HS trả lời.

- HS nộp vở bài tập.

- HS tự ghi nhớ nội dung trả lời đã hoàn thiện.

- Từ những giống cây trồng đã có, học sinh áp dụng kiến thức để tăng năng suất cây trồng mà gia đình đang canh tác: Như bón phân, phát hiện sâu bệnh để kịp thời phòng trừ.

#### 4. Dặn dò:

- Học bài, trả lời câu hỏi trong SGK, đọc em có biết.

- Tìm hiểu vai trò của thực vật trong tự nhiên.

- Sưu tầm một số tin và ảnh chụp về nạn ô nhiễm môi trường.

## CHUYÊN ĐỀ: VAI TRÒ CỦA THỰC VẬT

### I. Nội dung chuyên đề

#### 1. Mô tả chuyên đề

##### Sinh học 6

- + **Bài 46:** Thực vật góp phần điều hòa khí hậu
- + **Bài 47:** Thực vật bảo vệ đất và nguồn nước
- + **Bài 48 :** Vai trò của thực vật đối với động vật và đời sống con người
- + **Bài 49:** Bảo vệ sự đa dạng của thực vật

#### 2. Mạch kiến thức của chuyên đề

- Sau khi học xong kiến thức về các nhóm thực vật, nghiên cứu sơ lược về phân loại thực vật, học sinh đã nắm rõ đặc điểm của thực vật từ đó tiếp tục nghiên cứu về vai trò của thực vật với tự nhiên và với con người. Học sinh thấy được tầm quan trọng của thực vật, có ý thức bảo vệ cây xanh và môi trường.

#### 3. Thời lượng của chuyên đề

Tổng số tiết	Tuần thực hiện	Tiết theo PPCT	Tiết theo chủ đề	Nội dung của từng hoạt động	Thời gian của từng hoạt động
3	27,28, 29	55	1	<b>Hoạt động 1:</b> Tìm hiểu	20 phút
				<b>Hoạt động 2:</b> Tìm hiểu	15 phút
		56	2	<b>Hoạt động 3.</b> Tìm hiểu	20 phút
				<b>Hoạt động 4.</b> Tìm hiểu	20 phút
		57	3	<b>Hoạt động5.</b> Tìm hiểu	20 phút
				<b>Hoạt động6.</b> Tìm hiểu	20 phút
		58	4	<b>Hoạt động7.</b> Tìm hiểu	20 phút
				<b>Hoạt động8.</b> Tìm hiểu	20 phút
		59	5	<b>Hoạt động9.</b> Tìm hiểu	

### II. Tổ chức hoạt động dạy học

#### Bài 46: THỰC VẬT GÓP PHẦN ĐIỀU HÒA KHÍ HẬU

##### I/ MỤC TIÊU

###### 1. Kiến thức:

- Nêu được vai trò của thực vật đối với động vật và người.

## 2. Năng lực

Phát triển các năng lực chung và năng lực chuyên biệt

Năng lực chung	Năng lực chuyên biệt
- Năng lực phát hiện vấn đề - Năng lực giao tiếp - Năng lực hợp tác - Năng lực tự học - Năng lực số đông CNTT và TT	- Năng lực kiến thức sinh học - Năng lực thực nghiệm - Năng lực nghiên cứu khoa học

## 3. Về phẩm chất

Giúp học sinh rèn luyện bản thân phát triển các phẩm chất tốt đẹp: yêu nước, nhân ái, chăm chỉ, trung thực, trách nhiệm.

## II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

### 1. Giáo viên:

- Giáo án, SGK, Tranh vẽ như SGK, tiêu bản mẫu vật, tranh ảnh.

### 2. Học sinh

- Vở ghi, SGK, Nêu và giải quyết vấn đề kết hợp hình vẽ và làm việc với SGK.

## III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

### 1. Ổn định lớp: Năm sĩ số học sinh

### 2. Kiểm tra bài cũ:

- Tại sao lại có cây trồng? Nguồn gốc của cây trồng có từ đâu?  
- Cây trồng khác cây dại như thế nào? Do đâu có sự khác nhau đó? Nêu một vài biện pháp cải tạo cây trồng.

### 3. Bài mới : THỰC VẬT GÓP PHẦN ĐIỀU HÒA KHÍ HẬU

#### HOẠT ĐỘNG 1: Xác định vấn đề/Nhiệm vụ học tập/Mở đầu (5')

**a. Mục tiêu:** HS biết được các nội dung cơ bản của bài học cần đạt được, tạo tâm thế cho học sinh đi vào tìm hiểu bài mới.

**b. Nội dung:** Giáo viên giới thiệu thông tin liên quan đến bài học.

**c. Sản phẩm:** Học sinh lắng nghe định hướng nội dung học tập.

**d. Tổ chức thực hiện:** Giáo viên tổ chức, học sinh thực hiện, lắng nghe phát triển năng lực quan sát, năng lực giao tiếp.

Cho HS quan sát một số hiện tượng xói mòn, sạt lở.....Hiểu vai trò của cây xanh đối với đời sống con người về nền kinh tế...

#### HOẠT ĐỘNG 2: Hình thành kiến thức

**a) Mục tiêu:** vai trò của thực vật đối với động vật và người.

**b) Nội dung:** HS căn cứ trên các kiến thức đã biết, làm việc với sách giáo khoa, hoạt động cá nhân, nhóm hoàn thành yêu cầu học tập.

**c) Sản phẩm:** Trình bày được kiến thức theo yêu cầu của GV.

**d) Tổ chức thực hiện:** Hoạt động cá nhân, hoạt động nhóm, dạy học nêu và giải quyết vấn đề; phương pháp thuyết trình; sử dụng đồ dung trực quan

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS	Nội dung
<p>- GV cho HS quan sát hình 46.1 -&gt; tìm hiểu việc điều hoà CO<sub>2</sub> và O<sub>2</sub> đã được thực hiện như thế nào -&gt; trả lời câu hỏi:</p> <p>1. Nếu không có thực vật thì điều gì sẽ xảy ra ?</p> <p>2. Nhờ đâu hàm lượng khí CO<sub>2</sub> và O<sub>2</sub> được ổn định?</p> <p>- GV nhận xét, cho HS ghi bài. - GV cung cấp: <i>Mỗi năm một ha rừng đã nhả vào không khí 16 – 30 tấn oxi. Oxi thoát ra được gió phát tán vào khoảng không gian rộng lớn, duy trì sự sống ở mọi nơi.</i></p>	<p>- HS quan sát hình -&gt; tìm hiểu việc điều hoà CO<sub>2</sub> và O<sub>2</sub> đã được thực hiện như thế nào -&gt; trả lời câu hỏi đạt:</p> <p>1. Chỉ có hô hấp của động vật và các sinh vật khác -&gt; lượng CO<sub>2</sub> tăng lên và lượng O<sub>2</sub> giảm đi -&gt; Các sinh vật sẽ không tồn tại được.</p> <p>2. Nhờ thực vật.</p> <p>- HS ghi bài. - HS lắng nghe.</p>	<p><b>1: Nhờ đâu hàm lượng khí cacbonic và oxi trong không khí được ổn định?</b> Thực vật ổn định lượng khí CO<sub>2</sub> và O<sub>2</sub> trong không khí.</p>
<p>- GV hướng dẫn HS tìm thông tin trong SGK, thảo luận và trả lời câu hỏi:</p> <p>1. Tại sao trong rừng rậm mát còn trong bãi trống nóng và nắng gắt ?</p> <p>2. Tại sao bãi trống khô, gió mạnh còn trong rừng ẩm gió yếu?</p> <p>- GV bổ sung nếu cần. - GV yêu cầu HS tiếp tục trả lời câu hỏi:</p> <p>3. Lượng mưa ở ngoài chỗ trống và lượng mưa ở rừng rậm khác nhau như thế nào?</p> <p>4. Nguyên nhân nào khiến cho khí hậu ở ngoài chỗ trống và khí hậu trong rừng rậm khác nhau?</p> <p>5. Từ đó, em rút ra kết luận gì?</p> <p>- GV hoàn chỉnh kiến thức, cho HS ghi bài</p>	<p>- HS tìm thông tin trong SGK, thảo luận và trả lời câu hỏi đạt:</p> <p>1. Trong rừng, tán lá rậm -&gt; ánh sáng khó lọt xuống dưới -&gt; râm mát, còn bãi trống không có đặc điểm này.</p> <p>2. Trong rừng, cây cản gió và lá cây thoát hơi nước -&gt; rừng ẩm và gió yếu. Còn bãi trống thì ngược lại.</p> <p>- HS lắng nghe. - HS thảo luận, trả lời đạt:</p> <p>3. Lượng mưa ở rừng cao hơn.</p> <p>4. Sự có mặt của thực vật làm ảnh hưởng đến khí hậu.</p> <p>5. Thực vật giúp điều hoà khí hậu. - HS ghi bài</p>	<p><b>2: Thực vật giúp điều hoà khí hậu</b> Thực vật giúp điều hoà khí hậu, làm không khí trong lành, mát mẽ, cản bớt ánh sáng và tốc độ gió, làm tăng lượng mưa trong khu vực.</p>
<p>- GV yêu cầu HS nêu ví dụ về ô nhiễm môi trường. - GV yêu cầu HS rút ra kết luận:</p>	<p>- HS nêu ví dụ về ô nhiễm môi trường. - HS rút ra kết luận đạt: Hiện</p>	<p><b>3: Thực vật làm giảm ô nhiễm môi trường</b></p>

<p>Hiện tượng ô nhiễm môi trường là do đâu ?</p> <p>- GV tiếp tục yêu cầu HS suy nghĩ xem có thể dùng biện pháp sinh học gì để giảm bớt ô nhiễm môi trường.</p> <p>- GV cho HS trả lời câu hỏi, lớp bổ sung -&gt; nhận xét, hoàn chỉnh đáp án.</p>	<p>tượng ô nhiễm môi trường không khí là do hoạt động sống của con người.</p> <p>- HS đọc thông tin -&gt; thấy được sự cần thiết của việc cần trồng nhiều cây xanh.</p> <p>- HS lắng nghe và ghi bài.</p>	<p>Lá cây ngăn bụi, cản gió, một số cây tiết chất diệt vi khuẩn.</p>
--	---	--

### **HOẠT ĐỘNG 3: Hoạt động luyện tập (10')**

**a. Mục tiêu:** Củng cố, luyện tập kiến thức vừa học.

**b. Nội dung:** Dạy học trên lớp, hoạt động nhóm, hoạt động cá nhân.

**c. Sản phẩm:** Bài làm của học sinh, kỹ năng giải quyết nhiệm vụ học tập.

**d. Tổ chức thực hiện:** Tổ chức theo phương pháp: đặt và giải quyết vấn đề, học sinh hợp tác, vận dụng kiến thức hoàn thành nhiệm vụ.

#### **GV giao nhiệm vụ cho học sinh làm bài tập trắc nghiệm:**

**Câu 1.** Thực vật giúp điều hòa khí hậu nhờ điều nào dưới đây ?

A. Giảm thiểu thiên tai nhờ khả năng cản bớt ánh sáng, gió và vận tốc dòng chảy

B. Làm dịu mát môi trường xung quanh thông qua việc thải ra hơi nước

C. Cân bằng hàm lượng khí ôxi và khí cacbôníc trong bầu khí quyển nhờ quá trình quang hợp

D. Tất cả các phương án đưa ra

**Câu 2.** Loại lá cây nào dưới đây có thể tiết ra các chất có tác dụng diệt khuẩn ?

A. Tràm

B. Mồng tơi

C. Lá ngón

D. Chuối

**Câu 3.** Trong cùng một khu vực, so với rừng thì nơi trống trải có gì khác biệt về mặt khí hậu ?

A. Tốc độ gió mạnh hơn

B. Độ ẩm thấp hơn

C. Nắng nhiều và gay gắt hơn, do đó nhiệt độ cũng cao hơn

D. Tất cả các phương án đưa ra

**Câu 4.** Hoạt động nào của cây xanh giúp bổ sung vào bầu khí quyển lượng khí ôxi mất đi do hô hấp và đốt cháy nhiên liệu ?

A. Trao đổi khoáng

B. Hô hấp

C. Quang hợp

D. Thoát hơi nước

**Câu 5.** Mỗi năm, 1 ha rừng đã nhả vào không khí khoảng

A. 110 – 130 tấn ôxi.

B. 16 – 30 tấn ôxi.

C. 46 – 60 tấn ôxi.

D. 1 – 5 tấn ôxi.

**Câu 6.** Thực vật góp phần làm giảm thiểu môi trường nhờ khả năng nào dưới đây ?

A. Hấp thụ khí cacbôníc và các khí thải độc hại khác, đồng thời thải khí ôxi

B. Tiêu diệt vi khuẩn có hại nhờ việc tiết ra một số chất đặc hiệu (bạch đàn, thông,...)

C. Giữ lại bụi bẩn trong tán lá, hạn chế hàm lượng bụi trong không khí

D. Tất cả các phương án đưa ra

**Câu 7.** Trong các biện pháp giúp giảm thiểu ô nhiễm và điều hòa khí hậu, biện pháp khả thi, tiết kiệm và mang lại hiệu quả lâu dài nhất là

A. ngừng sản xuất công nghiệp.

B. xây dựng hệ thống xử lí chất thải.

- C. trồng cây gây rừng. D. di dời các khu chế xuất lên vùng núi.
- Câu 8.** Khả năng làm mát không khí ở thực vật có được là nhờ quá trình nào dưới đây ?  
 A. Quang hợp B. Thoát hơi nước  
 C. Trao đổi khoáng D. Tất cả các phương án đưa ra.
- Câu 9.** Bộ phận nào của cơ thể thực vật có khả năng ngăn bụi hiệu quả nhất ?  
 A. Thân B. Hoa C. Tán lá D. Hệ rễ
- Câu 10.** Thực vật có thể giải phóng ra chất nào dưới đây ?  
 A. Nước B. Khí ôxi C. Khí cacbôníc D. Tất cả các phương án đưa ra

### Đáp án

1. D	2. A	3. D	4. C	5. B
6. D	7. C	8. B	9. C	

### HOẠT ĐỘNG 4: Hoạt động vận dụng (8')

- a. Mục tiêu:** Vận dụng các kiến thức vừa học quyết các vấn đề học tập và thực tiễn.
- b. Nội dung:** Dạy học trên lớp, hoạt động nhóm, hoạt động cá nhân.
- c. Sản phẩm:** HS vận dụng các kiến thức vào giải quyết các nhiệm vụ đặt ra.
- d. Tổ chức thực hiện:** GV sử dụng phương pháp vấn đáp tìm tòi, tổ chức cho học sinh tìm tòi, mở rộng các kiến thức liên quan.

#### 1. Chuyên giao nhiệm vụ học tập

GV chia lớp thành nhiều nhóm

( mỗi nhóm gồm các HS trong 1 bàn) và giao các nhiệm vụ: thảo luận trả lời các câu hỏi sau và ghi chép lại câu trả lời vào vở bài tập

Vì sao cần phải tích cực trồng cây gây rừng?

Tại sao người ta lại nói “ rừng cây như một lá phổi xanh” của con người?

#### 2. Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận

- HS trả lời.

- HS nộp vở bài tập.

- HS tự ghi nhớ nội dung trả lời đã hoàn thiện.

- Trồng nhiều cây xanh có lợi ích gì? Hãy nêu biện pháp để bảo vệ cây xanh ở địa phương, và ở những nơi công cộng? Em phải làm gì để mọi người hiểu tác dụng của cây xanh và tích cực bảo vệ cây xanh?

#### 4. Dặn dò:

- Học bài, trả lời câu hỏi trong SGK

- Sưu tầm một số tranh ảnh về hiện tượng lũ lụt và hạn hán.

## Bài 47: THỰC VẬT BẢO VỆ ĐẤT VÀ NGUỒN NƯỚC

### I/ MỤC TIÊU

#### 1. Kiến thức:

- Giải thích được nguyên nhân của những hiện tượng xảy ra trong tự nhiên ( xói mòn, hạn hán, lũ lụt,..) thấy được vai trò của thực vật trong việc giữ đất bảo vệ nguồn nước.

## 2. Năng lực

Phát triển các năng lực chung và năng lực chuyên biệt

Năng lực chung	Năng lực chuyên biệt
<ul style="list-style-type: none"> <li>- Năng lực phát hiện vấn đề</li> <li>- Năng lực giao tiếp</li> <li>- Năng lực hợp tác</li> <li>- Năng lực tự học</li> <li>- Năng lực số đông CNTT và TT</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Năng lực kiến thức sinh học</li> <li>- Năng lực thực nghiệm</li> <li>- Năng lực nghiên cứu khoa học</li> </ul>

## 3. Về phẩm chất

Giúp học sinh rèn luyện bản thân phát triển các phẩm chất tốt đẹp: yêu nước, nhân ái, chăm chỉ, trung thực, trách nhiệm.

## II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

### 1. Giáo viên:

- Giáo án, SGK, Tranh vẽ như SGK, tiêu bản mẫu vật, tranh ảnh.

### 2. Học sinh

- Vở ghi, SGK, Nêu và giải quyết vấn đề kết hợp hình vẽ và làm việc với SGK.

## III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

### 1. Ổn định lớp: Năm sĩ số học sinh

### 2. Kiểm tra bài cũ:

- Nhờ đâu mà thực vật có khả năng điều hòa lượng khí oxi và cacbonic trong không khí? Điều này có ý nghĩa gì?

- Vì sao cần phải tích cực trồng cây, gây rừng?

### 3. Bài mới : THỰC VẬT BẢO VỆ ĐẤT VÀ NGUỒN NƯỚC

#### HOẠT ĐỘNG 1: Xác định vấn đề/Nhiệm vụ học tập/Mở đầu (5')

**a. Mục tiêu:** HS biết được các nội dung cơ bản của bài học cần đạt được, tạo tâm thế cho học sinh đi vào tìm hiểu bài mới.

**b. Nội dung:** Giáo viên giới thiệu thông tin liên quan đến bài học.

**c. Sản phẩm:** Học sinh lắng nghe định hướng nội dung học tập.

**d. Tổ chức thực hiện:** Giáo viên tổ chức, học sinh thực hiện, lắng nghe phát triển năng lực quan sát, năng lực giao tiếp.

Chúng ta thường phải đương đầu với các thiên tai như hạn hán, lũ lụt... vậy nguyên nhân góp phần vào sự lớn mạnh của những thiên tai đó là do đâu, bài hôm nay ta sẽ tìm hiểu nguyên nhân.

#### HOẠT ĐỘNG 2: Hình thành kiến thức

**a) Mục tiêu:** nguyên nhân của những hiện tượng xảy ra trong tự nhiên ( xói mòn, hạn hán, lũ lụt,..) thấy được vai trò của thực vật trong việc giữ đất bảo vệ nguồn nước.

**b) Nội dung:** HS căn cứ trên các kiến thức đã biết, làm việc với sách giáo khoa, hoạt



<p>động cá nhân, nhóm hoàn thành yêu cầu học tập.</p> <p><b>c) Sản phẩm:</b> Trình bày được kiến thức theo yêu cầu của GV.</p> <p><b>d) Tổ chức thực hiện:</b> Hoạt động cá nhân, hoạt động nhóm, dạy học nêu và giải quyết vấn đề; phương pháp thuyết trình; sử dụng đồ dung trực quan</p>		
<b>Hoạt động của GV</b>	<b>Hoạt động của HS</b>	<b>Nội dung</b>
<p>- GV hướng dẫn HS quan sát tranh 47.1 (chú ý vận tốc nước mưa) -&gt; trả lời câu hỏi: 1. <i>Vì sao khi có mưa, lượng chảy ở hai nơi khác nhau?</i></p> <p>2. <i>Điều gì sẽ xảy ra đối với đất ở trên đồi trọc khi có mưa? Giải thích tại sao?</i></p> <p>- GV bổ sung nếu cần. - GV cung cấp thêm thông tin về hiện tượng xói lở ở các bờ sông, bờ biển. - GV yêu cầu từ những vấn đề trên em hãy rút ra kết luận về vai trò của thực vật ? - GV chốt ý, cho HS ghi bài. <b>- GDMT:</b> TV, đặc biệt là TV rừng, có hệ rễ giữ đất, tán cây cản bớt sức nước do mưa lớn gây nên, nên có vai trò quan trọng trong việc chống xói mòn, sụt lở đất.</p>	<p>- HS quan sát tranh 47.1 (chú ý vận tốc nước mưa) -&gt; trả lời câu hỏi: 1. Lượng chảy của dòng nước mưa ở nơi có rừng yếu hơn vì tán lá đã cản bớt một phần lớn lượng nước mưa rơi xuống, và nước mưa chảy xuống theo thân cây chứ không phải rơi thẳng xuống đất. 2. Khi có mưa, đất bị xói mòn vì không có cây cản bớt tốc độ nước chảy và giữ đất.</p> <p>- HS lắng nghe.</p> <p>- HS rút kết luận đạt: Thực vật, đặc biệt là rừng giúp giữ đất, chống xói mòn. - HS ghi bài</p>	<p><b>1: Thực vật giúp giữ đất, chống xói mòn.</b> Thực vật, đặc biệt là rừng giúp giữ đất, chống xói mòn.</p>
<p>- GV cho HS xem thông tin, tranh ảnh về lũ lụt, hạn hán -&gt; hướng dẫn HS tìm thông tin trả lời câu hỏi để giải thích nguyên nhân: 1. <i>Nếu đất thì xói mòn ở vùng đồi trọc thì điều gì sẽ xảy ra tiếp đó ?</i> 2. <i>Kể một số địa phương bị ngập lụt và hạn hán ở Việt nam ?</i></p>	<p>- HS xem thông tin, tranh ảnh về lũ lụt, hạn hán -&gt; thảo luận tìm thông tin để giải thích nguyên nhân: 1. Hậu quả: Nạn lụt ở vùng thấp; Hạn hán tại chỗ 2. Nạn ngập lụt ở đồng bằng sông Cửu Long, các tỉnh miền Trung. Nạn hạn hán ở các tỉnh miền núi hay trung du. 3. HS tự giải thích</p>	<p><b>2: Thực vật góp phần hạn chế ngập lụt, hạn hán.</b>  Thực vật đã góp phần hạn chế lũ lụt, hạn hán.</p>

<p>3. Tại sao có hiện tượng ngập lụt và hạn hán ở nhiều nơi?</p> <p>- GV hoàn chỉnh câu trả lời.</p> <p>GV lưu ý: Mặc dù phần này không đề cập đến vai trò của thực vật, nhưng cần cho HS thấy do hậu quả của nạn xói mòn (mà nguyên nhân chính là do mất rừng tức là không có vai trò giữ đất của cây) nên gây ra tiếp theo nạn lụt ở vùng thấp và hạn hán tại chỗ. Đó là hậu quả có tính chất dây chuyền từ việc mất rừng gây nên. Từ đó thấy được vấn đề ngược lại: nếu có rừng thì những hiện tượng trên được hạn chế -&gt; nhận ra vai trò của thực vật.</p> <p>- <b>GDMT</b>: TV, đặc biệt là TV rừng, có hệ rễ giữ đất, tán cây cản bớt sức nước do mưa lớn gây nên, thân cây chia nhỏ dòng nước chảy nên hạn chế được lũ lụt, hệ rễ có tác dụng giữ nước nên hạn chế hạn hán.</p>	<p>- HS ghi bài.</p>	
<p>- GV yêu cầu HS đọc thông tin mục <input type="checkbox"/> SGK tr.151 -&gt; tự rút ra vai trò bảo vệ nguồn nước của thực vật.</p> <p><b>GDMT</b>: TV, TV rừng, có hệ rễ giữ đất, tán lá cây cản bớt ánh sáng nên hạn chế sự bốc hơi nước nên giữ được nguồn nước ngầm tránh hạn hán.</p>	<p>- HS đọc thông tin mục <input type="checkbox"/> SGK tr.151 -&gt; tự rút ra vai trò bảo vệ nguồn nước của thực vật</p>	<p><b>3: Thực vật góp phần bảo vệ nguồn nước.</b></p> <p>Thực vật góp phần bảo vệ nguồn nước ngầm.</p>  <p><small>Bình 3.1 - Nguồn nước ngầm (đ)   (Môi trường)</small></p>

### HOẠT ĐỘNG 3: Hoạt động luyện tập (10')

**a. Mục tiêu:** Củng cố, luyện tập kiến thức vừa học.

**b. Nội dung:** Dạy học trên lớp, hoạt động nhóm, hoạt động cá nhân.

**c. Sản phẩm:** Bài làm của học sinh, kỹ năng giải quyết nhiệm vụ học tập.

**d. Tổ chức thực hiện:** Tổ chức theo phương pháp: đặt và giải quyết vấn đề, học sinh hợp tác, vận dụng kiến thức hoàn thành nhiệm vụ.

**GV giao nhiệm vụ cho học sinh làm bài tập trắc nghiệm:**

- Câu 1.** Bộ phận nào của thực vật đóng vai trò quan trọng nhất trong việc giữ nước ?  
A. Rễ                      B. Hoa                      C. Lá                      D. Thân
- Câu 2.** Loại cây nào dưới đây thường được trồng ven bờ biển để chắn gió và bão cát ?  
A. Xà cừ                      B. Xương rồng                      C. Phi lao                      D. Lim
- Câu 3.** Thực vật giúp hạn chế xói mòn thông qua cơ chế nào ?  
A. Tán cây giúp cản dòng nước mưa dội trực tiếp vào bề mặt đất.  
B. Cành và thân cây giúp nước mưa nương theo để chảy xuống lớp thảm mục, ngấm từ từ vào lòng đất và hoà cùng mạch nước ngầm.  
C. Rễ cây giúp giữ đất không bị rửa trôi trước sức chảy của dòng nước.  
D. Tất cả các phương án đưa ra.
- Câu 4.** Thực vật có vai trò nào dưới đây ?  
A. Tất cả các phương án đưa ra                      B. Điều hoà khí hậu  
C. Hạn chế ngập lụt, hạn hán                      D. Giữ đất, chống xói mòn
- Câu 5.** Ở vùng núi, hiện tượng ngập lụt xảy ra sau mưa là do nguyên nhân nào dưới đây ?  
A. Tất cả các phương án đưa ra.  
B. Mặt đất bị bê tông hoá đã làm cản trở quá trình ngấm nước từ bề mặt xuống mạch nước ngầm và làm xuất hiện hiện tượng ngập lụt.  
C. Mưa quá to khiến cho nước không thể rút kịp ở mọi nơi và gây nên hiện tượng ngập lụt.  
D. Mưa làm đất đá bị xói mòn và trôi xuống, lấp lòng sông, suối khiến nước dâng cao và không thoát kịp nên tràn lên các vùng thấp gây ngập lụt.
- Câu 6.** Vì sao những nơi trống trải, không có thực vật sinh sống lại hay xảy ra hạn hán ?  
A. Vì không được bổ sung nước nhờ quá trình quang hợp của thực vật.  
B. Cả C và D.  
C. Vì ánh sáng mặt trời chiếu trực tiếp xuống bề mặt làm cho đất bị khô cằn do bốc hơi nước.  
D. Vì nước rơi xuống bề mặt không được giữ lại bởi lớp thảm mục và hệ rễ thực vật.
- Câu 7.** Nguồn nước nào dưới đây đóng vai trò chủ chốt trong đời sống sinh hoạt của con người ?  
A. Nước ngầm                      B. Nước biển                      C. Nước bề mặt                      D. Nước bốc hơi
- Câu 8.** Cho các thành phần sau :  
1. Tán lá                      2. Rễ cây                      3. Lớp thảm mục                      4. Thân cây  
Thành phần nào có khả năng làm cản trở dòng chảy của nước mưa ?  
A. 1, 2, 3, 4                      B. 1, 2, 3                      C. 2, 3, 4                      D. 1, 2, 4
- Câu 9.** Chọn số liệu thích hợp để điền vào chỗ trống trong câu sau : Ở nước ta, mỗi năm 1 ha đất trống bị thất thoát khoảng ... tấn đất bề mặt do hiện tượng xói mòn, rửa trôi.  
A. 95                      B. 151                      C.                      D. 36
- Câu 10.** Loại cây nào dưới đây không được trồng để chắn gió ?  
A. Cau                      B. Tra (nho biển)                      C. Phi lao                      D. Thông

**Đáp án**

1. A	2. C	3. D	4. A	5. D
6. B	7. A	8. A	9. C	10. A

**HOẠT ĐỘNG 4: Hoạt động vận dụng (8')**

**a. Mục tiêu:** Vận dụng các kiến thức vừa học quyết các vấn đề học tập và thực tiễn.

**b. Nội dung:** Dạy học trên lớp, hoạt động nhóm, hoạt động cá nhân.

**c. Sản phẩm:** HS vận dụng các kiến thức vào giải quyết các nhiệm vụ đặt ra.

**d. Tổ chức thực hiện:** GV sử dụng phương pháp vấn đáp tìm tòi, tổ chức cho học sinh tìm tòi, mở rộng các kiến thức liên quan.

### **1. Chuyển giao nhiệm vụ học tập**

GV chia lớp thành nhiều nhóm

( mỗi nhóm gồm các HS trong 1 bàn) và giao các nhiệm vụ: thảo luận trả lời các câu hỏi sau và ghi chép lại câu trả lời vào vở bài tập

Vai trò của rừng trong việc hạn chế lũ lụt, hạn hán như thế nào?

Tại sao ở vùng bờ biển người ta phải trồng rừng ở phía ngoài đê?

Vai trò của rừng trong việc hạn chế lũ lụt hạn hán như thế nào?

### **2. Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**

- HS trả lời.

- HS nộp vở bài tập.

- HS tự ghi nhớ nội dung trả lời đã hoàn thiện.

Tìm hiểu, sưu tầm tranh ảnh... nguyên nhân gây hạn hán, lũ lụt. Từ đó ý thức được phải hành động như thế nào để hạn chế. Đồng thời hiểu rõ vai trò to lớn của rừng đối với bầu khí quyển.

### **4. Dặn dò:**

- Học bài, trả lời câu hỏi trong SGK.

- Đọc em có biết.

- Sưu tầm tranh, ảnh về nội dung thực vật là: thức ăn động vật, là nơi sống của ĐV.

## **Bài 48: VAI TRÒ CỦA THỰC VẬT ĐỐI VỚI ĐỘNG VẬT VÀ ĐỐI VỚI ĐỜI SỐNG CON NGƯỜI**

### **I/ MỤC TIÊU**

### 1. Kiến thức:

- Nêu được một số ví dụ khác nhau cho thấy thực vật là nguồn cung cấp thức ăn và nơi ở cho động vật.

- Hiểu được vai trò gián tiếp của thực vật trong việc cung cấp thức ăn cho người, thông qua ví dụ cụ thể về dây chuyền thức ăn ( TV- ĐV- Con Người ).

### 2. Năng lực

Phát triển các năng lực chung và năng lực chuyên biệt

Năng lực chung	Năng lực chuyên biệt
- Năng lực phát hiện vấn đề	- Năng lực kiến thức sinh học
- Năng lực giao tiếp	- Năng lực thực nghiệm
- Năng lực hợp tác	- Năng lực nghiên cứu khoa học
- Năng lực tự học	
- Năng lực sử dụng CNTT và TT	

### 3. Về phẩm chất

Giúp học sinh rèn luyện bản thân phát triển các phẩm chất tốt đẹp: yêu nước, nhân ái, chăm chỉ, trung thực, trách nhiệm.

## II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

### 1. Giáo viên:

- Giáo án, SGK, Tranh vẽ như SGK, tiêu bản mẫu vật, tranh ảnh.

### 2. Học sinh

- Vở ghi, SGK, Nêu và giải quyết vấn đề kết hợp hình vẽ và làm việc với SGK.

## III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

### 1. Ổn định lớp: Năm sĩ số học sinh

### 2. Kiểm tra bài cũ:

- Tại sao ở vùng bờ biển người ta phải trồng rừng ở phía ngoài đê?

- Rừng có vai trò gì trong việc hạn chế lũ lụt, hạn hán?

### 3. Bài mới :

#### HOẠT ĐỘNG 1: Xác định vấn đề/Nhiệm vụ học tập/Mở đầu (5')

**a. Mục tiêu:** HS biết được các nội dung cơ bản của bài học cần đạt được, tạo tâm thế cho học sinh đi vào tìm hiểu bài mới.

**b. Nội dung:** Giáo viên giới thiệu thông tin liên quan đến bài học.

**c. Sản phẩm:** Học sinh lắng nghe định hướng nội dung học tập.

**d. Tổ chức thực hiện:** Giáo viên tổ chức, học sinh thực hiện, lắng nghe phát triển năng lực quan sát, năng lực giao tiếp.

Hiểu được vai trò gián tiếp của thực vật trong việc cung cấp thức ăn cho người, thông qua ví dụ cụ thể về dây chuyền thức ăn ( TV- ĐV- Con Người ).

#### Chúng ta tìm hiểu bài ...

#### HOẠT ĐỘNG 2: Hình thành kiến thức


**a) Mục tiêu:** một số ví dụ khác nhau cho thấy thực vật là nguồn cung cấp thức ăn và nơi ở cho động vật.

vai trò gián tiếp của thực vật trong việc cung cấp thức ăn cho người, thông qua ví dụ cụ thể về dây chuyền thức ăn ( TV- ĐV- Con Người ).

**b) Nội dung:** HS căn cứ trên các kiến thức đã biết, làm việc với sách giáo khoa, hoạt động cá nhân, nhóm hoàn thành yêu cầu học tập.



**c) Sản phẩm:** Trình bày được kiến thức theo yêu cầu của GV.

**d) Tổ chức thực hiện:** Hoạt động cá nhân, hoạt động nhóm, dạy học nêu và giải quyết vấn đề; phương pháp thuyết trình; sử dụng đồ dung trực quan

<p>- GV cho HS xem tranh 46.1 và 48.1 -&gt; yêu cầu HS trả lời câu hỏi:</p> <p>1. Lượng <math>O_2</math> mà thực vật nhả ra có ý nghĩa đối với các sinh vật khác ?</p> <p>2. Nêu ví dụ về động vật ăn thực vật dựa vào bảng mẫu trong SGK tr.153 -&gt; rút ra nhận xét.</p> <p>3. Em hãy nhận xét mối quan hệ giữa thực vật và động vật?</p> <p>- GV bổ sung (nếu cần)</p> <p>- GV cung cấp thêm thông tin về thực vật gây hại cho động vật.</p> <p>- <b>GDMT:</b> TV góp phần rất lớn với vai trò cân bằng lượng khí trong không khí, thì nó cũng chính là cung cấp lượng khí cần thiết cho con người và tất cả động vật trên trái đất, nhờ TV có khả năng thải ra môi trường khí oxi.</p>  <p style="font-size: small; text-align: center;">Hình 48.1. Thực vật là thức ăn của động vật</p>	<p>- HS xem tranh 46.1 và 48.1 -&gt; trả lời câu hỏi:</p> <p>1. Dùng cho hô hấp của các sinh vật, kể cả con người -&gt; nếu không có cây xanh thì động vật (kể cả con người) sẽ chết vì không có oxy.</p> <p>2. HS tự nêu ví dụ</p> <p>3. Thực vật cung cấp ôxy và thức ăn cho động vật</p> <p>- HS ghi bài.</p> <p>- HS lắng nghe</p>	<p><b>I - VAI TRÒ CỦA THỰC VẬT ĐỐI VỚI ĐỘNG VẬT</b></p> <p><b>1: Thực vật cung cấp khí oxi và thức ăn cho động vật.</b></p> <p>Thực vật cung cấp ôxy và thức ăn cho động vật.</p>
<p>- Cho HS quan sát tranh ảnh về nơi ở và sinh sản của động vật ở thực vật -&gt; yêu cầu HS rút ra nhận xét.</p> <p>- GV yêu cầu HS thảo luận: Trong tự nhiên có động vật nào lấy thực vật làm nhà ( nơi cư trú) nữa không ?</p> <p>- GV sửa chữa (nếu cần).</p>	<p>- HS quan sát tranh ảnh về nơi ở và sinh sản của động vật ở thực vật -&gt; rút ra nhận xét.</p> <p>- Các nhóm thảo luận, trình bày tranh ảnh đã sưu tập về động vật sống trên cây.</p> <p>- HS tự rút ra kết luận.</p>	<p><b>2: Thực vật cung cấp nơi ở và nơi sinh sản cho động vật.</b></p> <p>Thực vật cung cấp nơi ở và nơi sinh sản cho động vật</p>

<p>- <b>GDMT</b>: Thực vật rất phong phú và đa dạng, và đó cũng chính là nguồn cung cấp thực phẩm cần thiết và không thể thiếu cho con người và động vật trên trái đất, ngoài ra nó còn là nơi cư trú của động vật, là vật liệu quý mà thiên nhiên ban tặng cho con người.</p>		
--	--	--

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS	Nội dung
<p>- GV yêu cầu HS tìm thông tin trả lời câu hỏi: 1. <i>Thực vật cung cấp cho chúng ta những gì dùng trong đời sống hàng ngày?</i> 2. <i>Để phân biệt cây cối theo công dụng người ta đã phân loại thành những nhóm nào?</i></p> <p>- GV yêu cầu HS kẻ bảng SGK vào tập, thảo luận nhóm và hoàn thành bảng - GV nhận xét -&gt; yêu cầu HS rút ra công dụng của thực vật.</p>	<p>- HS tìm thông tin trả lời câu hỏi: 1. Cung cấp thức ăn, gỗ làm nhà, trái cây, thuốc quý, rau xanh,... 2. Nhóm cây ăn quả, cây làm thuốc, cây lương thực, cây làm cảnh, cây công nghiệp...</p> <p>- HS kẻ bảng SGK vào tập, thảo luận nhóm và hoàn thành bảng -&gt; đại diện nhóm lên hoàn thành bảng phụ. - HS rút ra công dụng của thực vật -&gt; ghi bài.</p>	<p><b>II. THỰC VẬT VỚI ĐỜI SỐNG CON NGƯỜI</b> <b>1: Những cây có giá trị sử dụng.</b> Thực vật có công dụng nhiều mặt: như cung cấp lương thực, thực phẩm, gỗ ... Có khi cùng một cây nhưng có nhiều công dụng khác nhau tùy bộ phận sử dụng. Đó là nguồn tài nguyên quý giá, chúng ta cần bảo vệ và phát triển nguồn tài nguyên đó để làm giàu cho Tổ Quốc.</p>
<p>- GV yêu cầu HS đọc thông tin SGK, quan sát hình 48.3, 48.4 trả lời câu hỏi: 1. <i>Kể tên cây có hại và tác hại cụ thể của chúng?</i> 2. <i>Ngoài những cây đã nêu trong SGK, em còn biết những cây có hại nào ngoài thực tế?</i> - GV giới thiệu về cây thuốc phiện: chất moocphin trong cây thuốc phiện là loại chất ma túy gây bệnh xã hội nguy hiểm nhưng lại có tác dụng giảm đau, an thần khi dùng với liều lượng nhẹ. Điều này giải thích vì sao trong ngành Dược người ta có thể sản xuất một số thuốc có moocphin (giảm đau, gây</p>	<p>- HS đọc thông tin SGK, quan sát hình trả lời câu hỏi đặt: 1. Thuốc lá, thuốc phiện, cần sa: gây nghiện, gây ho lao, suy nhược thần kinh. 2. HS tự nêu: Cây trúc đào, cà độc dược, mã tiền, bã đậu...</p> <p>- HS lắng nghe</p>	<p><b>2: Những cây có hại cho sức khỏe con người.</b> - Đối với những cây có hại cho sức khỏe, chúng ta cần hết sức thận trọng khi khai thác, hoặc tránh sử dụng. Đồng thời chống hút thuốc lá và sử dụng chất ma túy.</p>

<p>mê).</p> <p>- GV cho HS thảo luận:</p> <p>3. Tác hại của ma túy đối với sức khỏe con người</p> <p>4. Thái độ của em trước tệ nạn ma túy -&gt; hành động cụ thể nào?</p> <p>- GV nhận xét, cho HS ghi bài</p> <p>- GV cung cấp thêm thông tin: Nhiều khi tác dụng hai mặt của thực vật lại thể hiện ngay trên cùng một cây:</p> <p>+ Cây trúc đào có lá rất độc, ăn phải có thể gây nguy hiểm nhưng lại cho hoa đẹp dùng làm cảnh</p> <p>+ Cỏ củ gấu (sốt ban), cây rau bợ (chữa sỏi thận) là những cây có dại, mọc lẫn với cây trồng gây giảm năng suất cây trồng nhưng lại có tác dụng làm thuốc</p> <p>+ Cây cà độc dược các bộ phận của cây đều có độc, đặc biệt là hạt nhưng lá có thể dùng chữa bệnh hen.</p>	<p>- Các nhóm thảo luận -&gt; nêu lên được hành động cụ thể:</p> <p>+ Không sử dụng ma túy</p> <p>+ Không hút thuốc lá</p> <p>+ Tham gia phong trào tuyên truyền, phòng chống ma túy.</p> <p>- HS ghi bài.</p>  	
---	---	--

### HOẠT ĐỘNG 3: Hoạt động luyện tập (10')

**a. Mục tiêu:** Củng cố, luyện tập kiến thức vừa học.

**b. Nội dung:** Dạy học trên lớp, hoạt động nhóm, hoạt động cá nhân.

**c. Sản phẩm:** Bài làm của học sinh, kỹ năng giải quyết nhiệm vụ học tập.

**d. Tổ chức thực hiện:** Tổ chức theo phương pháp: đặt và giải quyết vấn đề, học sinh hợp tác, vận dụng kiến thức hoàn thành nhiệm vụ.

#### GV giao nhiệm vụ cho học sinh làm bài tập trắc nghiệm:

**Câu 1.** Lá của cây nào dưới đây được sử dụng làm thức ăn cho con người ?

A. Lá mồng tơi    B. Lá chuối    C. Lá khoai tây    D. Lá xà cừ

**Câu 2.** Hầu hết các bộ phận của cây nào dưới đây đều chứa độc tố và gây hại đến sức khỏe con người ?

A. Rau ngót    B. Cần tây    C. Trúc đào    D. Chùm ngây

**Câu 3.** Để diệt cá dữ trong đầm nuôi thủy sản, người ta sử dụng loại cây nào dưới đây ?

A. Duối cá    B. Đinh lăng    C. Ngũ gia bì    D. Xương rồng

**Câu 4.** Cây nào dưới đây là cây công nghiệp ?

A. Mướp đắng    B. Thuốc lá    C. Rau ngót    D. Lúa nước

**Câu 5.** Trong các loại cây dưới đây, cây nào vừa là cây ăn quả, vừa là cây làm cảnh, lại vừa là cây làm thuốc ?



A. Sen                      B. Cần sa                      C. Mít                      D. Dừa

**Câu 6.** Chất độc được biết đến nhiều nhất trong khói thuốc lá là gì ?

A. Hêrôn                      B. Nicôtin                      C. Côcain                      D. Solanin

**Câu 7.** Họ thực vật nào dưới đây có nhiều cây được dùng để làm cảnh vì hoa của chúng thường rất đẹp ?

A. Họ Cúc                      B. Họ Lúa                      C. Họ Dừa                      D. Họ Bầu bí

**Câu 8.** Loại thực vật nào dưới đây là tác nhân gây nên hiện tượng nước “nở hoa” ?

A. Tảo                      B. Rêu                      C. Dương xỉ                      D. Thông

**Câu 9.** Thực vật có ý nghĩa như thế nào đối với đời sống con người và nhiều loài động vật ?

A. Cung cấp nơi ở và nơi sinh sản cho động vật

B. Cung cấp nguồn nguyên liệu cho các ngành chế biến công nghiệp

C. Tất cả các phương án đưa ra

D. Cung cấp nguồn thức ăn dồi dào và ôxi cho quá trình hô hấp của con người và động vật

**Câu 10.** Cây nào dưới đây được dùng để sản xuất chất gây nghiện ?

A. Anh túc                      B. Chè                      C. Ca cao                      D. Cô ca

### Đáp án

1. A	2. C	3. A	4. B	5. A
6. B	7. A	8. A	9. C	10. A

### HOẠT ĐỘNG 4: Hoạt động vận dụng (8')

**a. Mục tiêu:** Vận dụng các kiến thức vừa học quyết các vấn đề học tập và thực tiễn.

**b. Nội dung:** Dạy học trên lớp, hoạt động nhóm, hoạt động cá nhân.

**c. Sản phẩm:** HS vận dụng các kiến thức vào giải quyết các nhiệm vụ đặt ra.

**d. Tổ chức thực hiện:** GV sử dụng phương pháp vấn đáp tìm tòi, tổ chức cho học sinh tìm tòi, mở rộng các kiến thức liên quan.

#### 1. Chuyển giao nhiệm vụ học tập

GV chia lớp thành nhiều nhóm

( mỗi nhóm gồm các HS trong 1 bàn) và giao các nhiệm vụ: thảo luận trả lời các câu hỏi sau và ghi chép lại câu trả lời vào vở bài tập

Kể tên một số loài động vật ăn thực vật.

Những cây có hại cho sức khỏe con người?

#### 2. Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận

- HS trả lời.

- HS nộp vở bài tập.

- HS tự ghi nhớ nội dung trả lời đã hoàn thiện.

Tuyên truyền về những cây có ích và những cây có hại cho sức khỏe để phát triển, nhân rộng những cây có ích và không trồng những cây có hại, và biết cách phòng tránh. Biết và tìm hiểu một số cây có hại để nhận diện và phòng tránh.

Tìm hình ảnh phá rừng hoặc phong trào trồng cây gây rừng

#### 4. Dặn dò:

- Học bài, trả lời câu hỏi trong SGK.

- Đọc em có biết.

## Bài 49: BẢO VỆ SỰ ĐA DẠNG CỦA THỰC VẬT

### I/ MỤC TIÊU

#### 1. Kiến thức:

- Giải thích được sự khai thác quá mức dẫn đến tàn phá và suy giảm đa dạng sinh vật.

#### 2. Năng lực

Phát triển các năng lực chung và năng lực chuyên biệt

Năng lực chung	Năng lực chuyên biệt
- Năng lực phát hiện vấn đề - Năng lực giao tiếp - Năng lực hợp tác - Năng lực tự học - Năng lực số đông CNTT và TT	- Năng lực kiến thức sinh học - Năng lực thực nghiệm - Năng lực nghiên cứu khoa học

#### 3. Về phẩm chất

Giúp học sinh rèn luyện bản thân phát triển các phẩm chất tốt đẹp: yêu nước, nhân ái, chăm chỉ, trung thực, trách nhiệm.

### II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

#### 1. Giáo viên:

- Giáo án, SGK, Tranh vẽ như SGK, tiêu bản mẫu vật, tranh ảnh.

#### 2. Học sinh

- Vở ghi, SGK, Nêu và giải quyết vấn đề kết hợp hình vẽ và làm việc với SGK.

### III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

#### 1. Ổn định lớp: Năm sĩ số học sinh

#### 2. Kiểm tra bài cũ:

- Con người sử dụng thực vật để phục vụ đời sống hằng ngày như thế nào? Cho ví dụ cụ thể.

- Hút thuốc lá, thuốc phiện có hại như thế nào?

- Ở địa phương em, có những cây Hạt kín nào có giá trị kinh tế?

### 3. Bài mới : BẢO VỆ ĐA DẠNG CỦA THỰC VẬT

#### HOẠT ĐỘNG 1: Xác định vấn đề/Nhiệm vụ học tập/Mở đầu (5')

- a. Mục tiêu:** HS biết được các nội dung cơ bản của bài học cần đạt được, tạo tâm thế cho học sinh đi vào tìm hiểu bài mới.
- b. Nội dung:** Giáo viên giới thiệu thông tin liên quan đến bài học.
- c. Sản phẩm:** Học sinh lắng nghe định hướng nội dung học tập.
- d. Tổ chức thực hiện:** Giáo viên tổ chức, học sinh thực hiện, lắng nghe phát triển năng lực quan sát, năng lực giao tiếp.

Tập hợp tất cả những loài TV với các đặc trưng của chúng (hình dạng, cấu tạo, kích thước, nơi sống ...) tạo sự đa dạng thực vật. Hiện nay sự đa dạng đó đang bị suy giảm, vậy làm gì để bảo vệ sự ĐDTV?

#### HOẠT ĐỘNG 2: Hình thành kiến thức

- a) Mục tiêu:** sự khai thác quá mức dẫn đến tàn phá và suy giảm đa dạng sinh vật.
- b) Nội dung:** HS căn cứ trên các kiến thức đã biết, làm việc với sách giáo khoa, hoạt động cá nhân, nhóm hoàn thành yêu cầu học tập.
- c) Sản phẩm:** Trình bày được kiến thức theo yêu cầu của GV.
- d) Tổ chức thực hiện:** Hoạt động cá nhân, hoạt động nhóm, dạy học nêu và giải quyết vấn đề; phương pháp thuyết trình; sử dụng đồ dung trực quan

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS	Nội dung
<p>- GV yêu cầu HS:</p> <ol style="list-style-type: none"> <li>Kể tên một số loài thực vật mà em biết?</li> <li>Chúng thuộc ngành nào? Sống ở đâu?</li> </ol> <p>- GV bổ sung và chuyển ý: <i>Như vậy là chúng ta vừa làm một công việc nhận xét rất khái quát về tình hình thực vật ở địa phương nhưng chúng ta chưa biết được cụ thể thực vật ở đây có bao nhiêu loài, vì muốn thế phải nghiên cứu, điều tra kỹ, và đó là công việc của các nhà thực vật học khi nghiên cứu thực vật ở vùng nào đó. Bây giờ, chúng ta hãy xem các nhà thực vật học cung cấp thông tin gì về tính đa dạng của thực vật ở Việt Nam.</i></p>	<p>- HS thảo luận nhóm:</p> <ol style="list-style-type: none"> <li>Một vài HS trình bày tên thực vật -&gt; HS khác bổ sung.</li> <li>Một HS nhận biết chúng thuộc ngành nào và sống ở những môi trường nào.</li> </ol> <p>- HS lắng nghe và ghi bài.</p>	<p><b>1: Đa dạng của thực vật là gì?</b></p> <p>Tính đa dạng của thực vật là sự phong phú về các loài, các cá thể của loài và môi trường sống của chúng.</p>
<p><b>a. Việt Nam có tính đa dạng cao về thực vật:</b></p> <p>- GV yêu cầu HS đọc thông tin trong</p>	<p>- HS đọc thông tin trong mục</p>	<p><b>2: Tình hình đa dạng của thực vật ở Việt Nam</b></p>

<p>mục □SGK tr.157 -&gt; thảo luận: Vì sao nói Việt Nam có tính đa dạng cao về thực vật?</p> <p>- GV nhận xét, tổng kết lại về tình đa dạng của thực vật ở Việt Nam.</p> <p>- GV yêu cầu HS kể tên một vài loài có giá trị kinh tế và khoa học.</p> <p><b>b. Sự suy giảm tính đa dạng của thực vật ở Việt Nam:</b></p> <p>- GV nêu vấn đề: ở Việt nam trung bình mỗi năm bị tàn phá từ 100.000-200.000 ha rừng nhiệt đới.</p> <p>* Theo em những nguyên nhân nào dẫn tới suy giảm tính đa dạng của sinh vật:</p> <p>Hãy đánh dấu vào câu cho từng trường hợp đúng:</p> <ol style="list-style-type: none"> <li>1. Chặt phá rừng làm rẫy</li> <li>2. Chặt phá rừng để buôn bán lậu</li> <li>3. Khoanh nuôi rừng</li> <li>4. Cháy rừng</li> <li>5. Lũ lụt</li> <li>6. Chặt cây làm nhà</li> </ol> <p>- Căn cứ vào kết quả bài tập, thảo luận: Nêu nguyên nhân của sự suy giảm tính đa dạng của thực vật và hậu quả?</p> <p>- GV liên hệ: Qua đọc báo, nghe đài, ..., em có thể kể một vài mẫu tin về nạn phá rừng và cho biết ý kiến của mình?</p> <p>- GV cho HS đọc thông tin về thực vật quý hiếm -&gt; trả lời câu hỏi:</p> <ol style="list-style-type: none"> <li>1. Thế nào là thực vật quý hiếm?</li> <li>2. Kể tên một vài loài cây quý hiếm mà em biết?</li> </ol>	<p>□SGK tr.157 -&gt; thảo luận trả lời:</p> <p>+ Đa dạng về số lượng loài</p> <p>+ Đa dạng về môi trường sống</p> <p>- HS kể tên một vài loài có giá trị kinh tế và khoa học.</p> <p>- HS lắng nghe và làm bài tập.</p> <p>* Đáp án: <b>1, 2, 4, 6.</b></p> <p>- HS thảo luận trả lời:</p> <p>+ Nguyên nhân: chặt phá rừng làm rẫy, để buôn bán lậu, cháy rừng, chặt cây làm nhà.</p> <p>+ Hậu quả: (HS có thể nói về ảnh hưởng đối với việc bảo vệ môi trường như đã học) đối với các loài cây bị khai thác kiệt quệ.</p> <p>- HS thông báo thông tin sưu tầm được.</p> <p>- HS đọc thông tin về thực vật quý hiếm -&gt; trả lời câu hỏi đạt:</p> <ol style="list-style-type: none"> <li>1. Thực vật quý hiếm là những loài thực vật có giá trị và có xu hướng ngày càng ít đi do bị khai thác quá mức</li> <li>2. HS tự kể tên một vài loài: Loài Bách xanh, Thông đỏ, Vân Sam hoàng liên ....</li> </ol> <p>- HS ghi bài.</p>	<p>a. Việt Nam có tính đa dạng cao về thực vật:</p> <p>Việt nam có tính đa dạng về thực vật, trong đó có nhiều loài có giá trị kinh tế và khoa học</p> <p>b. Sự suy giảm tính đa dạng của thực vật ở Việt Nam:</p> <p>* Nguyên nhân: nhiều loài cây có giá trị kinh tế đã bị khai thác bừa bãi, cùng với sự tàn phá tràn lan các khu rừng để phục vụ nhu cầu đời sống.</p> <p>* Hậu quả: nhiều loài cây bị giảm đáng kể về số lượng, môi trường sống của chúng bị thu hẹp hoặc bị mất đi, nhiều loài trở nên hiếm, thậm chí một số loài có nguy cơ bị tiêu diệt.</p> <p>* Thực vật quý hiếm là những loài thực vật có giá trị và có xu hướng ngày càng ít đi do bị khai thác quá mức.</p>
--	--	---

- GV nhận xét.		
- GV đặt vấn đề: 1. Vì sao phải bảo vệ sự đa dạng của thực vật?  2. Nêu các biện pháp bảo vệ tính đa dạng của thực vật? 3. Em đã làm những gì để bảo vệ tính đa dạng đó? - GV chốt ý	- HS thảo luận, trả lời đạt: 1. Mỗi quan hệ giữa thực vật – môi trường – con người Tầm quan trọng của sự đa dạng của thực vật. 2. Như SGK tr. 158  3. Tham gia trồng cây; bảo vệ cây cối;... - HS ghi bài.	<b>3. Các biện pháp bảo vệ sự đa dạng của thực vật.</b> Cần phải bảo vệ sự đa dạng thực vật nói chung và thực vật quý hiếm nói riêng. Các biện pháp: SGK tr. 159

### HOẠT ĐỘNG 3: Hoạt động luyện tập (10')

**a. Mục tiêu:** Củng cố, luyện tập kiến thức vừa học.

**b. Nội dung:** Dạy học trên lớp, hoạt động nhóm, hoạt động cá nhân.

**c. Sản phẩm:** Bài làm của học sinh, kỹ năng giải quyết nhiệm vụ học tập.

**d. Tổ chức thực hiện:** Tổ chức theo phương pháp: đặt và giải quyết vấn đề, học sinh hợp tác, vận dụng kiến thức hoàn thành nhiệm vụ.

#### GV giao nhiệm vụ cho học sinh làm bài tập trắc nghiệm:

**Câu 1.** Tính đa dạng của thực vật được biểu hiện ở điều nào sau đây ?

- A. Số lượng các loài  
B. Số lượng các cá thể trong mỗi loài  
C. Môi trường sống của mỗi loài  
D. Tất cả các phương án đưa ra

**Câu 2.** Ở nước ta có khoảng bao nhiêu loài thực vật có mạch ?

- A. Khoảng trên 12 000 loài  
B. Khoảng gần 10 000 loài  
C. Khoảng gần 15 000 loài  
D. Khoảng trên 20 000 loài

**Câu 3.** Nguyên nhân chủ yếu gây ra sự suy giảm tính đa dạng của thực vật là gì ?

- A. Do tác động của bão từ  
B. Do ảnh hưởng của thiên tai, lũ lụt  
C. Do hoạt động khai thác quá mức của con người  
D. Tất cả các phương án đưa ra

**Câu 4.** Cây nào dưới đây được xếp vào nhóm thực vật quý hiếm ở nước ta ?

- A. Xà cừ  
B. Bạch đàn  
C. Tam thất  
D. Trầu không

**Câu 5.** Loại cây nào dưới đây được dùng để làm thuốc ?

- A. Hoa sữa  
B. Sâm Ngọc Linh  
C. Thông thiên  
D. Ngô đồng

**Câu 6.** Biện pháp nào sau đây giúp bảo vệ sự đa dạng của thực vật ?

1. Ngăn chặn phá rừng, hạn chế việc khai thác bừa bãi thực vật quý hiếm để bảo vệ số lượng cá thể của loài.  
2. Cấm buôn bán và xuất khẩu các loài thực vật quý hiếm đặc biệt.  
3. Xây dựng các khu bảo tồn, vườn Quốc gia,... để bảo vệ các loài thực vật, trong đó có thực vật quý hiếm.  
4. Tuyên truyền, giáo dục rộng rãi trong nhân dân để cùng tham gia bảo vệ rừng.

- A. 1, 2, 3  
B. 1, 2, 4  
C. 2, 3, 4  
D. 1, 2, 3, 4

**Câu 7.** Nhóm nào dưới đây gồm những thực vật quý hiếm ?

- A. Sữa, xoan, bằng lăng, phi lao  
B. Lim, sến, tấu, bạch đàn

C. Trắc, gụ, giáng hương, cầm lai      D. Đa, bồ đề, chò, điền thanh

**Câu 8.** Vườn Quốc gia nào dưới đây nằm ở miền Nam của nước ta ?

A. Tam Đảo      B. Cát Tiên

C. Ba Vì      D. Cúc Phương

**Câu 9.** Chọn số liệu thích hợp để điền vào chỗ trống trong câu sau : Các nhà thực vật học nước ta đã thống kê được trên ... loài thực vật quý hiếm ở Việt Nam.

A. 500                      B. 200                      C. 300                      D. 100

**Câu 10.** Củ tam thất có tác dụng nào dưới đây ?

A. Cầm máu, trị thổ huyết                      B. Tăng cường sinh lực

C. Bổ máu, tăng hồng cầu                      D. Tất cả các phương án đưa ra

#### Đáp án

1. D	2. A	3. C	4. C	5. B
6. D	7. C	8. B	9. C	10. D

#### HOẠT ĐỘNG 4: Hoạt động vận dụng (8')

**a. Mục tiêu:** Vận dụng các kiến thức vừa học quyết các vấn đề học tập và thực tiễn.

**b. Nội dung:** Dạy học trên lớp, hoạt động nhóm, hoạt động cá nhân.

**c. Sản phẩm:** HS vận dụng các kiến thức vào giải quyết các nhiệm vụ đặt ra.

**d. Tổ chức thực hiện:** GV sử dụng phương pháp vấn đáp tìm tòi, tổ chức cho học sinh tìm tòi, mở rộng các kiến thức liên quan.

#### 1. Chuyển giao nhiệm vụ học tập

GV chia lớp thành nhiều nhóm

( mỗi nhóm gồm các HS trong 1 bàn) và giao các nhiệm vụ: thảo luận trả lời các câu hỏi sau và ghi chép lại câu trả lời vào vở bài tập

Các biện pháp bảo vệ sự đa dạng của thực vật?

**Cần phải làm gì để bảo vệ đa dạng thực vật ở Việt Nam?**

2. Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận

- HS trả lời.

- HS nộp vở bài tập.

- HS tự ghi nhớ nội dung trả lời đã hoàn thiện.

- Tích cực trồng cây ở địa phương để góp phần bảo vệ sự đa dạng của thực vật ở địa phương, đồng thời tuyên truyền nâng cao ý thức cộng đồng.

#### 4. Dặn dò:

- Học bài, trả lời câu hỏi trong SGK.

- Chuẩn bị bài tiếp theo.

- Đọc phần Em có biết.

### CHUYÊN ĐỀ: NĂM – ĐỊA Y

#### I. Nội dung chuyên đề

##### 1. Mô tả chuyên đề

##### Sinh học 6

- + **Bài 50:** Vi khuẩn
- + **Bài 50:** Vi khuẩn (tiếp)
- + **Bài 51 :** Nấm
- + **Bài 52:** Địa y

## 2. Mạch kiến thức của chuyên đề

### 3. Thời lượng của chuyên đề

- Chuyên đề cuối cùng trong chương trình sinh học 6 đề cập sơ lược đến các loài sinh vật không thuộc giới thực vật đó là vi khuẩn, nấm và địa y. Giúp học sinh có cái nhìn tổng quát và đa dạng về thế giới xung quanh.

Tổng số tiết	Tuần thực hiện	Tiết theo KHDH	Tiết theo chủ đề	Nội dung của từng hoạt động
3	31,32,33	60	1	<b>Hoạt động 1:</b> Tìm hiểu hình dạng, kích thước và cấu tạo VK
				<b>Hoạt động 2:</b> Tìm hiểu cách dinh dưỡng của vi khuẩn
				<b>Hoạt động 3.</b> Tìm hiểu dự phân bố và số lượng
		61	2	<b>Hoạt động 4.</b> Tìm hiểu vai trò của vi khuẩn
				<b>Hoạt động 5.</b> Tìm hiểu sơ lược về virus
		62	3	<b>Hoạt động 6.</b> Tìm hiểu mốc trắng và nấm rơm
				<b>Hoạt động 7.</b> Tìm hiểu đặc điểm sinh học và tầm quan trọng của nấm
		63	4	<b>Hoạt động 8.</b> Tìm hiểu hình dạng và cấu tạo của địa y
				<b>Hoạt động 9.</b> Tìm hiểu vai trò của địa y

## II. Tổ chức hoạt động dạy học

### Bài 50: VI KHUẨN

#### I/ MỤC TIÊU

##### 1. Kiến thức:

- Mô tả được vi khuẩn là sinh vật nhỏ bé, tế bào chưa có nhân, phân bố rộng rãi. Sinh sản chủ yếu bằng cách phân đôi.

- Nêu được vi khuẩn có lợi cho việc phân hủy chất hữu cơ góp phần hình thành mùn, dầu hỏa, than đá, góp phần lên men, tổng hợp vitamin, chất kháng sinh.
- Nêu được vi khuẩn có hại gây nên một số bệnh cho cây, động vật và người.

## 2. Năng lực

Phát triển các năng lực chung và năng lực chuyên biệt

Năng lực chung	Năng lực chuyên biệt
<ul style="list-style-type: none"> <li>- Năng lực phát hiện vấn đề</li> <li>- Năng lực giao tiếp</li> <li>- Năng lực hợp tác</li> <li>- Năng lực tự học</li> <li>- Năng lực sử dụng CNTT và TT</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Năng lực kiến thức sinh học</li> <li>- Năng lực thực nghiệm</li> <li>- Năng lực nghiên cứu khoa học</li> </ul>

## 3. Về phẩm chất

Giúp học sinh rèn luyện bản thân phát triển các phẩm chất tốt đẹp: yêu nước, nhân ái, chăm chỉ, trung thực, trách nhiệm.

## II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

### 1. Giáo viên:

- Giáo án, SGK, Tranh vẽ như SGK, tiêu bản mẫu vật, tranh ảnh.

### 2. Học sinh

- Vở ghi, SGK, Nêu và giải quyết vấn đề kết hợp hình vẽ và làm việc với SGK.

## III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

### 1. Ổn định lớp: Năm sĩ số học sinh

### 2. Kiểm tra bài cũ:

- Đa dạng của thực vật là gì? Nguyên nhân gì khiến cho đa dạng thực vật ở Việt Nam giảm sút?
- Thế nào là thực vật quý hiếm?
- Cần phải làm gì để bảo vệ đa dạng thực vật ở Việt Nam?

### 3. Bài mới : VI KHUẨN

#### HOẠT ĐỘNG 1: Xác định vấn đề/Nhiệm vụ học tập/Mở đầu (5')

**a. Mục tiêu:** HS biết được các nội dung cơ bản của bài học cần đạt được, tạo tâm thế cho học sinh đi vào tìm hiểu bài mới.

**b. Nội dung:** Giáo viên giới thiệu thông tin liên quan đến bài học.

**c. Sản phẩm:** Học sinh lắng nghe định hướng nội dung học tập.

**d. Tổ chức thực hiện:** Giáo viên tổ chức, học sinh thực hiện, lắng nghe phát triển năng lực quan sát, năng lực giao tiếp.

Trong thiên nhiên có những sinh vật hết sức nhỏ bé mà mắt thường không nhìn thấy được, chúng chiếm một số lượng lớn, ở khắp mọi nơi quanh ta. Vậy đó là sinh vật nào?

#### HOẠT ĐỘNG 2: Hình thành kiến thức

**a) Mục tiêu:** vi khuẩn là sinh vật nhỏ bé, tế bào chưa có nhân, phân bố rộng rãi. Sinh sản chủ yếu bằng cách phân đôi.

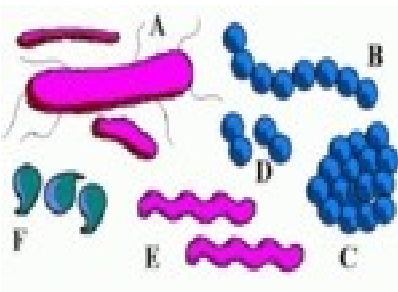
**b) Nội dung:** HS căn cứ trên các kiến thức đã biết, làm việc với sách giáo khoa, hoạt động



cá nhân, nhóm hoàn thành yêu cầu học tập.

**c) Sản phẩm:** Trình bày được kiến thức theo yêu cầu của GV.

**d) Tổ chức thực hiện:** Hoạt động cá nhân, hoạt động nhóm, dạy học nêu và giải quyết vấn đề; phương pháp thuyết trình; sử dụng đồ dung trực quan

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS	Nội dung
<p><b>Hình dạng</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- GV cho HS quan sát tranh -&gt; cho HS trao đổi: <i>Vi khuẩn có những hình dạng nào ?</i></li> <li>- Gv: HS khác nhận xét, bổ xung.</li> <li>- GV lưu ý dạng vi khuẩn sống thành từng đám hay từng chuỗi nhưng mỗi vi khuẩn vẫn là đơn vị sống độc lập.</li> </ul> <p><b>Kích thước</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Y/c Hs đọc thông tin SGK trả lời: <i>Vi khuẩn có kích thước như thế nào?</i></li> <li>- GV y/c hs khác nhận xét.</li> </ul> <p><b>Cấu tạo</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- GV cho HS đọc thông tin -&gt; trả lời CH: 1. <i>Nêu cấu tạo tế bào của vi khuẩn</i></li> <li>2. <i>So sánh cấu tạo tế bào của vi khuẩn với tế bào thực vật.</i></li> <li>- GV chốt kiến thức</li> <li>- GV cung cấp thêm thông tin: một số vi khuẩn có roi nên có thể di chuyển được.</li> </ul> 	<ul style="list-style-type: none"> <li>- HS quan sát tranh -&gt; trao đổi trả lời: Vi khuẩn có nhiều hình dạng khác nhau như: hình cầu, hình que, hình xoắn, hình dấu phẩy.</li> <li>- HS: Bổ xung (nếu có)</li> <li>- HS lắng nghe.</li> <li>- HS: đọc SGK trả lời: Vi khuẩn có kích thước rất nhỏ (từ một đến vài phần nghìn mm), phải quan sát dưới kính hiển vi có độ phóng đại lớn.</li> <li>- HS: nhận xét (nếu có)</li> <li>- HS trả lời câu hỏi: 1. Đơn bào, có vách tế bào, bên trong là chất tế bào, chưa có nhân hoàn chỉnh. 2. Khác tế bào thực vật, vi khuẩn không có diệp lục, chưa có nhân hoàn chỉnh.</li> <li>- HS ghi bài</li> <li>- HS lắng nghe.</li> </ul>	<p><b>1. Hình dạng, kích thước và cấu tạo của vi khuẩn.</b></p> <p>Vi khuẩn có kích thước rất nhỏ, có nhiều dạng và cấu tạo đơn giản (chưa có nhân hoàn chỉnh).</p>
<ul style="list-style-type: none"> <li>- GV yêu cầu HS tìm thông tin trả lời câu</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- HS tìm thông tin trả lời</li> </ul>	<p><b>2. Cách dinh</b></p>

<p>hỏi:</p> <p>1. <i>Vi khuẩn không có diệp lục, vậy nó sống bằng cách nào ?</i></p> <p>2. <i>Có mấy cách dinh dưỡng của vi khuẩn ?</i></p> <p>- GV chốt ý.</p> <p>- GV giải thích cách dinh dưỡng của vi khuẩn:</p> <p>+ <i>Hoại sinh: sống bằng chất hữu cơ có sẵn trong xác động, thực vật đang phân hủy.</i></p> <p>+ <i>Kí sinh: sống nhờ trên cơ thể sống khác.</i></p>	<p>câu hỏi:</p> <p>1. Chúng sử dụng chất hữu cơ sẵn có trong xác động thực vật đang phân hủy (hoại sinh); hoặc sống nhờ cơ thể khác (kí sinh) cả 2 cách dd như vậy gọi là dinh dưỡng dị dưỡng.</p> <p>2. Dinh dưỡng dị dưỡng bằng cách: hoại sinh và kí sinh.</p> <p>- HS ghi bài</p>	<p><b>dưỡng</b></p> <p>Vi khuẩn dinh dưỡng bằng cách dị dưỡng: hoại sinh và kí sinh. Trừ một số vi khuẩn có khả năng tự dưỡng.</p>
<p>- GV yêu cầu HS đọc thông tin -&gt; trả lời câu hỏi:</p> <p>1. <i>Vi khuẩn phân bố trong tự nhiên như thế nào ?</i></p> <p>- GV chốt ý.</p> <p>- GV mở rộng: <i>Vi khuẩn sinh sản bằng cách phân đôi tế bào, nếu gặp điều kiện thuận lợi, chúng sẽ sinh sản rất nhanh</i></p> <p><i>Khi gặp điều kiện bất lợi (khó khăn về thức ăn và nhiệt độ) -&gt; vi khuẩn kết bào xác.</i></p> <p>-&gt; giáo dục ý thức giữ gìn vệ sinh cá nhân.</p>	<p>- HS đọc thông tin -&gt; trả lời câu hỏi:</p> <p>1. <i>Trong tự nhiên nơi nào cũng có vi khuẩn.</i></p> <p>- HS ghi bài</p> <p>- HS lắng nghe.</p>	<p><b>3: Phân bố và số lượng</b></p> <p>Trong tự nhiên nơi nào cũng có vi khuẩn: trong đất, trong nước, trong không khí và trong cơ thể sinh vật.</p> <p>Vi khuẩn có số lượng loài rất lớn.</p>
<p><b>a. Vi khuẩn có ích:</b></p> <p>- GV yêu cầu HS quan sát hình 50.2 -&gt; làm bài tập điền từ SGK tr. 162.</p> <p>- GV nhận xét</p> <p>- Cho HS đọc thông tin đoạn □ SGK tr.162 -&gt; thảo luận: Vi khuẩn có vai trò gì trong tự nhiên và trong đời sống con người?</p>	<p>- HS quan sát hình -&gt; làm bài tập điền từ SGK tr. 162.</p> <p>- 1 – 2 HS đọc bài tập, lớp nhận xét.</p> <p>- HS tự sửa chữa</p> <p>- HS đọc thông tin đoạn □ SGK tr.162 -&gt; thảo luận:</p> <p>+ Trong tự nhiên: phân huỷ chất hữu cơ thành chất vô cơ; góp phần hình thành than đá, dầu lửa.</p> <p>+ Trong đời sống:</p>	<p><b>4. Vai trò của vi khuẩn</b></p> <p><b>a. Vi khuẩn có ích:</b></p> <p>Vi khuẩn có vai trò trong tự nhiên và đời sống con người: Phân huỷ chất hữu cơ thành chất vô cơ, góp</p>

<p>- GV nhận xét, chốt ý.</p> <p>- GV cho HS giải thích một số hiện tượng thực tế: Vì sao muối dưa, cà ngâm vào nước muối sau vài ngày hóa chua?</p> <p><b>b. Vi khuẩn có hại:</b></p> <p>- GV yêu cầu HS thảo luận các câu hỏi sau:</p> <p>1. <i>Hãy kể tên một vài bệnh do vi khuẩn gây ra?</i></p> <p>2. <i>Các loại thức ăn để lâu ngày dễ bị ôi thiu, vì sao? Muốn thức ăn không bị ôi thiu phải làm thế nào?</i></p> <p>- GV nhận xét.</p> <p>- GV cung cấp thông tin: <i>bệnh tả do phẩy khuẩn tả; bệnh lao do trực khuẩn lao.</i></p> <p><i>Có những vi khuẩn có cả hai tác dụng có ích và có hại. Ví dụ: vi khuẩn phân hủy chất hữu cơ</i></p> <p>+ <i>Có hại: làm hỏng thực phẩm</i></p> <p>+ <i>Có lợi: phân hủy xác động, thực vật tạo muối khoáng.</i></p> <p>- GV yêu cầu HS liên hệ hành động của bản thân phòng chống tác hại do vi khuẩn gây ra.</p>	<p>- Nông nghiệp: cố định đạm -&gt; bổ sung đạm cho đất.</p> <p>- Chế biến thực phẩm: vi khuẩn lên men làm giấm, tương, rượu,..</p> <p>- Vai trò trong công nghiệp sinh học.</p> <p>- HS lắng nghe</p> <p>- HS giải thích: Đó là nhờ vào loại vi khuẩn lên men chua hoạt động, có rất nhiều trong lớp váng của vại dưa cà muối.</p> <p>- HS thảo luận các câu hỏi đặt:</p> <p>1. HS thảo luận cho biết thông tin.</p> <p>2. Do vi khuẩn hoại sinh làm hỏng thức ăn -&gt; muốn giữ thức ăn -&gt; ngăn ngừa vi khuẩn sinh sản bằng cách: đông lạnh thức ăn, phơi khô, ướp muối,...</p> <p>- HS lắng nghe -&gt; ghi bài</p> <p>- HS lắng nghe.</p>	<p>phần hình thành than đá, dầu lửa, nhiều vi khuẩn ứng dụng trong công nghiệp, nông nghiệp và chế biến thực phẩm.</p> <p><b>b. Vi khuẩn có hại:</b></p> <p>Các vi khuẩn kí sinh gây bệnh cho người, nhiều vi khuẩn hoại sinh làm hỏng thực phẩm, gây ô nhiễm môi trường.</p>
<p>- GV giới thiệu sơ lược về virus -&gt; yêu cầu HS kể tên một vài bệnh do virus gây ra?</p> <p>- Liên hệ với loại bệnh nguy hiểm nhất hiện nay do virus HIV gây ra -&gt; thái độ ứng xử.</p>	<p>- HS lắng nghe -&gt; kể một vài bệnh: cúm gà, sốt siêu vi, HIV,...</p> <p>- Hình thành thái độ ứng xử đúng.</p>	<p><b>5: Sơ lược về virus</b></p> <p>Vi rút rất nhỏ, chưa có cấu tạo tế bào sống, kí sinh bắt buộc và thường gây bệnh cho vật</p>

**HOẠT ĐỘNG 3: Hoạt động luyện tập (10')**

**a. Mục tiêu:** Củng cố, luyện tập kiến thức vừa học.

**b. Nội dung:** Dạy học trên lớp, hoạt động nhóm, hoạt động cá nhân.

**c. Sản phẩm:** Bài làm của học sinh, kỹ năng giải quyết nhiệm vụ học tập.

**d. Tổ chức thực hiện:** Tổ chức theo phương pháp: đặt và giải quyết vấn đề, học sinh hợp tác, vận dụng kiến thức hoàn thành nhiệm vụ.

**GV giao nhiệm vụ cho học sinh làm bài tập trắc nghiệm:**

**Câu 1.** Vi khuẩn có đặc điểm nào sau đây ?

- A. Có cấu tạo đơn bào, sống độc lập hoặc thành cặp, nhóm
- B. Kích thước rất nhỏ bé, chưa có nhân hoàn chỉnh
- C. Tất cả các phương án đưa ra
- D. Có hình thái đa dạng : hình que, hình cầu, hình dấu phẩy,...

**Câu 2.** Vi khuẩn nào dưới đây có khả năng tự dưỡng ?

- A. Vi khuẩn lactic
- B. Vi khuẩn lam
- C. Vi khuẩn than
- D. Vi khuẩn thương hàn

**Câu 3.** Ở vi khuẩn tồn tại bao nhiêu phương thức dinh dưỡng chủ yếu ?

- A. 4
- B. 3
- C. 1
- D. 2

**Câu 4.** Vi khuẩn sinh sản chủ yếu theo hình thức nào ?

- A. Phân đôi
- B. Nảy chồi
- C. Tạo thành bào tử
- D. Tiếp hợp

**Câu 5.** Vi khuẩn gây bệnh cho con người và động vật là những vi khuẩn có lối sống

- A. cộng sinh.
- B. hoại sinh.
- C. kí sinh.
- D. tự dưỡng.

**Câu 6.** Giữa vi khuẩn cố định đạm và cây họ Đậu đã hình thành nên mối quan hệ nào dưới đây ?

- A. Cạnh tranh
- B. Cộng sinh
- C. Kí sinh
- D. Hội sinh

**Câu 7.** Người ta đã “lợi dụng” hoạt động của vi khuẩn lactic để tạo ra món ăn nào dưới đây ?

- A. Bánh gai
- B. Giã cây
- C. Giò lụa
- D. Sữa chua

**Câu 8.** Để bảo quản thực phẩm trước sự tấn công của vi khuẩn hoại sinh, chúng ta có thể áp dụng phương pháp nào sau đây ?

- A. Tất cả các phương án đưa ra
- B. Sấy khô
- C. Ướp muối
- D. Ướp lạnh

**Câu 9.** Khi nói về virut, nhận định nào dưới đây là không chính xác ?

- A. Có lối sống kí sinh
- B. Kích thước nhỏ hơn vi khuẩn
- C. Có cấu tạo tế bào
- D. Có hình thái và cấu trúc đa dạng: dạng khối, dạng que, dạng nòng nọc...

**Câu 10.** Khả năng phân hủy xác sinh vật phản ánh hình thức dinh dưỡng nào ở vi khuẩn ?

- A. Cộng sinh
- B. Hoại sinh
- C. Hội sinh
- D. Kí sinh

**Đáp án**

3. D

1. C

2. B

4. A	5. C			
6. B	7. D	8. A	9. C	10. B

#### **HOẠT ĐỘNG 4: Hoạt động vận dụng (8')**

**a. Mục tiêu:** Vận dụng các kiến thức vừa học quyết các vấn đề học tập và thực tiễn.

**b. Nội dung:** Dạy học trên lớp, hoạt động nhóm, hoạt động cá nhân.

**c. Sản phẩm:** HS vận dụng các kiến thức vào giải quyết các nhiệm vụ đặt ra.

**d. Tổ chức thực hiện:** GV sử dụng phương pháp vấn đáp tìm tòi, tổ chức cho học sinh tìm tòi, mở rộng các kiến thức liên quan.

#### **1. Chuyển giao nhiệm vụ học tập**

GV chia lớp thành nhiều nhóm

( mỗi nhóm gồm các HS trong 1 bàn) và giao các nhiệm vụ: thảo luận trả lời các câu hỏi sau và ghi chép lại câu trả lời vào vở bài tập

- Em có thể nêu tên một vài bệnh do vi khuẩn, vi rút gây ra?

Tại sao thức ăn bị ôi thiu? Muốn giữ cho thức ăn khỏi bị thiu phải làm thế nào?

#### **2. Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**

- HS trả lời.

- HS nộp vở bài tập.

- HS tự ghi nhớ nội dung trả lời đã hoàn thiện.

- Vận dụng về mặt có lợi của vi khuẩn để tạo phân xanh bón cây. Dựa vào tính chất lên men của vi khuẩn lên men áp dụng làm các loại món ăn: như dưa chua. Hiểu được vì sao các thực phẩm tươi sống để lâu ngoài không khí lại nhanh bị hư, từ đó biết cách phải bảo quản thực phẩm ( ướp lạnh, phơi khô, ướp muối...). Ngoài ra có những loài vi khuẩn gây bệnh cho con người và động vật → cần thiết phải phòng tránh.

- Tìm hiểu những bệnh do vi khuẩn gây ra cho con người và các sinh vật khác.

#### **4. Dặn dò:**

- Học bài, trả lời câu hỏi trong SGK

- Chuẩn bị bài tiếp theo, chuẩn bị nấm rơm, ủ nấm mốc theo hướng dẫn.

### Bài 51: NẤM

#### **I/ MỤC TIÊU**

##### **1. Kiến thức:**

- Nêu được đặc điểm của nấm nói chung là gì ( về cấu tạo, dinh dưỡng, sinh sản, ...)

- Phân biệt được các loại nấm.

##### **2. Năng lực**

Phát triển các năng lực chung và năng lực chuyên biệt

<b>Năng lực chung</b>	<b>Năng lực chuyên biệt</b>
- Năng lực phát hiện vấn đề	- Năng lực kiến thức sinh học

- Năng lực giao tiếp - Năng lực hợp tác - Năng lực tự học - Năng lực số đông CNTT và TT	- Năng lực thực nghiệm - Năng lực nghiên cứu khoa học
--	--

### 3. Về phẩm chất

Giúp học sinh rèn luyện bản thân phát triển các phẩm chất tốt đẹp: yêu nước, nhân ái, chăm chỉ, trung thực, trách nhiệm.

## II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

### 1. Giáo viên:

- Giáo án, SGK, Tranh vẽ như SGK, tiêu bản mẫu vật, tranh ảnh.

### 2. Học sinh

- Vở ghi, SGK, Nêu và giải quyết vấn đề kết hợp hình vẽ và làm việc với SGK.

## III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

1. **Ổn định lớp:** Kiểm tra 15 phút

2. **Kiểm tra bài cũ:**

3. **Bài mới :** **NẤM**

### HOẠT ĐỘNG 1: Xác định vấn đề/Nhiệm vụ học tập/Mở đầu (5')

**a. Mục tiêu:** HS biết được các nội dung cơ bản của bài học cần đạt được, tạo tâm thế cho học sinh đi vào tìm hiểu bài mới.

**b. Nội dung:** Giáo viên giới thiệu thông tin liên quan đến bài học.

**c. Sản phẩm:** Học sinh lắng nghe định hướng nội dung học tập.

**d. Tổ chức thực hiện:** Giáo viên tổ chức, học sinh thực hiện, lắng nghe phát triển năng lực quan sát, năng lực giao tiếp.

Đồ đạc hoặc quần áo để lâu nơi ẩm thấy xuất hiện những chấm đen, đó là do một số mốc gây nên, nấm mốc là tên gọi chung của nhiều loại mốc mà cơ thể rất nhỏ bé, chúng thuộc nhóm nấm. Nấm cũng còn gồm cả những loại lớn hơn, thường sống trên đất ẩm, rơm rạ, thân cây gỗ mục.

### HOẠT ĐỘNG 2: Hình thành kiến thức

**a) Mục tiêu:** đặc điểm của nấm nói chung là gì ( về cấu tạo, dinh dưỡng, sinh sản,...)

- Phân biệt được các loại nấm.

**b) Nội dung:** HS căn cứ trên các kiến thức đã biết, làm việc với sách giáo khoa, hoạt động cá nhân, nhóm hoàn thành yêu cầu học tập.

**c) Sản phẩm:** Trình bày được kiến thức theo yêu cầu của GV.

**d) Tổ chức thực hiện:** Hoạt động cá nhân, hoạt động nhóm, dạy học nêu và giải quyết vấn đề; phương pháp thuyết trình; sử dụng đồ dung trực quan

#### **a. Quan sát hình dạng và cấu tạo của mốc trắng:**

- GV nhắc lại thao tác xem kính hiển vi.

- GV hướng dẫn HS cách lấy mẫu

- HS lắng nghe

- HS tiến hành quan sát

#### **A. MỐC TRẮNG VÀ NẤM RƠM**

##### **1: Mốc trắng**

Quan sát hình dạng và cấu tạo của mốc

<p>mốc và yêu cầu quan sát về hình dạng, màu sắc, cấu tạo sợi mốc, hình dạng, vị trí túi bào tử. (Nếu không có điều kiện có thể dùng tranh)</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- GV tổ chức thảo luận cả lớp</li> <li>- GV nhận xét</li> <li>- GV cung cấp thêm thông tin về dinh dưỡng và sinh sản của mốc trắng -&gt; gọi 1 -2 HS đọc thông tin mục □ SGK tr.165.</li> </ul> <p><b>b. Một vài loại mốc khác:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- GV dùng tranh giới thiệu mốc tương, mốc xanh, mốc rượu -&gt; phân biệt các loại mốc này với mốc trắng.</li> <li>- GV cung cấp: <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Mốc rượu: có cấu tạo đơn bào, mỗi tế bào có hình bầu dục hay thuôn dài, sinh sản sinh dưỡng bằng cách nảy chồi và các tế bào mới được hình thành vẫn dính liền với tế bào cũ thành một chuỗi phân nhánh.</li> <li>+ Mốc tương và mốc xanh: sợi mốc có vách ngăn giữa các tế bào và các bào tử không nằm trong túi bào tử như mốc trắng mà xếp thành dãy ở đầu một cuống dài, nhưng cách sắp xếp các dãy này cũng khác nhau</li> <li>+ Môi trường phát triển của mốc trắng, mốc tương, mốc xanh nhiều khi chung nhau, thường là môi trường tinh bột như cơm, xôi, bánh mì,... cũng có thể là trên vỏ cam, bưởi (nhất là mốc xanh).</li> </ul> </li> </ul>  <p><small>Hình 11.1. (Mốc trắng) A. Mốc xanh (chưa nảy mầm) trên tinh bột (bánh mì) (1). B. Mốc rượu (đã nảy mầm) trên tinh bột (bánh mì) (2).</small></p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>+ Quan sát vật thật</li> <li>+ So sánh với tranh vẽ.</li> <li>-&gt; nhận xét hình dạng, cấu tạo.</li> </ul> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Đại diện phát biểu nhận xét, lớp bổ sung.</li> <li>- 1 – 2 HS đọc thông tin</li> </ul> <ul style="list-style-type: none"> <li>- HS lắng nghe -&gt; nhận biết các loại mốc xanh, mốc rượu, mốc tương: <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Mốc tương: màu vàng hoa cau, dùng để làm tương</li> <li>+ Mốc rượu: màu trắng, dùng để làm rượu</li> <li>+ Mốc xanh: màu xanh hay gặp ở vỏ cam, bưởi</li> </ul> </li> <li>- HS lắng nghe.</li> </ul>	<p><u>trắng:</u></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Mốc trắng có cấu tạo dạng sợi phân nhánh rất nhiều, bên trong có chất tế bào và nhiều nhân, nhưng không có vách ngăn giữa các tế bào. Sợi mốc trong suốt, không màu, không có chất diệp lục và cũng không có chất màu nào khác.</li> <li>- Mốc trắng dinh dưỡng bằng hình thức hoại sinh: các sợi mốc bám chặt vào bánh mì hoặc cơm thiêu hút lấy nước và chất hữu cơ để sống.</li> <li>- Mốc sinh sản bằng bào tử. Đó là hình thức sinh sản vô tính.</li> </ul> <p><b>b. Một vài loại mốc khác:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Mốc tương: màu vàng hoa cau, dùng để làm tương</li> <li>- Mốc rượu: màu trắng, dùng để làm rượu</li> <li>- Mốc xanh: màu xanh hay gặp ở vỏ cam, bưởi</li> </ul>
<ul style="list-style-type: none"> <li>- GV yêu cầu HS quan sát mẫu vật thật, đối chiếu với tranh hình -&gt; phân biệt các phần của nấm.</li> <li>- Gọi HS chỉ trên tranh các phần của</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- HS quan sát mẫu vật thật, đối chiếu với tranh hình -&gt; phân biệt các phần của nấm: <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Mũ nấm, cuống nấm, sợi</li> </ul> </li> </ul>	<p><b>2: Nấm rơm</b></p> <p>Cấu tạo nấm rơm (hay các loại nấm mũ khác) gồm hai</p>

<p>nấm.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Hướng dẫn HS lấy một phiến mỏng dưới mũ nấm -&gt; đặt lên phiến kính -&gt; dầm nhẹ -&gt; quan sát bào tử.</li> <li>- GV yêu cầu HS nhắc lại cấu tạo của nấm mũ .</li> <li>- GV bổ sung -&gt; gọi 1 – 2 HS đọc thông tin mục □ SGK tr. 167.</li> </ul>	<p>nấm</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Các phiến mỏng dưới mũ nấm.</li> <li>- Tiến hành quan sát bào tử của nấm -&gt; mô tả hình dạng.</li> <li>- HS nhắc lại cấu tạo của nấm mũ .</li> <li>- 1 – 2 HS đọc thông tin mục □ SGK tr. 167</li> </ul>	<p>phần: phần sợi nấm là cơ quan sinh dưỡng và phần mũ nấm là cơ quan sinh sản, mũ nấm nằm trên cuống nấm. Dưới mũ nấm có các phiến mỏng chứa rất nhiều bào tử. Sợi nấm gồm nhiều tế bào phân biệt nhau bởi vách ngăn, mỗi tế bào đều có 2 nhân và không có chất diệp lục.</p>
--	--	--

<b>Hoạt động của GV</b>	<b>Hoạt động của HS</b>	<b>Nội dung</b>
<ul style="list-style-type: none"> <li>- GV yêu cầu HS thảo luận: <ul style="list-style-type: none"> <li>+ <i>Tại sao muốn gây mốc trắng chỉ cần để cơm ở nhiệt độ trong phòng và vẩy thêm một ít nước ?</i></li> <li>+ <i>Tại sao quần áo lâu ngày không phơi hoặc để nơi ẩm thường bị nấm mốc?</i></li> <li>+ <i>Tại sao trong chỗ tối nấm vẫn phát triển được?</i></li> </ul> </li> <li>- GV nhận xét -&gt; yêu cầu HS nêu các điều kiện phát triển của nấm.</li> <li>- GV cho HS đọc thông tin mục □ SGK tr.168.</li> <li>- GV yêu cầu HS đọc thông tin -&gt; trả lời câu hỏi: <ul style="list-style-type: none"> <li>+ <i>Nấm không có diệp lục, vậy nấm dinh dưỡng bằng những hình thức nào?</i></li> <li>+ <i>Nêu ví dụ về nấm hoại sinh và nấm kí sinh.</i></li> </ul> </li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- HS thảo luận trả lời: <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Bào tử nấm mốc phát triển ở nơi giàu chất hữu cơ, ẩm và ấm.</li> <li>+ HS trả lời.</li> </ul> </li> <li>+ Nấm sử dụng chất hữu cơ có sẵn.</li> <li>- HS nêu: Nấm chỉ sử dụng chất hữu cơ có sẵn và cần nhiệt độ, độ ẩm thích hợp để phát triển</li> <li>- HS đọc thông tin mục □ SGK tr.168.</li> <li>- HS đọc thông tin -&gt; trả lời câu hỏi đạt: <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Nấm là cơ thể dị dưỡng: hoại sinh và kí sinh. Một số nấm cộng sinh</li> <li>+ HS nêu ví dụ. Nấm hoạt sinh trong xác TV: Lá, gỗ mục.</li> <li>Nấm ký sinh ở trên cơ thể sống TV, ĐV, người.</li> </ul> </li> </ul>	<p><b>I: Đặc điểm sinh học</b></p> <p><b>1. Điều kiện phát triển của nấm:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Nấm phát triển ở nhiệt độ 25 – 30<sup>0</sup>C.</li> <li>+ Ở 0<sup>0</sup>C nấm không phát triển được.</li> <li>- Nước sôi 100<sup>0</sup>C giết chết nhiều loại nấm.</li> </ul> <p><b>2. Cách dinh dưỡng:</b></p> <p>Nấm dinh dưỡng bằng dị dưỡng: hoại sinh hay kí sinh. Một số nấm cộng sinh.</p>



<p>- GV nhận xét.</p> <p>- GV yêu cầu HS đọc thông tin -&gt; trả lời câu hỏi: Nêu công dụng của nấm? Lấy ví dụ.</p> <p>- GV tổng kết lại công dụng của nấm có ích -&gt; giới thiệu một vài nấm có ích trên tranh.</p> <p>- Cho HS quan sát tranh và một số phần cây bị hại rồi hỏi: + <i>Nấm gây những tác hại gì cho thực vật ?</i></p> <p>- GV giới thiệu một vài nấm có hại gây bệnh ở thực vật. - Yêu cầu HS đọc thông tin mục <input type="checkbox"/> SGK tr.169 -&gt; trả lời câu hỏi: + <i>Nấm có tác hại gì cho con người ?</i></p> <p>- GV cho HS nhận diện một số nấm độc. - GV cho HS thảo luận:</p> <p>+ Muốn phòng trừ một số bệnh về nấm cần phải làm gì? + Muốn đồ đạc, quần áo không bị nấm mốc phải làm gì?</p>	<p>- HS ghi bài.</p> <p>- HS đọc thông tin -&gt; trả lời: + Phân giải chất hữu cơ thành chất vô cơ. + Sản xuất rượu, bia, chế biến một số thực phẩm, làm men nở bột mì. + Làm thức ăn + Làm thuốc. - HS lắng nghe.</p> <p>- HS quan sát tranh và một số phần cây bị hại rồi trả lời: + Nấm kí sinh trên thực vật gây bệnh cho cây trồng làm thiệt hại mùa màng. - HS lắng nghe.</p> <p>- HS đọc thông tin mục <input type="checkbox"/> SGK tr.169 -&gt; trả lời câu hỏi: + Nấm kí sinh gây bệnh cho người; nấm độc gây ngộ độc - HS quan sát tranh</p> <p>- HS trả lời: + Giữ vệ sinh cá nhân + Thường xuyên phơi kĩ chăn màn, quần áo, đồ đạc,...</p>	<p><b>II: Tầm quan trọng của nấm</b></p> <p><b>1. Nấm có ích:</b></p> <p>- Phân giải chất hữu cơ thành chất vô cơ. - Sản xuất rượu, bia, chế biến một số thực phẩm, làm men nở bột mì. - Làm thức ăn - Làm thuốc.</p> <p><b>2. Nấm có hại:</b></p> <p>Nấm gây một số tác hại như:</p> <p>- Nấm kí sinh gây bệnh cho con người và thực vật - Nấm mốc làm hỏng thức ăn, đồ dùng. - Nấm độc có thể gây ngộ độc.</p>
---	--	--

### HOẠT ĐỘNG 3: Hoạt động luyện tập (10')

**a. Mục tiêu:** Củng cố, luyện tập kiến thức vừa học.

**b. Nội dung:** Dạy học trên lớp, hoạt động nhóm, hoạt động cá nhân.

**c. Sản phẩm:** Bài làm của học sinh, kĩ năng giải quyết nhiệm vụ học tập.

**d. Tổ chức thực hiện:** Tổ chức theo phương pháp: đặt và giải quyết vấn đề, học sinh hợp tác, vận dụng kiến thức hoàn thành nhiệm vụ.

#### GV giao nhiệm vụ cho học sinh làm bài tập trắc nghiệm:

**Câu 1.** Mốc trắng dinh dưỡng bằng hình thức

A. kí sinh.                      B. tự dưỡng.                      C. cộng sinh.                      D. hoại sinh.

**Câu 2.** Khi nói về mốc trắng, nhận định nào dưới đây là không chính xác ?

A. Thường tìm thấy trong cơm để lâu ngày, ruột bánh mì để thiu

B. Tồn tại vách ngăn giữa các tế bào trong sợi nấm

C. Sinh sản bằng bào tử

D. Không chứa diệp lục

**Câu 3.** Chất kháng sinh penicilin được sản xuất từ một loại

A. nấm men.      B. mốc trắng.      C. mốc tương.      D. mốc xanh.

**Câu 4.** Loại nấm nào dưới đây được xếp vào nhóm nấm mũ ?

A. Nấm hương      B. Nấm mỡ      C. Nấm rơm      D. Tất cả các phương án đưa ra

**Câu 5.** Nhiệt độ thích hợp nhất cho sự phát triển của nấm là

A. 25°C – 30°C      B. 15°C – 20°C      C. 35°C – 40°C      D. 30°C – 35°C

**Câu 6.** Loại nấm nào dưới đây được sử dụng làm thức ăn cho con người ?

A. Nấm than      B. Nấm sò      C. Nấm men      D. Nấm von

**Câu 7.** Ở người, bệnh nào dưới đây do nấm gây ra ?

A. Tay chân miệng      B. Á sừng      C. Bạch tạng      D. Lang ben

**Câu 8.** Loại nấm nào dưới đây thường gây hại trên cây ngô ?

A. Nấm thông      B. Nấm von      C. Nấm than      D. Nấm lim

**Câu 9.** Những loài nấm độc thường có điểm đặc trưng nào sau đây ?

A. Tỏa ra mùi hương quyến rũ      B. Thường sống quanh các gốc cây

C. Có màu sắc rất sặc sỡ      D. Có kích thước rất lớn

**Câu 10.** Nấm sinh sản chủ yếu theo hình thức nào ?

A. Sinh sản bằng hạt      B. Sinh sản bằng cách nảy chồi

C. Sinh sản bằng cách phân đôi      D. Sinh sản bằng bào tử

#### Đáp án

1. D	2. B	3. D	4. D	5. A
6. B	7. D	8. C	9. C	10. D

#### HOẠT ĐỘNG 4: Hoạt động vận dụng (8')

**a. Mục tiêu:** Vận dụng các kiến thức vừa học quyết các vấn đề học tập và thực tiễn.

**b. Nội dung:** Dạy học trên lớp, hoạt động nhóm, hoạt động cá nhân.

**c. Sản phẩm:** HS vận dụng các kiến thức vào giải quyết các nhiệm vụ đặt ra.

**d. Tổ chức thực hiện:** GV sử dụng phương pháp vấn đáp tìm tòi, tổ chức cho học sinh tìm tòi, mở rộng các kiến thức liên quan.

#### 1. Chuyển giao nhiệm vụ học tập

GV chia lớp thành nhiều nhóm

( mỗi nhóm gồm các HS trong 1 bàn) và giao các nhiệm vụ: thảo luận trả lời các câu hỏi sau và ghi chép lại câu trả lời vào vở bài tập

Nấm có đặc điểm gì giống vi khuẩn ?

Nấm giống và khác tảo ở điểm nào?

#### 2. Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận

- HS trả lời.

- HS nộp vở bài tập.

- HS tự ghi nhớ nội dung trả lời đã hoàn thiện.

Vẽ sơ đồ tư duy

- Biết cách bảo quản đồ dùng để nấm không phát triển.

#### 4. Dặn dò:

- Học bài, trả lời câu hỏi trong SGK

- Đọc trước bài 52. Thu thập một vài mẫu địa y trên thân cây to.

## Bài 52: ĐỊA Y

### I/ MỤC TIÊU

#### 1. Kiến thức:

- Nêu được cấu tạo và vai trò của địa y.

#### 2. Năng lực

Phát triển các năng lực chung và năng lực chuyên biệt

Năng lực chung	Năng lực chuyên biệt
- Năng lực phát hiện vấn đề - Năng lực giao tiếp - Năng lực hợp tác - Năng lực tự học - Năng lực sử dụng CNTT và TT	- Năng lực kiến thức sinh học - Năng lực thực nghiệm - Năng lực nghiên cứu khoa học

#### 3. Về phẩm chất

Giúp học sinh rèn luyện bản thân phát triển các phẩm chất tốt đẹp: yêu nước, nhân ái, chăm chỉ, trung thực, trách nhiệm.

### II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

#### 1. Giáo viên:

- Giáo án, SGK, Tranh vẽ như SGK, tiêu bản mẫu vật, tranh ảnh.

#### 2. Học sinh

- Vở ghi, SGK, Nêu và giải quyết vấn đề kết hợp hình vẽ và làm việc với SGK.

### III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

#### 1. Ổn định lớp: Năm sĩ số học sinh

#### 2. Kiểm tra bài cũ:

- Năm có cách dinh dưỡng như thế nào? Tại sao?
- Năm hoại sinh có vai trò như thế nào trong tự nhiên?
- Kể tên một số năm có ích và có hại cho người.

#### 3. Bài mới : **ĐỊA Y**

#### **HOẠT ĐỘNG 1: Xác định vấn đề/Nhiệm vụ học tập/Mở đầu (5')**

- a. Mục tiêu:** HS biết được các nội dung cơ bản của bài học cần đạt được, tạo tâm thế cho học sinh đi vào tìm hiểu bài mới.
- b. Nội dung:** Giáo viên giới thiệu thông tin liên quan đến bài học.
- c. Sản phẩm:** Học sinh lắng nghe định hướng nội dung học tập.
- d. Tổ chức thực hiện:** Giáo viên tổ chức, học sinh thực hiện, lắng nghe phát triển năng lực quan sát, năng lực giao tiếp.

Trên những thân cây to có những vảy màu xanh lam bám chặt vào vỏ cây, đó là địa y. Bài học hôm nay ta tìm hiểu nó.

### HOẠT ĐỘNG 2: Hình thành kiến thức

- a) Mục tiêu:** cấu tạo và vai trò của địa y.
- b) Nội dung:** HS căn cứ trên các kiến thức đã biết, làm việc với sách giáo khoa, hoạt động cá nhân, nhóm hoàn thành yêu cầu học tập.
- c) Sản phẩm:** Trình bày được kiến thức theo yêu cầu của GV.
- d) Tổ chức thực hiện:** Hoạt động cá nhân, hoạt động nhóm, dạy học nêu và giải quyết vấn đề; phương pháp thuyết trình; sử dụng đồ dung trực quan

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS	Nội dung
<ul style="list-style-type: none"> <li>- GV yêu cầu HS quan sát mẫu và tranh, trao đổi -&gt; trả lời các câu hỏi sau:</li> <li>+ <i>Mẫu địa y em lấy ở đâu ?</i></li> <li>+ <i>Nhận xét hình dạng bên ngoài của địa y?</i></li> <li>+ <i>Nhận xét về thành phần cấu tạo của địa y?</i></li> <li>- GV nhận xét.</li> <li>- GV yêu cầu HS đọc thông tin mục □ SGK tr.171 -&gt; trả lời:</li> <li>+ <i>Vai trò của nấm và tảo trong đời sống địa y?</i></li> <li>+ <i>Thể nào là hình thức sống cộng sinh?</i></li> <li>- GV tổng kết kiến thức.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- HS quan sát mẫu và tranh, trao đổi -&gt; trả lời các câu hỏi:</li> <li>+ Trên thân cây to, hoặc mảnh vỏ cây.</li> <li>+ Mô tả hình dạng (thường ở đồng bằng chỉ có địa y vảy).</li> <li>+ Gồm tảo và nấm.</li> <li>- HS lắng nghe</li> <li>- HS đọc thông tin mục □ SGK tr.171 -&gt; trả lời câu hỏi:</li> <li>+ o Nấm cung cấp nước muối khoáng cho tảo.</li> <li>o Tảo quang hợp -&gt; tạo chất hữu cơ và nuôi sống hai bên.</li> <li>+ Cộng sinh là hình thức sống chung giữa hai cơ thể sinh vật (hai bên đều có lợi)</li> <li>- HS ghi bài.</li> </ul>	<p><b>1: Quan sát hình dạng và cấu tạo</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Hình dạng: Địa y có hình vảy hay hình cành.</li> <li>- Cấu tạo của địa y gồm những sợi nấm xen lẫn các tế bào tảo màu xanh, trong đó:</li> <li>+ Nấm cung cấp nước muối khoáng cho tảo.</li> <li>+ Tảo quang hợp -&gt; tạo chất hữu cơ và nuôi sống hai bên.</li> <li>- Cộng sinh là hình thức sống chung giữa hai cơ thể sinh vật (hai bên đều có lợi)</li> </ul>
<ul style="list-style-type: none"> <li>- GV yêu cầu HS đọc thông tin mục 2 -&gt; trả lời câu hỏi: <i>Địa y có vai trò gì trong tự nhiên?</i></li> <li>- GV tổng kết kiến thức</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- HS đọc thông tin -&gt; trả lời câu hỏi: <i>Tạo thành đất; Là thức ăn của hươu Bắc Cực; Là nguyên liệu chế nước hoa,</i></li> </ul>	<p><b>2: Vai trò</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Địa y phân huỷ đá tạo thành đất</li> <li>- Là thức ăn của</li> </ul>

<p>- GV cung cấp: Trong nghiên cứu sinh thái, địa y được dùng làm vật chỉ thị để đo mức độ ô nhiễm môi trường không khí, đặc biệt những nơi có mật độ giao thông lớn. Khi hoạt động, các loại xe thải ra không khí một số loại kim loại nặng độc hại và một số địa y có khả năng hấp thụ những kim loại này. Nghiên cứu nồng độ kim loại mà địa y hấp thụ, người ta xác định được mức độ ô nhiễm môi trường.</p>	<p>phẩm nhuộm. - HS ghi bài - HS lắng nghe.</p>	<p>hươu Bắc Cực. - Là nguyên liệu chế nước hoa, phẩm nhuộm, làm thuốc... - Chỉ thị mức độ ô nhiễm môi trường không khí.</p>
--	---	---

### HOẠT ĐỘNG 3: Hoạt động luyện tập (10')

**a. Mục tiêu:** Củng cố, luyện tập kiến thức vừa học.

**b. Nội dung:** Dạy học trên lớp, hoạt động nhóm, hoạt động cá nhân.

**c. Sản phẩm:** Bài làm của học sinh, kỹ năng giải quyết nhiệm vụ học tập.

**d. Tổ chức thực hiện:** Tổ chức theo phương pháp: đặt và giải quyết vấn đề, học sinh hợp tác, vận dụng kiến thức hoàn thành nhiệm vụ.

#### GV giao nhiệm vụ cho học sinh làm bài tập trắc nghiệm:

**Câu 1.** Chọn từ thích hợp để điền vào chỗ trống trong câu sau : Địa y được tạo thành nhờ mối quan hệ ... giữa nấm và tảo hoặc nấm và vi khuẩn lam.

A. kí sinh                      B. hội sinh                      C. cộng sinh                      D. hoại sinh

**Câu 2.** Trong địa y, các sợi nấm có vai trò gì ?

A. Tất cả các phương án đưa ra                      B. Tiết chất độc xua đuổi kẻ thù  
C. Tổng hợp chất hữu cơ                      D. Hút nước và muối khoáng

**Câu 3.** Địa y thường được tìm thấy ở

A. các đầm lầy.                      B. mặt đất.  
C. mặt dưới của lá cây.                      D. thân cây gỗ.

**Câu 4.** Vì sao nói địa y có vai trò tiên phong mở đường ?

A. Vì chúng phân hủy đá thành đất và khi chết đi tạo thành một lớp mùn làm thức ăn cho các thực vật khác đến sau.

B. Vì chúng có mặt ở mọi nơi trên Trái Đất và là nguồn thức ăn của hầu hết các loài động vật.

C. Vì chúng là dạng sống duy nhất có khả năng hấp thụ năng lượng bức xạ mặt trời, khởi đầu cho mọi quan hệ dinh dưỡng khác.

D. Tất cả các phương án đưa ra.

**Câu 5.** Từ địa y, người ta có thể sản xuất ra chế phẩm nào sau đây ?

A. Rượu                      B. Phẩm nhuộm                      C. Nước hoa                      D. Tất cả các phương án đưa ra

**Câu 6.** Thành phần nào dưới đây không thể có trong cấu tạo của địa y ?

A. Nấm                      B. Rêu                      C. Vi khuẩn lam                      D. Tảo

**Câu 7.** Địa y có thể có hình dạng nào dưới đây ?

A. Dạng búi sợi                      B. Hình cành cây  
C. Dạng vảy                      D. Tất cả các phương án đưa ra

**Câu 8.** Thành phần nào dưới đây luôn có mặt trong cấu tạo của bất kỳ loại địa y nào ?

- A. Tảo                      B. Nấm                      C. Vi khuẩn                      D. Rêu
- Câu 9.** Chức năng quang hợp của địa y được thực hiện nhờ thành phần nào ?
- A. Cả nấm và vi khuẩn lam                      B. Nấm hoặc vi khuẩn lam
- C. Tảo hoặc vi khuẩn lam                      D. Cả nấm và tảo

- Câu 10.** Khi nói về địa y, phát biểu nào sau đây là đúng ?
- A. Sống được ở những nơi khô cạn
- B. Phân bố ở cả trong nước, trên mặt đất và trong không khí
- C. Các thành phần của địa y không có mối liên hệ về mặt dinh dưỡng
- D. Không có vai trò trong việc tạo thành đất.

**Đáp án**

1. C	2. D	3. D	4. A	5. D
6. B	7. D	8. B	9. C	10. A

**HOẠT ĐỘNG 4: Hoạt động vận dụng (8')**

- a. Mục tiêu:** Vận dụng các kiến thức vừa học quyết các vấn đề học tập và thực tiễn.
- b. Nội dung:** Dạy học trên lớp, hoạt động nhóm, hoạt động cá nhân.
- c. Sản phẩm:** HS vận dụng các kiến thức vào giải quyết các nhiệm vụ đặt ra.
- d. Tổ chức thực hiện:** GV sử dụng phương pháp vấn đáp tìm tòi, tổ chức cho học sinh tìm tòi, mở rộng các kiến thức liên quan.

**1. Chuyển giao nhiệm vụ học tập**

GV chia lớp thành nhiều nhóm  
( mỗi nhóm gồm các HS trong 1 bàn) và giao các nhiệm vụ: thảo luận trả lời các câu hỏi sau và ghi chép lại câu trả lời vào vở bài tập  
Địa y có những hình dạng nào? Chúng mọc ở đâu?  
Hãy nêu vai trò của địa y trong thiên nhiên và đời sống con người ?

**2. Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**

- HS trả lời.
  - HS nộp vở bài tập.
  - HS tự ghi nhớ nội dung trả lời đã hoàn thiện.
- Vận dụng kiến thức ứng dụng thực tế, phân biệt được đâu là địa y, những tác dụng của nó trong đời sống.

**4. Dặn dò:**

- Học bài, trả lời câu hỏi trong SGK
- Chuẩn bị cho bài sau.
- Xem lại các câu hỏi cuối sách mà chưa hiểu rõ đáp án để chuẩn bị cho tiết bài tập.

## ÔN TẬP CUỐI NĂM BÀI TẬP

### I/ MỤC TIÊU

#### 1. Kiến thức:

- Nhằm củng cố và khắc sâu kiến thức:
- + ĐĐ của thực vật hạt kín, những điều kiện cần cho hạt nảy mầm.
- + Thực vật có vai trò quan trọng trong việc giữ cân bằng lượng khí oxi và cacbonic trong không khí, vai trò của thực vật, động vật đối với con người.
- + Thế nào là động vật quý hiếm.

#### 2. Năng lực

Phát triển các năng lực chung và năng lực chuyên biệt

Năng lực chung	Năng lực chuyên biệt
<ul style="list-style-type: none"><li>- Năng lực phát hiện vấn đề</li><li>- Năng lực giao tiếp</li><li>- Năng lực hợp tác</li><li>- Năng lực tự học</li><li>- Năng lực sử dụng CNTT và TT</li></ul>	<ul style="list-style-type: none"><li>- Năng lực kiến thức sinh học</li><li>- Năng lực thực nghiệm</li><li>- Năng lực nghiên cứu khoa học</li></ul>

#### 3. Về phẩm chất

Giúp học sinh rèn luyện bản thân phát triển các phẩm chất tốt đẹp: yêu nước, nhân ái, chăm chỉ, trung thực, trách nhiệm.

### II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

#### 1. Giáo viên:

- Giáo án, SGK, Tranh vẽ như SGK, tiêu bản mẫu vật, tranh ảnh.

#### 2. Học sinh

- Vở ghi, SGK, Nêu và giải quyết vấn đề kết hợp hình vẽ và làm việc với SGK.

### III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

#### 1. Ổn định lớp: Năm sĩ số học sinh

#### 2. Kiểm tra bài cũ:

- Địa y có cấu tạo, hình dạng như thế nào? Chúng sống ở đâu?
- Vai trò của Địa y?

#### 3. Bài mới :

#### BÀI TẬP

\* Khám phá: Để giúp khắc sâu kiến thức, giải quyết các vấn đề còn vướng mắc. Hôm nay ta sẽ tiến hành tiết bài tập.

\* Kết nối:

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS	Nội dung
<p>- Gv đặt câu hỏi.</p> <p>+ Câu 1. Cần phải thiết kế TN ntn để chứng minh sự nảy mầm của hạt phụ thuộc vào chất lượng hạt giống?</p> <p>+ C2: Theo các bạn, những hạt rơi chậm thường được gió mang đi xa hơn → điều đó đúng hay sai?</p> <p>+ C3: 1 HS nói rằng: Hạt lạc gồm: Vỏ, phôi, chất dd dự trữ: theo bạn đúng không? Vì sao?</p> <p>+ C4: Vì sao phải trồng cây gây rừng?</p> <p>- C5: Vì sao nói “Rừng là lá phổi xanh” ?</p> <p>- C6: TV có vai trò ntn đối với Đv?</p> <p>- C7: Kể tên những TV hạt kín có giá trị kinh tế?</p> <p>- C8: Hút thuốc lá có hại ntn?</p> <p>- C9: Thái độ bản thân đối với những tệ nạn ma túy? Hành động cụ thể?</p> <p>- C10: Thế nào là những TV quý?</p> <p>- C11: Cần làm gì để bảo vệ sự</p>	<p>+ Câu 1: Làm nhiều cốc TN với đk bên ngoài giống nhau (nhiệt độ, nước, kk), chỉ khác chất lượng hạt giống.</p> <p>+ C2: Những hạt có trọng lượng nhẹ sẽ rơi chậm, và được gió thổi đi xa hơn những hạt có trọng lượng ngược lại → điều đó đúng.</p> <p>+ C3: Hạt lạc giống hạt đậu (đen, xanh) chỉ gồm 2 bộ phận: Vỏ và phôi. Vì chất dinh dưỡng dự trữ chức trong 2 lá mầm của phôi → chưa đúng.</p> <p>+ C4: Rừng điều hoà lượng khí oxi và cacbonic, giảm ô nhiễm. Chống lũ lụt, hạn hán, xói mòn. Cung cấp nơi ở, làm thức ăn cho động vật, con người, làm nguyên vật liệu.</p> <p>- C5: Điều hoà khí, cung cấp khí oxi cần thiết của sự sống. Rừng hấp thu khí cacbonic, giảm ô nhiễm môi trường.</p> <p>- C6: TV cung cấp oxi, thức ăn cho Đv. Cung cấp nơi ở, sinh sản cho Đv.</p> <p>- C7: Cây xoài, măng cụt, cam ...</p> <p>- C8: Có hại cho bản thân, cho người khác: Tổn hại kinh tế, ung thư phổi, vướng tệ nạn XH.</p> <p>- C9: Không thử, không sử dụng. Tham gia tuyên truyền, phòng chống ma túy. Tố giác những người buôn bán ma túy.</p> <p>- C10: Là Tv có giá trị cuộc sống, có xu hướng ngày càng cạn kiệt do khai thác quá mức.</p> <p>- C11:</p>	<p>- Bài. Hạt và các bộ phận của hạt. Những đk cần cho hạt nảy mầm.</p> <p>- Bài: Phát tán của quả và hạt.</p> <p>- Bài TV góp phần điều hoà khí hậu.</p> <p>- Bài vai trò của TV đối với Đv và đời sống con người.</p> <p>- Bài bảo vệ sự đa dạng của Tv.</p>



<p>đa dạng của TV?</p> <p>- C12: Con người sử dụng TV để phục vụ đời sống ntn?</p>	<p>Tuyên truyền về vai trò của đa dạng TV. Ngăn chặn phá rừng. Hạn chế sự khai thác quá mức tài loài TV quý. Xây dựng các khu bảo tồn sinh quyển.</p> <p>- C12: Thực vật có vai trò đặc biệt đối với đời sống con người. Đặc biệt là TV hạt kín có giá trị kinh tế cao, cung cấp lương thực, thực phẩm, dược liệu, nguyên vật liệu...</p> <p>Con người sử dụng tất cả các bộ phận của TV tùy thuộc vào tính chất sử dụng.</p>	<p>- Bài vai trò của TV đối với ĐV và đời sống con người.</p>
--	---	---

**\* Thực hành – luyện tập:**

Trả lời các câu hỏi → củng cố kiến thức.

**\* Vận dụng.**

Phòng tránh các tệ nạn ma túy. Phát huy việc tuyên truyền, bảo vệ, trồng cây gây rừng.

- Vận dụng kiến thức ứng dụng thực tế, phân biệt được đâu là địa y, những tác dụng của nó trong đời sống.

**4. Dặn dò:**

- Học bài.
- Ôn tập các chương: VIII; IX; X. Chuẩn bị kiểm tra HK II.

## ÔN TẬP

### I/ MỤC TIÊU

#### 1. Kiến thức:

- Giúp học sinh Hiểu được đđ chung của thực vật, và phân biệt được cây hạt trần và cây hạt kín.
- Hiểu được đđ chủ yếu, phân biệt lớp 1 lá mầm và lớp 2 lá mầm.
- Phân loại thực vật, giúp học sinh hiểu và hình dung khái hóa sự phân chia giới thực vật qua các quá trình phát triển.

- Thực vật có vai trò như thế nào trong đời sống. Biết được thực vật đã góp phần điều hòa khí hậu, ngăn bụi, diệt vi khuẩn...qua đó biết được sự đa dạng của thực vật. Ngoài ra vi khuẩn là 1 sinh vật nhỏ bé, đã góp phần làm sạch môi trường.
- Cũng cố kiến thức nấm và địa y.

## 2. Năng lực

Phát triển các năng lực chung và năng lực chuyên biệt

Năng lực chung	Năng lực chuyên biệt
<ul style="list-style-type: none"> <li>- Năng lực phát hiện vấn đề</li> <li>- Năng lực giao tiếp</li> <li>- Năng lực hợp tác</li> <li>- Năng lực tự học</li> <li>- Năng lực sử dụng CNTT và TT</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Năng lực kiến thức sinh học</li> <li>- Năng lực thực nghiệm</li> <li>- Năng lực nghiên cứu khoa học</li> </ul>

## 3. Về phẩm chất

Giúp học sinh rèn luyện bản thân phát triển các phẩm chất tốt đẹp: yêu nước, nhân ái, chăm chỉ, trung thực, trách nhiệm.

## II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

### 1. Giáo viên:

- Giáo án, SGK, Tranh vẽ như SGK, tiêu bản mẫu vật, tranh ảnh.

### 2. Học sinh

- Vở ghi, SGK, Nêu và giải quyết vấn đề kết hợp hình vẽ và làm việc với SGK.

## III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

### 1. Ổn định lớp: Nắm sĩ số học sinh

### 2. Kiểm tra bài cũ: (không)

### 3. Bài mới :

### ÔN TẬP

\* Khám phá: Để giúp khắc sâu kiến thức, ôn tập tốt kiến thức. Hôm nay ta sẽ tiến hành tiết ôn tập.

\* Kết nối:

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS	Nội dung
<p>- Gv đặt câu hỏi.</p> <p>+ Câu 1. Trình bày đđ cấu tạo của cây thông?</p> <p>+ C2: Vì sao Tv hạt kín có thể phát triển đa dạng, phong phú như ngày nay?</p>	<p>+ Câu 1: Thân cành màu nâu xù xì (cành có vết sẹo do khi lá rụng để lại). Lá nhỏ hình kim mọc từ 2 – 3 chiếc trên 1 cành non rất ngắn. Rễ to, khoẻ ăn sâu vào đất.</p> <p>+ C2: Vì: Có hoa với cấu tạo, hình dạng, màu sắc khác nhau, thích hợp với nhiều cách thụ phấn. Noãn được bảo vệ tốt hơn trong bầu nhụy. Noãn thụ tinh biến thành</p>	<p>- Hạt trần – Cây thông.</p> <p>- Hạt kín – Đặc điểm của Tv hạt kín.</p>

<p>+ C3: Phân biệt cây hạt trần và cây hạt kín. Trong đó điểm nào là quan trọng nhất?</p> <p>+ C4: Phân biệt cây thuộc lớp 1 lá mầm và 2 lá mầm nhờ dấu hiệu bên ngoài?</p> <p>- C5: Thế nào là phân loại thực vật ?</p> <p>- C6: Trình bày các giai đoạn phát triển của giới TV?</p> <p>- C7: Giới TV xuất hiện các dạng thể hiện ntn?</p> <p>- C8: Những biện pháp bảo vệ sự đa dạng TV?</p>	<p>hạt, hạt được bảo vệ trong quả, quả có nhiều dạng thích nghi với cách phát tán. Các cơ quan sinh dưỡng phát triển đa dạng giúp cây sinh trưởng tốt hơn.</p> <p>+ C3:</p> <table border="1" data-bbox="678 392 1165 907"> <thead> <tr> <th>Hạt trần</th> <th>Hạt kín</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td>- Không có hoa, cơ quan ss là nón.</td> <td>- Có hoa, cơ quan ss là hoa, quả.</td> </tr> <tr> <td>- Hạt nằm lộ trên lá noãn hở.</td> <td>- Hạt nằm trong quả.</td> </tr> <tr> <td>- Cơ quan s dưỡng: Rễ, thân, lá ít đa dạng.</td> <td>- Cơ quan s dưỡng: đa dạng hơn.</td> </tr> <tr> <td>- Ít tiến hoá.</td> <td>- Tiến hoá hơn.</td> </tr> </tbody> </table> <p>* Đặc điểm TV có hoa ở cây hạt kín là quan trọng nhất.</p> <p>+ C4:</p> <p>Lớp 1 lá mầm: phôi có 1 lá mầm, rễ chùm, rễ cái không phát triển và sớm bị thay thế bởi các rễ bên, gân là hình cung hoặc song song, thân cỏ, cột.</p> <p>Lớp 2 lá mầm: phôi có 2 lá mầm. Rễ cọc gồm 1 rễ cái lớn và nhiều rễ bên nhỏ, gân lá hình mạng, thân gỗ, cỏ.</p> <p>- C5: Là tìm hiểu sự giống và khác nhau giữa các dạng TV để phân chia chúng thành các bậc phân loại gl PLTV.</p> <p>- C6: chia 3 giai đoạn chính. Xuất hiện các TV ở nước. Các TV ở cạn lần lượt xuất hiện. Sự xuất hiện và chiếm ưu thế của TV hạt kín.</p> <p>- C7: Giới TV xuất hiện từ thấp đến cao, từ đơn giản đến phức tạp.</p> <p>- C8: Tuyên truyền về vai trò</p>	Hạt trần	Hạt kín	- Không có hoa, cơ quan ss là nón.	- Có hoa, cơ quan ss là hoa, quả.	- Hạt nằm lộ trên lá noãn hở.	- Hạt nằm trong quả.	- Cơ quan s dưỡng: Rễ, thân, lá ít đa dạng.	- Cơ quan s dưỡng: đa dạng hơn.	- Ít tiến hoá.	- Tiến hoá hơn.	<p>- Hạt trần – Cây thông.</p> <p>- Hạt kín – Đặc điểm của Tv hạt kín.</p> <p>.</p> <p>- Lớp 2 lá mầm và lớp 1 lá mầm.</p> <p>- Khái niệm PLTV.</p> <p>- Sự phát triển của giới TV.</p> <p>- Bảo vệ sự đa dạng của TV.</p>
Hạt trần	Hạt kín											
- Không có hoa, cơ quan ss là nón.	- Có hoa, cơ quan ss là hoa, quả.											
- Hạt nằm lộ trên lá noãn hở.	- Hạt nằm trong quả.											
- Cơ quan s dưỡng: Rễ, thân, lá ít đa dạng.	- Cơ quan s dưỡng: đa dạng hơn.											
- Ít tiến hoá.	- Tiến hoá hơn.											

<p>- C9: vi khuẩn phân bố ở đâu?</p> <p>- C10: Virut có cấu tạo, kích thước, hình dạng, đời sống, vai trò ntn?</p> <p>- C11: Tảo và nấm có gì giống và khác nhau?</p> <p>- C12: Tại sao ở vùng bờ biển người ta thường trồng rừng ở phía ngoài đê?</p> <p>- C13: Nguyên nhân nào làm cho sự đa dạng Tv ở VN bị giảm?</p> <p>- C14: vi khuẩn có vai trò gì trong nông nghiệp và công nghiệp?</p>	<p>của đa dạng TV. Ngăn chặn phá rừng. Hạn chế sự khai thác quá mức cài loài TV quý. Cấm buôn bán những Tv quý hiếm. Xây dựng các khu bảo tồn sinh quyển.</p> <p>- C9: Rộng rãi trong thiên nhiên: Trong đất, nước, kk. Và trong cơ thể sv.</p> <p>- C10: + Cấu tạo: đơn giản, chưa có tạo TB; chúng chưa phải là dạng cơ thể sống điển hình. + Kích thước: rất nhỏ: 12-15 phần triệu milimet. + Đời sống: Kí sinh bắt buộc trên cơ thể sống khác. + Vai trò: Khi kí sinh virut gây bệnh cho vật chủ.</p> <p>- C11: + G: Cơ thể không có dạng thân, là, rễ, không có hoa quả, chưa có mạch dẫn. + K: Nấm không có diệp lục như tảo, nên dd bằng cách hoại sinh hoặc kí sinh.</p> <p>- C12: + Chống gió bão. + Chống xói mòn, chống sự chôi rửa của đất.</p> <p>- C13: Nguyên nhân: + Nhiều loài cây có giá trị kinh tế bị khai thác bừa bãi. Sự tàn phá tràn lan các khu rừng để phục vụ nhu cầu cá nhân của con người.</p> <p>- C14: + CN: Nhiều VK được ứng dụng Sx vitamin, axit amin, làm sạch nước thải và môi trường. + NN: Một số VK sống cộng sinh với các rễ cây họ đậu tạo chất đạm bổ xung cho cây, VK còn làm tơi xốp đất đất, thoáng</p>	<p>- Vi khuẩn.</p> <p>- Nấm và tảo.</p> <p>- Bảo vệ sự đa dạng của TV.</p> <p>- vi khuẩn</p> <p>- Địa y.</p>
---	---	--

<p>- C15: Địa y có vai trò gì trong tự nhiên?</p> <p>- C16: Tại sao thức ăn bị ôi thiu? Khắc phục ?</p> <p>-C17: Như thế nào là VK hoại sinh, kí sinh?</p> <p>- C18: Thế nào là địa y? kể các dạng địa y?</p> <p>- C19: VK có hình dạng, kích thước và cấu tạo ntn?</p> <p>- C20: TV có vai trò gì đối với đời sống con người?</p> <p>- C21: Nấm có đặc điểm gì</p>	<p>khí.</p> <p>- C15: + Địa y phân huỷ đá thành đất. + Làm thức ăn cho hươu ở Bắc cực. Là nguyên liệu chế biến nước hoa, phẩm nhuộm, làm thuốc.</p> <p>- C16: + Nguyên nhân: do vi khuẩn hoại sinh làm hỏng TĂ. + Ngăn không cho VK SS bằng cách giữ thức ăn trong môi trường lạnh, phơi khô, ướp muối.</p> <p>- C17: VK Hs: là VK sống bằng chất hữu cơ có sẵn trong động, TV đang phân huỷ. + VK KS: là VK sống trên cơ thể sống khác.</p> <p>- C18: + Địa y là dạng SV đặc biệt gồm tảo và nấm sống cộng sinh với nhau. + Các dạng địa y: Hình vảy hoặc hình cành.</p> <p>- C19: + HD: hình cầu, que, xoắn, dấu phẩy... + KT: Có kích thước rất nhỏ, có nhiều dạng khác nhau. + CT: Có CT đơn giản gồm các sợi nấm xen kẽ với các TB của tảo, chưa có nhân hoàn chỉnh.</p> <p>- C20: + Cung cấp khí oxi cho hô hấp. + Cung cấp lương thực, thực phẩm... + Cung cấp gỗ làm nhà làm đồ dùng... + Cung cấp dược liệu làm thuốc chữa bệnh. + Cung cấp nguyên liệu cho các ngành công nghiệp. + Dùng làm cảnh tạo mỹ quan.</p> <p>- C21:</p>	<p>- Vi khuẩn</p> <p>- Địa y.</p> <p>- Vai trò của TV đối với Đv và đối với Đs con người.</p> <p>- Nấm – VK.</p>
---	--	--

<i>giống vi khuẩn?</i>	+ Không có chất diệt lục, nên không tự tạo chất hữu cơ để sống. + Nấm và VK đều hoại sinh và KS.	
------------------------	---	--

**\* Thực hành – luyện tập:**

Trả lời các câu hỏi → củng cố kiến thức.

Nhấn mạnh kiến thức cơ bản cho hs năm.

**\* Vận dụng.**

Vận dụng kiến thức ứng dụng thực tế cuộc sống.

**4. Dặn dò:**

- Ôn tập các chương: VIII; IX; X. Chuẩn bị kiểm tra HK II.
- Đọc thêm những kiến thức trong SGK.

## KIỂM TRA 45 HỌC KỲ II

### I/ MỤC TIÊU

#### 1. Kiến thức:

- Kiểm tra những kiến thức cơ bản của HS trong học kỳ II.
- + Giúp học sinh Hiểu được đđ chung của thực vật, và phân biệt được cây hạt trần và cây hạt kín.
- + Hiểu được đđ chủ yếu, phân biệt lớp 1 lá mầm và lớp 2 lá mầm.

- + Phân loại thực vật, giúp học sinh hiểu và hình dung khái hóa sự phân chia giới thực vật qua các quá trình phát triển.
- + Thực vật có vai trò như thế nào trong đời sống. Biết được thực vật đã góp phần điều hòa khí hậu, ngăn bụi, diệt vi khuẩn...qua đó biết được sự đa dạng của thực vật. Ngoài ra vi khuẩn là 1 sinh vật nhỏ bé, đã góp phần làm sạch môi trường.
- + Cũng cố kiến thức nấm và địa y.

## 2. Năng lực

Phát triển các năng lực chung và năng lực chuyên biệt

Năng lực chung	Năng lực chuyên biệt
<ul style="list-style-type: none"> <li>- Năng lực phát hiện vấn đề</li> <li>- Năng lực giao tiếp</li> <li>- Năng lực hợp tác</li> <li>- Năng lực tự học</li> <li>- Năng lực sử dụng CNTT và TT</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Năng lực kiến thức sinh học</li> <li>- Năng lực thực nghiệm</li> <li>- Năng lực nghiên cứu khoa học</li> </ul>

## 3. Về phẩm chất

Giúp học sinh rèn luyện bản thân phát triển các phẩm chất tốt đẹp: yêu nước, nhân ái, chăm chỉ, trung thực, trách nhiệm.

## II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

- Thiết lập ma trận.

Giới hạn chương trình từ tuần 26 → 34.

Tên chủ đề (Nội dung chương)	Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	
			Cấp độ thấp	Cấp độ cao
Chương VIII: Các nhóm thực vật (9 tiết)		- So sánh được thực vật thuộc lớp một lá mầm với thực vật thuộc lớp 2 lá mầm.		
15% = 1,5 điểm		100% = 1,5 điểm		
Chương IX: Vai trò của thực vật. (5 tiết)		- Nêu được vai trò của thực vật đối với động vật và người.		
20% = 2,0 điểm		100% = 2,0 điểm		
Chương X: Vi khuẩn – Nấm – Địa y (4 tiết)	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Mô tả được vi khuẩn là sinh vật nhỏ bé, tế bào chưa có nhân.</li> <li>- Nêu được cấu</li> </ul>		<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nêu được nấm và vi khuẩn gây nên một số bệnh cho cây, động vật và người.</li> </ul>	

	tạo, vai trò của địa y.			
65% = 6,5 điểm	76,9% = 5,0 điểm		23,1% = 1,5 điểm	
Tổng số câu: 5 100% = 10 điểm	2 câu 5,0 điểm 50%	2 câu 3,5 điểm 35%	1 câu 1,5 điểm 15%	

## 2. Chuẩn bị của học sinh:

- Ôn tập kiến thức đã học.

## III/ TIẾN HÀNH KIỂM TRA

### Bài 53: THAM QUAN THIÊN NHIÊN

## I/ MỤC TIÊU

### 1. Kiến thức:

- Tìm hiểu đặc điểm môi trường từng nơi tham quan.
- Tìm hiểu thành phần và đặc điểm thực vật có trong môi trường, nêu lên mối quan hệ giữa thực vật với môi trường.

### 2. Năng lực

Phát triển các năng lực chung và năng lực chuyên biệt

Năng lực chung	Năng lực chuyên biệt
<ul style="list-style-type: none"> <li>- Năng lực phát hiện vấn đề</li> <li>- Năng lực giao tiếp</li> <li>- Năng lực hợp tác</li> <li>- Năng lực tự học</li> <li>- Năng lực sử dụng CNTT và TT</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Năng lực kiến thức sinh học</li> <li>- Năng lực thực nghiệm</li> <li>- Năng lực nghiên cứu khoa học</li> </ul>

### 3. Về phẩm chất

Giúp học sinh rèn luyện bản thân phát triển các phẩm chất tốt đẹp: yêu nước, nhân ái, chăm chỉ, trung thực, trách nhiệm.

## II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

### 1. Giáo viên:



- Giáo án, SGK, Tranh vẽ như SGK, tiêu bản mẫu vật, tranh ảnh.

## 2. Học sinh

- Vở ghi, SGK, Nêu và giải quyết vấn đề kết hợp hình vẽ và làm việc với SGK.

## III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

1. **Ổn định lớp:** Năm sĩ số học sinh

2. **Kiểm tra bài cũ:**

3. **Bài mới :** THAM QUAN THIÊN NHIÊN

### HOẠT ĐỘNG 1: Xác định vấn đề/Nhiệm vụ học tập/Mở đầu (5')

**a. Mục tiêu:** HS biết được các nội dung cơ bản của bài học cần đạt được, tạo tâm thế cho học sinh đi vào tìm hiểu bài mới.

**b. Nội dung:** Giáo viên giới thiệu thông tin liên quan đến bài học.

**c. Sản phẩm:** Học sinh lắng nghe định hướng nội dung học tập.

**d. Tổ chức thực hiện:** Giáo viên tổ chức, học sinh thực hiện, lắng nghe phát triển năng lực quan sát, năng lực giao tiếp.

Chúng ta đã quan sát nghiên cứu các cơ quan: thân, rễ, lá, hoa, quả, hạt của thực vật có hoa. Quan sát nghiên cứu các nhóm thực vật từ đơn giản đến phức tạp, nhưng chúng ta chưa quan sát chúng trong thiên nhiên, chưa biết chúng phân bố như thế nào và thích nghi ra sao trong các điều kiện sống cụ thể. Buổi tham quan thiên nhiên hôm nay giúp các em củng cố và mở rộng kiến thức về tính đa dạng và thích nghi của thực vật trong điều kiện sống cụ thể của môi trường.

### HOẠT ĐỘNG 2: Hình thành kiến thức

**a) Mục tiêu:** đặc điểm môi trường từng nơi tham quan.

- Tìm hiểu thành phần và đặc điểm thực vật có trong môi trường, nêu lên mối quan hệ giữa thực vật với môi trường.

**b) Nội dung:** HS căn cứ trên các kiến thức đã biết, làm việc với sách giáo khoa, hoạt động cá nhân, nhóm hoàn thành yêu cầu học tập.

**c) Sản phẩm:** Trình bày được kiến thức theo yêu cầu của GV.

**d) Tổ chức thực hiện:** Hoạt động cá nhân, hoạt động nhóm, dạy học nêu và giải quyết vấn đề; phương pháp thuyết trình; sử dụng đồ dung trực quan

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS	
<p>- GV phân công nhóm trưởng, dặn dò nhóm làm việc dưới sự điều khiển của nhóm trưởng.</p> <p>- GV nêu yêu cầu của hoạt động là làm việc theo nhóm, thực hiện nội dung sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Quan sát hình thái của thực vật, nhận xét đặc điểm thích nghi của thực vật.</li> <li>+ Nhận dạng thực vật, xếp chúng vào nhóm.</li> <li>+ Thu thập mẫu vật.</li> </ul>	<p>- Nhóm trưởng kiểm tra sự chuẩn bị của nhóm mình, điểm danh nhóm và báo lên GV nếu có bạn vắng mặt.</p> <p>- Các nhóm lắng nghe và thực hiện hoạt động theo nhóm dưới sự điều khiển của nhóm trưởng.</p>	<p><b>1. Quan sát ngoài thiên nhiên.</b></p> <p>- Quan sát thu thập mẫu về:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Tên cây.</li> <li>+ Nơi mọc.</li> <li>+ Môi trường sống.</li> <li>+ Đặc điểm hình thái</li> </ul>

<p>Cụ thể như sau:</p> <p>a. Quan sát hình thái một số thực vật:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Quan sát rễ, thân, lá, hoa, quả, hạt.</li> <li>+ Quan sát hình thái của các cây sống ở các môi trường: cạn, nước,... tìm đặc điểm thích nghi.</li> <li>+ Lấy mẫu cho vào túi nilon và buộc nhãn cây để tránh nhầm lẫn.</li> </ul> <p>b. Nhận dạng thực vật và xếp chúng vào nhóm:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Xác định tên một số cây quen thuộc</li> <li>- Vị trí phân loại: Tới lớp đối với thực vật Hạt kín; tới ngành đối với Rêu, Tảo, Dương xỉ, Hạt trần.</li> </ul> <p>c. Ghi chép:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Ghi chép ngay những điều quan sát được.</li> <li>- Thống kê vào bảng kê sẵn</li> </ul> <p>Ví dụ: Cây rêu, mọc thành từng đám ở nơi ẩm ướt. Những nơi khô ráo như những mô đất cao, bờ tường có ánh sáng ... rêu thường chết. Quan sát kĩ đám rêu, có thể thấy trên ngọn rêu có cuống mọc dài ra, phía đầu phình to, đó là túi bào tử - cơ quan sinh sản của rêu. Quan sát 1 cây rêu, phía dưới có rễ giả, thân nhỏ, mềm, yếu.</p> <p>Rêu thuộc ngành Rêu trong nhóm thực vật bậc cao.</p> <p>Lấy mẫu đám rêu cho vào túi nilon, buộc nhãn cây vào túi.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- <b>GDMT:</b> Bảo vệ sự đa dạng của thực vật trong thiên nhiên. Thế giới thực vật muôn hình muôn vẻ, đem lại vẻ đẹp tự nhiên cho cuộc sống.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Quan sát cây lúa dại và cây hoa hồng về đặc điểm</li> <li>+ Rễ, thân, lá ...</li> <li>+ Môi trường sống ở nước, trên cạn.</li> </ul>	<p>(Thân, rễ, lá, hoa, quả)</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Thuộc (ngành, nhóm) thực vật.</li> <li>- So sánh các ngành, các nhóm với nhau, và với các ngành các nhóm khác.</li> </ul>
<ul style="list-style-type: none"> <li>- GV đưa ra 3 nội dung để các nhóm phân công thực hiện 1 trong 3 nội dung đó:</li> </ul> <ul style="list-style-type: none"> <li>* Quan sát biến dạng của rễ, thân, lá.</li> <li>* Quan sát mối quan hệ giữa thực vật với thực vật, thực vật với động vật</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Các nhóm lắng nghe, trao đổi để lựa chọn nội dung quan sát cho nhóm.</li> <li>* HS quan sát biến dạng của rễ, thân, lá và đối chiếu với kiến thức đã học.</li> <li>* Ví dụ: Mối quan hệ giữa thực vật với thực vật, thực vật với động vật</li> </ul>	<p><b>2: Quan sát nội dung tự chọn.</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Quan sát biến dạng của rễ, thân, lá.</li> <li>- Tìm hiểu mối quan hệ giữa thực vật với thực vật, thực</li> </ul>

<p>* Nhận xét sự phân bố của thực vật trong khu vực tham quan.</p> <p>- Nếu các nhóm HS khó lựa chọn nội dung, GV sẽ phân công các nhóm một nội dung quan sát</p> <p>- <b>GDMT:</b> Vai trò to lớn của thực vật đối với động vật và con người → Vai trò duy trì sự sống. Cần có biện pháp bảo vệ và phát triển giới thực vật.</p>	<p>+ Hiện tượng cây mọc trên cây: rêu, lưỡi mèo tai chuột...</p> <p>+ Hiện tượng cây bóp cổ: cây si, đa, đề ... mọc trên cây gỗ to.</p> <p>+ Quan sát thực vật sống kí sinh: tầm gửi, dây tơ hồng, ...</p> <p>+ Quan sát hoa thụ phấn nhờ sâu bọ</p> <p>* HS nhận xét sự phân bố của thực vật trong khu vực tham quan.</p> <p>- Các nhóm rút ra nhận xét mối quan hệ thực vật với thực vật và thực vật với động vật, thực vật với con người.</p>	<p>vật với động vật.</p>
<p>- GV tập trung lớp.</p> <p>- GV đề nghị các nhóm báo cáo kết quả quan sát được, các nhóm khác nhận xét và bổ sung</p> <p>- GV giải đáp các thắc mắc của HS</p> <p>- GV nhận xét, đánh giá hoạt động các nhóm -&gt; tuyên dương nhóm tích cực</p> <p>- GV yêu cầu HS viết báo cáo thu hoạch theo mẫu SGK</p> <p>- <b>GDMT:</b> Giáo dục ý thức bảo vệ thiên nhiên, cải tạo môi trường ở địa phương sinh sống.</p>	<p>- Các nhóm tập trung</p> <p>- Các nhóm lần lượt báo cáo kết quả hoạt động, nhóm khác nhận xét.</p> <p>- Các nhóm rút kinh nghiệm học tập.</p> <p>- Nhóm thảo luận, hoàn thành báo cáo.</p>	<p><b>3. Thảo luận toàn lớp.</b></p> <p>- Các nhóm báo cáo kết quả.</p>

## TIẾT 2

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS	
<p>- GV phân công nhóm trưởng, dặn dò nhóm làm việc dưới sự điều khiển của nhóm trưởng.</p> <p>- GV cho học sinh chọn địa điểm quan sát trong khu vực và ghi chép lại những gì quan sát theo nội dung yêu cầu.</p>	<p>- Nhóm trưởng các nhóm chuẩn bị cho công việc tham quan: Cử người ghi chép, quan sát, thu thập thông tin.</p> <p>- Các nhóm chọn khu vực quan sát. Và quan sát, ghi chép theo 3 nội dung sau:</p> <p>+ Quan sát biến dạng của rễ, thân, lá.</p>	<p><b>1. Quan sát các nội dung tự chọn theo định hướng của giáo viên.</b></p>

<p>- Phân công từng nội dung quan sát cho các nhóm.</p> <p>- Sau thời gian quan sát, Gv tập trung HS lại. Yêu cầu các nhóm báo cáo kết quả quan sát, giải đáp những thắc mắc của các nhóm.</p> <p>- Yêu cầu nhóm khác nhận xét, bổ xung (nếu có).</p> <p>- GV nhận xét báo cáo các nhóm.</p> <p>- <b>GDMT:</b> Bảo vệ sự đa dạng của thực vật trong thiên nhiên. Chúng có mối quan hệ mật thiết với giới động vật và con người.</p>	<p>+ QS mối quan hệ giữa TV – ĐV.</p> <p>+ Nhận xét sự phân bố của TV trong KV tham quan.</p> <p>- HS quan sát và ghi chép theo nội dung của nhóm.</p> <p><u>VD:</u> Học sinh ghi nhận mối quan hệ giữa thực vật với thực vật, thực vật với động vật</p> <p>+ Hiện tượng cây mọc trên cây: rêu, lười mèo tai chuột...</p> <p>+ Hiện tượng cây bóp cổ: cây si, đa, đề ... mọc trên cây gỗ to.</p> <p>+ Quan sát thực vật sống kí sinh: tầm gửi, dây tơ hồng, ...</p> <p>+ Quan sát hoa thụ phấn nhờ sâu bọ</p> <p>→ Rút ra kết luận về MQH giữa TV-ĐV.</p> <p>- HS trình bày báo cáo của nhóm (nêu thắc mắc nếu có).</p> <p>- Nhóm khác nhận xét, bổ xung (nếu có).</p> <p>- HS nghe!</p>	<p>2. Tổng kết buổi san sát thiên nhiên.</p>
---	--	--

### **TIẾT 3**

<b>Hoạt động của GV</b>	<b>Hoạt động của HS</b>	
<p>- GV phân công nhóm trưởng, dặn dò nhóm làm việc dưới sự điều khiển của nhóm trưởng.</p> <p>- Y/c học sinh phân loại các mẫu đã quan sát trước đó, kết hợp với kiến thức đã học về phân biệt các loại rễ, thân, lá, hoa, quả. Hình thái của cây sống ở những môi trường khác nhau như: trên</p>	<p>- Nhóm trưởng phân công nhiệm vụ các thành viên trong nhóm theo nội dung quan sát.</p> <p>- Các nhóm tiến hành quan sát, phân loại theo kiến thức đã học.</p>	<p>1. Quan sát các nội dung tự chọn theo định hướng của giáo viên.</p> <p>Tiến hành phân loại chúng.</p>

<p>cạn, dưới nước, sa mạc...</p> <p>+ Thân: Có những loại thân nào? Cho ví dụ?</p> <p>+ Rễ: ví dụ các cây: Xoài, ngô, lúa, ổi, mía, đu đủ, mồng tơi.... * Thế nào là rễ cọc, rễ chùm? Phân biệt các loại rễ của các cây trên.</p> <p>- Phân biệt hình dạng ngoài của lá? VD?</p> <p>- Hoa: Hoa gồm những bộ phận chính nào? Ví dụ?</p> <p>- Quả: Có mấy loại quả, chúng chia thành mấy nhóm? VD?</p> <p>- Nhận xét về hình thái của thực vật khi chúng sống trong các môi trường khác nhau: trên cạn, nước, sa mạc.</p> <p>- Gv: Hãy xếp chúng vào nhóm thực vật hạt trần hoặc Tv hạt kín?</p> <p>- HS nhớ lại kiến thức phân loại thực vật từ cao đến thấp.</p>	<p>+ Thân gồm các loại: Thân đứng (gỗ, cột, cỏ); thân leo; thân bò. VD: Cây bạch đàn, cây dứa, rau má ...</p> <p>+ Rễ: HS phân biệt rễ cọc, rễ chùm. o Rễ cọc: Xoài, ổi, đu đủ, mồng tơi. o Rễ chùm: Ngô, lúa, mía</p> <p>- Lá: + Hình dạng ngoài của lá: Phiến lá, gân lá, lá đơn lá kép! VD: Lá mía, lá bình bát, lá xoài, rau muống, sen, lục bình, ....</p> <p>- Hoa: Gồm đài, tràng, nhị, nhụy. VD: Hoa hồng, hoa loa kèn, hoa phượng, hoa bàng lẵng...</p> <p>- Quả: có 2 loại. + Quả khô: Quả khô nẻ và khô không nẻ. VD: quả chò, thì là, dứa... + Quả thịt: quả mọng và quả hạch. VD: Cà chua, xoài ...</p> <p>- Mỗi loài sống trong môi trường nhất định sẽ thích nghi tốt với môi trường đó để tồn tại và phát triển. + Xương rồng: Thích nghi môi trường khô hạn: sa mạc. + Lục bình, sen, súng, rau nhút: môi trường nước: Thân nhẹ, xốp, có phao để nổi trên mặt nước.</p> <p>- HS: xếp vào thành từng nhóm hạt trần hoặc hạt kín.</p>	
--	--	--

- GV nhận xét, kết luận.	- HS: Ngành – lớp – bộ - họ - chi – loài. - HS nghe!	
--------------------------	---	--

### HOẠT ĐỘNG 3: Hoạt động luyện tập (10')

- a. Mục tiêu:** Củng cố, luyện tập kiến thức vừa học.
- b. Nội dung:** Dạy học trên lớp, hoạt động nhóm, hoạt động cá nhân.
- c. Sản phẩm:** Bài làm của học sinh, kỹ năng giải quyết nhiệm vụ học tập.
- d. Tổ chức thực hiện:** Tổ chức theo phương pháp: đặt và giải quyết vấn đề, học sinh hợp tác, vận dụng kiến thức hoàn thành nhiệm vụ.

**\* Thực hành – luyện tập:**

- Nhận xét tinh thần học tập của nhóm.
- Hoàn thiện báo cáo tham quan thiên nhiên.
- Các nhóm tiếp tục ép các mẫu còn lại chưa hoàn thành.

### HOẠT ĐỘNG 4: Hoạt động vận dụng (8')

- a. Mục tiêu:** Vận dụng các kiến thức vừa học quyết các vấn đề học tập và thực tiễn.
- b. Nội dung:** Dạy học trên lớp, hoạt động nhóm, hoạt động cá nhân.
- c. Sản phẩm:** HS vận dụng các kiến thức vào giải quyết các nhiệm vụ đặt ra.
- d. Tổ chức thực hiện:** GV sử dụng phương pháp vấn đáp tìm tòi, tổ chức cho học sinh tìm tòi, mở rộng các kiến thức liên quan.

**\* Vận dụng.**

- Ứng dụng kiến thức trong sách giáo khoa và từ quan sát thực tế làm mẫu rễ, thân, lá cây khô.

**4. Dặn dò:**

- Trình bày các mẫu ép khô dễ nhìn, dễ hiểu, đúng khoa học.
- Tập quan sát thu thập những mẫu cây ở địa phương nơi sinh sống.